

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

(THE INNER LIFE)

C. W. LEADBEATER

ĐỜI SỐNG NỘI TÂM *(THE INNER LIFE)*

QUYỂN I

Dịch Giả

TÂM THANH
CHI BỘ PHỤNG SỰ CHÂN LÝ
HỘI THÔNG THIÊN HỌC HOA KỲ

2022

MỤC LỤC

LỜI TRI ÂN	9
LỜI TỰA CHO PHIÊN BẢN TẠI ẤN ĐỘ	11
LỜI MỞ ĐẦU	13

CHƯƠNG I *CÁC ĐẢNG CAO CẢ VÀ CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HỌ*

Các Đảng Cao Cả	17
Công Việc Của Đức CHRIST	38
Công Việc Của Chân Sư	41
Chân Sư Và Đệ Tử	46
Con Đường Tiến Hóa	70
Những Bí Mật Cổ Xưa	105

CHƯƠNG II *TÔN GIÁO*

Thượng Đế	129
Phật Giáo	135
Thiên Chúa Giáo	157
Tội Ác (SIN)	165
Đức Giáo Hoàng	167
Nghi Lễ	169
Lời Cầu Nguyện	171
Ác Quỷ	174
Đạo HINDU (Bà-La-Môn)	178
Giai Cấp	183

Tâm Linh Học	185
Ký Hiệu Học	189
Lửa	197

CHƯƠNG III

THÁI ĐỘ CỦA NHÀ THÔNG THIÊN HỌC

Thái Độ Thực Tế	199
Tình Huynh Đệ	200
Phụng Sự Thế Giới	214
Sự Chi Trích	216
Thành Kiến	220
Tò Mò	227
Tự Biết Mình	230
Khổ Hạnh	240
Lo Lắng Nhỏ	248
Cơn Giận Dữ	250
Diệt Dục	259
Trung Tâm Vòng Tròn Của Tôi	261
Trách Nhiệm Của Chúng Ta Đối Với Loài Thú	268
Sự Thông Cảm	273
Thái Độ Của Chúng Ta Đối Với Trẻ Con	275
Sợ Chết	276
Sự Cộng Tác	278
Một Ngày Trong Cuộc Sống	280
Thiền	283

CHƯƠNG IV

CÁC CỖ CAO

Niết Bàn	297
Tam Nguyên Tinh Thần	302
Tâm Thức Bồ Đề	307

Kinh Nghiệm	308
Các Cõi	309

CHƯƠNG V

CHÂN NGÃ (EGO) VÀ CÁC DẤN THỂ

Chân Ngã Và Phàm Ngã	325
Các Đối Phần	342
Màu Sắc Của Thể Vía	350
Nhân Thể	351
Tinh Linh Cảm Dục	352
Những Linh Hồn Bị Đánh Mất	359
Trọng Tâm Của Ý Thức	386
Những Trung Tâm Lực	388
Luồng Hỏa Xà	403
Ám Ảnh Và Điên Loạn	418
Giác Ngủ	426
Mộng Du	430
Thể Xác	431
Thuốc Lá Và Rượu	434

Lời Tri Ân

Tâm Thanh xin thành tâm cảm ơn Thầy Tô Văn Hiệp và các anh chị em trong ban dịch thuật của chi bộ Phụng Sự Chân Lý đã hết lòng giúp đỡ trong công việc chuyển ngữ cũng như ấn tống quyển sách này. Mong rằng nó sẽ giúp độc giả giải nghi được một số vấn đề về con người và vũ trụ và sớm tiến đến đền Minh Triết Thiên Lương.

Ngày 10 tháng 9, 2022
(A.L. Rằm tháng 8, Nhâm Dần)

LỜI TỰA

CHO PHIÊN BẢN TẠI ẤN ĐỘ

Những bài thuyết trình vào buổi tối tại trụ sở của Hội Thông Thiên Học tại Adyar đã trở thành một hoạt động khá mạnh mẽ. Qua những cuộc khảo cứu mới gần đây, có rất nhiều thông tin và kiến thức từ những câu hỏi được đặt ra bởi các hội viên đã được trình bày trong nhóm cùng nhau học hỏi thân thiết này. Vị Phó Hội trưởng, Ngài S. Subramania Iyer, nhận thấy các bài thuyết trình này rất bổ ích và đã giải đáp được những thắc mắc của ông nên ông phát tâm muốn chia sẻ những kiến thức quý báu này với anh chị em toàn cầu bằng cách tài trợ in tặng các loạt bài này. Tôi cũng đồng ý với ông về quan điểm giá trị của các loạt bài trên nên tôi xin giới thiệu bộ sách này cùng những bộ kế tiếp đến các hội viên để nghiên cứu và suy ngẫm. Bộ thứ nhì (quyển 2) đã hoàn thành, nhưng ngày xuất bản sẽ tùy thuộc vào sự đón nhận của bộ sách đầu tiên.

ANNIE BESANT

LỜI MỞ ĐẦU

Tôi hy vọng có thể giúp các bạn độc giả bên Mỹ hiểu được về môi trường và hoàn cảnh xuất bản ra cuốn sách này. Hội Thông Thiên Học Hoa Kỳ thật sự chưa nắm được toàn diện việc làm của trụ sở bên Ấn độ, và cho dù đối với bạn, nó có nằm ở bên kia mặt trái đất thì tôi cũng muốn giúp bạn hình dung được nó. Độc giả của nhật báo “*Sứ Giả*” ít nhất cũng nên có khái niệm về nơi chốn và đời sống bên đó - một đời sống rất dài, vất vả, dưới những điều kiện khác thường. Không một nơi nào trên thế giới hiện nay có một trung tâm lực đặc biệt như vậy - một trung tâm lúc nào cũng được các Bậc Cao Cả tới lui thăm viếng và thăm nhuần từ trường của các Ngài. Các rung động ở đây thật là kỳ diệu, và tất cả những người chúng tôi sống ở đây đều cảm nhận một sự căng thẳng kỳ lạ, một sự căng thẳng có chiều hướng kích thích những bản chất sẵn có trong ta phát triển. Những rung động mạnh từ các cõi trên đều ảnh hưởng lên các dẫn thể của chúng ta, và những bản chất trong chúng ta có thể đáp ứng được với những rung động đó sẽ được tăng trưởng, nâng cao và thanh lọc.

Nhưng ta phải nhớ còn có một mặt khác. Trong mỗi người chúng ta cũng có những bản chất không thể hòa hợp được, và như vậy thì sự tăng trưởng vẫn xảy ra, nhưng kết quả thì lại rất xấu thay vì tốt. Được sống ở Adyar là một cơ hội tuyệt vời cho những ai có điều kiện thuận lợi đó, nhưng đối với những người có bản chất không hòa đồng với những rung động đó thì có thể là một hiểm nguy thay vì lợi ích. Nếu người học sinh có thể chịu đựng được sự căng thẳng này y sẽ tiến bộ rất nhanh, bằng ngược lại nếu y không chịu nổi tốt nhất y hãy tránh ra xa.

Những người nhân công ở đây phần đông đều sống trong tòa nhà chính, trong phạm vi hào quang của phòng thờ phụng và vị Hội Trưởng. Còn các môn sinh thì đều sống trong các căn nhà rải rác chung quanh cách đó nửa dặm, nhưng vẫn thuộc về khu tài sản đất đai lớn lao của Hội. Hàng ngày, mỗi môn sinh đều tự làm việc theo chủ ý của mình, nhưng vào buổi chiều, chúng tôi đều hội họp trên sân thượng của toà nhà chính trước phòng làm việc của Vị Hội Trưởng, nơi cư ngụ cũ của Bà Blavatsky, và nơi đó, dưới bầu trời đêm kỳ diệu của Ấn độ, chúng tôi ngồi và nghe bà giảng dạy. Trong suốt mùa hè vừa qua, khi bà phải đi du thuyết tại Mỹ, tôi được bổ nhiệm thay bà dạy dỗ các học viên ở đây. Trong thời gian đó, tôi đã đưa ra rất nhiều bài phát biểu thân mật và trả lời hàng trăm câu hỏi. Tất cả những gì tôi nói được ghi lại bằng tốc ký và cuốn sách này là tổng hợp

của những ghi chép đó. Trong vài trường hợp có những bài phát biểu trong buổi họp trên sân thượng được mở rộng thành một bài viết cho tờ báo “*Nhà Thông Thiên Học*” hay “*Bản Thông Tin Adyar.*” Trong những trường hợp như vậy tôi tự soạn lại bài viết thay vì dùng bản tốc ký vì tôi có cơ hội sửa chữa và thêm thắt vào. Dĩ nhiên một cuốn sách như vậy tự nhiên có vẻ hơi rời rạc và có những chỗ bị lặp đi lặp lại. Tuy nhiên, sự kiện sau đã được cắt bớt khi cho phép. Có nhiều chủ đề đã được bàn đến trong những cuốn sách cũ của tôi, nhưng những bài viết ở đây là những khám phá mới liên quan đến những chủ đề đó. Chúng đã được phân loại tỉ mỉ và cuốn sách này là bộ đầu tiên có năm phần. Bộ thứ nhì có chín phần, hiện đang nằm trong tay nhà ấn bản. Mục lục của các chủ đề bàn thảo sẽ nằm ở đầu bộ sách này.

C. W. LEADBEATER
Adyar, tháng 7, 1910.

CHƯƠNG I

CÁC ĐẲNG CAO CẢ VÀ CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN HỌ

CÁC ĐẲNG CAO CẢ

MÔN SINH HUYỀN BÍ HỌC - Ngay cả những môn sinh Huyền Bí Học lâu năm đôi lúc cũng chưa ý thức được con người thật của các vị Chân Sư. Tôi từng biết có nhiều người nghĩ về họ như các vị Thiên Sứ hay Thần Thánh, hay ít nhất Họ đã vượt quá xa khỏi hàng ngũ của chúng ta để ta không còn dám trông mong gì ở nơi Họ. Thành tích vĩ đại của Họ thật không cần phải bàn cãi, và nhìn từ góc độ này, khoảng cách giữa Họ và chúng ta gần như xa vời vợi. Tuy nhiên, ở một góc độ khác, Họ lại rất thân thiện với chúng ta nên sự đồng cảm và giúp đỡ của họ lại là một cái gì rất gần gũi và thiết thực. Vậy để cho sự việc này minh bạch hơn, trước nhất chúng ta hãy thử định nghĩa danh từ Chân Sư cho thật chính xác.

Danh từ này lúc nào cũng hàm ý Ngài là một thành viên của Quần Tiên Hội, một thành viên ở giai đoạn có thể thu nhận đồ đệ. Hiện nay, Quần Tiên Hội là một hội độc nhất vô nhị trên thế giới, và vì lý do này mà Hội bị nhiều sự hiểu lầm. Hội từng được miêu tả là một Hội Tu Sĩ Hy Mã Lạp Sơn hoặc Hội Tu Sĩ Tây Tạng, và danh hiệu này dường như ám chỉ một bang hội với nhiều vị tu sĩ Ấn độ cùng nhau tu khổ hạnh trong một tu viện hẻo lánh trên núi. Việc mô tả này cũng có thể liên quan đến sự kiện hai vị Chân Sư sáng lập ra Hội Thông Thiên Học hiện đang cư ngụ tại Tây Tạng và đang dùng hình hài người Ấn độ. Để hiểu rõ sự thật về vấn đề này, chúng ta tốt hơn hãy nhìn nó ở một khía cạnh khác.

Phân đông các môn sinh Huyền Bí Học rất quen thuộc với quan niệm Tứ Thánh Đạo (4 lần điểm đạo), và họ hiểu rằng một khi con người đã vượt qua chặng đường này để đạt đến quả vị Chân Tiên là Y đã hoàn tất quá trình tiến hoá được định sẵn trong dãy chu kỳ này và đã được giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi ở hành tinh này hay ở bất cứ hành tinh nào khác. Sau đó, trước mặt Y sẽ trải bảy con đường tiến hóa mà Y phải chọn một. Phân đông con đường sẽ dẫn Y rời xa khỏi trái đất này vào vùng hoạt động bao la có thể liên quan đến cả một Thái dương hệ, do đó phân đông các thành viên của nhân loại sau khi đã đạt đến trình độ này thì hoạt động của Họ sẽ vượt khỏi tầm hiểu biết của chúng ta.

Một phần nhỏ các Vị chọn ở lại để giúp chúng ta có thể được chia thành 2 nhóm: nhóm còn giữ thể xác và nhóm không giữ. Nhóm sau thường được đề cập dưới danh hiệu Ứng thân (Nirmanakayas). Họ giữ mình ở trạng thái giữa cõi Trần và cõi Niết bàn và Họ dành hết thời gian và năng lượng của Họ vào việc phát sinh các năng lượng tinh thần để phù trợ thế gian. Năng lượng từ các Vị này được dự trữ vào trong một kho chứa lớn mà từ đó, các vị Chân Sư và đệ tử có thể rút ra để sử dụng vào các công việc trợ giúp nhân loại của Họ. Vị Ứng Thân nhiều khi cũng được gọi là “*ứng cử viên cho sự đau khổ*” vì Ngài vẫn còn giữ liên lạc với các cõi thấp hơn, nhưng danh hiệu này rất là lầm lạc. Thực ý của nó là Ngài không làm những công việc vui sướng ở các cõi cao hơn như cõi Niết Bàn mà chấp nhận ở lại những cõi thấp hơn hầu dễ bề giúp đỡ những người đang chịu đau khổ. Quả thật khi ta đi từ các cõi cao xuống cõi Trần thì chẳng khác nào như ta đi từ ánh sáng tươi mát và huy hoàng của buổi ban mai vào trong một địa ngục tối tăm và hôi hám, nhưng người làm việc này để giúp đỡ các sinh linh trong ngục tối vốn không hề có cảm giác đau khổ hoặc khó chịu mà họ chỉ cảm nhận được niềm vui khi phụng sự cho dù nơi đó có tù túng và chật chội đến cỡ nào. Thật vậy, khi một người từ chối một cơ hội giúp đời thì sau này họ sẽ cảm thấy đau khổ nhiều hơn do sự hối hận nảy sinh. Khi chúng ta đã nhìn thấy được cảnh khổ sở về mặt tinh thần của

thế gian và hoàn cảnh của những người cần được giúp đỡ, ta khó giữ được thái độ dửng dưng hay vô tình như những ai chưa từng có kinh nghiệm này.

May thay cho chúng ta, những người đã từng thấy và ý thức được việc này lúc nào cũng có sẵn một phương pháp hữu hiệu để giúp đỡ. Tuy rằng nỗ lực của chúng ta chỉ là cực nhỏ so với thần lực tuôn ra từ các Vị Ứng Thân, nhưng ta vẫn có thể đóng góp một phần nhỏ nhoi của ta như giọt nước đổ vào đại dương vào kho chứa năng lượng của các Ngài. Khi ta đưa ra một tình thương hay một lòng sùng tín, nó phát sinh ra hai kết quả: một năng lực đưa đến đối tượng của cảm xúc đó và một trở lại với chính ta, chủ thể của cảm xúc. Nếu cảm xúc đó hoàn toàn vị tha, nó còn phát sinh ra một kết quả thứ ba. Tình thương hay lòng sùng tín bình thường, dù thuộc loại lý tưởng cao, đều đi theo một đường cong khép kín. Dù đường cong này có chu vi rộng đến đâu, nó vẫn đem kết quả của năng lực đó về cho khổ chủ. Nhưng nếu cảm xúc hoặc lòng sùng tín đó xuất phát từ một con người thật sự không còn lòng ích kỷ thì năng lượng của cảm xúc này sẽ đi theo một đường cong rộng mở, tuy một phần kết quả rồi cuối cùng cũng sẽ tác động lên khổ chủ, nhưng phần lớn và cao thượng nhất của nó sẽ hướng thượng chạm đến Thượng Đế và sự hồi đáp từ Ngài như một mãnh lực tự nhiên tuôn xuống cõi trần, ban Phước lành cho nhân loại, và nó sẽ được dự trữ trong kho năng lượng của thế giới. Đây là một

phương pháp tuyệt vời mà mỗi người chúng ta đều có thể thực hành để giúp đỡ thế gian cho dù ta là người nghèo nhất hay yếu đuối nhất. Nó cũng là lý do ẩn tàng đằng sau sự khuyến khích các con chiên làm việc quên mình trong Thiên Chúa giáo.

Một thiểu số các vị Chân Sư còn lại chọn giữ thể xác hầu để gần gũi chúng ta hơn, để đảm nhận những chức vụ và để làm những công việc cần thiết cho sự tiến hoá của chúng ta. Họ được mệnh danh là Quân Tiên Hội hay Thiên Đoàn Huyền Bí. Họ là thiểu số các con người rất tiến hoá, không phụ thuộc vào một tổ quốc nào mà thuộc về cả toàn thế giới. Họ không ở gần nhau ở cõi trần, nhưng Họ lúc nào cũng giữ liên lạc với nhau ở các cõi cao hơn. Vì Họ đã giải thoát luân hồi nên khi thân xác hao mòn Họ có quyền chọn lựa một thân xác mới ở một nơi nào thích hợp với nhu cầu làm việc của Họ. Vì thế, ta không cần phải quan trọng hoá quốc tịch thể xác của Họ. Hiện giờ, có một vài vị đang dùng thể xác người Ấn độ, một vị người Tây Tạng, một vị người Trung Hoa, ít nhất khoảng hai vị người Anh, một vị gốc Ý, một vị gốc Hung Gia Lợi, một vị gốc Syria, và một vị từ hải đảo Cyprus. Như tôi đã nói, quốc tịch các thể xác này vốn không quan trọng, nhưng tôi nhắc đến để chứng minh rằng chúng ta sẽ làm to khi nghĩ rằng Quân Tiên Hội vốn chỉ thuộc về một giống dân duy nhất.

Lòng tôn kính ngăn trở chúng tôi không dám nói nhiều về Người lãnh đạo Quân Tiên Hội, Người nắm

trộn vận mệnh của các đại lực trong tay, và Người mà nhân danh Ngài các cuộc Diễm Đạo được diễn ra. Ngài là một trong những số nhỏ còn lại của các Vị Hỏa Đức Tinh Quân (Lords of the Flame) còn lại trên trái đất này, những *Người Con của Hỏa Sương (Children of the Fire-mist)*, những Đấng Cao Cả đến từ Kim Tinh Hệ gần 18 triệu năm trước để giúp đỡ và dẫn dắt loài người tiến hoá trong dãy Địa Cầu. Những Bậc Vĩ Đại này không dùng thân xác của loài người vì lúc đó thể xác của chúng ta chưa đủ tiến hoá, mà Họ phải tự tạo cho họ những thể, một loại hình thể trường tồn, giống theo hình dạng của loài người do sức mạnh của Ý chí. Lúc đó, và cũng rất lâu sau đó, không có một thành viên nào thuộc hàng ngũ nhân loại có đủ khả năng tiếp nhận các chức vị cao cấp trong Thiên Đoàn, do đó chúng ta phải nhờ đến sự giúp đỡ từ bên ngoài. Dần dần, khi nhân loại đã bắt đầu phát triển và có thể tự trị thì các vị Hỏa Đức Tinh Quân đã được rảnh tay để họ có thể đi đến những nơi khác đang cần sự giúp đỡ để tiến hoá. Tuy nhiên vẫn còn một Vị ở lại nắm giữ địa vị cao quý nhất: Vị Ngọc Đế. Ngài hướng dẫn và điều khiển tất cả các công trình tiến hoá trên trái đất này, không chỉ của loài người, cầm thú, thảo mộc, kim thạch, và khoáng vật ở dưới, mà còn luôn cả các loài không thuộc hàng ngũ con người như các tinh linh thiên nhiên và hàng ngũ thiên thần, trong số đó có vài vị đã tiến hoá rất cao.

Dưới Ngài là nhiều Vị Chương Quản các Bộ khác nhau, mà đại cương trọng trách của mỗi Bộ còn dễ hiểu đối với chúng ta hơn là công việc của Ngài. Cho dù chi tiết các công việc đều vượt tầm hiểu biết của chúng ta, ta vẫn có thể có một chút khái niệm về trách nhiệm và sự hoạt động đa dạng của một vị Bàn Cổ của một giống dân chánh. Cũng vậy, ta có thể hình dung được trách nhiệm của Vị đứng đầu Tôn Giáo của thế giới- Người sáng lập hết tôn giáo này đến tôn giáo khác cho phù hợp với nhu cầu của từng giống dân trong từng giai đoạn lịch sử của loài người. Đôi khi, vị Bộ Trưởng này có thể cử một đại diện thay Ngài, hay đôi khi chính tự Ngài đầu thai để thực hiện mục đích đó, tùy theo ý của Ngài. Vị Đứng Đầu Các Tôn Giáo thường được gọi bên phương Đông là vị Bồ-Tát - người sắp thành Phật. Người từng giữ chức vị cao cả này trước đây là Đức Thích Ca Mâu Ni (Lord Gautama). Quả vị Phật không đơn giản chỉ là sự giác ngộ mà còn là việc đạt được cuộc điểm đạo to tát với một bước ngoặt lớn, vì người đã cất bước lên nấc thang này sẽ không bao giờ đầu thai lại trên Trái Đất nữa. Ngài sẽ trao lại công việc của Ngài cho người kế thừa và thông thường, Ngài sẽ cắt đứt mọi liên hệ với trái đất.

Tuy nhiên, Đức Thích Ca Mâu Ni vẫn còn giữ một chút liên hệ để Ngài tiếp tục hộ trì thế gian. Mỗi năm, Ngài hiện thân trước các vị Chân Sư trong Thiên Đoàn và ban phước lành cho Họ để Họ có thể

chuyển lại cho thế gian. Một vài vị biết cách liên lạc với Ngài. Bà Besant đã từng nhắc đến tiểu sử của Ngài trong một vài tác phẩm của Bà; việc Ngài đã từng đầu thai nhiều lần làm Giáo chủ của các giống dân phụ đầu tiên của giống dân Aryan, Ngài cũng từng là Hermes (người sáng lập ra Huyền Bí Giáo ở Ai-Cập), vị Zoroaster đầu tiên vĩ đại nhất (người sáng lập ra Hỏa giáo tôn thờ ánh lửa và mặt trời), và Orpheus (người sáng lập ra Huyền Bí Học ở Hy-Lạp). Dĩ nhiên, những ghi chép trên không phải là toàn bộ những kiếp đầu thai của Ngài, vì trong quá trình tìm hiểu về quá khứ chúng tôi đã khám phá ra rất nhiều tôn giáo khác do Ngài sáng lập.

Trong một vài bài viết trước đây của Hội Thông Thiên Học, có người ghi rằng Ngài đã từng đầu thai làm Đức Shankaracharya. Đây là một sự sai lầm, vì theo sự phân tích của các chuyên gia Huyền Bí Học, hai vị Đạo Sư này là từ hai dãy tiến hoá khác nhau. Tuy nhiên, nguyên nhân của việc ghi chép này được ghi lại ở đằng sau bài viết là vài dẫn thể đã được một Vị chuẩn bị cũng được sử dụng bởi Vị kia, như Bà Blavatsky đã từng giải thích trong cuốn *Giáo Lý Bí Truyền*, tập ba ^[1]

[1] Ghi chú: Đức Thích Ca thuộc hệ Địa Cầu, còn Đức Shankaracharya thuộc hệ Kim tinh, là một thành viên của các vị Hoả Đức Tinh Quân. Đức Thích Ca đã dùng thể vía được chuẩn bị bởi Đức Shankaracharya. Đây là trường hợp hai người dùng một dẫn thể, chứ không phải một người đầu thai hai kiếp - *Giáo Lý Bí Truyền*, vol. 3, p. 512.

Lòng sùng kính và tình thương sâu sắc dành riêng cho Đức Thích Ca Mâu Ni bên phương Đông xuất phát từ hai lý do. Thứ nhất, Ngài là người đầu tiên trong nhân loại của dãy Địa Cầu chúng ta đạt được đến cảnh giới cao siêu của quả vị Phật, nên Ngài có thể được miêu tả là một thành quả đầu tiên và Lãnh tụ của loài người. (Tất cả những vị Phật khác đều thuộc về dãy tiến hoá khác, nơi mà nhân loại đã trưởng thành sớm hơn dãy Địa Cầu của chúng ta). Thứ hai, vì muốn đẩy mạnh sự tiến hoá của nhân loại mà Ngài đã tự nhận thêm một số công việc vĩ đại với tầm vóc không thể nghĩ bàn. Trong sử đã ghi chép rằng khi thời gian đã điểm và nhân loại dãy Địa Cầu đã đến lúc phải tự quản trị, không một ai có đủ khả năng để tiếp nhận chức vị (Bồ-tát) quan trọng này. Lúc bấy giờ, chỉ có một vài thành viên của nhân loại vừa mới đạt được quả vị Chân tiên, và nổi bật nhất trong nhóm này là hai huynh đệ với trình độ tiến hoá ngang nhau. Hai vị này chính là Đức Thích Ca Mâu-Ni (Lord Gautama) và Đức Di-Lặc (Lord Maitreya), và vì tình thương vô bờ bến của Ngài đối với nhân loại, Đức Thích Ca Mâu-Ni đã tình nguyện làm thêm một số công việc cần thiết để đủ tư cách xứng đáng chức vị quan trọng đó, còn người Bạn Huynh đệ của Ngài cũng quyết định theo gót chân Ngài để tiếp nhận chức vị này sau mấy ngàn năm.

Thuở xa xưa Đức Mâu Ni từng là vị thống lãnh tôn giáo và giáo dục, nhưng hiện tại Ngài đã nhường

chức vị đó lại cho Đức Di-Lặc người mà phương Tây gọi là Đức Christ. Đấng Christ đã từng dùng qua thể xác của vị đệ tử Jesus vào 3 năm cuối đời tại thế và những người biết (Thiên cơ) có nói với chúng tôi rằng không bao lâu nữa Ngài sẽ giáng phàm để sáng lập một tôn giáo mới. Bất cứ ai có đầu óc linh hoạt sẽ nhận ra ngay được tầm quan trọng của sự thật vĩ đại này. Thật là không có gì vô ích hơn là khi một người tự chấp trong tâm họ rằng tôn giáo này khác với tôn giáo kia, rồi cố gắng thuyết phục đối phương thay đổi niềm tin từ đạo này sang đạo khác, hoặc hạ thấp giá trị của một tôn giáo và người sáng lập ra nó khi họ so sánh hai bên. Nực cười nhất là thái độ cuối cùng, vì hai người sáng lập ra hai tôn giáo đó có thể là đồng môn cùng một trường, hoặc là hai kiếp đầu thai của một người mà thôi, và như vậy giáo lý của Họ vẫn giống nhau mặc dù ở trong vài thời điểm Họ có thể chọn trình bày chỉ một góc độ nào đó của Chân lý cho phù hợp với nhu cầu của thánh giả mà Họ đang thuyết pháp. Giáo lý trên nguyên tắc lúc nào cũng giống nhau nhưng cách thức trình bày có thể thay đổi. Đức Di-Lặc cũng đã giáng phàm nhiều kiếp trước khi Ngài đảm nhận chức vị hiện nay, và ngay vào những buổi đầu tiên, Ngài lúc nào cũng thủ vai trò một vị đạo sư thay một vị tu sĩ thượng thừa.

Hiện nay ai cũng biết hai vị Chân Sư có liên hệ mật thiết đến việc sáng lập và hoạt động của Hội Thông Thiên Học đã nhận lãnh vai trò lãnh đạo về

hai mặt vật chất và tinh thần của giống dân chính thứ sáu, sẽ ra đời khoảng 700 năm nữa. Đức Bàn Cổ, vị lãnh đạo thuộc thế tục, là một vị quân chủ có quyền tuyệt đối về việc sắp đặt mọi thứ liên quan đến đời sống vật chất ở cõi Trần của giống dân chính thứ sáu, và Ngài sẽ cố gắng biểu lộ thật hoàn mỹ mô hình đã được vạch sẵn bởi Thượng Đế. Vị lãnh đạo tinh thần sẽ chịu trách nhiệm về các khía cạnh tôn giáo cũng như giáo dục của giống dân này và những mầm non của họ. Một trong những mục tiêu chính trong việc sáng lập Hội Thông Thiên Học là để tập hợp chung quanh các Ngài một nhóm cộng tác viên thông minh và tình nguyện phụ giúp Họ trong công việc vĩ đại này. Quanh các Ngài cũng sẽ có một nhóm khác tuy hiện giờ là đệ tử, nhưng trong tương lai sẽ là những vị đắc quả Chân Tiên vào thời điểm đó.

Vậy chúng ta hãy tự đặt cho mình một hoài bão được các Ngài chọn lựa để phụng sự trong công việc này. Ai cũng đều có cơ hội trở tài vì công trình này rất đa dạng và cần nhân tài về mọi phương diện. Vài người chắc chắn sẽ thiên về một bên, tùy theo lòng ái mộ của họ đối với một trong hai vị Lãnh tụ. Người ta thường nói đặc tính của một bên là uy quyền, còn một bên là tình thương và sự thông cảm, và đây hoàn toàn đúng với sự thật. Tuy nhiên, nếu ta thiếu chánh kiến ta có thể hiểu lầm. Một trong hai vị Lãnh tụ đã từng là người cai trị qua bao nhiêu kiếp đầu thai, và Ngài vẫn giữ vai trò này trong giai đoạn đầu của kiếp

này, cho nên không lạ gì khi ta nhìn thấy được quyền uy của bậc vương giả tuôn ra từ mỗi cử chỉ và trong ánh mắt của Ngài, cũng như khuôn mặt của vị huynh đệ Chân Tiên của Ngài lúc nào cũng tỏa ra tình thương vô bờ bến và sự thông cảm. Họ thuộc hai tia sáng hoặc hai cung khác nhau tự tiến lên địa vị hiện tại theo hai con đường tiến hoá khác nhau nên sự khác biệt này dĩ nhiên sẽ hiển hiện. Tuy nhiên, ta sẽ làm to nếu ta nghĩ rằng Vị thứ nhất thiếu tình thương và sự thông cảm hơn vị Huynh đệ của Ngài, hay Vị thứ hai thiếu quyền uy hơn vị thứ nhất. Còn có các vị Chân Sư khác cũng sẽ góp phần vào công việc này, và có thể một vài người chúng ta đã kết nối với một trong số các Ngài rồi.

Có thể nói cho dù tên của các vị Chân Sư rất quen thuộc đối với bạn, nhưng chắc bạn không thể hiểu rõ về Họ như chúng tôi là người từng có điểm phúc được gặp gỡ và làm việc thường xuyên với các Ngài. Tuy nhiên, bạn cũng nên cố gắng đọc sách và suy ngẫm nhiều hơn về Họ để tăng thêm sự hiểu biết, để Họ có thể thành trở thành con người thật sự thay vì chỉ là những thần tượng mơ hồ. Họ cũng là con người y hệt như chúng ta, mặc dù họ đã tiến hoá rất cao về mọi phương diện. Họ thật sự là con người, những con người không có tì vết, do đó đối với chúng ta Họ giống như là Thần Thánh vì quyền năng, tình thương và lòng thông cảm lúc nào cũng tỏa ra từ con người của Họ. Có một điều đáng được nhấn mạnh là,

tuy chúng ta tự nhiên sẽ nảy sinh lòng sùng kính khi ta cảm nhận được năng lượng siêu phàm của Họ, ta lại không bao giờ cảm thấy sợ sệt hay hổ thẹn trước mặt họ mà chỉ thấy tinh thần ta được nâng cao.

Con người khi đứng trước một trong những Bậc Vĩ Nhân này không thể nào mà không nảy sinh một lòng khiêm tốn sâu xa nhất vì sự khác biệt quá lớn giữa Chân Sư và họ. Tuy nhiên, trong sự khiêm cung, họ vẫn có lòng tự tin sẽ thành tựu được như Ngài vì Ngài cũng là từ con người chuyển phàm thành Thánh. Trong sự hiện diện của Ngài, tất cả mọi chuyện đều có thể làm được và thậm chí còn dễ dàng, và khi họ quay lại nhìn những khó khăn của ngày hôm qua, họ thật sự không hiểu tại sao nó lại gây ra sự xáo trộn và bất an. Ít nhất bây giờ, họ cảm thấy sẽ không bao giờ còn phiền não nữa vì họ đã nhìn thấy được vấn đề một cách cân xứng. Giờ đây, họ sẽ không bao giờ quên rằng sau cơn mưa trời lại sáng, dù mây có kéo đến đen tối như thế nào bình minh sẽ lộ dạng. Những rung động của các vị Chân sư mạnh đến nỗi nó sẽ kêu gọi và đánh thức những bản chất tương đồng trong con người bạn, vì vậy bạn sẽ cảm thấy tự tin và thương người hơn bao giờ hết và bạn lúc nào cũng muốn ở gần Ngài. Đây không có nghĩa là bạn quên đi những bản chất thấp hèn trong bạn, nhưng bạn cảm thấy bạn sẽ chiến thắng được chúng và bạn không ngại ngùng khi Ngài biết được điều này vì bạn biết

chắc chắn rằng Ngài sẽ thông cảm hoàn toàn, và sự thông cảm lúc nào cũng mang theo sự tha thứ.

Có thể việc hiểu biết thêm về quá khứ của các Chân Sư sẽ giúp chúng ta bớt thần thánh hoá các Ngài và giúp ta nhìn thấy được bề mặt nhân tính của Họ. Trong dĩ vãng các Ngài cũng từng là những nhân vật có tên tuổi trong lịch sử. Chân Sư K.H., chẳng hạn, chính là Ngài Pythagoras ở Âu Châu. Trước đó, Ngài từng là vị tu sĩ Ai Cập Sarthon, một lần khác Ngài là vị chủ tế của 1 điện thờ tại Agade, Asia Minor nơi Ngài bị sát hại trong cuộc thảm sát cư dân do một nhóm thổ phỉ từ trên núi xuống. Lúc đó, Ngài liền mượn ngay thể xác của một ngư dân gốc Hy Lạp đã bị chết đuối khi y cố gắng chạy thoát. Với thể xác đó, Ngài lên đường đi đến Persia, nơi Ngài đã giúp đỡ các tín đồ cuối cùng của Hỏa giáo rất nhiều trong việc sáng lập ra mẫu hình tôn giáo hiện đại của Đạo Mazdayazania. Sau đó, Ngài là vị tu sĩ đặc phái của đền thờ Jupiter ở thành La Mã, tiếp theo nữa Ngài là Bồ Tát Long Thụ (Nagarjuna), một vị luận sư cao tăng nổi tiếng của Phật giáo. Chúng tôi đã thấy Ngài xuất hiện rất nhiều lần trong khi chúng tôi nghiên cứu về tiền kiếp của một số thành viên trong Hội, và gần như lúc nào Ngài cũng là một vị tu sĩ hay giảng sư.

Thêm vào nữa, trong quá trình nghiên cứu về những sự kiện xảy ra trong quá khứ, chúng tôi đã khám phá ra rằng vị đạo đồ Jesus khi còn ở Palestine đã có vinh dự hiển dương thể xác cho Đức Christ sử

dụng. Do nhờ hành động này mà Ngài Jesus sau đó được đầu thai làm Apollonius of Tyana, và trong thế kỷ thứ 11, Ngài xuất hiện ở Ấn độ dưới hình dáng vị đạo sư Ramanujacharya, người làm hồi sinh lại bản chất sùng tín trong đạo Hindu lên tột đỉnh.

Chắc chắn vài bạn đã nghe rất nhiều về các vị Chân Sư khác ngoài hai vị lãnh đạo Hội Thông Thiên Học. Thí dụ có Vị đã đọc lại cho người khác ghi chép hai tác phẩm “*Ánh Sáng trên Đường Đạo*” và “*Huyền thoại Bông Sen Trắng*,” còn Vị khác đã nhận lãnh công việc tại Âu Châu và đã viết cho chúng ta vài tuyệt tác văn học. Người từng là Đức Jesus lúc nào cũng sẵn sàng hướng dẫn các hoạt động của Nhà Thờ Thiên Chúa giáo. Cũng còn một Vị nữa hiện đang chăm nom công việc nơi đây tại Ấn độ.

Vậy chúng ta có thể nhận thấy sự tiến hoá của thế giới này vốn không phải tự nó diễn ra một cách bừa bãi như nhiều người lầm tưởng mà ngược lại nó luôn được hướng dẫn. Nguyên một hệ thống Quân Tiên Hội gồm các vị Chân Tiên đang điều hành nó, nhưng các Ngài chỉ làm đến một mức nào đó để tôn trọng quyền tự do chọn lựa của con người. Thành viên của Quân Tiên Hội xuyên qua người đại diện lúc nào cũng cố gắng làm việc với những nhân vật quan trọng trên thế giới, khuyên bảo và gieo ý tưởng vào tâm trí của họ để hướng dẫn họ đến một tương lai huy hoàng của tình huynh đệ đại đồng vắng bóng chiến tranh. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng nhân quả của

tất cả mọi người đều phải được cân nhắc và tôn trọng. Dĩ nhiên các Ngài có thể dễ dàng ép buộc thế giới này phải phát triển nhanh hơn, nhưng nó sẽ không mang lại lợi ích gì cho cư dân đó. Chân Sư K.H. đã từng viết trong một lá thư hồi âm với tôi rằng: “Dĩ nhiên tôi có thể chỉ cho bạn chính xác phải làm như thế nào, và dĩ nhiên bạn sẽ làm như vậy, nhưng như vậy thì nhân quả của hành động đó là của tôi chứ không phải của bạn, và bạn chỉ nhận lấy được phần nhân quả của sự vâng lời lập tức.”

Con người không phải chỉ học làm người trợ tá thông minh, họ còn phải học cộng tác vì một ngày nào đó họ sẽ phải làm việc chung với nhau. Nếu như họ muốn có đủ tư cách đảm nhận những trọng trách lớn trong tương lai thì họ phải sẵn sàng chịu làm những công việc nhỏ hiện tại. Đúng vậy, đôi khi sẽ có một cơ hội ngàn năm một thuở đến với chúng ta và nó có tầm vóc ảnh hưởng đến toàn cầu. Lúc đó, ta sẽ nhận hay từ chối nó tùy theo thói quen hàng ngày ta có hay nắm bắt những cơ hội làm việc thiện nhỏ hay không. Khi ta có thói quen làm việc thiện nhỏ thì ta sẽ tự động đứng lên gánh vác đại sự mà không hề do dự khi thời khắc quan trọng đã đến. Thật ra, cơ hội cho chúng ta giúp đời hay hại đời thường chỉ có một tầm ảnh hưởng nhỏ bé đối với thế giới mà thôi, nhưng khi chúng ta đã quen chọn lựa đúng trong mọi việc làm nhỏ thì Quân Tiên Hội sẽ dễ dàng tin tưởng và giao phó cho chúng ta những việc lớn hơn.

Chúng ta phải cố gắng tìm hiểu nhiều hơn về các Đấng Cao Cả này, không đơn giản vì tính hiều kỳ mà vì để thật sự thông hiểu được con người thật của Họ. Họ cũng là con người như chúng ta, cũng có những đặc điểm khác nhau như chúng ta nhưng ở cấp độ cao hơn. Trí tuệ, quyền năng và tình thương đều hiện diện đồng đều trong con người Họ, nhưng Họ không phải hoàn toàn như nhau. Mỗi một con người Họ là một cá nhân riêng biệt y như chúng ta. Họ đã đạt tới nấc thang tốt đỉnh của nhân loại, nhưng ta đừng quên rằng mặc dù ta còn đang đứng ở những nấc thang thấp hơn, một ngày nào đó ta cũng đạt đến địa vị cao thượng đó và đứng sánh vai với Họ. Một điểm quan trọng về Họ là sự phát triển toàn diện về mọi mặt. Nếu ta tự nhận xét về chính mình thì ta sẽ thấy ta thật không cân xứng về nhiều mặt bởi vì sự phát triển của chúng ta thường hay thiên về một khía cạnh nào đó. Có người rất ưu tú về khoa học và lý trí nhưng lại nghèo nàn về tình thương và lòng sùng tín, một số khác thì lại giàu có về mặt tình cảm và lòng sùng tín nhưng lại thiếu sót về mặt lý trí. Vị Chân Sư thì hoàn mỹ về cả hai mặt, như ta đã nhìn thấy trí tuệ tuyệt vời của Ngài Pythagoras đi bên cạnh lòng từ bi và bác ái của Chân Sư K.H.

Chúng ta không nên hiểu lầm về bề kiến thức của các Ngài. Để đạt được quả vị Chân Tiên Họ phải cởi bỏ vô minh (avidya). Người ta thường nói rằng muốn cởi bỏ gông cùm của sự dốt nát ta phải biết hết tất cả

kiến thức trên đời này, nhưng theo sự hiểu biết của chúng tôi về các Ngài, việc này không phải hoàn toàn là như vậy. Thí dụ, có vị Chân Sư không biết nói hết tất cả ngôn ngữ của loài người, một số khác lại không phải là họa sĩ hay nhạc sĩ và v.v.. Tôi nghĩ thâm ý của câu nói “*cởi bỏ gông cùm của sự dốt nát*” chỉ là khả năng tìm ra được những kiến thức mà Họ cần biết ở bất cứ lúc nào. Họ thật sự không chứa hết tất cả kiến thức trong bộ não xác thịt của Họ, nhưng có điều chắc chắn rằng Họ có thể rất nhanh chóng tìm ra được một đáp án về vấn đề gì đó mà Họ cần biết. Thí dụ, về ngôn ngữ chẳng hạn, nếu một vị Chân Sư muốn viết một lá thư bằng một ngôn ngữ mà Ngài không biết, Ngài sẽ dùng bộ óc của người học trò nào biết ngôn ngữ đó, đưa vào bộ não của y những tư tưởng của Ngài, rồi dùng các chữ được hiện ra như những lớp áo khoác ở bên ngoài tư tưởng của Ngài. Nếu có một người nói chuyện với Ngài bằng một ngôn ngữ mà Ngài không hiểu, Ngài vẫn có thể hiểu được ngay tư tưởng của y ở cõi Trí.

Một câu hỏi được đặt ra là một người tầm thường có thể nhận biết được Chân Sư khi y gặp Ngài ở cõi trần hay không? Tôi thấy không có cách nào mà y có thể biết được. Dĩ nhiên, y sẽ cảm thấy Ngài rất nổi bật, cao quý, chừng chạc, thoát tục và trầm tĩnh. Anh ấy chắc chắn biết mình đang đối diện với một người rất đặc biệt nhưng muốn biết được chắc chắn người đó là bậc Chân Sư hay không thì phải nhìn được Nhân

thể của người đó, một điều mà người tầm thường vốn không thể làm được. Nhân thể của Chân Sư có một kích cỡ rất lớn biểu thị cho sự tiến hoá vượt bậc, và màu sắc của nó cũng được sắp xếp rất đặc biệt tùy theo một trong bảy loại, nhưng tất cả mọi điều này đều nằm ngoài tầm tay của một người bình thường mà chúng ta đang giả định.

Tuy bề ngoài các vị Chân Tiên không có một nét đặc thù gì để chúng ta có thể nhận ra Họ, nhưng Họ đều có sự điềm tĩnh và nhân từ giống nhau, gương mặt Họ lúc nào cũng phản ánh niềm an lạc vô biên, một sự bình an không thể tả được. Phần đông các Ngài đều có diện mạo tuấn tú vì thể xác của Họ rất hoàn hảo nhờ Họ có một đời sống thanh tịnh, nhất là Họ không bao giờ tỏ ra lo lắng về bất cứ việc gì. Còn chúng ta vì có quá nhiều loại nhân quả chưa được thanh toán và còn vì nhiều yếu tố khác nữa nên thể xác của chúng ta bị biến đổi rất nhiều. Đối với các Ngài, tất cả các nhân quả đã trả hết từ lâu, nên thân xác của các Ngài ở cõi trần là một sự biểu lộ hoàn mỹ của Nhân thể sáng chói. Không những hình hài của một vị Chân Sư thường rất tuấn tú, mà bất cứ hình thể nào Ngài sử dụng sau này khi đầu thai đều là một bản sao gần như tuyệt hảo của bản cũ, vì chẳng có chi tiết gì cần phải sửa đổi cả.

Một sự kiện khác đáng chú ý là Họ có thể bảo dưỡng cơ thể của Họ rất lâu hơn chúng ta - hoàn toàn là do sức khỏe tráng kiện và một đời sống không lo

âu như chúng ta đã nhắc đến ở trên. Gần hết các vị Chân Sư mà chúng tôi biết đều là nam giới trong thời kỳ sung mãn nhất của cuộc sống, mặc dù đã có nhiều bằng chứng cho chúng ta biết rằng cơ thể của các Ngài đã sống qua tuổi thọ hơn trung bình của loài người. Tôi đã từng nghe Bà Blavatsky nói rằng diện mạo Chân Sư của Bà hiện nay vẫn y như lúc Ngài hiện ra 60 năm về trước khi Bà còn thơ ấu. Chỉ có một trường hợp của một Vị Chân Sư vừa mới đạt được quả vị Chân Tiên gần đây trong một thể xác mà Ngài vẫn còn dùng trước khi đắc quả, và gương mặt của Ngài có một vài nét thô kệch chắc chắn dính líu đến nhân quả của Ngài, nhưng tôi tin chắc rằng trong tương lai, một khi Ngài chuyển qua một thể xác mới thì nét thô kệch này sẽ biến mất.

Các vị Chân Sư có thể là người ít nói hơn những người khác, vì người bận rộn sẽ không có nhiều thì giờ nói chuyện băng quơ và Họ thật sự là những người bận rộn nhất thế gian. Đệ tử của Họ, Bà Blavatsky, là một người có tài đàm thoại hay nhất mà tôi được biết, nhưng Bà chưa bao giờ nói chuyện cho qua thời gian. Họ cũng vậy, một vị Chân Sư không bao giờ mở miệng mà không có một chủ ý, và mục tiêu của Ngài luôn là để khuyến khích, giúp đỡ, hay cảnh báo. Ngài nói chuyện rất nhẹ nhàng và từ tốn nhưng Ngài lại hay hé lộ một bộ óc hài hước bén nhạy, tuy tính hài hước này thuộc loại từ tâm không làm tổn thương người khác mà còn làm nhẹ bớt nỗi

lo âu khó nhọc trên đường đời hoặc làm dịu bớt nỗi
khẩn trương lúc cần thiết. Quả thật một người không
có óc hài hước sẽ khó tiến bộ trên đường đạo.

Con số các vị Chân Sư (Adepts) còn giữ lại thể
xác để giúp đỡ cho sự tiến hóa của nhân loại thật là
rất ít, tổng cộng khoảng 50 - 60 người thôi. Phần
đông các Ngài không thu nhận đệ tử vì Họ rất bận
vào những công việc khác. Bà Blavatsky dùng danh
từ “Chân Sư” (Adepts) rất lỏng lẻo vì ở một vài chỗ
Bà thật sự nói về những người đã được điểm đạo và
ở chỗ khác lại đề cập đến những người chưa được
điểm đạo. Trong những bài viết sau này, chúng tôi
đã hạn chế danh từ “đệ tử điểm đạo” (initiate) cho
những ai đã vượt qua ít nhất một trong bốn lần điểm
đạo và danh từ Chân Sư (Adept) cho những ai đã đạt
đến quả vị Chân Tiên (Asekha), người đã hoàn tất
quá trình tiến hoá được định sẵn cho dãy Địa Cầu.
Tâm thức của vị Chân tiên thường trụ ở cõi NIẾT-
BÀN trong lúc Ngài còn thức tỉnh trong thể xác. Tuy
nhiên, trong số các Vị đã đắc đạo (Chân Tiên) thì chỉ
có một số nhỏ được nhắc ở trên là còn giữ thể xác,
Họ vẫn còn giữ liên lạc để giúp đỡ trái đất. Trong số
nhỏ này có một nhóm nhỏ hơn nữa chịu thu nhận đồ
đệ hay đệ tử dự bị, và chúng ta gọi nhóm nhỏ nhất
này là các Vị Chân Sư. Mặc dù con số của họ rất nhỏ
nhưng họ lại thủ một vai trò trọng yếu vì nếu không
có sự trợ giúp của Họ không ai có thể bước qua được
ngưỡng cửa của sự điểm đạo.

CÔNG VIỆC CỦA ĐỨC CHRIST

Bạn muốn biết về Đấng Vĩ Đại mà chúng ta đều gọi là Đức Christ hay Đức Maitreya cùng với việc làm của Ngài trong quá khứ và tương lai. Vấn đề này rất bao la - cũng là một vấn đề khó nói vì chúng tôi bị hạn chế bởi những điều luật không được tiết lộ. Chúng tôi chỉ cho bạn biết rằng có một bộ nội vụ bên trong Thiên Đoàn chỉ chú trọng lo về tôn giáo - về việc sáng lập và cổ động sự phát triển của tôn giáo, v.v.. Đức Christ chính là người điều hành bộ phận này, có khi thì Ngài tự xuất hiện ở cõi trần để sáng lập ra một tôn giáo vĩ đại, có khi thì Ngài cử một vị trợ tá tài ba xuống để làm việc. Chúng ta phải hiểu rằng Ngài là người lúc nào cũng tạo ra một áp lực ổn định ở phía sau để các năng lượng được sử dụng sẽ tự động tuôn vào các con kênh hoặc con rãnh nào có lối chảy vào, nhờ vậy Ngài có thể làm việc cùng một lúc với tất cả tôn giáo trên thế giới và tận dụng những gì cao quý nhất của lòng sùng tín và sự hy sinh trong từng tôn giáo.

Có một điều đáng tiếc là các tôn giáo đều hao phí năng lượng vào việc phỉ báng lẫn nhau. Tuy nhiên, nó không thể làm thay đổi được sự thật là những gì tốt đẹp nhất của tôn giáo họ vẫn có thể được tận dụng

bởi Đấng Quyền Năng, vì chúng sẽ trở thành một con kênh di chuyển năng lượng, trái lại những gì tà ác sẽ làm tiêu hao năng lượng mà nếu chúng ta biết tự cảnh giác có thể được tận dụng hết. Một phần trong cuốn *Giáo Lý Bí Truyền*, tựa đề *Bí Ẩn về Đức Phật*, có cung cấp rất nhiều tài liệu về sự quan hệ giữa các Vị Chưởng Quản trong Bộ Tôn Giáo này và nó cũng cho chúng ta biết một vài quan niệm về Đức Christ. Đây là một việc rất quan trọng đối với nhiều thành viên trong Hội vì một trong hai vị Chân Sư của chúng ta có liên hệ mật thiết với Bộ này.

Đối với sự kiện Đức Christ Tái sinh và công việc mà Ngài phải thực hành, bạn không có thể tìm đâu ra một tài liệu tốt hơn là cuốn sách của Bà Besant *Một Thế Giới Đang Thay Đổi*. Thời điểm Đức Christ Tái Sinh cũng không còn bao lâu nữa và thân xác Ngài sẽ sử dụng đã hiện hữu trong nhân loại của chúng ta.

Mọi việc trên đây đã được quyết định từ mấy ngàn năm trước - có vài việc còn được sắp xếp tỉ mỉ với đầy đủ chi tiết mặc dù nó vẫn có sự uyển chuyển thay đổi bên trong. Thái độ tuyệt đối chắc chắn của các Vị Cao Cả khi Họ đề ra kế hoạch này cả mấy ngàn năm trước là một trong những đặc điểm siêu phàm của công việc vĩ đại mà Họ đang làm. Đôi khi nó được mở ra cho những ai trong chúng ta đã phát triển được những quyền năng ở các cõi cao hơn để nhìn thoáng qua kế hoạch vĩ đại của Họ, và để chúng kiến sự vén màn bí mật của một góc nhỏ trong tương lai.

Cũng có đôi lúc, khi chúng ta ôn lại lịch sử ta có thể nhìn thoáng thấy một chút hé lộ về kế hoạch vĩ đại này qua những lời tiên tri của các Vị Cao Cả để lại trong quá khứ.

Tôi không biết có một cảm giác nào thú vị và vui sướng hơn là cái nhìn thoáng qua đó. Sự lộng lẫy huy hoàng của kế hoạch này làm cho ta sững sờ, và nổi bật hơn nữa là sự trang trọng và chắc chắn của kế hoạch đó. Không những chỉ cá nhân mà các quốc gia đều là những con cờ nằm trong dự tính lớn lao này, nhưng họ không hề bị ép buộc phải thủ vai trò đó. Cơ hội được góp phần trong công cuộc này sẽ được đưa đến cho họ, nhưng nếu họ không nhận lấy sẽ có các vai phụ sẵn sàng đứng lên thay thế ngay. Có một điều chắc chắn rằng, cho dù dụng cụ sử dụng có thể bị thay đổi, nhưng kế hoạch đó chắc chắn sẽ được hoàn thành. Ai thủ diễn vai trò gì, họ chỉ quan trọng đối với công ty và người đại diện chịu trách nhiệm về họ mà thôi, chứ họ không hề ảnh hưởng gì đến sự tiến hoá chung của nhân loại. Một ngàn chín trăm năm trước, Quần Tiên Hội đã giao cho Apollonius của Tyana trọng trách thành lập các trung tâm từ lực tại vài quốc gia. Họ đã giao cho Ngài những linh phù cần phải được chôn sâu tại những chỗ đã được ấn định hầu năng lượng của những bảo bối này có thể biến các nơi này trở thành những trung tâm của những biến cố lớn trong tương lai. Có một vài trung tâm đã được hoạt động, nhưng có một vài chỗ vẫn

còn nằm im và chúng sẽ được sử dụng trong tương lai liên hệ đến việc giảng phàm của Đức Christ. Phần đông các chi tiết của việc này đã được lên kế hoạch từ hai ngàn năm trước, và tất cả mọi hoạt động đều đang được chuẩn bị tại cõi Trần để tiếp đón Đức Christ. Khi chúng ta hiểu rõ được vấn đề này, mọi sự nghi ngờ, lo âu, thắc mắc đều tan biến cả và ta chỉ cảm nhận được một sự bình thản và an lạc trong một niềm tin vững chãi ở các Đấng Quyền Năng đang điều hành thế gian.

CÔNG VIỆC CỦA CHÂN SƯ

*T*uy ta không dễ gì hiểu được việc làm của các vị Chân Sư ở cõi của Họ, nhưng ta vẫn nhìn ra được Họ rất bận rộn. Con số các vị Chân Sư còn giữ thể xác quả thật rất ít, nhưng trong tay Họ lại nắm nguyên cả một quá trình tiến hoá của bầu hành tinh này. Đối với nhân loại Họ có vẻ như chia thế giới này ra từng giáo xứ, nhưng giáo xứ của Họ là các đại lục và mỗi vị Chân Sư được trao thẩm quyền trông coi một xứ. Hội Thông Thiên Học có thể được xem như là một sứ mệnh được gửi đi từ tổng hành dinh nên các thành viên trong Hội không phải làm việc cho bất cứ một giáo xứ hay tôn giáo nào, mà cả nhân loại hay ít nhất phần đông nhân loại mới là mục tiêu hoạt động của

các vị Chân Sư. Họ có những ban chuyên môn chỉ lo về việc ảnh hưởng và thay đổi chiều hướng suy nghĩ của những nhân vật quan trọng trên thế giới để họ có thể đi đúng đường - khuyến khích các vị vua và chính trị gia theo đuổi con đường hoà bình, gieo những tư tưởng cởi mở và phóng khoáng hơn trong đầu các vị giảng đạo và thầy giáo, nâng cao quan niệm nghệ thuật trong những người nghệ sĩ để thông qua họ thế giới này có thể trở thành một nơi hạnh phúc và tốt lành hơn.

Tuy nhiên, việc làm của các ban như vậy thường được giao phó cho các vị đệ tử của Họ, còn Họ thì làm việc trực tiếp với các linh hồn trong bọc nhân thể. Họ chú trọng vào việc trút ảnh hưởng tinh thần lên các nhân thể - chiếu rọi nó như ánh sáng mặt trời soi sáng các bông hoa, và như thế kích thích những gì cao thượng và tốt đẹp nhất trong nó trở bông. Có rất nhiều người đôi lúc cũng ý thức được việc giúp đỡ này, nhưng họ không truy ra được nguồn gốc của nó. Nhân thể của người trung bình vẫn chưa ý thức được thế giới bên ngoài ở cõi của nó. Nó y như một con gà con còn ngủ yên trong vỏ trứng, hoàn toàn vô ý thức với nguồn gốc của sức ấm đang kích thích sự tăng trưởng của nó. Cho đến khi nào linh hồn tự phá vỡ cái vỏ ra ngoài và có chút phản ứng gì với bên ngoài thì sự tiến triển của y sẽ thay đổi và bắt đầu gia tăng rất nhanh. Ngay cả đến hồn khóm của loài thú ở hạ trí cũng nhận được nhiều ảnh hưởng qua sự

giúp đỡ này, vì như ánh sáng mặt trời, thần lực của các Ngài tràn ngập hết cõi trí và như vậy, ở một mức độ nào đó, nó sẽ ảnh hưởng đến tất cả những gì nằm trong vòng chu vi của nó. Khi các vị Chân Sư tuôn ra thần lực thì lúc nào Họ cũng lợi dụng các thời cơ đặc biệt và những nơi có trung tâm từ lực rất mạnh. Nơi nào đã từng có một vị thánh nhân đầu thai và cư ngụ, hay nơi nào có chứa đựng hay ẩn tàng một thánh bảo, Họ sẽ lợi dụng môi trường này và tuôn thần lực của Họ theo những con kênh đã được chuẩn bị sẵn. Cũng vậy, khi nào có những cuộc tập hợp đông đảo của đoàn người hành hương thì Họ lại dùng cơ hội này để ban rải năng lực của Họ cho đoàn người đó qua những con kênh được rộng mở do lòng tin tưởng vào sự giúp đỡ và ban phước lành của Bề Trên đối với họ.

Nhờ vào sự giúp đỡ đặc biệt này từ bên trên mà nhân loại có thể tiến bộ đến trình độ ngày hôm nay. Chúng ta hiện vẫn còn trong cuộc tuần hoàn thứ tư, dành cho sự phát triển của dục vọng và cảm xúc, nhưng chúng ta đã tham gia vào việc mở mang trí tuệ, vốn là đặc điểm của cuộc tuần hoàn thứ năm. Thành quả này là do sự thúc đẩy phát triển to lớn của các vị Hỏa Đức Tinh Quân đến từ dãy Kim Tinh và do việc làm của các vị Chân Tiên - các Ngài vẫn còn đang cố gắng duy trì ảnh hưởng đó và tiếp tục hy sinh cho chúng ta để nhân loại có thể tiến hoá nhanh hơn.

Những người thật sự thấu hiểu công việc này, nhất là những người đã có vinh dự được chứng kiến các Vị Chân Sư làm việc, sẽ không bao giờ có ý nghĩ làm gián đoạn công việc hy sinh của các Ngài để xin xỏ một chút ân huệ cá nhân nhỏ bé. Tầm quan trọng lớn lao của công việc mà Họ đang làm, cũng như số lượng khổng lồ của nó, làm cho Họ không còn thời gian để lo riêng cho một cá nhân. Nếu thật sự có chuyện như vậy thì công việc đó lúc nào cũng sẽ được giao phó cho các vị đệ tử hoặc được thực hiện bằng phương pháp dùng tinh linh nhân tạo và tinh linh thiên nhiên. Do đó, nghĩa vụ rõ ràng của người đệ tử là phải tự làm cho mình phù hợp với những công việc thấp hơn, lý do đơn giản là nếu như anh ta không làm được thì công việc đó sẽ bị dở dang, vì các Vị Chân Sư vốn không thể nào bỏ dở công việc lớn lao của Họ đang làm cho thế giới để lo cho vài trường hợp cá nhân. Công việc của những người cứu trợ vô hình trên cõi trung giới sẽ không được hoàn tất trừ phi có những môn sinh phù hợp với trình độ để làm công việc này, và chỉ cần họ vượt qua trình độ đó để có thể làm những việc cao cả thì họ sẽ được giao phó những công việc cao cả hơn.

Có người hỏi rằng tại sao các vị Chân Sư lại hay làm việc qua những dụng cụ không hoàn hảo, câu trả lời hiển nhiên là vì các Ngài không có đủ thì giờ tự mình làm công việc đó, vì vậy các Ngài đành phải dùng những dụng cụ sẵn có, còn không thì công việc

đó sẽ không bao giờ được hoàn tất. Chúng ta hãy lấy thí dụ công việc viết sách để giúp đỡ cho nhân loại. Đương nhiên nếu các vị Chân Sư làm thì sẽ tốt hơn các vị đệ tử rất nhiều, vì nếu chính Ngài là người viết, Ngài sẽ không bao giờ phạm sai lầm hay thiếu sót. Nhưng các Ngài vốn không có thì giờ để làm công việc này, và nếu như các vị đệ tử không làm thì việc này chẳng bao giờ được làm xong. Hơn nữa, nếu các Ngài làm thì Họ sẽ lấy đi một cơ hội tạo ra nhân quả tốt của một số đệ tử có thể làm được - dĩ nhiên sẽ không được hoàn hảo như các Ngài, nhưng ít nhất cũng đủ dùng cho những người kiến thức vốn còn quá ít ỏi.

Chúng ta phải nhớ là mỗi Chân Sư ở dưới tay Ngài chỉ có một số năng lượng giới hạn, dù đối với chúng ta là to tát, và nhiệm vụ của Ngài là phải sử dụng năng lượng này vào đúng chỗ để gặt hái được lợi ích tối đa cho nhân loại. Do đó, nếu Ngài dùng năng lượng đó vào những việc thấp hơn thay vì cao hơn, hoặc đổ năng lượng đó vào một vài cá nhân cho dù họ có xứng đáng, đó sẽ là một sai lầm lớn (nếu chúng ta có thể nói như vậy mà không phạm tội bất kính với Ngài) khi nó có thể được dùng vào việc gây ra lợi ích chung cho mọi người.

CHÂN SƯ VÀ ĐỆ TỬ

Chúng tôi đã từng nói trong số nhỏ những vị Chân Tiên còn giữ thể xác và đảm nhận các chức vị trong Thiên Đoàn để điều hành thế gian còn có một số nhỏ hơn chịu thu nhận đồ đệ, và Họ là những Người mà chúng ta kính tặng danh hiệu Chân Sư. Vậy chúng ta hãy thử xem làm đệ tử của một trong các vị Chân Sư có ý nghĩa như thế nào, và người mong đợi được trở thành đệ tử phải làm những gì.

Trước tiên chúng ta phải xác định rõ ràng trong tâm trí của ta là các vị Chân Sư hoàn toàn cống hiến hết mình cho nhân loại, Họ thật sự bỏ hết tâm tư vào công việc này và không còn màng đến chuyện gì khác. Khi nói đến điều này trước đây, tôi đã từng nhắc rằng một vị Chân Sư chỉ có một số năng lượng giới hạn để sử dụng, và cho dù số lượng đó đối chúng ta là vô tận, nhưng Ngài vẫn dùng từng giọt năng lượng rất kỹ lưỡng để thu hoạch được kết quả tối đa. Dĩ nhiên khi Ngài thu nhận và dạy dỗ một đồ đệ, đó là một việc hao tổn thời gian và năng lượng của Ngài, và chính vì Ngài lúc nào cũng canh cánh trong lòng về việc phải tận dụng năng lượng này để đẩy mạnh sự tiến hoá của nhân loại nên Ngài sẽ không bao giờ

hao phí thì giờ và năng lượng vào người nào trừ phi nó là một mối đầu tư có lợi nhuận.

Ngài sẽ thu nhận một đồ đệ, hay chúng ta nên nói đúng hơn là một tập sự viên, một khi Ngài thấy rằng thời gian và sức lực bỏ vào đào tạo y sẽ có lời hơn thay vì dùng năng lực này vào bất cứ chuyện gì khác, còn không thì Ngài sẽ không làm. Thí dụ, một người có rất nhiều ưu điểm để làm một vị trợ tá đắc lực, nhưng đồng thời nếu y có một khuyết điểm lớn nào đó làm cản trở y trên đường đạo thì nó sẽ vô hiệu hoá khả năng làm việc tốt của y. Không có vị Chân Sư nào sẽ thu nhận môn đồ này, nhưng Ngài có thể nói với y: “Hãy tự sửa đổi và chiến thắng nhược điểm này của con, khi con thành công Ta sẽ nhận con làm trợ tá và huấn luyện thêm cho con.”

Chúng ta có rất nhiều môn sinh nhiệt tình với đầy lòng bác ái và vị tha, đôi khi họ nhận thấy điều khác biệt này giữa họ với phần đông nhân loại nên thỉnh thoảng họ tự nhủ: “Tôi ước ao muốn phụng sự cho nhân loại, tại sao Chân Sư lại không thu nhận và huấn luyện tôi?”

Vậy chúng ta hãy mạnh dạn đối diện với sự thật. Chân Sư sẽ không huấn luyện bạn vì bạn vẫn còn đầy rẫy những khuyết điểm nhỏ nhất. Đúng vậy, chắc chắn rằng sâu thẳm trong nội tâm, bạn có thể cảm thấy lòng từ bi, sự dịu dàng và thiện chí muốn giúp người là những yếu tố quan trọng bên phần công trạng phải nặng ký hơn là những khuyết điểm nhỏ

nhặt bên phần khiêm khuyết. Nhưng bạn hãy nghĩ lại xem, có cả hàng ngàn người ngoài kia cũng nhân hậu và tốt bụng như bạn vậy, bạn chỉ khác họ ở một điểm là bạn có thêm một chút kiến thức để bạn có thể hướng dẫn lòng từ bi của bạn vào những con kênh hữu ích hơn người khác. Nếu đây chỉ là điều kiện duy nhất để trở thành môn đồ của các Ngài thì Họ sẽ có hàng ngàn học sinh, và thì giờ của các Ngài sẽ bị dồn hết vào việc huấn luyện cả ngàn người với đủ mọi khuyết điểm nhỏ nhặt ở cõi Trung giới và cõi Trần, và như thế thì công việc của Ngài với các linh hồn ở cõi cao hơn phải bị bỏ bê.

Vậy thì trước nhất, để trở thành đệ tử của một vị Chân Sư có nghĩa là ta phải tập nhìn cuộc đời y như Ngài vậy, chỉ ở góc độ làm sao đẩy mạnh sự tiến hoá cho thế giới. Người đệ tử phải chuẩn bị tuyệt đối quên mình, hoàn toàn *nhận chìm* Phạm Ngã, và anh ta phải hiểu rằng đây không phải là lời nói hoa mỹ hay văn vẻ mà nó có nghĩa đúng y như lời nói. Họ không được cur mang một tham vọng cá nhân nào nữa, và họ phải thay đổi lại cách sống của mình cho phù hợp với công việc phải làm. Có bao nhiêu người trong chúng ta dám tự tâm tự nguyện thực hiện bước đầu này để được thu nhận làm đệ tử ?

Hãy suy ngẫm định nghĩa của một người đệ tử là thế nào. Khi một người tự tiến cử mình cho địa vị này, Chân Sư sẽ nói cho y biết ngay là y có phù hợp để bước lên con đường đó hay không. Nếu người ứng

cử viên đó dường như có gần đầy đủ những khả năng hợp lý thì Chân Sư có thể nhận y tập sự, có nghĩa là y sẽ bị quan sát chặt chẽ trong một khoảng thời gian mấy năm. Trung bình thì thời gian dự bị là khoảng bảy năm, nhưng nó có thể được kéo dài lâu hơn nếu người ứng cử viên làm không tốt, hoặc nó có thể được rút ngắn lại nếu y rõ ràng biết tự chế ngự mình. Tôi có biết một trường hợp kéo dài đến ba mươi năm; tôi cũng biết có một trường hợp được rút ngắn lại 5 năm, thậm chí ba năm, và trong một trường hợp rất đặc biệt chỉ vỏn vẹn 5 tháng. Trong thời gian dự bị, người đệ tử không thật sự liên lạc trực tiếp với Chân Sư, y ít khi nghe hoặc thấy được Ngài. Thông thường, y cũng không cần phải gặp những khó khăn hay thử thách đặc biệt gì trên đường đời, y chỉ cần quan sát kỹ càng về thái độ của y đối với các rắc rối nhỏ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. Để tiện việc quan sát, Chân Sư sẽ làm một “hình nộm sống động” của mỗi người đệ tử dự bị - có nghĩa là, làm một bản sao chính xác của thể cảm dục và thể trí của y. Hình nộm này sẽ được giữ ở chỗ thuận tiện cho Ngài quan sát, có liên hệ từ điện (magnetic rapport) với thí sinh để tất cả các thay đổi về tư tưởng hoặc cảm xúc đều được tái tạo rất trung thực trong hình người nộm. Nhờ phương pháp thích nghi này, Chân Sư có thể quan sát và ghi lại hết tất cả các hình tư tưởng về suy nghĩ và cảm xúc của người đệ tử dự bị và từ đó, Ngài có thể quyết định lúc nào Ngài sẽ tiến đến giai đoạn kế tiếp để tạo ra một

liên hệ gần gũi hơn với người đệ tử - đó là giai đoạn của người đệ tử chính thức.

Chúng ta phải nhớ rằng Chân Sư chính là con kênh để Thượng Đế phân phối năng lượng và Ngài không phải chỉ là một con kênh vô ý thức mà còn là một cộng tác viên thông tuệ bởi vì Ngài là một phần tâm thức của Thượng Đế. “*Trên sao, dưới vậy,*” nhưng ở bậc thấp hơn, người đệ tử chính thức cũng là một con kênh tiếp dẫn năng lực của Chân Sư; tuy nhiên, y cũng không thể nào là một con kênh vô ý thức mà phải là một cộng tác viên thông minh, và để được như vậy, y phải trở thành một phần tâm thức của Chân Sư.

Một người đệ tử chính thức sẽ được thu nhận vào tâm thức của vị Chân Sư đến mức độ mà những gì y thấy hoặc nghe được đều nằm trong vòng ý thức của Ngài - không có nghĩa là Ngài sẽ thấy hay nghe cùng một lúc (tuy rằng nó thường xảy ra như vậy), nhưng nó sẽ nằm trong trí nhớ của Ngài y hết như trong trí nhớ của người đệ tử. Những gì mà người đệ tử cảm nhận hoặc suy nghĩ đều nằm ở trong thể vía và thể trí của vị Chân Sư. Khi chúng ta thật sự hiểu được ý nghĩa của việc này, chúng ta mới thấy rõ ràng tại sao một vị Chân Sư không thể nào chính thức tiếp nhận một người đệ tử trừ khi nào tư tưởng và tình cảm của người đó có thể trở thành những gì mà Ngài muốn chất chứa ở bên trong Ngài.

Điều đáng tiếc xảy ra là đôi khi người đệ tử tự nảy ra những ý nghĩ mà Chân Sư không muốn chất chứa, và khi Ngài cảm nhận được điều ấy Ngài sẽ lập tức dựng lên một bức tường bảo vệ Ngài khỏi ảnh hưởng của sự rung động này. Hậu quả là nó sẽ làm gián đoạn sự tập trung của Ngài vào những công việc khác đang làm lúc đó, và một số năng lượng của Ngài sẽ bị tiêu hao. Một lần nữa chúng ta lại thấy rõ tại sao vị Chân Sư không nên nối kết mình với một người vẫn còn thói quen suy nghĩ về những điều không phù hợp với tâm tư của Ngài, bởi vì nếu sự tập trung của Ngài vào công việc chính luôn bị gián đoạn để khoá lại những ý nghĩ bất hảo này thì nó sẽ là một gánh nặng không thể chấp nhận được cho Ngài về thì giờ và sức lực.

Không phải vì Ngài không đủ kiên nhẫn hay tình thương để thu nhận người đó mà đơn giản vì việc đó không có lợi ích gì cho thì giờ và năng lực của Ngài, và trách nhiệm của Ngài là tận dụng cả hai. Nếu có ai tự cảm thấy mình xứng đáng để được thu nhận làm đệ tử mà thắc mắc tại sao đặc ân này lại chưa được ban cho y, hãy để y tự quan sát cho thật kỹ càng dù chỉ một ngày, rồi tự hỏi rằng trong ngày đó y đã từng có một ý nghĩ hay cảm xúc nào không xứng đáng với Chân Sư hay không. Phải nhớ rằng không chỉ những tư tưởng xấu xa hay ác độc là không xứng đáng, mà ngay cả luôn những tư tưởng vật vãnh, bức bối, chê

bai - và trên hết, những tư tưởng ích kỷ. Ai trong chúng ta có hội đủ các điều kiện này?

Kết quả mà Chân Sư muốn tạo ra qua sự kết hợp gần gũi này là sự hoàn chỉnh và điều hoà lại các dẫn thể của người đệ tử - tương tự với kết quả mà một người thầy Ấn độ muốn đạt được bằng cách giữ các đồ đệ ở gần bên ông. Bất cứ các bài thực tập đặc biệt thuộc khoá học đặc biệt nào cũng vậy, hiệu quả chính trên người đệ tử vốn không phải là từ các bài thực tập hay học tập đưa ra, mà là từ việc thân cận liên tục với các vị Chân Sư. Các dẫn thể của người đệ tử lúc nào cũng rung động theo mức độ quen thuộc của chúng - mỗi dẫn thể có vài tốc độ khác nhau, do ảnh hưởng của mọi loại cảm xúc thoáng qua và những tư tưởng lang thang. Việc làm đầu tiên và khó khăn nhất của người đệ tử là phải làm sao giảm hết các mớ rung động hỗn độn này để chúng vào trật tự, loại bỏ hầu hết những mối quan tâm về các lợi ích nhỏ nhặt rồi kiểm soát các tư tưởng lang thang, và việc này cần phải có một ý chí kiên trì để trấn áp các dẫn thể của y theo ý muốn trong một thời gian dài nhiều năm.

Khi y vẫn còn sống trong thế gian thì việc làm này sẽ khó gấp trăm lần, vì y lúc nào cũng bị nhiễu loạn bởi những làn sóng tư tưởng và cảm xúc không cho y được yên tĩnh dù chỉ một giây và không cho y cơ hội tập trung sức mạnh để chiến đấu. Đây là lý do tại sao ở Ấn độ một người muốn có đời sống tinh thần phải ẩn cư vào rừng, cũng vì lý do này mà ở bất cứ

thời đại hoặc quốc gia nào có nhiều người chọn đời sống ẩn dật để suy ngẫm. Ít nhất, người ẩn dật còn có cơ hội thở và nghỉ ngơi, thoát khỏi những tranh chấp bất tận để y có thời gian suy nghĩ mạch lạc. Có ít chuyện làm cản trở việc tu hành của y hơn và sự tĩnh lặng của thiên nhiên cũng là một trợ lực đáng kể.

Nhưng một người được sống gần gũi với một Vị đã từng đi trên con đường Đạo còn gặt hái được nhiều lợi ích hơn. Một vị Thầy như vậy trên lý thuyết đã điều chỉnh được các dẫn thể của Ngài và đã tập cho chúng rung động theo một vài tần số được chọn lọc kỹ càng thay vì hàng trăm tần số hỗn loạn điên cuồng. Những tần số chọn lọc này rất vững chãi và mạnh mẽ cả ngày lẫn đêm, nên cho dù người học trò ngủ hoặc thức, chúng sẽ không ngừng tác động lên các dẫn thể của y và từ từ nâng chúng lên mức độ của Chân Sư. Không có gì khác ngoài thời gian và sự gần gũi sẽ dẫn đến kết quả này, nhưng không phải nó đều xảy ra như vậy đối với mọi người mà nó chỉ có hiệu quả đối với một số người có khả năng tương tác với âm điệu của Chân Sư mà thôi. Các vị Chân Sư đều phải xác định người đệ tử đã khá thông thạo về việc hòa đồng với âm điệu này trước khi Họ truyền cho y phương pháp đặc biệt bí truyền để tiến hoá thêm; nói khác đi, trước khi Họ dạy cho người đệ tử một phương pháp gì đó có thể gây ra nguy hiểm cho y nếu bị áp dụng sai, Họ phải cảm thấy chắc chắn rằng y là loại người phù hợp với pháp môn đó, và y sẽ dễ dàng tuân theo

sự hướng dẫn của các Ngài để giữ được đúng tư thế khi có sự căng thẳng. Người được Chân Sư chọn quả thật sẽ gặt hái được nhiều lợi ích gấp mấy ngàn lần vì họ sẽ có cơ hội gần gũi và trao đổi thân mật với Ngài.

Đó là ý nghĩa của việc được thu nhận làm đệ tử của Chân Sư. Y sẽ trở thành một tiền đồn tâm thức của Ngài để cho sức mạnh của các Bậc Cao Cả có thể tuôn tràn qua y, và thế giới sẽ trở nên tốt lành hơn vì có sự hiện diện của y trong đó. Người đệ tử có sự tương tác tâm linh với Chân Sư đều có thể biết được ý nghĩ của Ngài về một vấn đề gì vào bất cứ lúc nào, và như vậy y có thể tránh được rất nhiều lỗi lầm. Bất kỳ lúc nào Vị Chân Sư cũng có thể gửi ý nghĩ của Ngài đến người đệ tử qua sự gợi ý hoặc thông tin. Thí dụ, nếu người đệ tử đang viết một lá thư hoặc đang thuyết trình, Ngài sẽ ý thức được sự kiện này trong tiềm thức, và bất cứ lúc nào Ngài cũng có thể đưa vào trong trí của người đệ tử một câu viết để ghi lại trong lá thư hoặc đưa ra một minh họa hữu ích cho bài thuyết trình đó. Trong giai đoạn sơ khai, người đệ tử có thể không để ý đến việc này và y có thể cho rằng những tư tưởng đó xuất phát từ cái trí của y, nhưng y sẽ mau chóng nhận ra được tư tưởng của Chân Sư. Quả thật, y cần thiết phải nhận ra được điều này vì có rất nhiều thực thể trong cõi cảm dục và cõi trí lúc nào cũng tốt bụng và sốt sắng muốn góp ý, và tốt nhất là người đệ tử cần phải học cách phân biệt nguồn gốc của các tư tưởng này cho thật rõ ràng.

Tuy nhiên, chúng ta không nên làm lẫn việc tương tác tâm linh giữ Chân Sư và người đệ tử với việc sử dụng người đồng bóng mà chúng ta hay lên án cảnh cáo. Thí dụ, cũng có vài trường hợp một hay vài vị Chân Sư từng mượn cơ thể của Bà Hội Trưởng chúng ta, và có người từng nói rằng giọng nói, thái độ, và ngay cả khuôn mặt của Bà thay đổi. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng trong những trường hợp như vậy, Bà vẫn hoàn toàn tỉnh thức và biết rõ ai đang nói chuyện và tại sao. Sự kiện này rất khác biệt với cái mà ta hay gọi là người đồng bóng, và nó thật sự không công bằng khi ta gộp hai sự kiện này dưới một danh hiệu chung. Không ai có thể phản đối sự sử dụng thân thể của người đệ tử như vậy trong trường hợp được nêu trên, nhưng có rất ít vị đệ tử được các Ngài dùng như vậy.

Lúc việc này xảy ra, tâm thức của Bà Hội Trưởng vẫn hoàn toàn tỉnh thức và năng động trong bộ não xác thịt của Bà y như trước, nhưng thay vì Bà điều khiển bộ phận thanh quản, Bà chỉ lắng nghe trong khi Chân Sư dùng nó. Ngài tự hình thành các câu nói trong thể trí của Ngài rồi di chuyển chúng qua thể trí của Bà. Trong khi sự di chuyển này xảy ra, Bà vẫn có thể dùng thể trí của Bà như thường, tuy rằng có hơi thụ động, để lắng nghe, thấu hiểu, và kính ngưỡng; nhưng tôi nghĩ rằng nó có thể gây khó khăn cho Bà nếu đồng thời Bà muốn soạn ra một câu gì về một đề tài khác hẳn. Tôi cho rằng đây là hình thức

hoạt động tinh thần cao nhất, nhưng nó rất hiếm và hầu như không được hoàn toàn như vậy.

Ảnh hưởng của một vị Chân Sư mạnh đến nỗi nó sẽ biểu thị gần như trong mọi trường hợp, và người khán giả nào nhạy cảm sẽ ý thức được sự hiện diện của Ngài đến mức họ có thể thấy được nét mặt hay nghe tiếng nói của Ngài thay vì của người đệ tử. Có thể sự thay đổi về hình thể xác thịt không thật sự xảy ra, hay ít nhất không rõ ràng đối với những khán giả không nhạy cảm. Nhưng trên lãnh vực tinh thần tôi đã từng chứng kiến những trường hợp giọng nói và cử chỉ, luôn cả nét mặt của người đồng bóng bị thay đổi về hình thể, trường hợp này có nghĩa là linh hồn của y hoàn toàn bị áp chế, và cách này không phù hợp với cách thức huấn luyện của các vị Chân Sư.

Sự liên kết tâm thức còn có một giai đoạn thứ ba khi người đệ tử trở thành người “con” của Chân Sư. Vinh dự này chỉ xảy ra sau khi vị Chân Sư đã có nhiều kinh nghiệm làm việc với người đệ tử chân chính, khi Ngài chắc chắn rằng thể vía và thể trí của y sẽ không bao giờ nảy sinh ra những điều gì mà Ngài cần phải ngăn chặn. Đây là sự khác biệt lớn nhất giữa địa vị của người đệ tử chính thức và người “con” mà tôi có thể giải thích được với quý vị ở cõi Trần: người đệ tử chính thức, tuy thật sự là một phần tâm thức của Chân Sư, nhưng nó vẫn có thể bị ngăn chặn khi cần thiết; trong khi đó, người “con” được thu nhận hoàn toàn qua sự thống nhất tâm thức thân mật và Thiên liêng

cho đến nỗi ngay cả sức mạnh của Chân Sư cũng không thể nào thay đổi hoặc tách rời hai tâm thức ra được nữa, cho dù chỉ là một giây lát mà thôi.

Đây là 3 giai đoạn liên hệ giữa Chân Sư và người đệ tử: thứ nhất là người đệ tử dự bị, giai đoạn mà y thật sự không phải là người đệ tử gì hết vì y chưa được Chân Sư dạy dỗ mà chỉ quan sát, thứ hai là người đệ tử chính thức, và thứ ba là người “con” của Chân Sư. Chúng ta phải phân biệt rõ ràng là mối liên hệ này không có liên quan gì với những lần điểm đạo, hay những nấc thang trên đường Đạo, một hệ thống hoàn toàn khác biệt để chỉ rõ vị trí của người đệ tử với Thiên Đoàn và Ngọc Đế, chứ không phải là liên hệ giữa y và một vị Chân Sư. Một ví dụ tương tự là liên hệ giữa một sinh viên đại học và vị hiệu trưởng là việc riêng và đối với trường đại học là việc chung. Trường đại học tuy đòi hỏi người sinh viên phải thi đậu các môn chính yếu, nhưng việc chuẩn bị học thi như thế nào và ra sao vốn không phải là vấn đề họ cần quan tâm. Trách nhiệm của trường đại học là tổ chức các cuộc thi và cấp văn bằng, trách nhiệm của vị hiệu trưởng là chuẩn bị cho học sinh thi đậu cho thật tốt. Trong quá trình chuẩn bị cho học sinh, cá nhân ông có thể có mối liên hệ xã giao chừng mực với người học sinh, nhưng đây không phải là chuyện của trường đại học.

Cũng vậy, Thiên Đoàn không hề can dự vào liên hệ giữa vị Chân Sư và người đệ tử, đó là vấn đề và

quyết định riêng tư của Ngài. Khi nào Chân Sư cho rằng người đệ tử đã sẵn sàng cho cuộc điếm đạo đầu tiên, Ngài sẽ thông báo và giới thiệu y đến Thiên Đoàn, và Thiên Đoàn chỉ hỏi y một câu duy nhất: đó là y có sẵn sàng cho cuộc điếm đạo đầu tiên chưa, chứ không hề truy cứu về quan hệ giữa y và vị Chân Sư là như thế nào. Lúc đó, ứng cử viên cho cuộc điếm đạo phải được đề cử và bảo đảm bởi hai thành viên cao cả của Thiên Đoàn - có nghĩa là, hai vị đã đạt đến quả vị Chân Tiên; và có một điều chắc chắn rằng Chân Sư sẽ không bao giờ đề cử một người nào cho các thử thách của cuộc điếm đạo mà Ngài không nắm chắc được khả năng của y, một sự thấu hiểu triệt để chỉ có thể xảy ra qua sự liên hệ gần gũi với tâm thức của người đệ tử như tôi đã diễn tả.

Khi người môn sinh đã nghe xong hết những việc này, y tự nhiên sẽ nảy ra câu hỏi: “Vậy tôi làm thế nào để có thể trở thành đệ tử của Chân Sư? Tôi phải làm gì để thu hút sự chú ý của Ngài?” Thật sự mà nói, chúng ta không cần phải cố gắng thu hút sự chú ý của các Ngài vì Họ luôn luôn đi tìm những người mà Họ có thể đào tạo để trở thành những phụ tá đắc lực sau này trong công trình vĩ đại của Họ, và chúng ta không cần phải lo sợ sẽ bị bỏ quên.

Tôi nhớ rất rõ một sự kiện trong những ngày đầu tiên tôi bắt đầu làm việc với những Bậc Cao Cả cách đây hơn gần một phần tư thế kỷ. Tôi đã từng gặp một người đàn ông rất sốt sắng và thánh thiện trên cõi

trần, một người có niềm tin sâu đậm về sự hiện hữu của các vị Chân Sư, và ông đã cống hiến cả đời mình để chuẩn bị làm người giúp việc cho Chân Sư. Đối với tôi, ông quả là người thật sự xứng đáng để làm một vị đệ tử dự bị vì ông trội hẳn hơn tôi về mọi mặt, nên tôi không hiểu tại sao ông lại chưa được chọn lựa. Do đó trong sự ngây ngô và vô minh của kẻ vừa mới tập sự, trong một ngày đẹp trời khi cơ hội tốt đến, tôi rất khiêm tốn và cung kính nhắc đến tên ông với lời gợi ý là ông có thể là một dụng cụ tốt cho Chân Sư sử dụng. Chân Sư đã nở một nụ cười thân ái vui vẻ và Ngài đã phán rằng:

“Này con, không cần phải lo cho bạn con sẽ bị bỏ quên vì không ai sẽ bị bỏ quên đâu, nhưng trong trường hợp này, anh ta vẫn còn một vài nhân quả chưa thanh toán xong nên Ta không thể nào chấp nhận lời thỉnh cầu của con trong lúc này. Rất nhanh thôi, bạn con sẽ từ giã cõi trần và y sẽ sớm quay lại để kết thúc món nợ nhân quả, rồi lúc đó lời thỉnh cầu của con sẽ dễ được chấp nhận.”

Sau đó, với đặc tính nhân từ sẵn có của Ngài, Ngài hoà nhập với tâm thức của tôi thân mật hơn nữa rồi nâng nó lên một cõi cao hơn sức tôi có thể với tới, và từ nơi cao vời vợi đó, Ngài chỉ cho tôi cách mà các Chân Sư quan sát thế gian. Nguyên cả trái đất mở rộng trước tầm mắt của chúng tôi với hàng triệu linh hồn, phần đông vẫn còn chưa thức tỉnh nên họ rất mờ ảo; nhưng khi nào trong đám đông đó xuất hiện một

người dù vẫn còn cách khá xa với điểm có thể sử dụng được, y sáng rực lên trong đám đông như ánh lửa của ngọn đèn hải đăng trong màn đêm u tối.

“Bây giờ con đã thấy,” Chân Sư nói, “tại sao không thể có bất cứ một người nào bị bỏ quên khi y đã đạt tới gần trình độ có thể được thu nhận làm đệ tử dự bị.”

Chúng ta không cần phải làm gì hết ngoài việc tu tâm dưỡng tánh và cố gắng trau dồi bằng mọi cách qua sự tìm tòi và học hỏi về Thông Thiên Học, tự tiến bộ và hết lòng giúp đỡ mọi người trong tinh thần vị tha để được xứng đáng với danh dự mà chúng ta hằng mong ước. Chúng ta phải có lòng tin tuyệt đối là khi chúng ta đã sẵn sàng thì sự chấp nhận nhất định sẽ đến, vì nhu cầu cần người phụ tá thật quá lớn. Nhưng chỉ đến khi nào chúng ta được tận dụng một cách hữu ích, hay nói một cách khác, chỉ đến khi nào năng lượng sử dụng trên người chúng ta, qua hành động của ta, đưa ra nhiều lợi ích hơn là khi nó được dùng vào những chuyện khác, còn không thì Chân Sư sẽ phạm lỗi vô trách nhiệm khi Ngài tạo ra mối liên hệ với chúng ta.

Chúng ta có thể chắc chắn rằng không bao giờ có sự ngoại lệ, cho dù đôi khi ta có thể nghĩ là ta có thấy việc đó xảy ra. Một người vẫn có thể trở thành đệ tử dự bị của Chân Sư mặc dù y vẫn còn vài khuyết điểm rõ ràng, nhưng ta có thể chắc chắn rằng trong trường hợp như vậy, y phải có những ưu điểm ẩn tàng

phía dưới còn nhiều hơn những khuyết điểm bên trên. Một sự kiện khác cần được nhắc nhở là các vị Chân Sư, cũng giống như chúng ta, đã từng có nhiều kiếp luân hồi và trong những kiếp đó, các Ngài cũng như những người khác đã tạo ra một số mối liên hệ nhân quả, do đó đôi khi sẽ có một người liên hệ nhân quả đặc biệt với các Ngài do khi xưa y đã từng giúp đỡ Họ trong một quá khứ rất xa. Trong việc nghiên cứu về tiền kiếp, đôi khi chúng tôi cũng khám phá được vài mối nhân quả liên hệ đặc biệt như thế.

Một trường hợp rất nhiều người biết đến là một thành viên trong Hội Thông Thiên Học khi xưa từng là một nhà quý tộc ở Ai-Cập sáu ngàn năm trước. Ông đã dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục ban điều hành của một trong những đền thờ lớn thu nhận một người thanh niên trẻ có sở thích sâu đậm về Huyền Bí Học. Người thanh niên này đã nghiên cứu Huyền Bí Học với tất cả lòng chân thành và đam mê, và anh đã tiến bộ rất xa trong bộ môn này, cho nên mỗi kiếp sau đó, anh đều tiếp tục nghiên cứu Huyền Bí Học như từ thời cổ Khem (Ai-cập). Từ đó đến nay, người học trò trẻ tuổi đó đã đắc quả Chân Tiên, và dĩ nhiên Ngài đã vượt qua rất xa hơn người bạn cũ đã từng giới thiệu Ngài đến đền thờ đó. Sau đó một thời gian, Ngài phải làm một công việc là cần một người ẩn hành và phổ biến một vài chân lý đến với thế giới vì thời điểm đã chín mùi. Ngài nhìn quanh để tìm một dụng cụ thích hợp cho Ngài sử dụng, và

Ngài tìm thấy được người bạn cũ là ân nhân của sáu ngàn năm về trước hiện đang ở trong một vị trí thích hợp để Ngài sử dụng làm công việc này. Ngay lập tức, Ngài nhớ lại món nợ ân tình ngày trước và đã đền đáp bằng cách cho người bạn cũ cái vinh dự được làm con kênh đưa dẫn chân lý đến cho thế giới.

Những trường hợp như vậy xảy ra rất nhiều. Chúng ta đều biết ở một thời đại rất xa xôi, một trong những Vị sáng lập ra Hội Thông Thiên Học (*Đại Tá Olcott*) đã từng cứu mạng Vị kia (*Bà Blavatsky*), lúc đó là con trai đầu lòng của Vị bây giờ vừa là Chân Sư và thầy của cả hai (*Đức Morya*), và nó tạo ra một sợi dây xích nhân quả kết nối cả ba Người vào một mối quan hệ mật thiết từ đó trở đi. Cũng vậy, trong một dữ kiện thời xa xưa, Bà Hội Trưởng chúng ta (*Bà A. Besant*) đã từng cứu mạng vị thầy hiện nay của bà khi có một âm mưu ám sát Ông, và còn một trường hợp khác nữa mà một người vừa mới vượt qua ngưỡng cửa của cuộc điểm đạo đã từng cứu mạng Đức Bồ-Tát, chính là Đức Maitreya.

Vậy tất cả những sự kiện trên đều là sợi dây xích nhân quả và chúng tượng trưng cho những món nợ sẽ được hoàn trả trong tương lai. Vì vậy, có thể trong quá khứ chúng ta đã từng gặp một người hiện giờ đã là Chân Sư, hoặc đã từng giúp đỡ Ngài trong một vài việc nhỏ, và như vậy đây có lẽ là một sự bắt đầu của một mối liên hệ dẫn đến việc chúng ta được chấp nhận làm đệ tử dự bị trong tương lai. Việc này

thường dễ xảy ra khi mọi người cùng có lòng đam mê về huyền bí học và trong những kiếp về sau, khi có một vài người đã vượt quá xa, những người từng là bạn bè hay đồng môn của họ tự nhiên sẽ chuyển qua thành mối quan hệ thầy trò.

Một người có thể thu hút sự chú ý của các Ngài bằng nhiều cách. Y có thể bước đến ngưỡng cửa của sự điểm đạo bằng những cách sau đây: (1) qua sự kết nối với những vị tiến hoá cao hơn y, (2) qua sự tư duy tinh tấn, (3) qua lòng sùng tín, hay (4) qua các hành động thiện nguyện vị tha. Tất cả mọi cách này đều dẫn đến một con Đường, vì nó có nghĩa là một người đang chuẩn bị cho mình xứng đáng tham gia vào một bộ phận nào đó của công việc cần được thực hành. Khi y đạt đến một trình độ nào đó qua việc thực hành một trong những phương pháp trên, y tự nhiên sẽ thu hút được sự chú ý của các vị Chân Sư và sẽ có cơ duyên kết nối với Họ, nhưng có lẽ không phải ở cõi Trần. Thông thường, vị Chân Sư sẽ sắp xếp cho y gặp một trong những vị cao đồ của Ngài, và đây là cách an toàn nhất, vì một người bình thường vốn không thể nào tiếp nhận những thông điệp ở cõi trung giới một cách đáng tin cậy được.

Trừ phi một người từng có kinh nghiệm với việc cầu hồn, họ khó có thể tưởng tượng được rất nhiều người bình thường ở cõi trung giới thích ra về ta đây muốn làm thầy của thiên hạ. Những người này thật ra đều lương thiện và thật sự nghĩ rằng họ có những giáo

pháp có thể cứu vớt được cả thế giới. Sau khi họ chết và ngộ được tiền bạc, của cải vốn không có giá trị gì cả, họ cảm thấy (rất hợp lý) nếu có thể gây ấn tượng với nhân loại về những gì mà họ vừa ngộ được thì thế giới sẽ lập tức đổi thay. Họ hoàn toàn tin rằng chỉ cần họ phổ biến những gì họ đã khám ra được ở cõi Trần, họ sẽ dễ dàng lập tức thuyết phục mọi người tin vào điều mà họ cho rằng rất hợp lý. Vì vậy họ chọn một người phụ nữ nhẹ dạ dễ tin, rồi nói với cô ta rằng họ đã chọn cô giữa bao nhiêu người khác để cô có thể trở thành một người trung gian cho một tiết lộ vĩ đại.

Dĩ nhiên một người bình thường sẽ cảm thấy rất hãnh diện khi được biết anh ta hay cô ta là người trung gian duy nhất trên thế giới cho một nhân vật phi thường, một con kênh duy nhất cho một giáo huấn siêu việt, độc nhất vô nhị, nên dù thực thể liên lạc từ bên kia thế giới có từ chối không công nhận sự vĩ đại của chính y (rất ít khi y làm như vậy), đó cũng được coi là một sự khiêm tốn và y được mô tả ít ra giống như một vị đại thiên thần hay hơn nữa là một sự biểu lộ trực tiếp của Thần Linh. Điều mà thực thể liên lạc quên rằng khi y còn tại thế, cũng có nhiều thực thể khác đã cố gắng đưa ra những thông điệp tương tự như vậy qua những phương pháp trung gian khác nhau mà lúc đó y chẳng bao giờ thêm quan tâm, cũng không chút mảy may rung động về những lời cảnh cáo đó. Chính y không nhận được ra rằng khi y còn bận rộn với những công việc ở cõi Trần, y cũng đã

từng từ chối không chịu bị ảnh hưởng bởi những thông điệp tương tự như vậy, nên toàn thế giới sẽ tiếp tục vận hành như cũ và không ai thêm đề ý đến y.

Phần đông những thực thể như vậy thường mạo danh những tên tuổi lẫy lừng với lý do có thể thông cảm được, vì họ quá hiểu rõ nhân tình thế thái, nên họ biết rằng nếu một người vô danh tiểu tốt như John Smith hay Thomas Brown đội mồ sống dậy rồi tuyên bố một giáo pháp gì đó sẽ khó được chấp nhận cho dù nó thật sự tuyệt vời hay đúng với sự thật đi nữa. Cùng lúc đó, với những câu nói này được xuất phát từ George Washington, Julius Caesar, hay Vị Đại Thiên Thần Michael thì ít ra cũng được nhiều người kính nể và có thể được chấp nhận một cách mù quáng.

Bất cứ ai ở cõi trung giới đều có khả năng cảm nhận được tình cảm và suy nghĩ của người khác nên thật không may khi hội viên của Hội Thông Thiên Học gặp phải những loại người này, bởi vì khi họ nhìn thấy được sự tôn kính sâu đậm của hội viên dành cho các Đấng Chân Sư Minh Triết, họ sẽ giả mạo các Vị này để dễ tuyên truyền bất kỳ các ý kiến gì của họ. Chúng ta phải nhớ rằng còn có những người đầy ác ý với Chân Sư của chúng ta và họ luôn muốn đả kích các Ngài bằng mọi cách trong quyền hạn của họ. Dĩ nhiên họ không thể nào trực tiếp hại được các Ngài, vì vậy đôi khi họ sẽ gián tiếp hại các Ngài qua những đồ đệ yêu dấu của các Ngài. Một trong những cách

dễ nhất gây ra rắc rối là họ giả mạo hình dáng của một vị Chân Sư được người đồ đệ tôn kính, vì phần đông họ giả mạo hình dạng rất chính xác, nhưng tôi vẫn cảm thấy rằng họ không bao giờ giả tạo được ánh mắt của Ngài thật toàn vẹn. Một người đã phát triển thông nhãn ở các cõi cao hơn thì không thể bị lừa gạt vì các thực thể này vốn không thể nào giả tạo được nhân thể của Ngài.

Tốt nhất là chúng ta nên nhớ kỹ lời giáo huấn trong quyển *Tiếng Nói Vô Thình*: “Đừng bao giờ đi tìm Sư Phụ ở cõi mộng huyền đó.” Đừng bao giờ nghe lời giảng dạy của những người tự xưng là bậc thầy ở cõi trung giới, nhưng bạn có thể coi những lời nói và khuyên bảo đó như lời khuyên và nhận xét của một người lạ ở cõi trần. Hãy tiếp nhận chúng với giá trị tương xứng của chúng và chấp nhận hoặc gạt bỏ chúng tùy theo tiếng nói của lương tâm mà không cần phải quan tâm tới nguồn gốc viển vông của chúng. Hãy tìm những giáo pháp làm thỏa mãn cái trí của bạn, và hãy dùng lý trí và lương tâm để phân biệt bất cứ những tuyên bố nào được đưa ra.

Đừng quên rằng trường phái của chúng ta không phải là dòng duy nhất. Hai vị Chân Sư có liên hệ mật thiết đến công tác của Hội Thông Thiên Học là biểu tượng của hai cung hay hai trường phái dạy dỗ khác nhau, nhưng vẫn còn những trường phái khác. Tất cả mọi trường dạy học về giáo lý bí truyền đều có chương trình huấn luyện sơ bộ để thanh lọc cá tính,

nhưng chi tiết cụ thể về sự dạy dỗ và tập luyện sẽ khác nhau tùy vào cung của vị thầy. Tuy nhiên, tất cả các vị thầy thuộc Quần Tiên Hội đều nhấn mạnh hai điểm: (1) đỉnh cao nhất của Đạo chỉ có thể đạt được qua con đường Thánh Đạo và (2) việc dập tắt dục vọng bằng cách chiến thắng nó chứ không phải cho nó được thỏa mãn.

Người đệ tử sẽ được Chân Sư sử dụng theo nhiều cách khác nhau: (a) một nhóm sẽ được phân phối làm các công việc được ghi chép trong cuốn sách *Những Người Cứu Trợ Vô Hình*, (b) nhóm khác sẽ giúp đỡ trực tiếp các vị Chân Sư trong một vài công việc mà các Ngài đang gánh vác, (c) nhóm nữa sẽ được chỉ định thuyết giảng ở cõi trung giới cho khán giả thuộc trình độ kém tiến hoá hơn, hoặc (d) họ sẽ giúp đỡ và dạy dỗ cho những linh hồn tạm thời vào cõi trung giới trong lúc ngủ hoặc những cư dân thường trực ở đó sau khi chết. Khi một người đệ tử đi ngủ, y sẽ đi trình diện với Chân Sư của y và lúc đó y sẽ được Ngài cho biết có cần y phụ giúp công việc gì hay không. Nếu không có việc gì đặc biệt, y sẽ làm bất cứ công việc nào mà y thường làm ban đêm. Mỗi người cứu trợ vô hình sẽ được quy định theo dõi một số ca hay bệnh nhân thường trực giống như công việc của một bác sĩ ở cõi Trần. Khi không có chuyện gì mới lạ, y chỉ đi một vòng tuần tra thăm viếng và giúp đỡ những ca đó tùy theo khả năng tốt nhất của y. Vì vậy, lúc nào y cũng có nhiều công việc để lấp trống thời gian khi y

chưa đặc biệt được cần đến, chẳng hạn như một biến cố xảy ra làm cho một số lớn linh hồn thành linh bị đẩy vào cõi trung giới cùng một lúc trong tâm trạng sợ hãi kinh hoàng. Thông thường, một trong những vị cao đồ của Chân Sư sẽ huấn luyện các đệ tử làm hầu hết những công việc ở cõi Trung giới.

Nếu như người đệ tử cần phải học phát triển một vài quyền năng tâm linh ở cõi Trần, Chân Sư sẽ chỉ dẫn trực tiếp cho y hoặc gián tiếp qua một trong những người đệ tử ưu tú của Ngài. Những quyền năng gì được quy định sẽ khác nhau tùy vào cá tính và nhu cầu của người đệ tử, và thông thường tốt nhất chúng ta hãy đợi đến lúc chúng ta được chỉ định tập luyện môn này. Ngay cả khi đã biết ta cũng nên giữ kín và không nên bàn bạc với ai hết vì có thể nó sẽ không phù hợp với họ. Hiện tại ở Ấn độ có một số những người thầy dạy về môn này và mỗi người đều có một phương pháp khác nhau, một phần là do trường phái triết lý của họ khác nhau, và một phần là do quan niệm của họ cũng khác nhau về mỗi vấn đề. Nhưng cho dù phương pháp của họ là thế nào đi nữa họ cũng luôn hết sức giữ bí mật để tránh bị trách nhiệm về việc chúng có thể bị sử dụng sai lầm.

Tai hại của việc ẩn tống bừa bãi những cách luyện tập này đã được chứng tỏ rõ ràng tại Mỹ khi một cuốn sách của một vị thầy Ấn độ được phổ biến rộng rãi. Người thầy này có kín đáo nhắc đến một vài phương pháp luyện tập, nhưng ông đã cẩn thận

nhắc nhở ở đầu cuốn sách sự thiết yếu của việc rèn luyện tâm tính trước khi luyện tập. Tuy nhiên, những điều mà vị thầy này viết ra vẫn gây ra tai họa cho rất nhiều người, vì phần đông đều gạt bỏ lời khuyến cáo của ông về việc tu luyện tâm tính trước, và họ đã tự liệu lĩnh tập luyện các phương pháp mà ông đã mô tả. Trong một lần du lịch ở nước Mỹ tôi đã từng gặp một số người vì mạo hiểm tập luyện theo lời người thầy đó mà tự biến mình thành phế nhân. Một vài người trở nên mất trí, một số hay bị lên cơn điên, và một số khác bị ma ám bởi vài thực thể đeo bám không tha. Ta phải hiểu rằng để thật sự được an toàn, những phương pháp này chỉ có thể được luyện tập dưới sự giám sát của một người thầy hiện diện ngay lúc đó để quan sát kết quả và can thiệp khi ông ta thấy có biến đổi không tốt ngay lập tức. Thực vậy, ở tại Ấn độ người đệ tử thường hay ở sát cạnh vị thầy của y vì nơi đây người ta hiểu điều mà tôi đã từng nhắc đến trước đây: công việc đầu tiên và quan trọng nhất người thầy phải làm là điều chỉnh lại hào quang của người đệ tử cho hợp với ngài để vô hiệu hóa hết các ảnh hưởng quấy nhiễu luôn xảy ra trên thế giới và để hướng dẫn cho người đệ tử cách buông xả hết tất cả và tập sống trong sự hoàn toàn tĩnh lặng. Một trong những vị Thầy của chúng tôi đã từng viết trong một lá thư trước đây: “Hãy rời bỏ thế giới của con để đi vào thế giới của ta,” và dĩ nhiên ở đây, ý của Ngài

không phải là chỉ vào một nơi nào mà là một cảnh giới của tâm thức.

Hãy nhớ rằng khi bất cứ người nào thiền và suy nghĩ về Chân Sư đều tạo ra một đường dây kết nối với Ngài, nó hiện ra như một lần ánh sáng đối với người có nhãn thông. Vị Chân Sư lúc nào cũng cảm nhận được sự rung động của đường dây đó trong tiềm thức, và Ngài sẽ đáp lại bằng một dòng từ lực vững chãi vẫn tiếp tục rung động rất lâu sau khi buổi thiền đã chấm dứt. Việc hành thiền và định trí đều đặn sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người có ước vọng được chọn làm đệ tử, và sự đều đặn là một trong những yếu tố quan trọng nhất để tạo ra kết quả. Ta nên ngồi thiền mỗi ngày vào cùng một giờ và phải kiên trì thực hành cho dù không cảm thấy có kết quả gì cả. Khi ta không cảm thấy có kết quả cũng cần thận trọng nên ngã lòng, vì sự ngã lòng sẽ làm cản trở ảnh hưởng của Chân Sư đối với ta và nó cũng cho thấy rằng ta nghĩ về ta nhiều hơn về Ngài.

CON ĐƯỜNG TIẾN HOÁ

Khi chúng ta tuyên bố sự thật vĩ đại là tất cả mọi loài đều xuất phát từ Thượng Đế, và chúng ta đều là những điểm linh quang của ngọn lửa thiêng sẽ về đoàn tụ lại với Ngài, dĩ nhiên sẽ có người đặt ra hai

câu hỏi. Trước nhất, họ sẽ hỏi “Tại sao Thượng Đế lại đẩy chúng ta đi khi chúng ta là một phần của Ngài và thuộc nguồn gốc Thiên liêng ngay từ đầu? Tại sao Ngài lại cần biểu lộ trong vật chất khi Ngài là bậc Toàn Năng, Toàn Giác và Toàn Thiện? Thứ nhì, nếu chúng ta có nguồn gốc từ Thượng Đế, tại sao chúng ta phải trải nghiệm sự xấu xa và tại sao con người, vốn tính vốn thiện, lại có thể biến thành hư hỏng như chúng ta hay thấy ở chung quanh? Vì những câu hỏi này sẽ được lặp lại nhiều lần nên tốt nhất chúng ta hãy suy ngẫm làm sao có thể trả lời được chúng.

Tại sao Thượng Đế tự chọn biểu lộ không phải là chuyện của chúng ta. Chúng ta chỉ cần biết là Ngài đã chọn lựa như vậy, và chúng ta là một phần trong kế hoạch của Ngài, và vì vậy chúng ta có trách nhiệm tìm hiểu kế hoạch ấy với tất cả khả năng của chúng ta để thích nghi với nó. Nhưng nếu có người nào có hoài vọng tìm hiểu về bí ẩn này, có thể không có lời giải thích nào hay hơn từ những Giảng Sư Phái Triết Gia Thần Bí (Gnostic Doctors)

“Thượng Đế là Tình thương, nhưng Tình thương không thể nào là hoàn mỹ trừ khi nó có đối tượng để thương yêu và được hồi đáp. Vì vậy Ngài tự biểu lộ qua vật chất, tự giới hạn sự vinh quang để từ đó qua sự tiến hoá tự nhiên và chậm chạp mà chúng ta được hình thành. Chúng ta sẽ lần lượt tiến hoá theo Thiên Cơ để đạt đến trình độ của Ngài, đến lúc đó thì Tình thương của Thượng Đế sẽ càng thêm hoàn hảo vì nó

sẽ trút lên những người “Con” là những người sẽ biết thông cảm và hồi đáp, như vậy kế hoạch vĩ đại của Ngài sẽ được thực hiện và Ý muốn của Ngài sẽ được hoàn tất.”

Còn xem xét thêm tại sao sự xuất phát phải diễn ra theo đường lối đặc biệt này, một lần nữa đó cũng không phải là chuyện của chúng ta vì chúng ta chỉ cần biết về dữ kiện của sự tiến hoá chứ không cần biết lý do, nhưng ít nhất câu trả lời cũng không phải khó tìm. Quả thật con người xuất phát từ chất liệu thiêng liêng của Thượng Đế, nhưng ta phải nhớ rằng chất liệu này khi được phát ra chưa được chuyên biệt hóa vì dưới góc nhìn của chúng ta nó chưa có tâm thức, nhưng thực ra nó có tiềm năng tâm thức hơn bất cứ thứ gì mà chúng ta thường dùng danh từ đó để diễn tả.

Trên đường đi xuống vật chất, nó chỉ thu thập xung quanh nó chất liệu của các cõi khác nhau nơi nó đi qua, chỉ khi nào nó tới chỗ thấp nhất của sự tiến hoá trong loài kim thạch nó mới bắt đầu hướng thượng và trở về nơi nó xuất phát, khi đó nó mới bắt đầu phát triển cái mà chúng ta gọi là tâm thức. Đây là lý do mà con người bắt đầu phát triển tâm thức trước hết ở cõi trần, vì chỉ sau khi đã hoàn tất hết quá trình này, y mới bắt đầu tinh thức lần lượt ở trên cõi cảm dục và cõi trí.

Dĩ nhiên Thượng Đế có thể dễ dàng tạo ra một con người hoàn mỹ chỉ biết vâng lời, nhưng như vậy

y chẳng khác chi người gỗ - ý của y chỉ là ý của Thượng Đế hoạt động bên trong hay sao? Cái mà Thượng Đế mong muốn là làm sao khơi dậy được sự sống từ chất liệu bên trong của Ngài để chúng có thể trở thành được giống như Ngài trong quyền năng và vinh quang, với đầy đủ quyền tự do chọn lựa nhưng chắc chắn là chọn đúng chứ không sai quấy, vì ngoài quyền năng toàn vẹn chúng còn phải có sự hiểu biết và tình thương toàn hảo.

Thật khó tưởng tượng có cách nào khác hơn để đạt được kết quả này ngoại trừ đường lối đã được vạch sẵn - đó là cách để cho con người được quyền tự do chọn lựa và do đó sẽ có thể mắc nhiều sai lầm. Từ những lỗi lầm đó, y mới có thể học hỏi và gặt hái kinh nghiệm, mặc dù cách này chắc chắn sẽ dẫn đến sự ác độc gây nhiều buồn phiền và đau khổ, nhưng khi chúng ta hiểu được vai trò thiết yếu của nó trong sự tiến hoá của nhân loại, ta mới thấy tại sao tục ngữ của người Trung Hoa có lý khi nói tà pháp chỉ là cái bóng của thiện pháp. Quả thật đúng như vậy, cho dù đám mây khi ở dưới nhìn lên có đen tối cỡ nào đi nữa, bản chất của chúng vốn là vô thường vì bên trên và đằng sau chúng là mặt trời oai nghi lẫm liệt, lúc nào cũng sáng chói sẽ đánh tan đi hết đám mây mù, nên câu tục ngữ trên rất đúng là *mọi* thứ kể cả cái xấu nhất thật ra đang hợp tác với nhau để làm nên điều tốt.

Ít nhất điều này đối với bản thân những người đã tiến bộ là một sự thật tuyệt đối; cho dù họ không hy

vọng chúng mình được điều này với những ai chưa từng trải qua kinh nghiệm, nhưng ít ra họ là một bằng chứng hùng hồn, và dĩ nhiên sự chứng minh này cũng có một giá trị đối với những linh hồn nào còn đang tiếp tục cố gắng hướng về phía ánh sáng.

Còn về câu hỏi thứ hai, chúng ta có thể nói một cách công bằng rằng nó phỏng đoán quá nhiều. Không thể nói là chúng ta bị đưa vào chỗ tối tăm và tội lỗi vì thực ra chúng ta không bị đưa vào đâu hết. Những gì xảy ra là một điều hoàn toàn khác biệt. Thượng Đế tự biểu lộ bằng cách phóng ra một luồng năng lực mà ta có thể nói rằng đó là một phần chất liệu hay y phục của Ngài. Luồng năng lực này chứa rất nhiều Chân Thần, và mỗi Chân Thần, khi đã phát triển đầy đủ, đều có thể trở thành một vị Thượng Đế. Nhưng để cho sự phát triển này được thành đạt thì nó cần phải biểu lộ qua vật chất với nhiều mức độ khác nhau, để từ đó một biệt ngã có thể từ từ được hình thành, rồi sau đó những khả năng tiềm ẩn mới được khai thác. Đây là quá trình của sự tiến hoá và có những đại luật trong vũ trụ được sắp xếp để giúp đỡ cho tiến trình này. Trong những giai đoạn sơ khai hay đầu tiên của sự biểu lộ của Chân Thần, nó sẽ bị quản thúc bởi những đại luật này vì nó chưa phát triển được một biệt ngã hay linh hồn của chính nó.

Nhưng sẽ tới một giai đoạn mà cá nhân tính được hình thành và ý chí cũng bắt đầu phát triển. Kế hoạch của Thượng Đế là cho phép con người một số quyền

tự do chọn lựa (trước tiên rất ít) để ý chí sử dụng, và dĩ nhiên theo luật trung dung, con người bán khai sẽ sử dụng ý chí của mình để chọn khi thì làm ác, khi thì làm thiện ngang nhau, tuy rằng lúc nào y cũng có những vị thầy thuộc hệ thống tiến hoá trước chỉ bảo cho y đường nào là đúng. Khi y chọn sai (nghĩa là ngược dòng tiến hoá), đương nhiên y sẽ phải chịu đau khổ bởi định luật tạo hóa. Khi việc này cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, linh hồn non trẻ cuối cùng sẽ học được kinh nghiệm khiến y phải tuân theo những lời chỉ dạy khôn ngoan, rồi khi việc này đã trở thành một thói quen y sẽ có một phạm vi tự do lớn hơn để hoạt động.

Trong phạm vi mới này, chắc chắn đôi khi y vẫn làm sai cũng như đúng, nên quá trình này cứ được lặp đi lặp lại với sự đau khổ do những lầm lỗi đã gây ra. Những đau khổ tối tăm của nhân loại lúc nào cũng là kết quả chọn lựa sai lầm của con người khi hành động, và họ vẫn còn đang học hỏi cách chọn làm sao cho đúng, chỉ khi nào tất cả mọi người đều học xong bài học này thì sự đau khổ mới chấm dứt. Do đó ta có thể thấy là mọi sự xấu xa, đau khổ trên thế gian đều do hành động của cư dân nơi đó, và bản chất của nó là vô thường. Cho dù rễ của nó có cắm sâu và đáng sợ đến cỡ nào, nó cũng không thể tồn tại mãi vì thực chất của mọi thứ là nó sẽ biến mất khi nguyên nhân của nó bị loại bỏ. Khi đau khổ còn tồn tại, chúng ta chỉ nên trách bản thân mình, đừng trách

Nguyên Nhân Đầu Tiên (Thượng Đế), vì chính chúng ta đã thất bại khi thực hiện kế hoạch của Ngài.

Chúng ta thường cố võ mọi người nên theo đuổi đường lối cao thượng thay vì thấp hèn, nhưng tôi nghĩ rằng thật sự là con người chỉ có thể đi theo đường lối cao thượng nào mà y nắm chắc nhất. Trong nhiều trường hợp, việc khó khăn là lời dạy dỗ về giáo lý cao siêu quả thật rất mơ hồ và không thực tế đối với mọi người, nên dù có tuyên bố rằng họ tin vào nó và suy nghĩ như vậy thật, nhưng khi hành động họ vẫn cảm thấy điều này quá mơ hồ không thể đặt cả vận mệnh của mình vào đó.

Thí dụ, có nhiều người nghĩ rằng họ rất mộ đạo nhưng lại chạy theo danh vọng và phú quý. Thái độ này có thể hợp lý nếu họ là người thực tế và không giả vờ là họ tin vào một điều gì cao thượng hơn, nhưng khi chúng ta tìm thấy một người sùng đạo lại theo đuổi vật chất thì chắc chắn có một điều gì không đúng, không hợp lý. Sự thật là y vốn không tin vào tôn giáo của y, y chưa hoàn toàn được thuyết phục bởi giáo lý chân thật của nó, vì nếu có thì y đã không theo đuổi những thứ khác. Y chạy theo những gì y cho là chắc chắn mà không hề do dự về giá trị của tiền bạc và quyền lực. Y biết y thích chúng và nghĩ rằng nếu mình sở hữu được chúng thì sẽ có hạnh phúc. Do đó y dồn hết năng lực và thì giờ để chiếm hữu, nhưng chúng ta nên nhớ rằng khi y làm như vậy thì ít ra y đang khai triển ý chí và sự kiên cường.

Bây giờ nếu bạn có thể thuyết phục y tin vào giá trị của những chân lý cao siêu như y đang tin vào giá trị của đồng tiền, y sẽ lập tức thay đổi mục tiêu và dùng ý chí cùng sự kiên trì đó vào việc phát triển những chân lý cao hơn, rồi sẽ theo đuổi chúng với mức độ tinh tấn như bây giờ y đang theo đuổi cái bóng của vật chất. Đây chính là điều mà Thông Thiên Học sẽ làm được cho y. Một người thật sự thấu hiểu Thông Thiên Học sẽ biết y tới đây với mục đích gì, và chuyện của y phải làm là dành hết thì giờ để làm việc cho mục đích đó. Y nhận biết thấu đáo những gì đáng làm và lý tưởng gì đáng theo đuổi, nên y cống hiến hết mình cho các việc này với sự nhiệt tình mà y đã từng bỏ ra khi theo đuổi tiền tài và danh vọng.

Tuy nhiên, để làm được việc này thì y không thể nào chỉ có một cảm thích mơ hồ hay đọc vài cuốn sách. Y thật sự phải hoàn toàn và triệt để tin tưởng vào nó để được thuyết phục bởi chân lý của nó. Như vậy cách duy nhất để làm cho một người có lòng tin triệt để ở Chân lý là trước tiên y phải tự nhận thức rõ được vài phần của nó, cho dù chỉ là một phần nhỏ, một cách trực tiếp. Nếu không được, dĩ nhiên một người vẫn có thể dùng lý trí để tin vào chân lý và lý luận rằng không có gì hợp lý hơn, nhưng rất ít người trong chúng ta có đủ sức mạnh để hành động dựa trên lòng tin hợp lý về những việc ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Đối với phần đông chúng ta, ít nhất một

vài phần nhỏ của giáo lý, một vài thí dụ chẳng hạn, cần phải được chứng minh và hiểu thấu.

Chúng tôi, những môn đồ trước đây, đều cảm nhận sâu sắc được điều này cũng như những môn đồ hiện tại, và trước đây 25 hay 27 năm về trước, khi chúng tôi hỏi Bà Blavatsky rằng có cách nào để chúng tôi có thể tự kiểm chứng những giáo lý này, Bà lập tức trả lời là có. Bà dạy rằng chỉ cần chúng tôi bỏ ra công sức để mở mang những khả năng cần thiết thì chúng tôi chắc chắn sẽ trải nghiệm được sự thật của phần lớn giáo lý bí truyền. Bà có căn dặn rằng con đường này rất dài và cực khổ và không ai có thể tiên đoán được một người cần phải bỏ bao nhiêu lâu để đi trên đoạn đường đó. Tuy nhiên bà cũng an ủi chúng tôi rằng cuối cùng kết quả này cũng sẽ đến, và những ai đã đặt chân lên con đường này nhất định sẽ đạt đến mục đích, cho dù rằng trong một vài trường hợp, kết quả sẽ không phải đến trong kiếp này mà là kiếp tái sinh.

Đối với chúng tôi, điều này rất khích lệ nhưng cũng khá nản lòng, dù sao đi nữa một số người chúng tôi cũng tin lời bà và đặt hết tâm hồn vào đời sống đã được định sẵn rồi thực hiện những công việc được giao phó ở trước mắt. Thành quả của chúng tôi đều khác nhau, nhưng đối với những người đã bỏ ra công sức và kiên trì với nó, tôi nghĩ là không có một ai mà không đạt được một vài kết quả - ít nhất cũng đủ để cho y thực nghiệm những gì y được dạy bảo là đúng,

và nếu tiến trình của y có chậm hơn điều mong muốn thì đó là lỗi của y chứ không phải của các thầy.

Tuy nhiên, một vài người trong chúng tôi đã thành công trong việc kiểm chứng một số lớn các điều mà Chân Sư đã nhắc tới: trước nhất, trong phạm vi hạn hẹp về con người của chúng ta, về các dẫn thể, tiềm năng, và đời sống ở cõi cảm dục là cõi ở gần chúng ta nhất; sau đó, do sự kiên trì khổ luyện một thời gian dài, chúng tôi đã phát triển được các năng lực của thể trí và hiểu được lần đầu tiên thế nào là đời sống ở cõi Thiên-đàng mà các Ngài đã từng ghi lại. Thoạt đầu, tất cả các việc này đều bị chúng tôi hiểu lầm, vì với khả năng hạn hẹp lúc bấy giờ chúng tôi vốn không thể nào hiểu nổi nó. Rồi nhờ vào sự khổ luyện đều đặn, chúng tôi đã mở được chức năng của nhân thể, và lúc đó nguyên một thế giới của những thực tại tương đối mới bắt đầu mở ra trước mắt chúng tôi.

Chúng tôi đã đọc qua các ghi chép về quá khứ để từ chúng nhìn thấy được một cách hoàn toàn chắc chắn kế hoạch của Thượng Đế đang từ từ mở ra và phát triển như thế nào qua các kiếp đầu thai liên tiếp dưới sự chỉ đạo của đại luật tiến hoá và nhân quả. Chúng tôi thấy rõ ràng mình cũng là một phần của kế hoạch vĩ đại này, và như vậy chúng tôi có bổn phận, lợi điểm và vinh hạnh để tham gia vào kế hoạch này và hợp tác một cách thông minh để cho nó được hoàn tất. Chúng tôi không còn hoài nghi về thực tế của sự

tiến hoá vĩ đại hoặc tương lai của nhân loại, vì chúng tôi rõ ràng đã tiến hoá từ những loài thấp hơn và có thể nhìn thấy các giai đoạn tiến hoá thấp hơn cũng như cao hơn so với chúng tôi. Mọi giai đoạn khác nhau của kiếp sống nhân loại được sắp xếp như các nấc thang trước mặt chúng tôi: chúng tôi có thể nhìn thấy các nấc thang đi lên và đi xuống từ vị trí của mình, và trên mỗi nấc thang đó đều có những thực thể đang cố gắng leo lên.

Các vị Chân Sư, những người dường như đã ở trên tột đỉnh, quả quyết với chúng tôi rằng Họ cũng từng là người như chúng ta và Họ đã vượt qua giai đoạn mà chúng ta hiện giờ đang đứng, giữa Họ và chúng ta không có sự ngắt quãng vì mọi nấc thang đều được chiếm dụng, nên chúng ta có thể theo dõi quá trình tiến hoá của những người tiến bộ hơn chúng ta tiến lên nấc thang kế tiếp từ cấp bậc của chúng ta. Khi chúng tôi đã làm quen với ánh sáng huy hoàng của các cõi cao hơn, chúng tôi có thể thấy được rằng trên nấc thang cao vời vợi của các vị Chân Sư còn có những nấc cao hơn thế nữa. Trên các Ngài là các Vị Bàn Cổ, Đức Bồ-tát (Christ), Đức Phật, Vị Thần Nhân Quả, các Đại Thiên Thần, các vị Đế Quân, và còn nhiều Vị khác nữa mà chúng ta không thể biết đến ngoại trừ việc hiện tồn của Họ, và ngay trên nấc thang cao không thể tả của Họ, chính Họ cũng là một phần tạo nên chuỗi thang dài bất tận.

Tất cả quá khứ đều nằm trong tầm mắt chúng ta, chúng ta thấy rõ những chỗ dừng chân cũng như những ngõ quẹo bên đường, và do đó chúng ta có niềm tin vững chãi là một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ đứng ở vị trí của các Vị Cao Cả. Để thấy và hiểu được tương lai không thể tránh được của chúng ta, chúng ta sẽ ngộ được rằng phản kháng là vô dụng. Tiến hoá là định luật đã được vạch sẵn cho chúng ta, hạnh phúc và sự an toàn chỉ nằm trong sự tiến hoá. Còn nói về sự tiến triển của một dãy tiến hoá thì phần đông nhân loại chưa đạt được đến trình độ được gọi là “an toàn” hay “được cứu vớt.” Chúng ta chỉ có thể đạt đến trình độ này khi chúng ta trở thành thành viên của Quần Tiên Hội (một tập thể vĩnh hằng) bằng cách vượt qua được lần điểm đạo đầu tiên, được gọi là Sotapatti hay Srotapanna, người đã nhập lưu hay vào dòng.

Đạt được kết quả này là một sự kiện rất quan trọng vì nó là điểm trọng yếu trong quá trình tiến hoá của loài người. Có ba điểm ngoặt lớn trong quá trình này. Thứ nhất là việc nhập vào hàng ngũ nhân loại: việc cá nhân hoá để lấy được nhân thể và trở thành một linh hồn rõ ràng và riêng biệt. Mục tiêu của loài thú là cá nhân hoá và sự phát triển của nó có một mục đích rõ ràng: đó là sự hình thành một trung tâm lực mạnh mẽ mà xuyên qua đó năng lượng của Thượng Đế có thể tuôn tràn xuống. Ban đầu khi trung tâm lực này được hình thành, nó chỉ là một linh hồn nhỏ

bé yếu đuối và không chắc chắn, nhưng để trở thành mạnh mẽ và riêng biệt thì ranh giới của nó phải được củng cố bởi sự ích kỷ của loài thú dã man. Qua bao nhiêu kiếp một bức tường ích kỷ cứng rắn phải được duy trì để cho trong đó một trung tâm lực vững vàng và rõ rệt có thể phát triển.

Chúng ta có thể coi sự ích kỷ này như là một giàn giáo (scaffold) cần thiết để xây cất một toà nhà lớn, nhưng nó phải bị huỷ đi sau khi toà nhà đã được xây xong để mục đích xây toà nhà đó được thực hiện. Giàn giáo rất là xấu xí và nếu nó vẫn còn được giữ lại sau khi toà nhà đã được xây cất xong, không ai có thể vào ở toà nhà đó được, nhưng nếu không có nó thì toà nhà không thể nào được xây cất. Mục đích của việc hình thành một trung tâm lực là để xuyên qua đó mà năng lực của Thượng Đế có thể tuôn ra cho toàn thế giới, và sự toả chiếu đó sẽ bị cản trở nếu như sự ích kỷ vẫn còn hiện tồn, nhưng nếu không có sự ích kỷ đó lúc đầu thì một trung tâm lực mạnh mẽ sẽ không được thành hình. Vậy chúng ta có thể thấy tại sao tính chất xấu xa này lại có một chỗ đứng trong dòng tiến hoá. Bây giờ đối với chúng ta, công việc đó đã xong và chúng ta cần phải huỷ bỏ nó đi. Tuy nhiên, thật vô ích khi ta nổi giận với một người bình thường chỉ vì y còn ích kỷ, vì nó chỉ có nghĩa là một đức tính cần thiết trong người dã man vẫn còn tồn tại trong người văn minh. Thực tế mà nói người ích kỷ

là người lỗi thời, một sự tồn tại của tính man di thời tiền sử. Y đi sau thời gian một cách vô vọng.

Vậy làm sao một con người có thể trở thành vị tha để tự theo kịp dòng tiến hoá của chu kỳ hiện tại? Tạo hoá có rất nhiều phương pháp để thực hiện kết quả này, nhưng trên nguyên tắc chúng chỉ là một. Chủ yếu là con người phải nhận thức được sự đồng nhất của vạn vật, và y có thể làm được điều này khi y bắt đầu mở rộng ngã thức để bao gồm người khác. Thay vì y tự coi mình là một đơn vị thì y bắt đầu coi gia đình là một đơn vị mà y phải lo toan, và trong giới hạn này y bắt đầu biết hy sinh. Rất nhanh thôi y sẽ mở rộng tầm suy nghĩ để bao gồm một bộ lạc hay một gia tộc mà y thuộc về, và y sẽ học tánh vị tha trong giới hạn này trong lúc y vẫn còn ích kỷ và thậm chí dữ dằn đối với người ngoài mà y cho là kẻ thù bẩm sinh của y. Về sau này y sẽ nói rộng tư tưởng của y để bao gồm thêm ít nhất một vài khía cạnh đặc biệt nào đó như tổ quốc mà y đang sinh sống.

Hiện nay nhân loại đang đứng đầu đó trong giai đoạn chuyển đổi tư tưởng này. Trong hầu hết các vấn đề lật lật, con người bình thường vẫn đấu tranh cho quyền lợi của gia đình họ hơn là cho gia đình khác, nhưng trong vài việc lớn y nhận thức được lợi ích chung giữa gia đình y và các gia đình khác, vì thế y bắt đầu phát triển cái mà y gọi là lòng ái quốc và tinh thần quốc gia, nhưng ngay cả trong vấn đề này y vẫn còn ích kỷ đối với những gia đình khác không đồng

ngôn ngữ hay sinh trưởng ở các nơi khác. Đến một lúc nào đó trong tương lai, con người sẽ mở rộng tâm thức để bao trùm cả nhân loại, và lúc đó chúng ta cuối cùng có thể nói rằng y đã từ từ trở nên không ích kỷ.

Trong khi y đang học mở rộng tâm nhìn về sự liên hệ giữa y và người khác, y cũng học thêm được về bản chất của y. Trước nhất y ý thức được là y không phải là thể xác của y, rồi sau đó y cũng không phải là cảm xúc của y, rồi sau đó nữa y cũng không phải là suy nghĩ của y. Cuối cùng việc này dẫn đến sự giác ngộ y chính là linh hồn hay Chân Ngã, và rất lâu sau đó y sẽ ý thức được là ngay cả Chân Ngã cũng là một cái gì riêng rẽ vì thực tế vốn chỉ có một sự hợp nhất siêu phàm.

Vậy thì con người sẽ đi hết một vòng một mỗi của 777 kiếp luân hồi, một quá trình học hỏi rất dài và cực khổ đầy rẫy những băn khoăn, nghi ngại nhưng cuối cùng rồi những nghi ngại này cũng được chấm dứt khi y nhập lưu, một sự kiện làm cho y vĩnh viễn được an toàn, và đây là lối ngoặt thứ hai đáng kể trong quá trình tiến hoá của con người. Tuy nhiên, trước khi có thể đi được bước này, y phải học cách hợp tác có ý thức với tạo hoá và nhất định tích cực nắm lấy chương trình tiến hoá của mình trong tay. *Sự hiểu biết về sự hợp nhất* không những giúp cho y bỏ tính ích kỷ mà còn làm cho y khao khát muốn trở thành một con người hữu dụng, nó cho y động cơ để học hỏi và tự hoàn thiện bản thân - cũng là lý do và

tiêu chuẩn cho các hành động của y, để dựa vào đó y có thể đánh giá các cảm xúc và tư tưởng của y cùng giá trị của những gì mà y tiếp xúc.

Vậy y phải bắt đầu như thế nào để tự hoàn thiện bản thân? Đương nhiên là y phải nhổ cỏ dại, hay nói một cách khác, là phải trừ khử từng tính nết xấu xa còn nằm tiềm ẩn bên trong, sau đó y phải tìm hiểu và phát triển những tính tốt. Y phải tập giúp đời mặc dù lúc ban đầu y có thể rất vụng về về vấn đề này. Tu tâm luyện tánh là một công trình chậm chạp và tốn rất nhiều công sức vì nó sẽ gặp nhiều kháng lực, phần đông do chính y tạo ra trong quá khứ. Y đã quen thả lỏng làm theo những thói tính xấu xa lâu rồi nên chúng mới tích tụ thành một năng lượng mạnh mẽ như vậy.

Chúng ta hãy lấy trường hợp tính dễ cáu làm thí dụ. Trong quá khứ y hay nóng giận và mỗi lần nổi cơn nóng như vậy thì y sẽ khó kiềm chế được trong lần tới. Khi một thói quen đã được hình thành, một số lớn năng lượng theo chiều hướng đó đã được tích lũy, và nó được tàng trữ *không* phải trong *ân thể* như một phẩm chất căn bản mà trong hạt nguyên tử trường tồn của thể cảm dục. Do đó, ngay cả lúc y nhận ra được điều xấu của cơn giận và cố gắng cưỡng lại nó, y phải đối diện với kho năng lượng dự trữ mà y đã tích tụ qua bao nhiêu kiếp. Dĩ nhiên y sẽ khám phá ra việc kiềm chế cơn giận rất khó khăn và sẽ gặp nhiều thất bại làm nản lòng, tuy nhiên điều quan trọng

nhất mà y phải nhớ là cho dù có thất bại bao nhiêu lần nhưng theo quan điểm khoa học chắc chắn y sẽ chiến thắng nếu y tiếp tục kiên trì.

Cho dù năng lượng được tích tụ bao nhiêu, nó vẫn là một số lượng nhất định, và mỗi một nỗ lực y đưa ra để kháng cự sẽ làm giảm cường độ của nó tương đương với nỗ lực của y. Tuy nhiên, phía bên y còn có một sức mạnh vô tận: chỉ cần ý chí đủ mạnh thì y vẫn có thể trải qua bao nhiêu kiếp cần thiết để tăng cường sức mạnh của bên thiện để chống lại bên ác, và đằng sau nỗ lực đó là kho năng lượng vô tận của Thượng Đế bởi vì sự tiến hoá này rất phù hợp với Thiên Ý. Khi chưa triệt để thấu hiểu được ý nghĩa của sự hợp nhất, y sẽ chưa có đủ động lực để chịu đựng một quá trình gian nan cực khổ của việc huấn luyện nhân cách, nhưng khi đã thấy được điều cần thiết của việc này, y có lý do để cố gắng cho dù phải thất bại cả ngàn lần như y đã từng thất bại trong giai đoạn đầu tiên. Không có thất bại nào có thể làm nản lòng một người đã hiểu rõ được kế hoạch này vì y nhận ra được dù chiến đấu có gay go đến đâu y vẫn có sự hỗ trợ của nguồn năng lượng vô tận bên y, và như vậy thì y không thể nào thua cuộc.

Để chắc chắn nhớ được mục đích này từ kiếp này sang kiếp khác, y phải nâng cao tâm thức lên tới Chân Ngã, nhưng trong những giai đoạn mà y chưa có khả năng làm việc này thì y nên cố gắng gây ra ấn tượng sâu đậm lên các hạt nguyên tử trường tồn để ý định

này được đem theo từ kiếp này sang kiếp khác. Nếu có thể liên lạc được với Chân Ngã, y sẽ được sinh ra với kiến thức này như là một bản năng thiên phú, còn nếu chỉ có thể gây ra ấn tượng lên các hạt nguyên tử trường tồn thì kiến thức này sẽ không được sinh ra như một phần của bản năng sẵn có trong y, nhưng giây phút mà nó xuất hiện trước mặt y dưới bất cứ hình dạng nào trong kiếp sau y sẽ nhận ra ngay được sự thật, sẽ nắm bắt lấy nó và hành động theo nó. Sự trau dồi liên tục về đức hạnh và sự tiến bộ về trí tuệ chắc chắn sẽ đưa y đến cửa ngõ của người đệ tử dự bị, và thông qua đó đến sự điểm đạo tuyệt vời mà chúng ta đã từng nhắc đến.

Sau lần điểm đạo đầu tiên, lối ngoặt thứ ba chắc chắn sẽ theo sau: việc tiến xa hơn nữa để đến bờ bên kia của dòng nước, đó là việc thành tựu quả vị Chân Tiên khi con người từ giả cuộc tiến hoá của nhân loại để nhập vào hàng ngũ siêu nhân loại. Chúng tôi được cho biết rằng một người khi đã nhập lưu phải tôn trung bình bảy kiếp để đạt đến nấc thứ tư của cuộc điểm đạo lên quả vị La-Hán, một đáng toàn thiện, trang nghiêm, và đáng tôn kính. Thời gian này thường được kéo dài ra hơn là rút ngắn, và các kiếp này thường nối tiếp nhau mà không cần phải có thời gian xen vào ở cõi Thiên Đàng. Thông thường chỉ có những vị đã đạt tới giai đoạn này mới có thể miễn trừ hoặc từ chối cuộc sống ở cõi Thiên Đàng.

Cũng vậy, những người có điểm phúc được chọn lựa góp phần vào công việc cao cả mà các Chân Sư đang chuẩn bị cho chúng ta như việc phụ giúp Vị Bàn Cổ có trách nhiệm điều hành sự phát triển của giống dân thứ sáu cũng cần có nhiều kiếp đầu thai liên tục mà không có sự gián đoạn để nghỉ ngơi tại Thiên Đàng. Khả năng này có thể xảy ra, nhưng nó buộc phải theo một quy luật là tâm thức người đó đã tỉnh thức ở cõi thiên đàng trước khi y được từ chối đời sống ở cõi này, và hơn nữa, nó không phải đơn giản chỉ là việc tình nguyện từ chối phần thưởng này mà là việc y phải tiến hoá khá cao để có thể bỏ qua tạm thời phần học hỏi tiến hoá cần thiết cho phần đông nhân loại ở cõi này.

Khi một người đã đứng ở nấc thang La Hán thì coi như y đã hoàn thành phân nửa cuộc hành trình từ lần điểm đạo đầu tiên đến quả vị Chân Tiên vì y đã cởi bỏ được năm trong mười xiềng xích ngăn cản con người không nhập được Niết Bàn. Trước mặt y là nhiệm vụ phải cởi bỏ năm xiềng xích còn lại, và như vậy y phải tốn trung bình bảy kiếp đầu thai, nhưng chúng ta phải hiểu là con số này vốn không phải là một định luật vì có nhiều người sẽ cần lâu hơn, trong khi đó có nhiều người với ý chí và sự kiên trì mạnh mẽ hơn sẽ thông qua những lần điểm đạo này nhanh hơn. Có một trường hợp của một người được biết đến là ngay trong giây phút đầu tiên của kiếp sống và do nhờ sự nỗ lực không ngừng, Ngài đã vượt qua luôn

liên tiếp bốn lần điểm đạo trong một kiếp, tuy nhiên trường hợp này thật rất hiếm và không có một ai trong mười ngàn thí sinh có thể làm được chuyện này.

Chúng ta phải nhớ là để đạt được quả vị La-Hán, người đó phải có khả năng dùng được thể Bồ-đề, và khi y nâng tâm thức lên thể Bồ-đề thì nhân thể lập tức tan biến và y không cần thiết phải tái lập nó. Vì vậy bảy kiếp đầu thai còn lại trước khi y đạt được quả vị Chân Tiên có thể không liên quan đến việc đầu thai, nên như vậy chúng không hẳn là đầu thai theo định nghĩa thường được dùng cho danh từ này. Dù sao đi nữa, trong phần đông trường hợp chúng đều dính líu tới cõi trần vì người đó cũng có công việc cần phải làm tại cõi đó cho Thiên Đoàn.

Thí sinh sẽ sử dụng mười bốn kiếp để vượt qua những giai đoạn khác nhau trên đường Thánh Đạo và để tu tập được hết tất cả những đức hạnh đã được mô tả rất tỉ mỉ trong vài chương của quyển *“Những Người Cứu Trợ Vô Hình.”* Người trở thành đệ tử dự bị của một trong các Đức Thầy lúc nào cũng chọn lấy con đường Thánh Đạo, không phải vì để ích kỷ giải thoát cho riêng mình (việc chỉ làm cân xứng lại các nhân quả tốt, xấu và diệt dục để không cần phải luân hồi), mà vì đó là con đường của sự từ bỏ và hy sinh vì y đã nhìn thấy được kế hoạch của Thượng Đế và toàn tâm, toàn sức muốn đẩy mạnh kế hoạch này cho sự tiến hóa chung của đồng loại.

Con đường này từng được gọi là “Con Đường của Khô Đau” vì nó luôn luôn đòi hỏi sự hy sinh của bản thân, nhưng thật sự danh từ này có hơi lầm lẫn vì tuy rằng quả thật có sự đau khổ nhưng nó là sự đau khổ ở cõi thấp chứ không phải ở cõi cao, và nếu một người vì muốn tránh khỏi đau khổ mà y ù lì hay thụ động bỏ bê công việc mà y lý ra có thể làm được, y sẽ bị đau khổ nhiều hơn ở cõi cao hơn trong hình thức của sự hối hận. Sự đau khổ tất nhiên phải xảy ra trên con đường Đạo, vì hiện giờ trong cuộc tuần hoàn thứ tư, môn sinh đang phấn đấu làm công việc mà trong cuộc tuần hoàn thứ bảy nó sẽ trở thành tự nhiên và dễ dàng hơn nhiều. Lúc đó, tất cả các dẫn thể của chúng ta sẽ phát triển nhiều hơn bây giờ, và ngay cả vật liệu được dùng để chế tạo chúng cũng có trạng thái khác hẳn đi, vì hạt nguyên tử thể xác sẽ có 7 vòng xoắn ốc cùng hoạt động thay vì chỉ có bốn như hiện nay. Vì vậy, khi chúng ta buộc các dẫn thể chưa phát triển hiện thời của ta làm công việc mà sẽ là tương đối dễ dàng đối với các dẫn thể hoàn toàn phát triển của mấy triệu năm về sau, ta sẽ có rất nhiều căng thẳng, và sự căng thẳng này tất nhiên sẽ mang đến một số khổ đau.

Việc này tương đương với sự đau khổ và dày vò của một vận động viên khi y vui vẻ chấp nhận nó để đào tạo thể chất. Nếu y muốn tham dự một cuộc đua lớn hay thử sức, y phải bắt buộc thể xác làm hơn sức bình thường của nó, cảm nhiều thứ nó thích, như vậy nó sẽ bị bức bối không ít và thậm chí còn đau khổ

(tuy mang tính cách xây dựng) do sự thiếu thốn này. Nhưng vì ôm ấp hoài bảo nên người vận động viên vẫn vui vẻ chịu khổ. Thật vậy, nếu chỉ vì lợi ích của sự trốn tránh tạm thời một chút khó chịu mà y bỏ lỡ cơ hội không tham dự vào cuộc thi đua hoặc thử sức, gần như chắc chắn khi chứng kiến các bạn đồng môn vượt qua mình và tiến đến đài vinh quang y sẽ hối hận về giây phút mềm lòng đó, điều này sẽ làm cho y cảm thấy đau khổ nhiều hơn ở cõi cao hơn. Ví dụ tương tự này cũng có thể được dùng liên quan đến nỗ lực cần thiết để tiến bộ trên con đường từ bỏ, vì một người bỏ cuộc bên đường do không chịu nổi những khó khăn và thiếu thốn chắc chắn sẽ đau khổ hơn về sau khi y hối hận nhận ra rằng lẽ ra y có thể tương trợ hoặc gánh vác cho đồng loại đang bị bỏ bê và đau khổ nếu như y đã không lười biếng.

Cái “Tôi” vốn không bị đau đớn, chỉ có các dẫn thể thấp hơn bị đau đớn mà thôi, khi chúng bị điều chỉnh quá sớm. Một thí dụ tương tự là sự phát triển của loài cua và những loài giáp xác. Những sinh vật này để lộ bộ xương của chúng ra ngoài như một cái vỏ cứng cáp để tự bảo vệ, trong khi xương của chúng ta lại nằm bên trong dưới hình dạng một bộ xương người. Một lỗi lầm chí mạng trong việc thiết kế loài giáp xác là khi sinh vật này phát triển, nó phải lột xác ra khỏi cái vỏ cũ và đợi cái vỏ mới hình thành, một quá trình rất đau đớn và bất tiện. Cũng vậy, trong quá trình phát triển, chúng ta cũng tạo ra những lớp

vỏ tư tưởng giống như chúng ta là loài giáp xác thể trí vậy. Tới một lúc nào đó, cái vỏ này sẽ trở nên chật hẹp, vì vậy chúng ta sẽ phải bỏ ra nhiều công sức để nhồi nhét sự tăng trưởng sao cho vừa bên trong cái vỏ cũ, và cuối cùng khi không thể nào chịu đựng được nữa chúng ta phải cắn răng chịu đau khổ bung ra ngoài. Dù sao đây cũng là chuyện không thể tránh được, và bạn cũng không nên phàn nàn về nghiệp quả hay định luật bất biến của thiên nhiên vì chính bạn đã tự tạo ra cái lớp vỏ cứng rắn này trong quá khứ, rồi bây giờ bạn phải tự phá nó đi. Tuy nhiên, nếu bạn không chịu phá vỡ lớp vỏ này chỉ vì muốn tránh phiền toái bạn sẽ cảm thấy chua xót hơn khi cảm thấy mình vẫn chưa tiến bộ gì cả.

Có rất nhiều người sợ thay đổi, nhất là về tôn giáo, và đây không những là do thành kiến mà còn do sự lo sợ bị mất lòng tin, lo sợ là một khi bỏ xuống tôn giáo họ sẽ không tìm được bất cứ nơi nào khác để nương tựa tinh thần. Có nhiều người không thể bình vực hợp lý cho niềm tin của họ hoặc trả lời rành rẽ những vấn đề rắc rối nhất định sẽ nảy sinh liên quan đến nó, nhưng họ vẫn sợ buông nó xuống. Sớm hay muộn gì họ cũng sẽ đi đến giai đoạn đó thôi, tuy rằng việc này sẽ mang lại một số khổ đau khi họ mở rộng “cái vỏ” ý thức về tôn giáo. Đúng là chúng ta sẽ không bao giờ bị đau khổ nếu chúng ta không phá vỡ cái “vỏ” của chúng ta, nhưng như vậy thì coi như chúng ta không có một chút tiến bộ gì hết.

Đời sống của người đệ tử có đầy niềm vui, bạn đừng bao giờ nghi ngờ về điểm này dù chỉ một giây, nhưng nó không phải là đời sống thoải mái. Công việc mà y phải làm rất khó, phải chiến đấu rất gay go. Để dồn hết một quá trình tiến hoá hàng triệu năm trong một vài kiếp ngắn, một sự tiến hoá mà tiến trình bình thường của thiên nhiên cần phải trải qua ba cuộc tuần hoàn rười, đây thật không phải là một cuộc nghỉ lễ. Bà Hội Trưởng đã từng viết: “Người đệ tử là lò luyện kim của tạo hoá, nơi mà các hợp chất hỗn độn được phân tích ra và tái kết hợp thành những hợp chất thúc đẩy điều tốt.”

Không phải ai cũng *cần* trở thành lò luyện kim; nói đúng hơn, đây có lẽ là một vinh dự mà ai cũng háo hức mong cầu, còn gần với sự thật hơn nữa là khi mà con người đã *nhìn thấy* sự hy sinh cao cả của Thượng Đế y thật sự không còn muốn gì khác hơn là dự hết mình vào công việc này để cống hiến hết sức nhỏ bé vào công việc này cho dù phải hy sinh bản ngã thấp hèn, vì đây không phải là trò đùa trẻ con mà y thật sự phải đối mặt với rất nhiều căng thẳng. Tuy nhiên, một học trò nhiệt tình sẽ nhận thấy rằng một người có thể yêu công việc của y và cảm thấy hạnh phúc khi y được làm công việc này đến nỗi ngoài nó ra không còn cái gì khác đáng cho y quan tâm nữa, mặc dù công việc đó có đòi hỏi quá sức chịu đựng những khả năng và các dẫn thể của y như thể xác, thể cảm dục, và thể trí.

Chúng ta phải nhớ rằng khi tất cả nhân loại phải làm công việc này và tiến hoá theo kế hoạch đã định sẵn, họ sẽ được trang bị đầy đủ hơn một người hiện giờ đang đi trên con đường tắt và dốc hơn. Những gian nan, khó nhọc mà y phải đối diện là vì y đang cố gắng làm việc này với bộ dẫn thể thuộc vòng tuần hoàn thứ tư để thu hoạch kết quả mà tạo hoá đã định sẵn cho những đứa con ít mạo hiểm hơn các dẫn thể tuyệt vời thuộc cuộc tuần hoàn thứ bảy. Dĩ nhiên để có được những dẫn thể hoàn hảo như vậy, các linh hồn yếu kém hơn cũng phải làm xong chừng đó việc, nhưng khi nó được chia đều ra trong mấy ngàn kiếp đầu thai thì nó đương nhiên thấy đỡ đỡ dỗi hơn nhiều.

Nhưng trên tất cả sự khổ đau này, người đệ tử lúc nào cũng cảm thấy có một niềm vui bất tận, một sự bình thản và an lạc vô biên mà không ai trên thế giới này có thể làm xáo động được. Nếu không như thế, y sẽ trở thành một đầy tớ bất trung với Chân Sư, vì y để cho sự căng thẳng tạm thời trên các dẫn thể của y chế ngự sự sống bên trong, và y đồng hoá với bản tánh thấp hèn thay vì bản tánh cao thượng.

Vì vậy thật sự có vẻ hơi lỗi bịch khi con Đường này được diễn tả là con đường của sự khổ đau, khi rõ ràng là thí sinh sẽ bị đau khổ nhiều hơn nếu y từ bỏ con Đường này. Thật vậy, đối với một người làm tròn bổn phận, sự đau khổ chân chính không thể xảy ra: “Này con yêu dấu, chưa có ai từng làm việc chân chính lại chuốc lấy khổ đau.” (*Chí Tôn Ca*, vi. 40.)

Đó là như vậy đối với đời sống nội tâm của người đệ tử, nhưng nếu ta nhìn từ góc độ đối đãi của thể nhân đối với y ở cõi trần thì quả thật biệt hiệu “con đường của sự đau khổ” không phải là không hợp lý, ít nhất nếu việc y phải làm là công tác xã hội để giúp đời. Ruysbroeck, một nhà huyền bí học gốc Phần Lan ở thế kỷ thứ mười bốn, đã từng viết về những người đi trên đường Đạo như sau: “Đôi khi những người này bị thiếu thốn về vật chất, bạn bè, người thân, và bị thế gian ruồng bỏ, sự thánh thiện của họ bị hiểu lầm và khinh bỉ, công việc mà họ đã cống hiến cả đời bị bôi nhọ, và họ bị từ chối, coi thường bởi những người xung quanh và lâu lâu họ còn bị lây nhiễm nhiều loại bệnh.” Hãy nhớ, Bà Blavatsky cũng đã từng viết: “Ở đâu trong lịch sử mà bạn có thể tìm thấy một “*Sứ giả*” lớn hay nhỏ, Đệ tử đã Điểm Đạo hoặc Đệ Tử Sơ Cơ, người đã được ủy thác mang thông điệp của chân lý ẩn tàng, mà không từng bị phỉ báng và hành hình bởi những con “chó săn” của sự đố kỵ, độc ác và vô minh? Đó là thực tế phũ phàng của quy luật Huyền Bí Học, và người nào không có trái tim của con sư tử để coi thường tiếng sủa hung dữ của loài khuyển, và linh hồn của chim bồ câu để tha thứ cho những kẻ vô minh, hãy để y từ bỏ môn khoa học Minh Triết Thiêng Liêng.” (*Giáo Lý Bí Truyền*, vol. 3, p. 90.)

Cách mà thế giới thường tiếp nhận một chân lý mới là trước tiên chế giễu nó, sau đó là hung hãn với

nó, rồi cuối cùng là chấp nhận nó và giả vờ là lúc nào mà họ chẳng biết như vậy. Trong khi đó người đầu tiên khởi xướng chân lý mới này có lẽ đã bị xử tử từ lâu rồi hoặc đã chết vì đau lòng.

Trong quá trình thực tập trên đường Đạo, người thí sinh sẽ lần lượt đi qua ba Phòng như đã được nhắc trong quyển “*Tiếng Nói Vô Thinh*.” Thuật ngữ này được dùng để ám chỉ ba cõi thấp. Thứ nhất, Phòng Vô Minh- là cõi Trần nơi mà chúng ta có sanh tử và nó được mô tả rất trung thực là phòng của Vô Minh bởi vì những gì mà chúng ta nhìn thấy được ở cõi này chỉ là cái vỏ bề ngoài. Thứ hai, Phòng Học Tập - là cõi cảm dục, nơi thật sự là chỗ học hỏi thực tập bởi vì khi các luân xa của thể cảm dục mở ra chúng ta sẽ thấy được nhiều thứ hơn bên trong mỗi vật so với khi ta thấy vật này ở cõi Trần, do đó ban đầu ta sẽ lầm tưởng là những gì ta thấy ở cõi này hẳn là tất cả, nhưng sau khi ta tiếp tục phát triển ta mới biết nó không phải là như vậy.

Tuy nhiên, *Tiếng Nói Vô Thinh* đã từng nhắc nhở chúng ta rằng trong cõi Trung giới, mỗi đóa hoa dù có đẹp cỡ nào cũng ẩn chứa con rắn của dục vọng, cái dục vọng thấp hèn mà người ôm hoài bảo được chọn làm đệ tử dự bị phải bóp chết ngay để thay vào đó một ước mơ cao thượng hơn, nguyện vọng lý tưởng. Trong trường hợp của tình yêu chẳng hạn, loại tình yêu vị kỷ, thấp hèn, trói buộc cần phải được thanh lọc, trong khi tình yêu tinh khiết, cao thượng,

và vị tha thì không cần phải thanh lọc, vì nó chính là bản chất của Thượng Đế và là một đức hạnh cần thiết trên đường Đạo. Tình yêu mà con người cần buông bỏ là loại tình yêu lúc nào cũng băn khoăn “Tôi sẽ có được bao nhiêu tình yêu? Người đó yêu tôi bao nhiêu? Y có yêu tôi bằng y yêu người khác hay không?” Tình yêu mà chúng ta cần có là thứ hoàn toàn tự quên mình và chỉ tìm cơ hội để tuôn tràn dưới chân đối tượng mà nó yêu.

Cõi cảm dục thường được gọi là thế giới của ảo ảnh, nhưng ít nhất nó cũng là một sân khấu và một vở kịch rất dài, tương đối gần với sự thật hơn là những gì ta thấy ở cõi Trần. Chuyện thường xuyên xảy ra ở cõi Trung giới là con người rất dễ bị gạt vì họ cũng giống như các em bé sơ sinh, những đứa bé chưa nhận định được chiều sâu và thiếu khả năng đi lại. Chúng ta đừng quên rằng trong quá trình bình thường của mọi thứ, con người phải từ từ tỉnh lại và làm quen với thực tế ở cõi Trung giới, cũng như một đứa bé mới lọt lòng cần phải từ từ tỉnh thức và làm quen với thực tế ở cõi Trần. Nhưng đối với những người như chúng tôi, những kẻ đang cố gắng đặt chân lên đường Đạo sớm hơn bình thường, chúng tôi phải học phát triển những kiến thức này một cách bất bình thường, và như vậy chúng tôi cũng dễ bị lầm lẫn hơn.

Sự nguy hiểm và thương tích rất dễ xảy ra với các môn sinh trong quá trình thực tập mở các khả năng làm việc ở cõi Trung giới nếu không nhờ vào sự

huấn luyện kỹ càng do các người đã từng quen thuộc với cõi này. Đó là lý do tại sao có nhiều cuộc trắc nghiệm phải được thực hành với những ai có ước nguyện trở thành những người làm việc ở cõi bên trên, và tại sao tất cả những cảnh tượng đáng sợ nhất phải được đưa ra cho tân thành viên chiêm nghiệm để y có thể hiểu được và làm quen với chúng. Nếu việc này không được thi hành thì khi bất thành linh y gặp phải những cảnh tượng này, y có thể bị một cú sốc mạnh đẩy y về lại thể xác, và không những việc này sẽ ngăn cản y không làm được việc gì hữu ích ở cõi Trung giới mà còn có thể gây ra thương tích trên thể xác của y. Khi một tân thành viên bị ảo ảnh lừa gạt ở cõi Trung giới đó là lỗi của y chứ không phải lỗi của cõi này, lý do vì y chưa quen thuộc được với hoàn cảnh nơi đây.

Phòng thứ ba, Phòng Minh Triết - là cõi Trí. Chỉ khi nào con người đã buông xuống hết các vương mắc về sắc dục ở cõi Trung giới, y mới có thể vượt qua giai đoạn thực tập này và bắt đầu thu thập những kiến thức có giá trị thật sự. Bên trên cõi này là thế giới vĩnh cửu của cõi Bồ-đề, nơi mà con người nhận thức được lần đầu tiên về sự hợp nhất thật sự của vạn vật mà đối với tầm nhìn thấp kém, nó dường như là riêng biệt.

Có câu nói “Con không thể đi trên đường Đạo nếu chính con chưa trở thành con Đường đó”. Nếu chúng ta đi trên con đường này chỉ vì chúng ta nhận

được các chỉ thị hay chỉ vì chúng ta biết được nó và chọn nó qua lý trí, đối với chúng ta nó chỉ là một con Đường và chúng ta chưa thật sự bước vào con đường đó. Đây chỉ là một giai đoạn, và nó sẽ dẫn dắt bạn đến một cảnh giới mà bạn sẽ tự trở thành Quy Luật và con Đường. Khi bạn hoàn tất mọi điều kiện, tự động làm hết các công việc chỉ vì đó là đúng và cũng vì bạn không thể tưởng tượng được bạn có thể làm điều gì khác hơn, chỉ đến lúc đó bạn mới có thể *trở thành* con Đường thật sự.

Một người không thể leo cao nếu y không chịu thử, dĩ nhiên nếu y không leo cao thì y cũng sẽ không bị té đau. Một người có ý chí dũng mãnh thường dễ gây lỗi nghiêm trọng, nhưng sức mạnh cho phép y làm như vậy cũng có thể giúp y tiến bộ rất xa khi y dùng nó vào đúng hướng. Sự tiến bộ vượt bậc sẽ ảnh hưởng lên toàn bộ cơ cấu con người và tạo ra một căng thẳng lớn, và như vậy nó không thể nào tránh phơi bày những khuyết điểm của người đó. Kế hoạch của Thiên Đoàn vẫn sẽ được thực thi bất cứ chúng ta có làm gì hay không, vì chúng ta chỉ là những con cờ trong ván cờ vĩ đại đang được đánh, nhưng nếu chúng ta là những con cờ thông minh và chịu hợp tác, nó sẽ bớt gây phiền phức cho những Vị Chủ Quản và ngẫu nhiên luôn cả cho chúng ta.

Vậy kết cuộc của tất cả việc này sẽ là gì? Sự thành tựu của Chân Thiện Mỹ. Nhưng ngay cả sự kiện này cũng chỉ là tương đối chứ không phải là

tuyệt đối, vì khi chúng ta đã đạt được đến tâm thức của vị Thái Dương Thượng Đế của hệ thống chúng ta và hoà đồng tâm thức của ta với Ngài, lúc đó vẫn còn có một con Đường dài hơn nữa dẫn ta đến sự hợp nhất với các Bậc Quyền Năng cao hơn. Một vị cao cả đã từng nói với chúng tôi rằng ở cuối đường của một trong các giai đoạn tiến hoá vượt xa hơn quả vị Chân Tiên, con người hoàn hảo sẽ là một người thập thể (Decad), với một thể trong mỗi cảnh của cõi thấp nhất của vũ trụ, thêm vào bản thân của Ba Ngôi Thượng Đế ở ngoài thời gian và không gian, và như vậy tổng kết lại là mười thể. Tuy nhiên, sự thành tựu này chỉ có thể đạt được khi một người có sở hữu đầy đủ quyền năng để tự tạo cho y mỗi một thể trong từng cõi trong vũ trụ.

Chúng tôi đã được cho biết rằng trong tất cả những linh hồn đang tham gia trong cuộc tiến hoá này thì có khoảng một phần năm sẽ thành công, hay nói một cách khác, họ sẽ đạt được quả vị Chân Tiên trước khi cuộc tuần hoàn thứ bảy kết thúc. Một phần năm khác sẽ đạt được quả vị La-Hán trong thời gian này với một tỷ lệ tương đương ($\frac{1}{5}$) sẽ ở những giai đoạn thấp hơn trên đường Đạo, còn con số được tuyên bố là khoảng hai phần năm còn lại sẽ bị rút khỏi vòng tiến hoá này ở cuộc đại phán xét xảy ra giữa cuộc tuần hoàn thứ năm.

Những người chưa đạt đến mục đích (Chân Tiên) và hoàn tất cuộc tiến hoá sẽ học tập ở đây kế tiếp, và

ngay cả những người đã thất bại ở vòng tuần hoàn thứ năm cũng sẽ thành công ở đây tới. Theo cách này mà nói, những người hiện giờ là Chân Tiên hoặc Chân Sư cũng có thể là những người đã từng thất bại ở đây mặt trăng, hay nói một cách khác Họ đã từng thuộc vào loài người ở đây đó nhưng lại chậm tiến và đã “bỏ học” ở nơi đó, nên Họ trở thành những người dẫn đầu ở cuộc tiến hoá sau giống y như một cậu bé đã rớt kỳ thi năm trước sẽ trở thành một trong những người đầu nhất lớp khi y thi lại cũng bài thi đó mười hai tháng sau.

Nên nhớ, hiện giờ chúng ta mới vừa qua một nửa chu kỳ tiến hoá và đó là lý do tại sao rất ít người đắc đạo, cũng như sẽ có rất ít cậu bé trong lớp đủ sức thi đậu bài thi cuối năm sau khi chỉ mới học có sáu tháng. Cũng như vậy, rất ít con thú hiện nay có thể cá nhân hoá, vì một con thú đạt được cá nhân tính đã vượt xa hơn đồng loại của nó y như một người đạt được quả vị Chân Tiên trước đồng loại bình thường. Cả hai đều đang làm một việc ở điểm giữa của cuộc tiến hoá mà chỉ được yêu cầu nơi họ ở cuối quá trình đó. Những người tiến hoá theo quá trình bình thường ở cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy sẽ tiến đến mục tiêu của họ một cách thông thả nên họ gần như ít có hoặc không có một sự đấu tranh gian nan gì cả.

Dĩ nhiên nếu thí sinh chọn hoàn tất mục tiêu theo con đường này thì sẽ rất là thoải mái. Tuy nhiên cách này có một điểm bất lợi lớn nhất là người chọn đạt

mục đích như vậy sẽ không thể giúp đỡ được người khác mà ngược lại chính y phải cần sự giúp đỡ. Tôi nhớ từ thuở còn bé có một bài thánh ca diễn tả ý tưởng này rất hay. Nó mô tả về một Linh hồn được về cõi thiên đàng và hưởng thụ niềm phúc lạc nơi đó, y lang thang nơi đó rất hạnh phúc trong một thời gian, nhưng rồi y nhận thấy rằng vương miện mà y đang đội lại không có sự long lẫy như vương miện của những người khác, và y băn khoăn rất nhiều về vấn đề này. Cuối cùng y gặp được Đức Chúa và thu hết can đảm để hỏi Ngài lý do của sự kiện đặc biệt này và câu trả lời được đưa ra như sau:

*Ta biết con tin Ta,
Và Ta cho con sự sống,
Nhưng đâu là những hạt ngọc long lẫy
Mà trên vương miện con phải sáng lên?
Con thấy đằng kia một nhóm người
Với Ngôi sao lấp lánh trên trán họ
Vì mỗi Linh hồn họ dẫn đến bên Ta
Là hạt ngọc sáng mà họ đang đội đầy.*

“Ai là kẻ khôn ngoan sẽ chiếu sáng như bầu trời xanh ngát, nhưng ai khuyên được người hướng thiện sẽ là các chòm sao vĩnh cửu.”

Khi chúng ta chiến đấu để tiến lên phía trước, ta cũng giúp được người khác và chúng ta nên cố gắng

làm hết những gì ta có thể làm trong điều này, không phải vì kết quả sẽ thuộc về chúng ta (tuy điều đó là đương nhiên) mà vì lợi ích của thế gian. Người thả trôi theo dòng nước phải nhờ người khác kéo theo, trong khi người biết bơi lợi sẽ phóng thích năng lượng lẽ ra được dùng để giúp y. Năng lượng này sẽ được dùng để giúp đỡ người khác mà hoàn toàn không có liên quan gì đến những gì y có thể làm cho họ trong lúc đó.

Đắc đạo sẽ giúp con người giải thoát khỏi luân hồi và nó cũng giải phóng các năng lượng để giúp người khác. Người chỉ tìm giải thoát cho bản thân có thể cân bằng các nghiệp quả của mình cho thật chính xác và diệt dục, như vậy luật nhân quả không còn có thể buộc y phải đầu thai nữa. Tuy nhiên, dù y có thể thoát khỏi sự điều khiển của luật nhân quả nhưng y không thể thoát khỏi ảnh hưởng của luật tiến hoá. Y có thể kéo dài được một thời gian rất lâu trước khi y bị nó ảnh hưởng, vì trên lý thuyết một người đã ở giai đoạn diệt mọi dục vọng phải vượt khá xa hơn nhân loại bình thường. Nhưng sẽ có một ngày, sự tiến bộ trầm ổn và vững chãi của luật tiến hoá sẽ bắt kịp y và sức thu hút khó cưỡng lại của nó sẽ đẩy y ra khỏi hạnh phúc ích kỷ để đầu thai một lần nữa, và như vậy thì y lại tìm thấy mình trên bánh xe luân hồi mà y đã từng hy vọng sẽ trốn thoát.

Một câu hỏi thường được đặt ra là làm sao các bí mật trong cuộc điểm đạo có thể được bảo vệ với

những người biết đọc được tư tưởng. Điều này không bao giờ có nguy cơ bị xảy ra vì khi các bí mật được tiết lộ cho người đệ tử được điểm đạo thì cách bảo vệ bí mật đó cũng được giải thích cho y biết cùng một lúc. Nếu một người đệ tử điểm đạo nào nảy ra ý định phản bội và muốn tiết lộ những gì y đã được chia sẻ, lúc đó vốn cũng không có nguy cơ gì hết, vì tâm thức của y vốn là một với Quần Tiên Hội nên Họ sẽ biết ngay ý định này, và trước khi y chưa nói được nửa lời thì y đã hoàn toàn không còn nhớ được gì hết để tiết lộ. Không phải những bí mật này có gì ghê gớm, nhưng quyền năng của chúng có thể gây ra tai hại khủng khiếp nếu bị sử dụng sai. Người đệ tử điểm đạo lúc nào cũng biết nhau giống như các thành viên của hội Freemasonry (Hội Tam Điểm), và họ cũng có thể che dấu địa vị của họ đối với những kẻ dưới nhưng không thể nào dối với các vị cao cấp hơn y.

Cho dù Quần Tiên Hội có cần người phụ giúp đến cỡ nào đi nữa không một ai có thể tiếp nhận được cuộc điểm đạo trừ khi y đã phát triển nhân phẩm của y đến giai đoạn mà y sẵn sàng. Cũng như vậy, nếu một người đã tu tập đến mức độ xứng đáng được điểm đạo thì không có quyền năng nào có thể cản trở được y. Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra là một người đã sẵn sàng trong mọi phương diện lại thiếu đi một cá tính cần thiết, và sự thiếu sót này khiến y bị trì hoãn trong một thời gian rất lâu, nhưng nó cũng có nghĩa là sau khi y đã tu tập được cá tính đó y có

thể đã tiến bộ rất xa về các phương diện khác. Như vậy thì ta không thể nào đưa ra giả thuyết rằng các đệ tử điểm đạo đều ngang hàng với nhau trong mọi phương diện. Người mà thế gian gọi là vĩ nhân chưa hẳn đã tiến hoá về mọi mặt và sẵn sàng cho cuộc điểm đạo. Tất cả những gì có tính cách thiên vị hay sơ ý vốn không thể xảy ra. Trong sự kiện này không ai có thể tặng cho người khác một vinh dự gì mà y không thật sự xứng đáng hoặc từ chối bất cứ ai được công nhận hợp lệ về thành tích mà y đã đạt được.

NHỮNG BÍ MẬT CỔ XƯA

Những gì mà tôi có thể nói cho bạn biết về những bí mật cổ xưa không phải xuất phát từ nghiên cứu các bản thảo cổ xưa hay từ lịch sử được ghi chép về vấn đề này. Nó xảy ra ở một kiếp trước khi tôi đầu thai ở thời cổ Hy Lạp và được chọn lựa làm môn đồ để học hỏi về một số vấn đề huyền bí. Lúc đó bất cứ ai được chọn làm môn đồ như vậy ở Hy Lạp đều phải tuyên thệ không được tiết lộ những điều gì mà y đã thấy, và lời thề này phải được tôn trọng cho dù nó đã được phát thệ ở kiếp trước, nhưng những Vị Cao Cả đứng đằng sau các bí mật đó nghĩ rằng thời gian đã thích hợp cho thế giới biết về một số điều bí ẩn mà xưa kia chỉ được giảng dạy trong vòng tuyên thệ bí

mật, và Họ đã giải tỏa lời thề của chúng tôi về những lời dạy bảo này. Do đó, tôi không hề phản bội lời thề khi tôi nói cho bạn biết những điều dạy dỗ về bí mật cổ xưa này. Có những đề tài khác cũng được dạy, nhưng tôi không được phép nói ra vì chúng chưa được các Vị Cao Cả cho phổ biến.

Trước hết, tôi muốn lưu ý bạn là tất cả mọi người và mọi tôn giáo đều có bí mật riêng của họ, bao gồm luôn cả Thiên Chúa giáo. Tôi thường nghe người ta nói rằng, ít nhất trong đạo Thiên Chúa không có gì cần phải giấu diếm, tất cả các giáo lý đều được mở ra cho các người nghèo và ít học thức tìm hiểu. Ai nói như vậy thật sự không hiểu gì về lịch sử của Nhà Thờ Công Giáo (Catholic Church). Đúng là hiện giờ những gì mà Nhà Thờ biết đều được phổ biến ra ngoài, nhưng đó là vì nó đã quên đi những bí mật mà nó từng che giấu. Nếu bạn từng nghiên cứu về lịch sử ban đầu của Nhà Thờ Công Giáo, bạn sẽ thấy rằng các người viết sách khi xưa nhắc đến rõ ràng về những bí mật mà chỉ được bí truyền cho các thành viên chân chính của Nhà Thờ. Có rất nhiều điểm không được tiết lộ cho những ai chỉ là “katechoumenoi,” những người vừa mới gia nhập Nhà Thờ nhưng vẫn còn trong giai đoạn dự bị, chưa phải là thành viên chính thức.

Bạn có thể tìm ra những vết tích này trong một thời đại xa hơn trước nữa, vì trong kinh Phúc Âm đã nói rằng Đức Chúa đã dạy cho các đồ đệ của Ngài rất

nhiều điều mà khi dạy lại cho đại chúng, Ngài chỉ dùng những câu chuyện ngụ ngôn.

Một trong những lý do Nhà Thờ Công Giáo bị thất bại trong việc điều khiển các “con chiên” trí tuệ là vì họ đã quên và đánh mất đi những điều huyền bí siêu nhiên và triết lý đã tạo nên nền tảng giáo lý của họ. Để nhìn thấy được bề mặt ẩn tàng của đạo Công Giáo, bạn chỉ cần đọc những tác phẩm của những nhà triết gia thuộc trường phái Triết Gia Thần Bí (Gnostic). Sau đó, bạn sẽ phát giác là khi chúng ta lấy bề mặt bí ẩn này làm giáo lý bên trong cho những người trí thức và hình thức hiện giờ của đạo Công Giáo làm giáo lý bên ngoài cho những người ít học, chúng ta sẽ có được một sự biểu lộ hoàn mỹ của mình triết cổ truyền qua sự kết hợp của hai mặt giáo lý. Còn nếu ta chỉ lấy một trong hai mặt, rồi lập tức lên án mặt kia là dị giáo, chúng ta chỉ có được một tầm nhìn hạn hẹp về một phía mà thôi. Vì vậy, mỗi một tôn giáo đều có những giáo điều để dạy dỗ cho những ai vẫn còn dậm chân ở vòng ngoài, nhưng lúc nào cũng có những giáo lý cao siêu hơn cho những ai đã thâm nhập vào bên trong.

Dĩ nhiên, khi chúng ta nói về bí mật cổ truyền, chúng ta thường ám chỉ về những sự kiện có liên quan đến một Huyền Bí Giáo lớn của thời cổ Hy Lạp. Chỉ có một số ít cuốn sách tồn tại về vấn đề này. Có một cuốn sách của Iamblichus, người đã từng là môn đồ Huyền bí học và có một cuốn sách được viết bởi một

người đồng hương của tôi, Thomas Taylor (giáo đồ của Plato) và một tác phẩm của một người Pháp, Ông P. Foucart. Tuy rằng các tác phẩm này rất thú vị nhưng bạn sẽ phát giác ra rằng chúng cung cấp rất ít sự thật. Nhiều điều mà chúng ta nghĩ rằng chúng ta biết về bí mật cổ truyền (ý của tôi là quan điểm từ bên ngoài chứ không phải từ bên trong nội bộ) đều phát xuất từ những cuốn sách của những người thích tuyên truyền về đề tài này.

Nhà Thờ Công Giáo có một thói quen (mà ta có thể thông cảm được từ quan điểm của họ) là hủy diệt hết tất cả các cuốn sách có chiều hướng bất đồng với họ, và chúng ta đừng quên rằng gần hết những gì chúng ta biết được về kỷ nguyên đầu tiên của Thiên Chúa Giáo đến với chúng ta từ tay các tu sĩ trong thời Trung cổ Âu Châu (the Middle Ages). Họ là thành phần trí thức duy nhất trong xã hội thời bấy giờ và họ chính là người sao chép lại tất cả các bản thảo cổ xưa. Họ có rất nhiều chủ kiến về điều gì hữu ích và không hữu ích cho nên dĩ nhiên chỉ có những phần nào hợp theo quan điểm của họ được bảo tồn ghi chép lại và nhấn mạnh, trong khi những phần bất đồng quan điểm thì bị thải ra. Hầu hết phần lớn các kiến thức được công bố với đại chúng về những bí mật này đều là từ các tác phẩm của các Cha Công Giáo, người phản đối chúng, cho nên dù chúng ta không có ý buộc tội các Cha đã cố ý trình bày sai, nhưng chúng ta có thể kết luận là họ sẽ cố gắng đẩy mạnh quan điểm của

họ bằng một cách hùng hồn và hữu hiệu nhất. Ngay cả trong thời điểm này, nếu bạn muốn biết được toàn sự thật về giáo lý Tin Lành, bạn sẽ không đi hỏi tin tức từ những Cha dòng Công Giáo. Cũng vậy, nếu bạn muốn kiếm một giải thích công bình và hợp lý về đạo Công Giáo bạn cũng không đi tìm kiếm nó ở một nhánh khác của đạo Tin Lành, Đoàn Quân Cứu Thế (the Salvation Army).

Liên quan về vấn đề các bí mật cổ xưa thì chúng ta cũng bị kẹt trong hoàn cảnh tương tự nhưng lại tệ hơn nhiều, vì nó đã có quá nhiều tranh chấp giữa các giáo đồ theo Huyền Bí Giáo cổ xưa và các bí mật của nó với các Cha theo đạo Thiên Chúa. Do đó, chúng ta chỉ có thể tiếp nhận thật thận trọng và kỹ càng những gì các Cha Công Giáo nói về vấn đề này. Thí dụ, bạn sẽ thấy họ thường hay cả quyết rằng các Huyền Bí Giáo cổ xưa thường có nhiều điều hoang đường và trái với đạo đức.

Nhưng vì tôi đã nghiên cứu những Huyền Bí Giáo vào thời cổ Hy Lạp qua thông nhân, và trong một tiền kiếp tôi từng là môn đồ chân chính của đạo giáo này, nên tôi có thể nói thẳng thắn rằng những lời phê bình này hoàn toàn không đúng. Quả thật có một vài Huyền Bí Giáo với những lễ hội và hình thức tôn thờ thật sắc sỡ và tốn kém (Bacchus-like) rồi sau này suy đồi thành những giáo pháp thật đáng bị chê trách, nhưng việc này chỉ xảy ra về sau và những huyền bí giáo như vậy thuộc về một nhánh khác. Chúng hoàn

toàn không có liên hệ gì với những điều huyền bí của Eleusis (một Huyền Bí Giáo rất nổi tiếng thời cổ Hy Lạp) mà chỉ là một hình thức bắt chước bề ngoài ở một quy mô rất nhỏ mà thôi.

Tôi có nhiệm vụ tối nay là phải trình bày về một vấn đề rộng lớn trong một thời gian ngắn. Tôi sẽ cố gắng giúp các bạn hiểu sơ lược về các huyền bí giáo thời cổ Hy Lạp cũng như những gì đã được dạy bảo cho các môn đồ thời đó.

Sự thật mà bạn cần phải biết là có hai cấp độ lúc nào cũng được nhắc đến, một là những môn nhánh Huyền bí học nhỏ hơn và hai là những môn nhánh huyền bí học lớn hơn. Mọi người thời đó đều biết là chúng hiện hữu và những người được chọn làm môn đồ vào thời đó cũng khá đông trong cộng đồng. Tôi nghĩ bạn chắc có thể đã từng đọc qua các cuốn sách được công khai nhắc đến có lúc gần ba mươi ngàn môn đồ được tập hợp lại cùng một lúc, cũng có nghĩa là danh tính của các thành viên đó không cần phải được bảo vệ bí mật và cả thế gian đều biết rằng y là môn đồ của nhánh này. Ý của tôi là, mặc dù những lời dạy dỗ về một số môn huyền bí học lúc nào cũng được giữ bí mật nhưng cả thế giới cổ Hy Lạp và La-mã đều biết chúng hiện hữu, và không những vậy còn biết luôn cả ai là môn đồ của từng giáo phái nào nữa.

Nhưng đằng sau hai cấp độ huyền bí này (lớn hơn và nhỏ hơn) mà phần đông cộng đồng đều biết còn có những bí mật thật sự có thể được gọi là bí mật

cấp ba, bí mật mà cộng đồng không bao giờ được biết đến. Có nhiều vị Hoàng Đế La-mã, chẳng hạn, đều biết đến sự hiện hữu của những điều Huyền bí lớn hơn và nhỏ hơn này và họ khẳng khẳng cứ đòi học cho biết. Dĩ nhiên qua dòng lịch sử chúng ta đều biết rõ là có nhiều vị Hoàng Đế La-mã với nhân cách vốn không phải là nhân tuyển thích hợp để được giao phó vai trò chính yếu trong một tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên cùng một lúc những vị lãnh đạo Huyền bí giáo cũng rất khó từ chối lời yêu cầu của vị Hoàng Đế La-mã khi họ muốn nhập môn. Có một câu nói, một người đơn độc không thể cãi lại kẻ cầm đầu ba mươi quân đội. Các vị hoàng đế chắc chắn sẽ xử tử bất cứ ai dám cản đường ham muốn của họ. Vì vậy, tốt nhất là bí mật cấp ba phải được bảo vệ cẩn mật, và không ai được biết về cấp độ này cho đến khi y được đánh giá bởi những người có khả năng phán đoán đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận vào bên trong vòng bí mật đó.

Những giáo huấn về điều huyền bí cấp ba chưa từng bao giờ và sẽ không bao giờ được công bố với đại chúng. Nhưng trong những điều huyền bí bình thường có nhiều điều nhỏ hơn hay lớn hơn có thể được nói ra. Trước hết, vào thời đó chúng tôi được dạy nhiều câu nói khôn ngoan hay phương châm và nếu tôi nói với bạn một vài thí dụ này bạn sẽ hiểu ngay được bản chất của giáo điều đó. Một trong những phương châm rất nổi tiếng là “Chết là sinh,

sinh là tử.” Câu châm ngôn này cho chúng ta thấy người xưa đã biết có một đời sống cao hơn bên kia cửa tử. Một câu châm ngôn khác là “Người đi tìm sự thật lúc sống sẽ đi tìm sự thật sau khi chết và người đi tìm ảo ảnh khi sống sẽ tiếp tục đi tìm ảo ảnh phù du sau khi chết.” Một giáo lý tuyệt vời trong giáo dục của họ là linh hồn đi từ những cõi cao hơn xuống vật chất. Các nguyên tắc luân hồi cũng được giảng dạy. Bạn sẽ nhớ là những kiến thức này không có xuất hiện trong những giáo lý được tuyên truyền bên ngoài của các tôn giáo ở Hy Lạp hoặc Thành La Mã, hay nói một cách khác chúng không được dạy công khai qua những từ ngữ rõ ràng, nhưng bạn sẽ thấy là khái niệm về việc linh hồn giáng hạ vào trong vật chất được ẩn giấu trong những câu chuyện thần thoại cổ điển. Bạn chắc còn nhớ câu chuyện thần thoại của Proserpina, nàng thần nữ bị đưa xuống địa ngục khi hái hoa thủy tiên.

Chúng ta hãy ôn lại thần thoại của Narcissus. Y là một chàng đẹp trai tự yêu hình bóng của mình trên mặt nước, và sau đó y bị biến thành một bông hoa bị chôn chặt ở cõi Trần. Bạn không cần phải học hỏi nhiều về Thông Thiên Học để hiểu ngụ ý của câu chuyện ngụ ngôn này. Chúng ta học trong *Giáo Lý Bí Truyền* là khi Chân Ngã (Ego) nhìn xuống dòng nước của cõi Trung giới và thế giới thấp hơn, nó phản ảnh hình bóng của nó trong Phàm Ngã rồi tự đồng hoá mình với Phàm Ngã, nó yêu quý hình bóng này

để rồi nó phải bị vương mắc ở cõi Trần. Cũng vậy, Proserpina khi hái hoa thủy tiên bị kéo xuống cõi thấp hơn và sau đó nàng phải sống nửa cuộc đời của nàng dưới lòng đất và nửa cuộc đời kia trên mặt đất, hay đúng hơn (như bạn sẽ thấy) là nửa đời trong vật chất và nửa đời thoát khỏi vật chất.

Cũng như vậy, có nhiều câu chuyện thần thoại khác rất thú vị khi chúng ta nghe được cách lý giải của Thông Thiên Học. Thí dụ, trong Huyền bí giáo có dạy là con nhân ngư (minotaur) là biểu tượng của cái ngã thấp hèn của con người, một Phàm Ngã nửa người nửa thú. Con quái vật này cuối cùng cũng bị chém chết bởi Theseus, biểu tượng của một con người cao thượng hơn hay Chân ngã với sức sống được phát triển ngày càng mạnh mẽ để cuối cùng nó có thể vung lên thanh gươm của Người Cha Thiêng Liêng của nó, hay là Chân Thần. Để vượt qua mê cung đầy ảo ảnh (biểu tượng của những cõi thấp hơn), Chân Ngã phải nhờ vào sợi dây của kiến thức huyền bí do Ariadne (biểu tượng của trực giác) cung cấp để Chân Ngã có thể giết chết Phàm ngã thấp hèn và an toàn thoát khỏi mạng lưới ảo ảnh, nhưng vẫn còn có một nguy cơ cuối cùng là sự ngạo mạn của cái trí khiến nó bỏ quên trực giác, giống như Theseus vô tình bỏ rơi Ariadne, do đó đã bị thất bại trong việc nhận thức được những tiềm năng cao nhất của mình.

Trong thời cổ Hy Lạp những điều bí ẩn nhỏ được tổ chức kỷ niệm đặc biệt tại một địa điểm nhỏ gọi là

Agrae, và những người được thụ giáo đó được gọi là “mystae.” Có thể bạn còn nhớ là trang phục chính thức để biểu tượng cho sự oai nghi của môn phái của họ là chiếc áo khoác bằng da con hươu, biểu tượng của thể cảm dục theo ký hiệu mật mã thời xưa.

Những đốm trên da con hươu được coi là biểu tượng thích hợp cho ánh sáng muôn màu của thể vía. Lý do tại sao y phục này được chọn là vì nó rất phù hợp với đề tài chính được dạy dỗ cho các môn sinh về cõi Trung giới. Khi nhập môn các môn đồ đều được học về đời sống ở cõi Trung giới sau khi chết.

Nhiều thì giờ được bỏ vào công việc giảng dạy cũng như dùng thí dụ để mô tả một cách rõ ràng làm thế nào vài cách sống ở cõi Trần ảnh hưởng đến cõi Trung giới. Đầu tiên họ dạy bằng cách minh họa trên một quy mô rộng lớn các biểu tượng trong đền thờ qua một vở kịch để cho mọi người thấy được cảnh ngộ của một người tham lam hoặc háo sắc ở cõi trần sẽ là như thế nào khi y lên cõi Trung giới. Trong thời huyền bí cổ xưa, khi các vị lãnh đạo là Chân Sư hay môn đồ của Chân Sư, cách diễn tả thường là qua cách hiện hình. Nói một cách khác, vị thầy đó (dù là ai đi nữa) dùng quyền năng của Ngài để gom lại các chất liệu của cõi Trung giới hay chất dĩ thái ở cõi Trần để tạo ra một hình ảnh sống động thật sự cho môn đồ xem. Nhưng qua dòng thời gian các vị thầy sau này không còn đủ sức để tạo ra những hiện tượng huyền bí này nữa, và họ phải cố gắng diễn tả bằng cách khác

như đóng kịch trong vài trường hợp. Các vị tu sĩ có thể thủ những vai trò khác nhau và có khi các con rối được làm chuyển động bằng máy móc cũng được sử dụng.

Ngoài việc giảng dạy về cõi Trung giới, Họ cũng giảng về sự tiến hoá của vũ trụ theo cách tương tự như trên. Trong số các bộ môn, học sinh cũng được dạy về sự hình thành của Thái Dương Hệ của chúng ta và các cõi khác nhau của nó. Bạn có thể dễ dàng hình dung được bài giảng này diễn ra như thế nào: trước tiên bằng cách làm cho dải ngân hà và các tinh cầu hiện hình, và sau khi khả năng này bị mất đi, bằng cách sử dụng cái mà ngày nay chúng ta gọi là “orrery” - một đồ vật máy móc được thiết kế dựa trên mô hình của hệ mặt trời để biểu diễn rõ ràng sự sắp xếp của các tinh cầu trong đó. Một trong những điều quan trọng nhất của huyền bí giáo là họ giải thích mô hình bề ngoài của các tôn giáo một cách khác biệt hơn so với cách lý giải thông thường được đưa ra cho đại chúng. Nếu bạn có biết gì về tôn giáo cổ xưa của Hy Lạp, bạn sẽ hiểu là có nhiều ẩn ý cần phải được lý giải còn không thì tôn giáo đó quả thật chẳng có vẻ gì cao siêu hay hợp lý chút nào khi chúng ta nhìn nó ở góc độ người bình thường. Dường như mục tiêu của hầu hết các câu chuyện lạ thường tạo ra mô hình bề ngoài của tôn giáo chỉ được dựng lên để cho đại chúng học và ghi nhớ lại trong đầu một vài khái niệm đơn giản và rõ ràng vậy thôi. Tuy nhiên các người có

đầu óc cầu tiến đều đăng ký nhập môn, ở đó họ học được ý nghĩa thật sự đằng sau các câu chuyện này và nó hoàn toàn biến đổi cách nhìn của họ về chúng.

Tôi sẽ cho các bạn hiểu được ý mà tôi muốn nói qua hai hoặc ba thí dụ đơn giản và ngắn gọn. Tôi đã nói với các bạn rằng, phần lớn mục đích của các tổ chức Huyền bí giáo nhỏ hơn là để dạy dỗ cho các môn sinh hiểu biết về ảnh hưởng của cách sống ở cõi Trần khi lên cõi Trung giới. Các bạn chắc biết câu chuyện thần thoại của Tantalus. Y là một người đàn ông bị phán xét phải chịu đau khổ khát nước vĩnh viễn trong địa ngục trong khi chung quanh y đều có nước, nhưng khi y định uống thì lập tức nước rút xuống ngay. Ngụ ý của câu chuyện này không khó hiểu khi chúng ta hiểu được cõi Trung giới là cõi như thế nào. Những ai rời bỏ cõi trần đầy dẫy dục vọng thuộc bất kỳ loại nào, thí dụ như một kẻ nghiện rượu hay một người đam mê sắc dục theo nghĩa thường tình, sẽ bị rơi vào hoàn cảnh của Tantalus khi y bước vào cõi Trung giới.

Người nghiện rượu đã tạo ra một sự ham muốn khủng khiếp khống chế cả bản thân y. Bạn phải hiểu sức mạnh của dục vọng mạnh tới cỡ nào trong một người nghiện rượu vì nó đè bẹp hết tất cả danh dự, tình thương gia đình và nhân cách của y. Y sẽ không ngần ngại lấy hết tiền từ vợ và con của mình, luôn cả y phục của họ, để bán đổi lấy tiền mua rượu.

Hãy nhớ con người khi chết vốn không hề thay đổi. Dục vọng của y vẫn mạnh mẽ như thuở nào. Nhưng y không thể nào làm thỏa mãn nó được nữa vì y đã mất đi thể xác, cái thể cho phép y uống rượu. Như vậy, bạn có thể nhìn thấy được trường hợp của Tantalus, đầy rẫy những dục vọng thậm tệ nhưng không bao giờ tìm được sự thỏa mãn vì đối tượng sẽ biến mất ngay lúc y tưởng y sắp sửa được nó.

Chúng ta hãy nhớ lại câu chuyện của Tityus, một người đàn ông bị cột vào tảng đá, lá gan của y bị con kên kên (vulture) rỉa róc và lập tức mọc lại ngay sau khi nó bị rỉa. Ở đây bạn có một minh họa tiêu biểu cho hậu quả của sự mềm lòng trước dục vọng: hình ảnh một người liên tục bị dày vò bởi sự hối hận về tội lỗi y từng đã làm khi còn sống.

Một ví dụ khác tương tự nhưng có chiều sâu hơn một chút là câu chuyện của Sisyphus. Bạn cũng biết y bị phạt lăn một tảng đá lên một ngọn đồi, mỗi khi y lên đến đỉnh đồi thì tảng đá lại lăn xuống dưới. Đây là tình trạng của một người còn mang dã tâm sau khi chết, một người lúc nào cũng toan tính những vụ lợi cá nhân để đoạt được danh vọng hay tiếng tăm. Trong trường hợp này, chết không thay đổi gì cả. Y vẫn tiếp tục tính toán những mưu đồ như khi y còn tại thế. Y vẫn lo toan tính rồi thực hành chúng theo như y đã nghĩ, rồi khi y thành công y mới vỡ lẽ là y đã không còn thân xác nữa và tất cả chỉ là một giấc mộng phù du. Nhưng rồi y lại bắt đầu lập lại nó nữa

cho đến cuối cùng y mới nhận ra được các dực vọng đều vô ích và đã tâm đó cần phải được bóp chết. Cho nên Sisyphus cứ tiếp tục lăn hòn đá lên đồi mãi cho đến khi nào y tự ý thức phải ngừng làm việc này. Để tỉnh thức như vậy y phải chiến thắng tham muốn đó để nó không còn tồn tại trong y ở kiếp sau, nhưng dĩ nhiên đó chỉ là sự vắng bóng của *dục vọng* chứ không phải sự vắng bóng của *khuyết điểm* trong nhân cách của y đã khiến cho dực vọng đó phát sinh.

Do đó, bạn có thể thấy là những hoàn cảnh có vẻ khủng khiếp nơi cõi Trung giới chỉ là hậu quả của cách sống sai lầm ở cõi Trần. Đây là cách Tạo hoá chuyển đổi điều sai quấy thành điều tốt lành. Con người đau khổ vì do hành động của y chứ không phải do gì khác, nó không phải là sự trừng phạt từ bên ngoài mà do tự chính y tạo ra, nhưng nó không đơn giản chỉ như vậy thôi. Những đau khổ mà y phải gánh chịu là cách duy nhất để nhân cách của y được xoay chuyển theo đúng chiều của sự tiến hoá và phát triển của y trong kiếp tới. Đây là một điểm thường được nhấn mạnh trong giáo lý của Huyền bí học.

Bây giờ chúng ta hãy nói về những bí ẩn lớn hơn. Chúng được thờ phụng trong một đền thờ lớn của Eleusis không xa Athens. Những môn đồ ở nơi đây được gọi là “epoptai,” có nghĩa là “những người có con mắt đã mở. Ký hiệu của họ là bộ lông cừu vàng của Jason, biểu tượng cho thể trí, vì màu vàng trong hào quang con người là biểu lộ của trí tuệ, như các

nhà thông nhãn đều biết. Ở trình độ của các môn đồ này, tất cả những giáo lý của cấp thấp hơn đều được tiếp tục dạy thêm. Cấp đầu tiên, nếu bạn nhớ, là ảnh hưởng của thế giới cảm dục do cách sống gây ra. Trong các điều bí ẩn cao hơn, học sinh được cho biết cách sống, học hỏi và hoài bảo của con người theo đuổi khi còn ở cõi trần sẽ ảnh hưởng thế nào lên cõi Thượng giới. Nguyên cả quá trình tiến hoá của vũ trụ và con người ở khía cạnh sâu sắc hơn cũng được phân tích rất tỉ mỉ trong môn phái huyền bí giáo cao hơn. Cách trình bày hay diễn tả cũng giống như môn phái nhỏ hơn, nhưng nó thật khó diễn tả hơn ở cõi trần những gì thuộc về cõi trí.

Trong mỗi nhánh huyền bí giáo nhỏ hơn hay lớn hơn đều có một trường học bên trong dạy cho những ai đã sẵn sàng cách phát triển thực tế các thể thấp hơn. Ở bên nhánh huyền bí giáo nhỏ hơn, lý thuyết về cõi Trung giới đều được dạy cho các môn sinh nhưng các giáo sư đều quan sát đồ đệ họ rất kỹ, khi họ nhận xét một người có nhân cách mà họ chắc chắn là y có thể chịu đựng được sự mở mang về tâm linh, y được mời vào vòng bên trong để được huấn luyện về cách dùng thể vía và hoàn toàn tỉnh thức trong nó. Khi được giới thiệu vào nhánh huyền bí giáo lớn hơn y còn được học hỏi về những điều kiện xảy ra ở cõi trí cũng như được chỉ giáo đặc biệt về cách mở mang và sử dụng thể trí như một dẫn thể riêng biệt.

Những ai từng được tiếp nhận như vậy không những chỉ được nhận vào những giai đoạn công khai của huyền bí học mà còn được thu nhận luôn vào trường học bên trong, được cho biết ở cuối chương trình rằng tất cả những việc này thật sự cũng chỉ là giai đoạn bề ngoài, rằng tất cả những gì họ đã học hỏi với giá trị không thể đánh giá được chỉ là một sự chuẩn bị cho những điều huyền bí thật sự của cuộc điếm đạo sẽ đưa họ đến dưới chân của các vị Chân Sư Minh Triết và gia nhập vào Thiên Đoàn - một đoàn thể điều hành thế giới.

Tôi có thể giải thích thêm về ý nghĩa của vài biểu tượng được dùng trong những điều huyền bí. Thứ nhất, hãy lấy cái được gọi là cây huyền trượng (thyrsus), một cây gậy có trái tùng trên đầu. Ở Ấn độ, một biểu tượng giống vậy cũng được tìm thấy nhưng thay vì là cây gậy thì nó là cây tre với bảy mắt được dùng. Khi nói về vật tượng trưng trong Huyền bí giáo lúc nào cũng có nhiều uyển chuyển, có khi là một cây sắt trống không bên trong được nói là để chứa lửa để thay cho cây huyền trượng. Một lần nữa, thật không khó cho môn sinh huyền bí học nhìn thấu được ẩn ý. Một cây tre với bảy mắt tượng trưng cho cột sống với bảy trung tâm lực như chúng ta đã đọc trong nhiều cuốn sách đạo Hindu, còn ngọn lửa tiềm ẩn bên trong là Luồng hỏa-xà hay Kundalini mà bạn hay đọc được trong cuốn *Giáo Lý Bí Truyền*. Tuy nhiên cây huyền trượng không phải chỉ là một vật

tượng trưng mà nó có thực dụng. Nó là một dụng cụ từ lực với sức hút rất mạnh và được dùng để tách thể vĩa của các vị đệ tử được điểm đạo ra khỏi thể xác khi họ mở tâm thức và tỉnh thức ở các cõi cao hơn. Vị thầy đã dùng nhân điện của mình để “tử hoá” cây gậy đó rồi áp nó vào cột sống của thí sinh để dùng lực của mình trợ cho y, giúp y đối phó với đời sống và các nhiệm vụ khó khăn sẽ bày ra trước mặt y. Nói về những việc liên hệ đến Huyền bí giáo cũng có một vài đồ chơi của Bacchus được nhắc đến. Khi bạn nghiên cứu danh sách của các đồ chơi này bạn mới thấy quả thật chúng đáng được chú ý.

Khi cậu bé Bacchus (Thượng Đế) đang chơi với các đồ chơi thì em bị những tên khổng lồ (the Titans) đến bắt và xé xác em ra từng mảnh. Sau đó các mảnh này được ráp lại với nhau để trở thành một con người toàn vẹn như xưa. Cho dù câu chuyện này đối với chúng ta có vẻ vụng về hoặc hơi khó nghe, nhưng bạn sẽ thấy đây rõ ràng là một câu chuyện ngụ ngôn biểu tượng cho sự thiên biến vạn biến của Cái Một Duy Nhất và sự tái kết hợp để trở thành lại Cái Một Duy Nhất qua đau khổ và hy sinh. Vậy cái gì là các đồ chơi của cậu bé Bacchus khi y rơi vào cõi vật chất và biến thành vạn vật? Trước hết chúng ta thấy y đang chơi với hột xí ngầu. Các hột xí ngầu này không phải là loại bình thường mà là năm khối lập thể đa giác theo trường phái Plato (Platonic solids), một bộ có 5 loại hình học với tất cả các cạnh bằng nhau - đây là

một loại hình học đa giác duy nhất trong hình toán học. Chúng được đưa ra theo một thứ tự cố định và thứ tự này phù hợp với các cõi trong một thái dương hệ. Mỗi một hình học cho chúng ta biết không phải là hình thể của hạt nguyên tử ở mỗi cõi nhìn ra sao mà các đường hoạt động của năng lượng chạy như thế nào quanh hạt nguyên tử đó. Những hình học đa giác là khối hình tam giác tứ diện, khối hình vuông lục diện, khối hình đa giác bát diện, khối hình mười hai mặt, và khối hình hai mươi mặt. Nếu chúng ta để một dấu chấm ở một đầu và một quả cầu ở đầu kia với 5 loại hình đa diện ở giữa, chúng ta sẽ có một bộ bảy hình học, đáp ứng với bảy cõi trong thái dương hệ của ta.

Bạn có biết trong một vài trường học triết giáo cổ xưa, có một câu nói rằng: “Không ai có thể nhập môn mà không hiểu về toán học.” Bạn nghĩ câu nói này nghĩa là sao? Không phải cái mà chúng ta gọi là toán học bây giờ mà là loại toán học bao gồm kiến thức về các cõi bên trên, sự liên hệ của chúng với nhau và phương pháp mà toàn bộ vũ trụ được xây dựng bởi ý chí của Thượng Đế. Plato nói, “Thượng đế suy nghĩ theo hình học” và điều này hoàn toàn đúng. Hình học vốn không phải là sản phẩm của bộ não con người, chúng là chân lý của các cõi cao hơn. Chúng tôi thường có thói quen nghiên cứu các cuốn sách của Euclid (một nhà hình toán học nổi tiếng thời cổ Hy Lạp), nhưng bây giờ chúng tôi nghiên cứu

chúng chỉ vì nội dung của chúng chứ không phải vì nó sẽ dẫn chúng tôi đến một điều gì siêu việt hơn. Những nhà triết gia thời xưa cũng từng ngẫm nghĩ về chúng để đạt được sự thông triệt về khoa học thật sự của sự sống. Chúng ta đã đánh mất đi sự dạy dỗ chân chính, và hiện giờ trong phần đông trường hợp chúng ta chỉ nắm bắt được cái hình thể vô hồn của nó mà thôi.

Một món đồ chơi khác của Bacchus là con vụ quay, biểu tượng cho sự xoay tít của hạt nguyên tử được minh họa trong cuốn *Hoá Học Huyền Bí*. Y còn chơi với một trái banh tượng trưng cho trái đất, một phần đặc biệt của dãy hành tinh mà hiện giờ đang được Thượng Đế chú ý tới. Y cũng chơi với một tấm gương. Tấm gương lúc nào cũng là ký hiệu của ánh sáng của cõi Trung giới, nơi mà các mô hình tư tưởng được phản ánh rồi hiện hình. Vì vậy, bạn có thể thấy mỗi một món đồ chơi là một phần thiết yếu trong cuộc tiến hoá của một thái dương hệ.

Một vài lời thêm về cách các môn đồ được chuẩn bị để học hỏi các điều huyền bí bởi các trường huấn luyện khác nhau, ví dụ như ngôi trường của Ngài Pythagoras mà tôi đã từng là thành viên. Trong ngôi trường này các môn sinh đều được chia thành ba nhóm, nhóm thứ nhất được gọi là “*akoustikoi*,” hay người dự thính, có nghĩa là tuy họ vẫn học tập nhưng họ bị đòi hỏi phải tịnh khẩu trong vòng hai năm theo một trong những quy luật của trường.

Tôi nghĩ điều luật này có thể bị coi là một sự hạn chế quá nghiêm khắc đối với những người gia nhập Hội của chúng ta hiện nay, nhưng ở thời cổ xưa rất nhiều người cả đàn ông lẫn đàn bà đều chấp nhận điều luật này. Luật này cũng có một ý nghĩa khác, nhưng thật sự là trong vòng hai năm đầu môn sinh của khoá đầu tiên phải giữ im lặng. Ý nghĩa khác chính là trong thời gian đó, dù có lâu đến thế nào đi nữa, một người đang học trong lớp *akoustikhoi* không được dạy bất cứ một ai mà phải tiếp tục cố gắng học hành. Tôi thật sự ước mong chúng tôi có những lớp đào tạo như vậy trong Hội Thông Thiên Học, vì nó lâu lâu xảy ra là có nhiều thành viên tuy bản thân họ chưa hiểu nhiều lắm nhưng lại hay thích dạy người khác, và lời dạy của họ thật chẳng có gì giống như giáo lý của Thông thiên học.

Cấp thứ hai của trường Pythagoras được gọi là *mathematikoi*. Họ bỏ thời gian vào học hỏi các hình học, các con số và âm nhạc. Sau đó họ phải gom các môn khác nhau này lại với nhau để tìm ra sự liên hệ giữa chúng và họ đã phát giác ra được sự liên hệ giữa âm thanh và màu sắc, quả là một kỳ công.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ để cho thấy thế giới của chúng ta thật là một thể hợp nhất, và bằng cách nào chúng ta có thể lấy ra từ đó những phần gần như không có liên hệ gì với nhau rồi đem chúng lại gần để cho có liên hệ với nhau. Tôi vừa nói về năm loại hình đa giác của Plato. Ai hiểu biết gì về âm nhạc sẽ

biết rằng sự cân xứng cố định giữa chiều dài của những sợi dây đàn sẽ tạo ra một âm điệu khác biệt. Bạn phải biết bạn có thể điều chỉnh một dương cầm theo một công thức toán học của một phần năm, và bạn có thể diễn tả sự liên hệ giữa các âm điệu khác nhau qua con số của tần rung động của mỗi một âm điệu, do đó bạn có thể diễn tả một hợp âm hài hòa qua hình thức toán học. Điều này được khám phá ra lần đầu tiên qua một thí nghiệm đơn giản, sau đó các nhà toán học đã tính ra được các tỷ lệ (rung động của từng âm điệu) phải là như thế nào, và một lần nữa qua cuộc thí nghiệm họ chứng minh được sự tính toán của họ rất là chính xác. Điều đặc biệt là một bộ con số tạo ra một hợp âm hài hòa lại có một sự liên hệ giữa nhau giống y như sự liên hệ giữa các phần nhất định trong hình học đa giác của Pluto. Tôi còn nhớ rằng vấn đề này đã được trình bày gần đây trong một bài viết trên báo *Diễn đàn Thông thiên học* do một trong những người Anh chơi đàn đại phong cầm (organ) ở nhà thờ.

Thật là kỳ diệu khi thang âm nhạc (scale) hiện giờ của chúng ta, tuy rất khác với thang âm nhạc của thời cổ Hy Lạp lúc đó chỉ có năm âm điệu (tones), vẫn có thể được suy ra từ tỷ lệ của các hình học đa giác của Plato, một sự kiện đã được nghiên cứu hơn mấy ngàn năm trước tại Hy Lạp. Ta thường hay nghĩ là chắc không có sự liên hệ gì giữa toán học và âm

nhạc, nhưng bạn có thể thấy được là chúng đều là một phần của một toàn thể vĩ đại.

Cấp thứ ba của trường học Pythagoras thuộc về thành phần *physikoi* - những người nghiên cứu vật lý học, sự liên hệ bên trong giữa các hiện tượng thiên nhiên, sự cấu tạo của vũ trụ và siêu hình học. Họ học về sự thật của con người và vũ trụ càng sâu càng tốt theo khả năng của họ về Người đã sáng tạo ra cả hai.

Còn một điểm về huyền bí học mà chúng ta không nên bỏ quên là đời sống của người đệ tử. Một cuộc sống hoàn toàn thanh khiết phải được thực thi. Thật ra một sự kỳ diệu ngẫu nhiên khi đời sống trong trường Pythagoras được chia ra làm năm giai đoạn, rất giống như năm bước thang trên con đường dự bị của người đạo Hindu mà tôi đã từng mô tả trong cuốn *Những Người Cứu Trợ Vô Hình*, và Bà Besant trong cuốn *Con Đường của Người Đệ Tử*. Hầu như tất cả các mô hình và biểu tượng của đạo Công Giáo ngày nay có nguồn gốc từ Huyền Bí Giáo bên Ai Cập. Thí dụ, tất cả những biểu tượng liên hệ đến cây thánh giá La Mã và sự giáng sinh và hy sinh của Thượng Đế đều bắt nguồn từ môn Huyền Bí Học của Ai Cập. Tôi đã viết về vấn đề này trong cuốn *Tín Điều Thiên Chúa Giáo*.

Mặc dù Huyền Bí giáo của Hy Lạp và thành La Mã của Ai Cập và Chaldaea đã không còn tồn tại, thế giới này chưa bao giờ bị mất lối đi vào đền thờ bên trong. Ngay cả vào thời điểm đen tối nhất của thời

Trung Cổ Âu Châu, người Rosicrucians và một vài hội huyền bí giáo thời đó vẫn sẵn sàng truyền đạt chân lý cho những ai đã sẵn sàng, và hiện giờ trong thời đại bận rộn và chạy theo vật chất, Hội Thông Thiên Học vẫn dương cao lá cờ Chân Lý và hoạt động như là ngưỡng cửa cho những ai thành tâm muốn đến dưới chân các vị Chân Sư Minh Triết. Chúng tôi cũng có những cấp bậc khác nhau trong Bộ Phận Bí Truyền giống như Huyền Bí Giáo thuở xưa và luôn luôn đứng đằng sau chúng tôi là những viên chức của Quần Tiên Hội, những vị người nắm giữ chìa khóa của các cuộc điếm đạo thật sự.

Bạn phải nhớ rằng có rất nhiều việc mà ngày xưa chỉ được tiết lộ trong vòng bí mật giờ đây đã được công khai, và thông qua Hội chúng ta được công bố với thế giới. Rất nhiều vĩ nhân trong lịch sử đã bỏ ra bao nhiêu năm học hỏi và nghiên cứu để tìm hiểu những gì mà bây giờ chúng ta được cho biết quá dễ dàng qua sách vở. Với chúng ta mà nói, Thánh kinh đã tuyên bố không sai: “Có nhiều nhà tiên tri và vua chúa đã mơ ước nhìn thấy được những gì con đang thấy mà họ không thấy được, và được nghe những gì con đang nghe mà họ không nghe được.” (Luke, x.24). Vì vinh dự này đã được dành riêng cho chúng ta và cơ hội này được ban cho chúng ta, tôi cảm thấy chúng ta có một trách nhiệm rất lớn trên vai và chúng ta phải cố gắng làm sao cho chúng ta xứng đáng với món quà đó. Đây đúng là thiện nhân thiện báo để ta

có được cơ hội này. Nếu chúng ta bỏ rơi nó, chúng ta sẽ không gặp được nó nữa trong cả mấy ngàn năm. Nếu bạn từng biết, như tôi đã biết, những gian nan mà chúng tôi phải chiến đấu ngày xưa để học được những gì mà bây giờ đang mở ra trước mắt chúng ta có thể bạn sẽ trân quý cơ hội này nhiều hơn. Hãy cố gắng sử dụng nó với hết khả năng của chúng ta và biểu hiện cho thật tốt để chúng ta xứng đáng với đặc ân được ban cho chúng ta qua giáo lý Thông Thiên Học.

CHƯƠNG II

TÔN GIÁO

THƯỢNG ĐẾ

Trong hệ thống của chúng ta, chúng ta có một vị Thái Dương Thượng Đế mà bất cứ một ai hiểu lý lẽ đều mơ ước, vì nơi Ngài có tất cả những phẩm chất cao thượng mà mỗi cá nhân chúng ta đều tự đặt ra trong lòng để tôn thờ. Chúng ta không thể nào gán cho Ngài bất cứ tính thiên vị, bất công, độc ác, hay đồ kỵ nào - những người khao khát các cá tính này trong vị thần của họ phải đi tìm nơi khác. Trong Thái dương hệ của Ngài, Ngài là bậc toàn năng, toàn giác, và toàn hiện: tình thương, quyền năng, trí tuệ, và vinh quang, tất cả đều hiện diện đầy đủ trong Ngài. Tuy nhiên, Ngài vẫn là một cá nhân, nhưng một Cá Nhân thật sự Vĩ Đại - một tam thể hợp nhất, một vị Thượng Đế thật sự, tuy rằng Ngài vẫn còn thua xa không biết bao nhiêu lần so với Cái Duy Nhất, Cái Không Thể

Nghĩ Bàn, trước khi các thái dương hệ chỉ là những hạt bụi trong vũ trụ. Tôi không nghĩ là chúng ta có thể hình dung được Ngài. Mặt trời là biểu lộ chính của Ngài ở cõi Trần, và sự kiện này có thể giúp chúng ta hình dung được một phần nào các phẩm chất của Ngài và có thể thấy được tại sao tất cả đều xuất phát từ Ngài. Mặt trời có thể được coi như là một trung tâm lực của Ngài, tương ứng với trái tim con người, một sự biểu lộ bề ngoài của một trung tâm chính trong cơ thể của Ngài.

Tuy cả một thái dương hệ là cơ thể của Ngài, nhưng các hoạt động của Ngài bên ngoài nó thật sự còn vĩ đại hơn những gì bên trong nó. Chính bản thân tôi cũng không muốn tạo ra bất cứ một hình ảnh nào về Ngài, chỉ đơn giản nghĩ về Ngài như là sự toàn hiện trong vạn vật, nên ngay cả tôi cũng là Ngài, những người khác cũng là Ngài, và sự thật là không có gì ngoài Thượng Đế. Tuy nhiên đồng thời, cho dù cái này hay cái nọ mà chúng ta thấy đều là biểu lộ của Ngài, một thái dương hệ vĩ đại này đối với chúng ta chỉ làm một vật nhỏ bé đối với Ngài, vì tuy Ngài chính là tất cả các thứ này, nhưng ngoài nó ra và trên nó nữa, Ngài còn sống trong sự huy hoàng và lộng lẫy mà chúng ta chưa hề biết đến. Vì vậy, tuy chúng ta có thể đồng ý với những người theo thuyết phiếm thần là tất cả là Ngài, nhưng chúng ta còn đi xa hơn họ nữa vì chúng ta biết rằng Ngài có một sự sống vĩ đại hơn bên ngoài và bên trên vũ trụ của Ngài. “Sau

khi thấm nhuần cả vũ trụ này với một mảnh nhỏ của Ta, Ta vẫn còn đây.” (*Kinh Bhagavad Gita*, x. 42).

Tôi không nghĩ rằng chúng ta có thể tìm ra được một từ ngữ gì để miêu tả được sự hợp nhất giữa chúng ta và Ngài. Chúng ta cũng có thể được coi là những tế bào trong cơ thể của Ngài, nhưng chắc chắn là chúng ta còn hơn như vậy rất nhiều, vì sự sống và quyền năng của Ngài biểu lộ qua chúng ta theo một đường lối hoàn toàn vượt hẳn những gì mà đời sống tinh thần của chúng ta có thể được coi là biểu lộ qua những tế bào của cơ thể chúng ta. Khi Ngài biểu lộ ở cõi thấp nhất trong vũ trụ, chúng ta có thể hiểu là trạng thái đầu tiên của Ngài ngự ở cảnh cao nhất, trạng thái thứ nhì ở cõi dưới đó, và trạng thái thứ ba ở cảnh cao nhất của cõi Niết Bàn; do đó, khi một vị Chân tiên từ từ nâng cao tâm thức của Y qua từng cõi trong khi Y phát triển, Y sẽ đi tới trạng thái thứ ba của Ngài trước tiên và nhận biết được sự hợp nhất của Y với Ngài, rồi một thời gian rất lâu sau đó, Y mới tới sự hợp nhất toàn diện với trạng thái thứ nhì, rồi trạng thái thứ nhất.

Bản thân tôi, người nói chuyện với các bạn, đã từng thấy Ngài trong một hình thù mà không phải thuộc về hệ thống của Ngài. Đây là một sự kiện phi thường hoàn toàn vượt trên tất cả những kinh nghiệm bình thường và nó không có liên hệ gì với các cõi thấp hơn. Việc này chỉ xảy ra khi tôi thử làm một thí nghiệm rất liêu lĩnh - việc sáp nhập trong một giây

hai tia sáng, hay Cung, khác nhau để tạo ra một sức mạnh hướng thượng lên cõi mà cá nhân hai linh hồn riêng biệt không có thể nào với tới. Ngài ngự trị ở một chỗ cao hơn thái dương hệ của Ngài rất nhiều: Ngài ngự trị trên nó như thể một đài sen. Ngài được coi là mô hình chân thiện mỹ của loài người, nhưng thật ra Ngài vĩ đại hơn loài người rất nhiều. Chúng ta có thể mừng tượng các Linh Hồn (Augoeides) cứ tiếp tục được nâng lên cao hơn và cao hơn nữa đến điểm vô cực. Tôi không biết hình thù đó của Ngài lúc nào cũng là như vậy hoặc nó chỉ có thể được chiêm ngưỡng ở một cõi nhất định nào đó mà thôi - ai có thể nói được? Tuy nhiên, hình ảnh đó là một sự thật phi thường - việc này tôi có thể khẳng định, và một khi ta đã nhìn thấy được sự biểu hiện của nó thì ta sẽ không bao giờ quên nó.

Tôi muốn chia sẻ một chút về kinh nghiệm ở các cõi cao hơn mặc dù thật khó diễn tả nó cho thật chính xác. Khi một người nâng tâm thức lên tới cảnh cao nhất của nhân thể và dồn hết tâm tư vào cảnh nguyên tử của cõi trí, y có ba cách để di chuyển tâm thức đó, tương ứng ở một mức nào đó với ba chiều đo trong không gian. Hiển nhiên một cách là đi xuống cảnh thứ hai của cõi trí hoặc đi lên cảnh thấp nhất của cõi Bò-đề ở trên, nếu như y đã tiến hoá khá xa để có thể dùng thể đó như một dụng cụ.

Một con đường thứ hai mở ra cho y là một con đường tắt hiện diện giữa các cảnh nguyên tử của các

cõi cao hơn và thấp hơn với nhau, nên tâm thức của y không cần phải đi qua các cảnh trung gian ở giữa các cõi mà có thể di chuyển từ cảnh nguyên tử của cõi trí đi xuống cảnh nguyên tử của cõi cảm dục hay đi lên cảnh nguyên tử của cõi Bồ-đề; dĩ nhiên điều này là dựa trên giả thuyết trình độ tiến hoá của y có thể làm như vậy được. Để hình dung được con đường tắt này, ta có thể mượn tượng các cảnh nguyên tử được xếp ngang với nhau trên một thanh sắt, và các cảnh phụ của mỗi cõi như là những vòng ốc xoắn, như thể một sợi dây được quấn không chặt chung quanh cây sắt đó vậy. Đương nhiên, để di chuyển từ cảnh nguyên tử này qua cảnh nguyên tử khác, ta có thể dùng con đường tắt đi ngang trên thanh sắt, hoặc là đi xuống và đi lên qua sợi dây xoắn ốc tượng trưng cho các cảnh phụ của mỗi cõi. Nhưng nó còn có một khả năng thứ ba - một cách không phải là đi theo một con đường khác ở góc 90 độ với hai con đường kia, mà là một khả năng “nhìn lên” một con đường - “nhìn lên” giống như một người ở tận đáy giếng nhìn lên bầu trời đầy sao trên đầu họ vậy.

Vì nó còn có một đường dây liên lạc giữa cảnh nguyên tử của cõi trí ở *cõi thấp nhất của vũ trụ* và cảnh nguyên tử đối phần của nó ở *cõi trí của vũ trụ*. Khả năng của chúng ta còn quá kém để leo lên con đường này, nhưng ít nhất có một cơ hội để chúng ta nhìn lên thấy nó trong một thoáng. Cái nhìn thoáng đó thật không thể nào diễn tả nổi, vì không có từ ngữ

nào trong thế gian có thể miêu tả nó; nhưng dù sao đi nữa, ít nhất có một điều chắc chắn, với niềm tin không bao giờ có thể bị lung lay, là cái mà chúng ta gọi là tâm thức của chúng ta, cái trí tuệ của ta, vốn không phải là của chúng ta mà là của Ngài, không phải là phản ảnh của Ngài, mà thật sự chính thức là một phần của Ngài, một phần của trí tuệ của Ngài. Thật không thể tưởng tượng được, nhưng nó thật là như vậy! Khi ngồi thiền, chúng ta thường hay tự nhủ: “Tôi là Cái Ngã đó; Cái Ngã đó là Tôi,” nhưng để thấy nó, biết nó, cảm nhận nó, hiểu được nó là như thế này, quả là một sự kiện hoàn toàn khác biệt với lời đọc lầm nhảm.

Từ Ngài tuôn ra ba luồng sinh hoạt nối tiếp nhau để ban sự sống cho vạn vật, như đã được diễn tả trong các cuốn sách của chúng tôi. Luồng Sinh Hoạt Thứ Nhất, từ Thượng Đế Ngôi Ba, ban thần lực cho các hạt nguyên tử kết hợp với nhau thành các phân tử (particles) hoá học, một công trình được mô tả trong Thánh Kinh là *linh hồn của Đức Chúa Trời di chuyển trên mặt nước trong không gian*. Sau đó, khi các loài trong thiên nhiên đã được tổ chức, Luồng Sinh Hoạt Thứ Hai giáng hạ từ Thượng Đế Ngôi Hai để hình thành các “hồn-khóm” cho các loài kim thạch, thảo mộc, thú cầm; đây là sự giáng hạ của nguyên tắc Christ (tình thương) vào vật chất, nhờ đó mà chúng ta mới có thể hiện hữu. Tuy nhiên, khi chúng ta nghĩ về loài người, chúng ta nên nhớ rằng chính linh hồn

con người là sự biểu lộ của Luồng Sinh Hoạt Thứ Ba từ Thượng Đế Ngôi Một, Đấng Từ Phụ muôn đời.

Mỗi một ngôi sao cố định trên bầu trời đều là một mặt trời giống như của chúng ta, và mỗi một ngôi sao đều là một phần biểu lộ của một vị Thái Dương Thượng Đế.

PHẬT GIÁO

Khi chúng ta nghĩ về Đức Phật, chúng ta phải nhớ rằng Ngài không phải đơn giản là một người sáng lập ra một tôn giáo. Ngài còn là một vị quan lớn trong Thiên Đoàn, vị quan nhất phẩm chỉ đứng dưới một người, và là người đã sáng lập ra rất nhiều tôn giáo khác trong tiền kiếp của Ngài trước khi sáng lập ra tôn giáo hiện giờ đang mang danh hiệu của Ngài. Ngài từng là vị Vyasa đã cống hiến rất nhiều cho tôn giáo Ấn độ; Ngài là Hermes, vị tổ sư sáng lập ra Huyền Bí Giáo Ai Cập; Ngài từng là vị Zoroaster đầu tiên, sáng lập ra Hoả Giáo, tôn thờ lửa và mặt trời; và Ngài cũng từng là Orpheus, nhà thi nhạc sĩ trứ danh của thời cổ Hy Lạp.

Trong kiếp cuối cùng của nhiều kiếp đầu thai của Ngài, khi Ngài đến với loài người qua danh hiệu Đức Mâu Ni (Lord Gautama), hình như lúc đầu Ngài vốn không có ý định sáng lập ra một tôn giáo mới. Ngài

chỉ xuất hiện như một vị pháp sư chinh đốn lại đạo Hindu, một tôn giáo tóc đã điểm sương, nên nó gần như đã thay đổi quá nhiều từ hình thức ban đầu của nó giống như những tôn giáo khác. Nó đã trở nên cứng nhắc trong nhiều phương diện và có vẻ kém mềm dẻo hơn thời đó so với bây giờ. Ngay cả bây giờ, chúng ta đều biết giai cấp trong xã hội Ấn độ được vạch ra rõ ràng như thế nào và nó có nhiều hình thức và nghi lễ cứng rắn như sắt thép. Chúng ta cũng biết hiện giờ không một ai có thể được nhập vào đạo Hindu - con đường nhập giáo duy nhất là y phải sanh vào trong tôn giáo đó.

Hãy tưởng tượng một thời đại mà tất cả các việc này còn bảo thủ hơn nhiều, mọi cảm xúc còn khốc liệt hơn, và tất cả nhân sinh quan đã thay đổi rất nhiều từ những ngày đầu tiên của giống dân di cư Aryan, khi nó vẫn còn là một tôn giáo với đầy niềm vui và hy vọng cho mọi người. Trước thời của Đức Phật không xa, dư luận đều cho rằng ngoại trừ người thuộc dòng Bà-la-môn, không ai có hy vọng được giải thoát. Lúc đó, số người thuộc giai cấp Bà-la-môn rất ít và bây giờ cũng chỉ có khoảng 13 triệu trong khoảng 300 triệu người ở Ấn độ mà thôi; hiển nhiên, nó là một tôn giáo không mang nhiều hy vọng cho phần đông nhân loại vì nó ám chỉ rằng, trước khi họ có thể giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, họ cần phải luân hồi nhiều kiếp để học hỏi cho đến khi nào

họ có đủ tư cách để được nhận vào giai cấp nhỏ và độc quyền của người Bà-la-môn.

Nhưng rồi Đức Phật đến với thế gian, và lời giáo huấn của Ngài đã mở tung ra cánh cửa ngọt ngào của công lý, vì Ngài dạy rằng con người đã đi rất xa hình thức của tôn giáo này thuở xưa. Ngài liên tục nhấn mạnh rằng một người, cho dù có sinh ra trong giai cấp Bà-la-môn nhưng nếu y không sống một cuộc đời của một người Bà-la-môn, y không xứng đáng với sự tôn kính hay con đường giải thoát; trong khi đó, một người thuộc giai cấp khác mà sống theo giáo pháp của người Bà-la-môn, xứng đáng được cư xử như là người Bà-la-môn và y có đầy đủ các cơ hội giống như y được sinh ra trong giai cấp quyền quý đó vậy.

Đương nhiên khi phải đối diện với những giáo điều đặt hết hy vọng giải thoát vào một tương lai quá xa vời, người bình thường rồi cũng cảm thấy chán nản và cuối cùng trở nên đòi truy; ngược lại, đời sống khắc khổ của người Bà-la-môn khi phải bỏ ra cả đời vào nghi lễ và tham thiền cũng không có gì hứng thú, và quả thật đây là một việc không thể nào làm được. Tuy nhiên, Đức Phật chỉ cho họ một con đường mà Ngài gọi là con đường Trung đạo; Ngài dạy họ rằng cho dù đời sống khắc khổ và sùng tín không phù hợp với họ, nó không có nghĩa là họ phải rơi vào trạng thái truy lạc và bê tha. Ngài cho họ thấy một đời sống tinh thần vẫn có thể được thực thi, và cho dù họ không thể cống hiến hết mình vào các đề tài siêu hình

học hay những cuộc tranh luận gay go, họ vẫn đủ sức để nắm được những định luật lớn về sự tiến hoá để làm phương châm cho cuộc sống.

Ngài tuyên bố rằng hai thái cực này đều phi lý; một bên thì là cuộc sống của một người bình thường trong thế gian, chỉ biết chú ý đầu vào công việc theo đuổi những giấc mơ danh lợi và quyền lực để cuộc đời trở nên ngu muội và vô vị, bởi vì nó đã loại đi hết những gì mới thật sự có giá trị; nhưng bên kia là sự tu tập khổ hạnh dạy y phải rời xa thế tục, trốn đời giữ mãi sự cô lập và lánh xa trần thế, cũng là một cách đại dốt. Ngài duy trì rằng con đường trung đạo của chân lý và mỹ lệ vẫn là con đường tốt nhất và an toàn nhất, và dĩ nhiên tuy một cuộc sống dâng hiến hết cho tinh thần là đời sống cao thượng nhất cho những ai đã sẵn sàng, cuộc sống tinh thần lành mạnh và tốt đẹp vẫn có thể xảy ra cho một người vẫn còn giữ một vị trí trong xã hội để hoạt động.

Ngài chỉ dựa giáo lý của Ngài trên lý trí và những gì hợp tình, hợp lý. Ngài không bao giờ bắt buộc ai phải tin Ngài một cách mù quáng mà còn khuyến khích họ hãy mở mắt ra và nhìn cho rõ mọi sự việc chung quanh. Ngài tuyên bố rằng mặc dù thế giới có nhiều nỗi khổ đau và bất hạnh, nhưng hệ thống vĩ đại mà chúng ta đang sinh sống là một hệ thống của công lý vĩnh cửu và định luật cai quản đời sống chúng ta là một định luật tốt, chúng ta chỉ cần hiểu thấu nó và thích nghi với nó. Ngài dạy đời là khổ nhưng con

người là thủ phạm, vì y thường chạy theo dục vọng để chiếm lấy những gì y không có, và Ngài nhắc rằng hạnh phúc và an lạc chỉ có thể đến qua sự thiếu dục tri túc hơn là sự tăng trưởng về vật chất.

Để đạt được mục đích, Ngài sắp đặt các lời dạy của Ngài rất vi xảo, phân chia chúng dưới các đề mục dễ nhớ. Trên thực tế, đây là một cách thành lập một hệ thống nhớ mẹo rất chu đáo. Mục đề cương của Ngài đơn giản đến nỗi đứa bé nào cũng có thể nhớ và hiểu được Tứ diệu đế, Bát Chánh Đạo, và những nguyên tắc làm người mà nó đề xướng; tuy nhiên, nó có thể được giảng ra rất sâu rộng cho nên nó vẫn là một hệ thống triết lý mà người thông minh nhất vẫn có thể nghiền ngẫm nó cả đời và phát giác ra nó càng ngày càng làm sáng tỏ những vấn đề rắc rối trong cuộc sống.

Ngài phân tích mỗi vấn đề tường tận, như ta đã nhận thấy trong thập nhị nhân duyên, hay cách mà Ngài đã liệt kê từng bước một trong quá trình từ suy nghĩ đến hành động. Mỗi phần của Tứ Diệu Đế chỉ được miêu tả vồn vện bằng một chữ, nhưng đối với những ai đã từng được nghe những bài giảng về giáo lý này thì từng chữ tự nhiên gợi lên rất nhiều ý tưởng. Trường hợp này cũng y như vậy đối với các từ ngữ Ngài dùng để diễn tả những bước đi trong Bát Chánh Đạo và đối với những “đức hạnh toàn thiện” được nhắc đến trong *Tiếng Nói Vô Thinh*. Tất cả những sự toàn thiện này chỉ đơn giản là trí tuệ, tình thương, và

ý chí được biểu lộ qua các hình thức khác nhau. Đôi khi chúng được biết đến như là sáu hạnh kiểm, nhưng phần lớn đều là con số mười. Sáu Đức hạnh vẹn toàn, (hay Lục độ Ba-la-mật), là Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, và Trí tuệ ba-la-mật; còn bốn Đức hạnh kia đôi khi được thêm vào là Chấp Nhận ba-la-mật, Quả Quyết ba-la-mật, Từ Bi ba-la-mật, và Thiêu Dục ba-la-mật.

Phật giáo hiện giờ gần như đã biến mất khỏi Ấn độ, nhưng nó vẫn còn để lại nhiều ảnh hưởng lâu dài và quốc gia này vẫn còn giữ được nhiều di tích về sự dạy dỗ của Ngài. Trước khi Ngài giảng phàm, những lễ tế thần bằng máu xảy ra rất thông thường; ngay cả bây giờ chúng vẫn còn xuất hiện nhưng đã hiếm đi nhiều, vì Ngài đã dạy rằng các việc như vậy vốn không làm cho các vị thần thánh vui lòng, vì các Ngài chỉ muốn một đời sống thánh thiện để làm món quà tế lễ mà thôi.

Khi đọc lại các văn khố thời xưa, chúng ta thấy Ngài thường hay ngồi dưới gốc cây để thuyết pháp, còn người nghe thì ngồi trên mặt đất chung quanh Ngài, có người thì đứng dựa vào thân cây, đàn ông và đàn bà thì ngồi xen kẽ ở dưới, và các đứa trẻ thì chạy chơi vui đùa ở vòng bên ngoài. Đức Thế Tôn có một giọng nói tuyệt vời, vừa trong trẻo lại vừa vang dội, và một tư cách phi phàm, thu hút ngay được sự chú ý của người nghe, rồi Ngài thu phục luôn trái

tim của họ, ngay cả trong những trường hợp hiếm có khi họ bất đồng ý kiến với Ngài. Lòng mộ đạo của đại chúng lúc nào dâng lên cực điểm, và chúng ta thấy họ lúc nào hô lên những tiếng “Sadhu, Sadhu” để hoan hô khi Ngài nói ra một câu gì đặc biệt làm họ cảm động, và đồng thời họ cũng luôn nắm tay nhau giơ lên trời để hưởng ứng Ngài.

Ít nhất, một phần của ảnh hưởng này là do sự rung động cực mạnh của hào quang của Ngài, chu vi của nó to lớn đến mức khi các khán giả ngồi nghe Ngài thuyết pháp, họ thật ra đang ngồi trong hào quang của Ngài và được nó chỉnh sửa cho hoà hợp với nó. Ảnh hưởng từ điện (magnetic effect) của nó thật không thể nào diễn tả nổi; trong khi khán giả còn nằm trong vùng ảnh hưởng của nó, ngay cả kẻ ngu nhất cũng hiểu được hết những gì Ngài nói, mặc dù sau khi họ ra khỏi vùng ảnh hưởng đó, họ lại nhận thấy nó thật sự khó hiểu. Ảnh hưởng tuyệt vời này cũng tạo ra nhiều hiện tượng phi thường được ghi chép lại trong các kinh Phật giáo, đó là sự đặc quả A-la-Hán của một số lớn khán giả của Ngài. Ta thường hay đọc trong các điển tịch Phật giáo là sau một bài thuyết pháp của Ngài, hàng trăm người, nhiều khi đến hàng ngàn người, đắc quả A-la-Hán. Vì chúng tôi hiểu được mức cao cấp của sự đặc đạo này, nó thật sự rất khó tin đối với chúng tôi và chúng tôi đã từng cho rằng đây trường hợp phóng đại theo truyền thống Á-đông. Tuy nhiên, sau khi chúng tôi nghiên cứu lại

sự kiện này, những gì ghi chép ở đây là hoàn toàn đúng với sự thật. Kết quả này thật sự quá kinh ngạc nên nó cần phải được điều tra thêm, và chúng tôi đã khám phá ra rằng muốn thấu hiểu được sự kiện này, ta cần phải cứu xét không chỉ một kiếp này mà còn những việc xảy ra trong rất nhiều tiền kiếp.

Chúng ta phải nhớ rằng Đức Mâu Ni là vị Phật của giống dân chính thứ tư, mặc dù kiếp đầu thai cuối cùng này của Ngài lại xảy ra trong giống dân chánh thứ năm. Ngài đã từng đầu thai nhiều lần trong các giống dân phụ thứ tư của người Atlantis, và lúc nào Ngài cũng là Bạc Thầy của thiên hạ. Trong các kiếp đó Ngài đã thu nhận rất nhiều đệ tử, những người đã được bồi dưỡng để nâng cao đời sống cá nhân cũng như tư tưởng, và khi Ngài đến Ấn độ trong kiếp cuối cùng này, Ngài đã an bày để đưa hết tất cả những người mà qua bao nhiêu thời đại và quốc độ Ngài đã từng gieo trồng ảnh hưởng trong họ để họ có thể luân hồi đồng một lúc với nhau. Vì vậy, thánh giả của Ngài phần lớn là những người đã được chuẩn bị sẵn sàng, và như thế họ là những linh hồn rất tiến hoá, nên khi họ được tắm trong ảnh hưởng của môi trường từ điện kinh hồn của một vị PHẬT, họ hiểu ngay và theo được từng chữ một mà Ngài giảng, ảnh hưởng đó trên “linh hồn” của họ là một sự kích thích tuyệt vời. Vì vậy, họ đáp ứng rất nhanh; do đó, nó xảy ra là rất nhiều người có thể và đã được nâng cao lên đến tầng cao “ngất ngư” của Đạo.

Trong bộ ba của *Giáo Lý Bí Truyền*, chúng ta sẽ tìm thấy một phần rất hấp dẫn và có nhiều ẩn ý được gọi là *Bí Mật của Đức Phật*, nói về chuyện Đức Phật tự chuẩn bị các thể bên trong của Ngài bằng những chất liệu thượng hạng với tất cả các vòng ốc xoắn đều hoạt động. Thể bồ đề, nhân thể và thể trí đều được giữ lại cho các vị Cao Cả khác dùng, vì khó ai tạo ra được các dẫn thể với phẩm chất như vậy. Đức Bồ tát Di-Lặc đã từng dùng chúng với cơ thể của môn đồ Jesus trong khi Ngài Jesus chờ đợi ở các cõi cao hơn trong các thể riêng của Ngài. Đức Shankaracharya cũng đã từng dùng các “di thể” này, do đó mới nảy ra sự ngộ nhận là Ngài là một kiếp tái sinh của Đức PHẬT. Đức Chúa (Christ) trong tương lai cũng sẽ dùng các dẫn thể này để kết nối với một thể xác mà hiện giờ đang được chuẩn bị cho Ngài.

Phật giáo hiện giờ vẫn có nhiều tín đồ hơn các tôn giáo khác và nó là một ảnh hưởng thiết thực trong đời sống của hàng triệu huynh đệ chúng ta. Thật là không công bằng nếu chúng ta chỉ đánh giá nó dựa trên những gì mà các nhà đông phương học ở bên Âu Châu viết ra. Khi tôi còn ở Ceylon (hiện giờ là Sri Lanka) và Miến điện, tôi đã từng so sánh những gì họ viết ra với các giáo lý mà các Phật tử hiện nay đang tu tập. Các tu sĩ có trình độ học thức trong các nước này khi bàn luận về Phật pháp thật không kém sắc sảo hơn các nhà đông phương học uyên bác nhất, và cách lý giải của họ về Phật pháp lại ít cứng ngắt hoặc lạt

lẽ hơn. Có thể nói cuốn sách Anh ngữ hay nhất để ta có thể tìm hiểu thêm về tôn giáo này là cuốn *Ánh Sáng của Phương Đông* của Ngài Edwin Arnold, và một cuốn sách khác có thể đồng hành với nó là *Linh Hồn của Một Dân Tộc* bởi H. Fielding Hall. Có nhiều nhà phê bình cho rằng Ông Edwin Arnold đã đi xa hơn trực nghĩa của các danh từ trong sách và đang thổi phồng các kiến thức Công Giáo vào chúng. Tôi không nghĩ như vậy và tôi lại thấy ngài ấy diễn tả rất chính xác các cảm nhận và cách nhìn của những người Phật tử hơn các tác giả khác.

Phật giáo bây giờ được chia ra làm hai phái, Bắc Tông và Nam Tông, và cả hai đều đã rời khỏi khá xa khỏi giáo pháp nguyên thủy của Đức PHẬT nhưng theo hai lối rẽ khác nhau. Đạo Phật rất đơn thuần, giản dị và thực tế nên bất cứ người nào cũng có thể thích nghi với nó mà không cần bỏ đi tín ngưỡng và tập tục của các tôn giáo khác. Vì lý do này mà phái Bắc Tông đã cập nhật quá nhiều thứ vào giáo pháp của nó. Nó dường như đã hấp thụ quá nhiều nghi lễ và phong tục của các nền văn hóa bán khai mà nó thay thế; do đó ở Tây Tạng, chẳng hạn, chúng ta tìm thấy nguyên một hệ thống tiểu thiên thần, thánh thần, và quỹ sứ vốn hoàn toàn không có hiện diện trong Phật giáo nguyên thủy. Phái Nam Tông, ngược lại, thay vì cho thêm thì lại bị mất đi một chút gì đó trong giáo pháp của Đức Phật. Nó đặt nặng hình thức và các đạo lý trừu tượng của Phật pháp quá nhiều.

Phật giáo hiện đại thuyết rằng không có gì trừ nhân quả sẽ đi theo con người từ kiếp này qua kiếp khác, rằng con người không có một bản ngã vĩnh cửu mà trong kiếp tái sinh y sẽ là một con người mới hoàn toàn, kết quả của các nghiệp quả của kiếp trước, và họ dẫn chứng một vài lời nói của Đức PHẬT để bênh vực cho lý luận này. Đúng là Ngài đã từng phản bác sự tồn tại của phàm ngã và Ngài thường xuyên cam đoan với các thánh giả rằng không có gì liên quan đến con người cũ sẽ theo họ qua kiếp sau. Nhưng không có chỗ nào mà Ngài phủ nhận sự hiện hữu của cá nhân tánh (individuality); không những vậy, có nhiều câu nói của Ngài hoàn toàn xác nhận sự hiện hữu của nó. Ví dụ, chúng ta hãy lấy một đoạn từ *Kinh Sa-môn Quả (Samannaphala sutta)* trong *Kinh Trường Bộ (Digha-Nikaya)*. Lần đầu tiên, khi đề cập đến điều kiện và sự tu tập của cái trí cần thiết cho sự tiến bộ của tinh thần, Đức PHẬT đã mô tả cách mà Ngài nhìn thấy được hết các hình ảnh liên quan đến Ngài diễn ra liên tục như thế nào trong tâm trí của Ngài. Ngài diễn tả nó như sau:

“Nếu có một người đàn ông rời khỏi làng của y để tới một nơi khác, và từ đó đến một nơi khác nữa, rồi từ đó quay trở lại làng của y, y có thể nghĩ như vậy: ‘Tôi quả thực có đi từ làng của tôi đến làng khác. Ở đó tôi đứng như vậy, tôi ngồi như vậy, rồi tôi nói chuyện, và rồi tôi giữ im lặng. Từ làng đó, tôi lại ra đi đến một làng khác, và ở đó tôi làm những chuyện

như trên. Vẫn là “cái tôi” đó quay lại từ làng đó đến làng tôi.’ Cũng vậy đó, thưa Bệ Hạ, một người tu khổ hạnh, khi tâm trí y đã thanh khiết, sẽ biết được các tiền kiếp của y. Y sẽ nghĩ: ‘Ở một nơi như vậy, tôi từng có tên này. Tôi đã từng sanh ra trong gia đình như thế này, giai cấp của tôi như thế này, đồ ăn của tôi như thế này, và như thế này hay thế kia mà tôi có những kinh nghiệm vui, buồn, và cuộc sống của tôi lại kéo dài qua một nơi khác, nơi đó tôi cũng từng có những hoàn cảnh như thế này hoặc thế kia. Rồi từ đó tôi ra đi, và vẫn là “cái tôi” đó bây giờ sinh ra ở đây’.”

Câu chuyện ví dụ này cho ta thấy rõ ràng giáo lý của Đức PHẬT về cái “Ngã” luân hồi. Ngài cho rất nhiều minh họa trong bộ kinh đó về cách mà một khổ hành giả có thể nhìn thấy được tiền kiếp của người khác - y thấy họ chết ở một chỗ như thế nào, và sau tất cả những buồn, vui của địa ngục và thiên đàng, những người đó lại tái sinh lại như thế nào ở các địa điểm khác. Đúng là trong *Kinh Phạm Võng (Brahmajala Sutta)* Ngài có nhắc đến nhiều trạng thái của linh hồn và nói rằng chúng *tuyệt đối* không có thật, vì sự hiện hữu của chúng dựa vào sự “va chạm,” hay nói khác đi, là sự liên hệ. Nhưng trong việc phủ định sự thật *tuyệt đối* của linh hồn thì Ngài đã đồng tình với nhiều vị đại pháp sư Ấn độ, vì sự tồn tại không chỉ của linh hồn mà ngay cả của Thượng Đế cũng chỉ là tương đối.

Những tâm trí chưa được đào tạo sẽ dễ hiểu lầm các kiến thức này, nhưng người học trò cẩn trọng của đông phương học chắc chắn sẽ nắm được ý nghĩa của việc này và nhận thấy rằng giáo lý của Đức PHẬT trong vấn đề này giống y như giáo lý Thông Thiên Học. Thật không khó cho ta nhìn ra làm thế nào một vài đoạn có thể được nhấn mạnh hoặc bóp méo để chúng dường như đối nghịch với nhau, và phái Nam Tông đã chọn nhấn mạnh phạm ngã không phải là trường tồn hơn là nhấn mạnh sự liên tục của cá nhân tánh, y như bên Thiên Chúa Giáo có vài người có thói quen nhấn mạnh một vài đoạn, rồi lờ các đoạn khác bất đồng với nó.

Một điểm khác gây ra nhiều sự hiểu lầm là việc liên tục nhấn mạnh Niết bàn là trạng thái tương đương với sự huỷ diệt. Ngay cả Max Mueller, một nhà học thức Phạn ngữ nổi tiếng ở Oxford, cũng hiểu lầm về việc này trong rất nhiều năm, nhưng vào lúc cuối đời, sau khi nghiên cứu lâu hơn và sâu hơn, ông đã ngộ rằng mình đã sai lầm. Sự diễn tả của chính Đức PHẬT về Niết Bàn thật sự vượt quá xa sự hiểu biết của những người chỉ được đào tạo theo cách suy nghĩ tầm thường và phạm tục của thế gian, cho nên thật sự chẳng có gì lạ lùng khi nó bị hiểu lầm bởi các nhà đông phương học bên Âu Châu; nhưng không một ai từng sống giữa các Phật tử bên phương Đông lại có thể hiểu lầm, dù trong một giây, là sự huỷ diệt là mục đích cuối cùng cho nỗ lực của họ.

Đúng là nhập Niết bàn đòi hỏi sự huỷ diệt của phàm ngã, cái ngã thấp hèn của con người mà từ trước đến nay chúng ta chỉ có biết đến. Cũng như tất cả những gì mà liên hệ đến các dẫn thể thấp hơn, phàm ngã là vô thường và sẽ biến mất. Nếu chúng ta cố gắng hình dung thử xem con người sẽ là như thế nào khi y không còn những gì thuộc về “con người” nữa, như chúng ta hiện giờ đang gán cho danh từ này, quả thực chúng ta sẽ thấy đâu có gì còn tồn tại nữa; nhưng sự thật là tất cả vẫn còn - trong cái tinh thần sáng chói (Chân Ngã) lúc đó còn sống sót, tất cả những phẩm chất cao thượng đã từng được vun trồng qua nhiều thế kỷ của nhiều kiếp trăm luân trong luân hồi vẫn còn đây, trong sự biểu lộ toàn vẹn nhất. Con người lúc đó đã trở thành hơn “con người,” vì bây giờ y đã đứng trước ngưỡng cửa của Siêu Nhân Loại; nhưng y vẫn là y, mặc dù bây giờ y là cái “Ngã” vĩ đại hơn xưa kia.

Đã có rất nhiều cắt nghĩa về Niết bàn và dĩ nhiên không có cái nào là hoàn toàn thoả đáng cả. Có thể cái hay nhất là sự an lạc trong toàn giác. Mấy năm trước đây, khi tôi đang chuẩn bị một bài sơ lược về Phật giáo vấn đáp cho các em nhỏ đạo Phật thì Hoà thượng Sumangal đã đích thân tặng cho tôi một định nghĩa rất hay về Niết Bàn để dạy cho các em: đó là một trạng thái an lạc cao hơn những gì chúng ta có thể hiểu biết trong trình độ bây giờ của chúng ta. Vậy thì chắc chắn Niết Bàn không thể nào là sự huỷ diệt.

Lúc đó, tất cả những gì mà chúng ta gọi là “con người” đã hoàn toàn biến mất, nhưng không phải là cá nhân tánh bị huỷ diệt mà là nó chỉ bị hoà tan trong sự thánh thiện.

Đức Phật đã từng nói: “Niết Bàn không phải là **hiện hữu**, nhưng nó cũng không phải là **không có hiện hữu**.” (“Nirvana is not being, but also it is not non-being.”)

Một điểm khác biệt giữa Bắc Tông và Nam Tông là họ sử dụng hai bộ kinh khác nhau. Nó thường được tuyên bố là Bắc Tông sử dụng bộ *kinh Đại thừa* (*Mahayana*) và Nam Tông bộ *kinh Tiểu Thừa* (*Hinayana*), nhưng sự việc này có được nên gọi như vậy hay không tùy vào ý nghĩa của một từ bị xảy ra rất nhiều tranh chấp. *Thừa* (*Yana*) có nghĩa là cỗ xe, và mọi người đều đồng ý rằng nó cũng có thể được áp dụng vào giáo pháp hay luật pháp, như một chiếc thuyền chuyên chở chúng ta từ dòng sông thế tục đến Niết Bàn, nhưng có đến năm cách giải lý về ý nghĩa thật của từ ngữ này.

Có thể nó chỉ ám chỉ về ngôn ngữ mà bộ kinh luật được viết ra, với kinh Đại thừa được viết bằng tiếng Phạn, còn Tiểu Thừa được viết bằng tiếng Pali (Nam Phạn) - một lý giải mà tôi cảm thấy hoàn toàn không ổn. Đúng là Bắc Tông dùng tiếng Phạn để dịch kinh, còn Nam Tông thì dùng tiếng Pali (ngôn ngữ chính của Đức PHẬT dùng khi Ngài còn tại thế). Nó được tuyên bố là hiện giờ bộ kinh tiếng Pali

không phải là bản gốc, bởi vì tất cả các bản gốc thời bấy giờ, (hay ít nhất các bản nằm tại Ceylon), đã bị tỉ mỉ phá hủy bởi những kẻ xâm lược từ miền nam Ấn độ (Tamil), cho nên những bộ kinh Pali mà chúng ta hiện có là từ một bản sao tiếng Elu, ngôn ngữ thời bấy giờ của Ceylon.

Hina có thể được dịch là hẹp hay dễ, hoặc nhỏ. Một cách lý giải đương nhiên là Tiểu Thừa (Hinayana) là một con đường hẹp hơn hay dễ hơn để đi đến giải thoát, với một số kiến thức và hạnh kiểm tối thiểu để đạt đến giải thoát, trong khi Đại Thừa là một học thuyết triết lý đầy đủ và bao la hơn, với nhiều kiến thức truyền thống về các cõi cao hơn trong vũ trụ. Khỏi cần nói, giả thuyết này đến từ nguồn gốc Đại Thừa.

Phật giáo, trong sự bao dung, hoà nhã với các tôn giáo khác, lúc nào cũng sẵn sàng chấp nhận có những con đường khác đưa đến sự giải thoát, nhưng họ xem con đường của Đức Bổn Sư vạch ra là con đường ngắn nhất và chắc chắn nhất. Theo góc nhìn này thì Phật giáo lại là Đại Thừa, còn Tiểu Thừa thì gồm có đạo Bà-la-môn, Hoả giáo, Jainism, và các tôn giáo khác hiện diện trong thời đó khi giả thuyết này được cho ra đời.

Vậy hai giáo pháp có thể chỉ là hai giai đoạn của một giáo pháp mà thôi, Tiểu Thừa cho Sravakas hay người nghe, còn Đại Thừa thì cho những môn đồ tiến bộ hơn.

Ngoài nghĩa chính của nó là “cỗ xe,” từ ngữ Thừa (Yana) cũng có thể được hiểu theo nghĩa thứ hai, tương đương với Anh ngữ là “sự nghiệp.” Theo cách lý giải này, Đại Thừa mở ra trước mắt con người một “sự nghiệp” lớn để trở thành Bồ tát và công hiến hết đời mình cho sự an lạc của thế gian, trong khi Tiểu Thừa chỉ cho y một “sự nghiệp” nhỏ hơn là sống thế nào để đạt đến cảnh giới Niết Bàn cho riêng y.

Phật giáo cũng có rất nhiều tranh luận về định nghĩa chính xác của danh từ “*Phật-đà*” (*Adi-Buddha*) và “*Phật Bà*” (*Avalokitesvara*). Tôi chưa từng nghiên cứu đặc biệt về các vấn đề này từ góc nhìn của triết học, nhưng theo những gì mà tôi được biết từ các ý kiến được đưa ra qua các cuộc đàm đạo với các nhà hiền triết Phật giáo hiện đại, *Phật-đà* là một sự thành tựu tuyệt đỉnh của một trong con đường tiến hoá của siêu nhân loại - có thể được gọi là nguyên tắc trừu tượng về tất cả các vị Phật. Còn *Avalokitesvara*, hay *Phật Bà*, là một danh từ xuất xứ bên Bắc Tông và dường như nó là tên mà các vị Phật tử đặt ra để diễn tả quan niệm của họ về Thượng Đế. Các học gia Âu Châu đã từng dịch ra từ ngữ này là: “Một vị Thần từ cõi cao nhìn xuống,” nhưng cái này dường như không hợp lý lắm, vì nó lúc nào cũng phải là sự biểu lộ của một vị Thượng Đế, đôi khi là vị Thái Dương Thượng Đế và đôi khi còn cao hơn nữa, nhưng lúc nào nó cũng là sự biểu lộ. Chúng ta không nên quên rằng, trong khi người sáng lập ra các tôn giáo lớn đều biết

và hiểu các danh từ mà Họ đặt ra, môn đồ của Họ thì lại thường không hiểu; họ chỉ biết tên gọi đó và họ nhào lộn với chúng như một trò chơi tiêu khiển về trí thức, và họ phỏng đoán ra rất nhiều điều sai lầm và không hợp lý.

Nói chung, phái Nam Tông, bao gồm Ceylon (Sri Lanka), Miến Điện, Thái Lan và Cam Bốt, đã giữ cho giáo pháp của họ miễn bị ô nhiễm bởi ảnh hưởng bên ngoài như phái Bắc Tông, tiêu biểu nhất là Nhật bản, Trung Hoa, và Tây Tạng. Ở Miến Điện không có hình thờ nào ngoài của Đức Phật trong các đền thờ của họ, mặc dù Ngài có khoảng mấy trăm bức hình vẽ hoặc bức tượng thuộc đủ mọi chất liệu và đủ mọi tư thế khác nhau được cúng dường bởi những người tôn thờ Ngài. Ở Ceylon, chúng ta tìm thấy được một vài điểm nhượng bộ về phong tục nơi đó, có thể được xảy ra vào thời cai trị ngoại xâm của các vị vua từ miền nam Ấn độ, cho nên có một vài hình ảnh của các vị thần Ấn độ được tìm thấy trong đền thờ, mặc dù lúc nào họ được cho nằm phủ phục ở dưới và được coi là người hầu của Đức Phật. Tuy nhiên, chúng ta không nên trách cứ người Tây Tạng về việc giáo pháp của họ bị ô nhiễm bởi những mê tín dị đoan. Việc này lúc nào cũng xảy ra trong các tôn giáo trên toàn thế giới theo dòng lịch sử. Ở nước Ý, chẳng hạn, có nhiều dân quê ở đồi núi vẫn còn theo cổ giáo, và hiện giờ họ vẫn còn thờ thần Bacchus dưới một tên gọi khác của thời đại Etruscans trước thời Đại Đế La Mã.

Các Cha Công Giáo đều biết về sự tồn tại của cỗ giáo này và đã cực lực phản đối, nhưng rồi cũng vô ích.

Trong phái Nam Tông có rất ít những nghi lễ về bất cứ chuyện gì, gần như là họ không có cái gì tương đương với Thánh lễ bên Công Giáo. Khi Phật tử đến thăm đền thờ, họ chỉ xin các vị sư đọc cho họ nghe ba con đường hướng dẫn (Phật, Pháp, Tăng) và ngũ giới, xong rồi họ lặp lại theo các vị sư; tuy nhiên, việc này cũng không được gọi là nghi lễ công chúng, vì nó không chỉ được đọc lại trong một thời gian ấn định mà là mỗi lần cho những ai vừa đến thăm chùa. Có một nghi lễ khác gọi là Paritta hay Pirit (nghĩa là “cầu an”), nhưng nó không được làm ở trong đền thờ hay vào một ngày lễ ấn định nào, mà nó được coi là một công đức do người thể tục làm ra để ăn mừng một dịp gì đặc biệt - hay nói khác đi, họ sẽ xây cất và trang trí rất trang hoàng một toà nhà nào đó tạm thời để tổ chức buổi lễ. Nó bao gồm những buổi tụng kinh về phần cầu an trong kinh Phật, và được tổ chức trong mấy ngày liền, thường thường thì khoảng một hai tuần, do các vị sư thay phiên nhau đọc tụng cứ cách hai tiếng.

Lâu lâu khi một người ngã bệnh thì một lễ cầu an được tổ chức cho y với ý nghĩ là nó sẽ giúp cho y mau bình phục. Nó thật sự ra là một nghi lễ thôi miên, vì các vị sư sẽ ngồi chung quanh một vòng tròn và mỗi người sẽ cầm trong tay một sợi dây thừng chạy chung quanh vòng tròn này, và họ sẽ được nhắc

nhỏ phải tụng kinh, giữ cho tâm trí tĩnh lặng ngoài trừ việc cầu an. Đương nhiên sợi dây thừng này sẽ trở thành một đường dây dẫn từ điện rất mạnh trong khi buổi lễ tiến hành, và những sợi chỉ nhỏ hơn được cột vào nó tới một chậu nước lớn, dĩ nhiên cũng nhận được nguồn năng lượng mạnh mẽ này. Sau khi buổi lễ kết thúc, chậu nước này được phân phối cho mọi người chung quanh, và người bệnh thường được cho cầm một sợi chỉ nối liền với đường dây thừng này.

Phái Nam Tông có liệt kê ra danh sách ngũ đại thần thông mà một hành giả có thể đắc thủ khi y bắt đầu tiến bộ trên đường Đạo:

(1) Thần túc thông: khả năng đi xuyên qua không gian và các vật cứng rắn và đi tham quan thiên cảnh khi còn tại thế. Nó có thể chỉ là khả năng làm việc tự do trong thể cảm dục, vì rất có thể là khi họ nói về thiên cảnh, họ thật sự không ám chỉ vào cõi trí mà chỉ vào các cảnh cao hơn trong cõi Trung giới.

(2) Thiên nhĩ thông: khả năng nghe được hết mọi thứ - có nghĩa là khả năng của thể vía về thông nhĩ.

(3) Tha tâm thông: khả năng hiểu biết và thông cảm với tâm tư của người khác - có thể giống như khả năng đọc được tư tưởng, hay di chuyển tư tưởng.

(4) Túc mệnh thông: khả năng nhớ lại tiền kiếp.

(5) Thiên nhãn thông: hay nói cách khác, thông nhãn.

Có nhiều danh sách có cộng thêm khả năng giải thoát dựa vào trí tuệ (Lậu tận thông). Cái này có

nghĩa là sự giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi, nhưng nó có vẻ không giống như các quyền năng tâm linh khác và có thể không nên được liệt kê vào trong cùng một danh mục.

Ngài A-nan được coi là đệ tử yêu thích nhất của Đức Phật, cũng như Ngài John hay được nhắc đến là đệ tử yêu thích nhất của Đức Chúa, và chắc chắn rằng trong hai trường hợp này, sự thân mật đặc biệt là kết quả của sự liên hệ trong nhiều tiền kiếp. Ngài A-nan tất nhiên không phải được chọn vì Ngài là đệ tử giỏi nhất, vì ngay sau khi Đức PHẬT viên tịch, chúng ta có nghe nói là đại hội tổng kết kinh điển lần đầu tiên được diễn ra trong một hầm đá, và điều kiện được dự kiến là không ai có thể tham dự nếu y không thể đi xuyên qua nỗi phiền đá đó; Ngài A-nan đã bị loại ra khỏi đại hội này vì lúc đó ngài chưa đắc thủ được quyền năng này. Tuy nhiên lúc đó, vì nỗi đau khổ khi bị loại ra khỏi cơ hội phụng sự cho Đức Bốn Sư quá lớn nên Ngài đã dùng hết sức bình sinh và ý chí của mình để ngay lúc đó đạt được quyền năng mà Ngài còn thiếu và lẫm liệt xuyên qua phiền đá đó để được đường đường, chính chính ngồi xuống bên cạnh các huynh đệ của Ngài, cho dù có hơi trễ một chút.

Việc này cho chúng ta thấy rằng những người tiến hoá nhất của nhân loại vẫn có thể có những liên hệ thân mật đặc biệt với bạn bè, và do đó việc thương người này hơn người kia không phải là điều bất hảo. Sự thật là tình thương mà bây giờ bạn đang dành cho

những người thân nhất và yêu quý nhất của bạn sẽ bao phủ luôn cả thế giới trong tương lai. Tuy nhiên, tình thương của bạn dành cho tất cả sẽ không giống nhau cho dù mọi người đều được tắm trong tình thương đó. Tình thương giữa chúng ta với nhau không thể nào giống y như tình thương của chúng ta dành cho Bậc Thầy của mình, vì khi Ngài trở thành Thượng Đế thì chúng ta sẽ là một phần của hệ thống của Ngài, và đến một điểm rất xa hơn nữa khi chúng ta trở thành Thượng Đế thì chúng ta vẫn là một phần của Ngài, vì lúc đó Ngài sẽ đại diện cho một hệ thống lớn hơn. Dù chúng ta lúc nào cũng có những tình thương lớn hơn dành cho một vài người khác, chúng ta sẽ vẫn giúp đỡ những người mà chúng ta yêu thương ít hơn với cả tấm lòng giống y như đối với những người mà chúng ta yêu mến nhiều hơn. Chúng ta sẽ luôn cố gắng làm hết mình cho tất cả mọi người, y như một bác sĩ sẽ giúp đỡ cho mọi bệnh nhân đồng đều cho dù họ là bạn hay thù, vì những cảm giác như ghét bỏ và hận thù đã sớm bị dập tắt từ lâu.

Vào thời của Đức PHẬT cũng có rất nhiều vị thánh nhân giáng phàm. Chúng ta tìm thấy được những ví dụ như Lão tử, Khổng tử, và Pythagoras, tất cả đều hoạt động trong bầu khác nhau của họ. Khi một năng lượng tinh thần to lớn được phóng thích xuống thế gian, đây là một lợi thế phải được tận dụng, và có rất nhiều bậc Thầy của thế gian đã được gửi xuống mọi nơi trong thế giới vào lúc đó.

THIÊN CHÚA GIÁO

Trong giáo lý của Thông Thiên Học, thật ra không có điều gì đối nghịch với giáo lý nguyên thủy của Thiên Chúa Giáo, mặc dù có một số phát biểu sẽ không đồng tình với các sai sót trong phiên bản Thánh Kinh tân thời đang được phổ biến gần đây. Phiên bản Thánh Kinh này rất coi trọng văn bản cũ (texts), nhưng trên thực tế, tôi lại thấy toàn bộ cuốn tân kinh này chỉ được dựa vào trên một hay hai văn bản mà thôi. Nó lấy các văn bản này ra và hoàn chỉnh lại với một cách diễn giải mới, nhưng chúng lại thường đối nghịch với các văn bản đơn giản được tìm thấy trong cùng một bộ Thánh kinh (the Bible). Dĩ nhiên Kinh Thánh Công Giáo, hay bất cứ một bộ sách nào với tài liệu lớn như vậy, sẽ có các mâu thuẫn khó tránh với nhiều đoạn được viết ra trong những thời gian lịch sử cách nhau khá xa, và do bởi những tác giả với trình độ học thức và thuộc vào các thời đại khác nhau ...

Tất cả những điều gì được viết ra trong Thánh Kinh không thể nào chỉ được hiểu theo nghĩa đen của nó, nhưng chúng ta có thể đi đằng sau các sự kiện này để tìm hiểu xem vị Thầy chính thống đã từng dạy các môn đồ của Ngài như thế nào. Vì Thánh Kinh có quá

nhiều mâu thuẫn và lối diễn giải khác nhau, một “con chiên” trí thức phải có trách nhiệm cân nhắc các phiên bản khác nhau về niềm tin của y còn tồn tại trong thế giới này và phân biệt chúng theo lý trí và lý lẽ hợp tình, hợp lý (common-sense).

Trên thực tế, mỗi người đạo Chúa phải tự quyết định muốn chọn làm môn đồ của Đạo Thánh Kitô (Roman Catholic), Tân Giáo (Church of England), Đạo Tin Lành (Methodist), hay đạo Đoàn Quân Cứu Thế (Salvation Army), mặc dù mỗi nhánh này đều tuyên bố rằng môn phái của họ mới là bản hiệu chính gốc, rồi biện hộ bằng cách trích ra một vài đoạn trong Thánh Kinh. Vậy làm sao một người bình thường có thể quyết định giữa bao nhiêu lời tuyên bố công kích với nhau? Một là y nhắm mắt chấp nhận niềm tin trước đó của người cha của y và không cứu xét thêm gì nữa, còn không thì y phải tìm hiểu nó và rồi tự quyết định dựa trên phán xét của y.

Nếu y đã làm như vậy rồi, nó thật là ngớ ngẩn và mâu thuẫn nếu y không chịu nghiên cứu hết các kinh sách mà chỉ dựa niềm tin của y vào một hay hai cuốn kinh. Nếu y thật tình nghiên cứu hết các kinh điển một cách khách quan, y sẽ thấy có nhiều điểm ủng hộ cho giáo lý Thông Thiên Học. Y cũng sẽ nhận thấy rằng chỉ có Thông Thiên Học mới có thể giảng giải mọi tín điều một cách hợp lý. Dĩ nhiên, để cho y có thể so sánh minh bạch hơn giữa hai hệ thống này, y cần phải nghiên cứu sâu hơn về lịch sử của tôn giáo

của y và tìm hiểu tại sao giáo lý đạo Thiên Chúa lại biến thành như bây giờ.

Y sẽ thấy trong thời kỳ sơ khai của Nhà Thờ Công Giáo có ba nhóm chính hay phe đảng. Trước hết là nhóm của những nhà Triết Gia Huyền Bí (Gnostics Doctors) hoặc những người học thức, họ có trí tuệ và văn hoá - họ biết nhận xét rằng giáo lý của Đạo Chúa vốn là cùng một nguyên tắc với hệ thống triết lý của Hy Lạp và La Mã vốn còn tồn tại thời bấy giờ. Họ nói rằng hệ thống này (đạo Chúa), mặc dù rất hoàn hảo và mỹ lệ, nhưng nó rất khó hiểu và vì vậy họ không khuyến khích dạy nó cho những người thiếu hiểu biết (ignorant) để học hỏi. Họ nói về nó như Gnosis hay kiến thức, những kiến thức mà chỉ có những thành viên cao cấp của nhà thờ mới được biết nhưng không được công bố ra ngoài, và chúng cũng không được dạy cho các thành viên thiếu hiểu biết của hội trong khi họ còn trong giai đoạn dự bị, chưa nhận được phép rửa tội.

Rồi có một nhóm thứ hai, nhóm của những người thuộc tầng cấp trung lưu khá khá - họ thật sự không quan tâm nhiều về triết lý mà chỉ vui vẻ chấp nhận những lời dạy của Chúa như ngọn đuốc soi đường cho cuộc sống của họ. Họ dùng một bộ sưu tập các lời dạy của Chúa làm kinh sách, và có vài trang sách đã được khám phá gần đây bởi các nhà nghiên cứu cổ học.

Rồi khổ thay lúc đó có một đám đông thuộc thành phần thiếu hiểu biết và hay nổi loạn. Họ thật sự không nắm được giáo lý của Đức Chúa nhưng lại gia nhập nhà thờ Công Giáo chỉ vì những lời tiên tri mà Ngài phán về một thời điểm tốt lành hơn trong tương lai. Ngài cảm thấy thương xót cho sự đau khổ của người nghèo vì Ngài có đầy tình thương và lòng thông cảm. Trong giáo pháp của Ngài, Ngài lúc nào cũng an ủi họ rằng kẻ bần cùng mà chịu khổ đau một cách can đảm và vui vẻ sẽ có một vị trí cao hơn và tiến bộ nhanh hơn so với một kẻ giàu có nhưng làm điều sai trái. Chúng ta có thể thấy tại sao một giáo lý như vậy giảng cho những người thiếu hiểu biết có thể bị hiểu lệch hướng đi. Họ có thể tiếp nhận lời hứa hẹn về một kết quả mà bỏ đi điều kiện bên trong, và đối với họ, một thời điểm tốt lành có nghĩa là thời cơ họ có thể trở thành những kẻ đàn áp và lợi dụng lại những người giàu có - một điều mà dĩ nhiên Đức Chúa không bao giờ dạy. Rồi nó xảy ra là Ngài thu hút rất nhiều đám đông vì lý do này hoặc lý do khác mà chống đối nguồn máy cai trị thời bấy giờ, và khi những người thiếu hiểu biết này quay lại giảng cái mà họ gọi là đạo Chúa cho những người khác, họ dĩ nhiên sẽ nhấn mạnh và phóng đại những kiến thức sai lầm của họ. Đám đông tâm thương này, tự xưng là “những kẻ bần cùng,” nhanh chóng trở thành phe đảng đông nhất trong nhà thờ sơ sinh và họ đoạt được rất nhiều quyền lực, nên cuối cùng họ đuổi đi được

những nhà Triết Gia Huyền Bí mà họ cho là kẻ ngoại đạo, vì “những kẻ khốn cùng” này rất đố kỵ ý tưởng là họ không biết gì về các kiến thức được coi là phần cốt lõi của đạo Chúa.

Còn có một quan điểm khác mà người Công Giáo có thể tìm thấy được lợi ích tối đa của Thông Thiên Học đối với y. Hiện giờ, đầu óc của nhiều người đạo Chúa đã quen tiếp xúc với cái mà họ gọi là sự phê bình cao cấp hơn - có nghĩa là, sự áp dụng lý lẽ bình thường và các phương pháp khoa học để nghiên cứu tôn giáo, một nỗ lực để tìm hiểu tôn giáo thay vì chỉ mù quáng tin vào nó. Qua bao nhiêu thời đại, người thế gian đều bị nhồi sọ là họ phải nuốt trôi tất cả các giáo lý như uống thuốc vậy, và để cố phân tích lý luận về chúng là một điều bất kính. Đã có rất nhiều người trên thế giới, và họ thuộc thành phần thông minh nhất của xã hội, không thể nào chấp nhận được các giáo điều này một cách mù quáng và vô ý thức. Trước khi họ có thể tin vào chúng thì họ phải hiểu một chút gì về chúng, và một câu tuyên bố không thể nào trở thành một sự thật hiển nhiên cho đến khi nào họ có thể tìm ra được một sự liên hệ giữa nó với các sự thật khác và coi nó như là một phần không ít thì nhiều của một hệ thống toàn diện của vạn vật.

Thật là vô lý khi có người (như vài người Công Giáo) nói rằng những người này sinh ra bản tánh đã xấu và thái độ của họ là bị ma quỷ xúi dục. Thật ra

ngược lại, họ mới chính là những người biết trân trọng nhất món quà trí tuệ của Thượng Đế đã ban cho, và họ quyết tâm sử dụng nó theo đường lối cao thượng nhất có thể trong mọi cách, đó là để làm sáng tỏ sự thật về tôn giáo. Sự thật là những người phê bình này đang làm một việc phụng sự cao cả cho tôn giáo: họ đang làm sáng tỏ những điểm mà từ trước đến nay vẫn còn bị mù mờ, họ đang tuyên bố chính xác những điều dính líu tới nó mà trước đây chỉ được hiểu có một vài phần, và họ đang cố gắng tổ chức lại một hệ thống mà hiện giờ chỉ là một mớ hỗn loạn vô ý nghĩa.

Nếu có thành viên nào trong nhóm huynh đệ chúng ta có những người bạn Công Giáo rất bức mình về những nỗ lực này và họ sợ rằng việc lý luận tự do này sẽ lý giải tôn giáo họ vào chỗ không còn tồn tại, hãy giới thiệu họ đến với giáo lý Thông Thiên Học, vì đó chính là điều mà họ cần nhất. Nó sẽ chỉ cho họ dừng chân lại trước khi loại bỏ các tín ngưỡng tổ tiên và nó sẽ chỉ cho họ biết, khi được hiểu đúng cách, cái tín ngưỡng đó vốn có một ý nghĩa và một nền tảng thật sự, và tuy rằng giáo lý thời trung cổ Âu Châu có vài điều mơ hồ và hoang đường hay khó tin, giáo lý nguyên thủy của Đạo Chúa vẫn là một sự trình bày tuyệt vời về sự thật của vũ trụ.

Nếu họ đã trưởng thành và vượt qua khỏi được hình thức bên ngoài của tôn giáo của họ, nếu họ đã phá vỡ được giai đoạn phôi thai của đức tin và đã ngự

trên đôi cánh của lý trí và trực giác để đi đến một đời sống trí thức cao thượng, Thông Thiên Học sẽ cho họ thấy là trong tất cả mọi sự việc này, không có gì bị mất đi mà trái lại còn có rất nhiều lợi ích lớn và vinh quang nữa. Vì nó nói với họ rằng bầu nhiệt huyết tận tâm vì đạo mà khi xưa mang rất nhiều ý nghĩa trong đời sống tinh thần của họ nay đã được hoàn toàn chứng minh, và sự huy hoàng, long lẫy, và thơ mộng của các tư tưởng tôn giáo hiện diện ở mức độ hoàn hảo hơn họ mơ tưởng rất nhiều - chúng không còn là những giấc mộng an lành mà bất cứ lúc nào cũng bị đánh thức bởi ánh sáng lạnh lùng của lý trí, mà là những sự thật của thiên nhiên cần được nghiên cứu, và chúng sẽ càng ngày càng sáng lạng và diễm lệ hơn khi chúng được am hiểu một cách chính xác.

Tất nhiên cuốn Thánh Kinh (the Bible) không nên được đọc theo nghĩa đen vì nó có rất nhiều câu tuyên bố mang tính cách biểu tượng, và lại có nhiều câu khác thật sự không đúng với sự thật. Khi chúng tôi dùng nhãn thông để kiểm xét lại cuộc đời của Người Sáng Lập ra Thiên Chúa Giáo, chẳng hạn, chúng tôi không tìm ra được vết tích của mười hai vị sứ đồ (the twelve apostles), và dường như họ chưa bao giờ từng xuất hiện là những con người thật, tuy họ lại được đưa vào câu chuyện vì một lý do nào đó - có thể để biểu tượng cho mười hai cung hoàng đạo. Vị môn đồ Jesus mà thể xác được dùng bởi đức Chúa (Christ) vốn không phải là một đứa con trai hoang

(được sinh ngoài giá thú), giống như kinh Phúc Âm ám chỉ, hoặc cha của Ngài là một người thợ mộc. Thật ra, Ngài thuộc dòng dõi quý tộc cao quý nhất của người Do Thái, một hậu nhân của dòng dõi đế vương thời xưa. Ngài có thể có một chút xíu dòng máu Aryan, và điều này có thể làm cho người Do Thái kỳ thị nhất đặt điều nói rằng Ngài không phải là dòng giống chính thống của hạt mầm David, và câu tuyên bố này có thể dễ dàng được hiểu lầm là một sự sanh đẻ bất bình thường như câu chuyện thường được thuật lại trong Thánh Kinh.

Sự thật là bốn cuốn sách kinh Phúc Âm (the Four Gospels) vốn chưa bao giờ được dự định được sử dụng như một văn kiện lịch sử. Chúng xuất nguồn từ một văn thư ngắn được viết bằng tiếng Hebrew do một vị tu sĩ tên Mattheus sống trong một tu viện ở một bãi sa mạc phía nam của Palestine. Vị này dường như nảy ra một ý kiến viết về dữ kiện của các cuộc điểm đạo lòng trong một khung cảnh của một câu chuyện, và ông trộn lẫn vào đó một vài sự kiện của đời sống của con người thật Jesus được sinh vào năm 105 B.C., và một vài điểm khác từ đời sống của một kẻ truyền đạo cuồng tín vô danh đã bị kết án tử hình và xử tử ở Jerusalem vào năm 30 A.D.

Ông ta gửi văn thư này tới một người bạn thân của ông, lúc đó là vị viện trưởng của một tu viện ở Alexandria, và gợi ý với vị viện trưởng này rằng ông, hay phụ tá của ông ta, có thể soạn lại nó và ấn tống

bằng tiếng Hy Lạp. Vị viện trưởng ở Alexandria lúc đó lại thu dùng một số tu sĩ trẻ dưới tay để làm việc này và cho mỗi người tự soạn lại và viết theo ý của họ. Một lô văn thư với hàng loạt phẩm giá khác nhau được ra đời, mỗi tu sĩ thêm vào văn kiện đầu tiên của Matthaëus câu chuyện sáng tạo của chính họ, nhưng họ cũng thêm vào đó các câu chuyện huyền thoại mà họ biết được, hoặc thêm thắt vào đó tùy theo khẩu vị và sức tưởng tượng của họ. Trong lô văn thư giả tưởng đó, có bốn tập còn tồn tại với chúng ta, và chúng được gọi theo bốn tên của các vị tu sĩ đã viết ra chúng: Matthew, Mark, Luke và John. Phần mở đầu tuyệt vời của kinh Thánh Phúc Âm của St. John không phải là do tác giả viết mà là một đoạn được trích dẫn, vì chúng tôi đã tìm thấy được đoạn này xuất hiện từ nhiều năm trước Công Nguyên trong một văn kiện mà lúc đó đã thuộc loại cổ văn học cũ xì. Bản văn kiện đó có một đoạn trích dẫn từ loạt “*Cổ Thơ của Dyzan*,” đã được dịch ra bằng tiếng Hy Lạp. (Ghi chú: “*Cổ Thơ của Dyzan*” có nguồn gốc xuất xứ từ Tây Tạng, và nó là sườn đề cho Giáo Lý Bí Truyền).

TỘI ÁC (SIN)

Các bạn hỏi “tội ác” thật sự nghĩa là gì. Ít nhất, theo cách các nhà truyền giáo đạo Công Giáo thường

dùng, tôi nghĩ tội ác có thể được coi là một mảnh tượng tượng của tôn giáo. Nó được xem như là một sự vi phạm thiên luật - một hành động mà người làm biết rõ là sai. Thật khó tin được hiện tượng này có thể xảy ra. Gần như trong hầu hết các trường hợp, con người phạm luật là vì ngu muội hay bất cẩn chứ không phải thật sự là do cố ý. Một khi con người đã biết và nhìn thấy Thiên Ý, y cuối cùng cũng sẽ hợp tác với nó vì hai lý do: (1) vì ở giai đoạn sơ khởi, y đã nhìn thấy rõ được sự vô ích của sự chống kháng, và (2) vì sau đó, khi y đã thấy được sự huy hoàng và mỹ lệ của kế hoạch đó, y thật sự không thể làm gì khác hơn là tự ném mình vào công việc đó với hết tấm lòng và trái tim của y.

Một trong những tà kiến nghiêm trọng nhất mà chúng ta thừa kế từ thời trung cổ đen tối là cái được gọi là “tội ác,” một nghịch cảnh thường mang lại sự trừng phạt và truy sát dã man thay vì được coi như nó thật sự là một kết quả của sự ngu muội mà chỉ có thể giải quyết được bằng sự dạy dỗ và giác ngộ. Người ta có thể phản đối rằng không phải hàng ngày, chúng ta đều thấy nhiều người làm các hành vi mà họ biết rõ là không đúng hay sao, nhưng đây là một trần thuật sai lầm. Họ đang làm những hành vi mà họ *được cho biết* là sai, và đây lại là một việc khác nữa. Nếu một người thật sự biết một hành động là sai và nó chắc chắn sẽ dẫn đến hậu quả xấu xa, y sẽ cẩn thận tránh nó. Một người thật sự *biết* lửa sẽ thiêu đốt y, vì vậy

y sẽ không đưa tay vào lửa. Y được cho biết lửa ở địa ngục sẽ thiêu đốt y vì hậu quả của một hành vi nào đó, chẳng hạn như cờ bạc trong ngày Chủ nhật, nhưng y thật sự không biết nó, và vì vậy khi y nổi lên máu ham chơi cờ bạc, y sẽ làm như vậy bất cần hậu quả. Việc thường xảy ra là bất cứ ai từng làm sai sẽ tự biện hộ cho lỗi lầm của mình ngay trong lúc đó, mặc dù y có thể hồi tâm suy nghĩ lại sau đó khi máu đã nguội. Do đó, tôi cho rằng “tội ác” như chúng ta thường hiểu là một sự tưởng tượng của tôn giáo; chuyện thật sự xảy ra là một hoàn cảnh đáng tiếc của sự ngu muội dẫn đến hành động vi phạm thiên luật. Chúng ta phải nhận trách nhiệm với sự ngu muội này, phải thiêu đốt nó bằng ánh sáng của Thông Thiên Học.

ĐỨC GIÁO HOÀNG

Có một cơ hội tuyệt vời đang chờ đợi Đức Giáo Hoàng nào có đầy đủ nghị lực và can đảm để tiếp nhận nó. Thay vì hùng hổ mệnh lệnh cho Thông Thiên Học và các trường phái tư duy cởi mở khác phải soạn lại bản thảo và nhiều điều vô lý khác, Ngài có thể phê chuẩn cách giải thích của Thông Thiên Học về Thiên Chúa Giáo. Hãy nhớ rằng Nhà Thờ Công Giáo có một cái mà họ gọi là thuyết học cầu

tiền, và họ cũng từng tuyên bố rằng Đức Giáo Hoàng là một chuyên gia siêu việt nhất về giáo lý của Đức Chúa Trời, là vị đại diện của Thượng Đế trên thế gian. Do đó, đối với cách lý giải của Thông Thiên Học, Ngài ấy sẽ có đủ uy quyền để can đảm tuyên bố như sau:

“Dĩ nhiên điều mà bạn trình bày chính là ý nghĩa thật sự của đạo Chúa. Chúng tôi lúc nào cũng biết nó và có rất nhiều bản thảo trong Thư Viện Vatican để chứng minh nó. Chúng tôi không nói cho bạn biết trước đó vì qua các thời đại lịch sử cho đến nay, con người thật sự chưa có đủ trình độ để tiếp nhận một sự tiết lộ như vậy. Họ còn quá thô lỗ, hung bạo và kém phát triển để nắm được một giải thích có tính cách triết học và huyền bí như vậy. Lớp vỏ bề ngoài của tôn giáo chỉ là cái duy nhất có lợi ích đối với họ lúc đó, nhưng hiện nay chúng ta đã thành công đạt đến giai đoạn kế tiếp, và thế giới đã sẵn sàng để tiếp nhận thêm một tiết lộ nữa. Cái ý nghĩa thứ nhì và bí ẩn bên trong giáo lý của chúng tôi bây giờ sẽ được trình bày cho bạn, và trong khi chúng ta không nên lên án các người vẫn còn nằm trong giai đoạn bám vào lớp vỏ bên ngoài, ngược lại bên họ cũng không nên lên án những người đã sẵn sàng đi thêm một bước nữa và tiếp nhận một ánh sáng trí tuệ cao hơn.”

Nhưng đương nhiên ngài ấy phải là một người mạnh mẽ và thông thái để làm việc này, vì cũng như tất cả các nhân vật xuất chúng khác, Đức Giáo Hoàng

lúc nào cũng bị vô số các hình tư tưởng vây quanh, và Ngài sẽ thấy việc phá vỡ bức tường này để bắt đầu một hành trình mới là một việc cực kỳ khó khăn.

NGHI LỄ

Dòng nghi lễ mà một trong những con đường mà nhiều người phát triển, nhưng dĩ nhiên chúng ta phải hiểu rằng không có một nghi lễ nào thật sự là cần thiết, và một người muốn đặt chân lên con đường Thánh Đạo phải hoàn toàn nhận định được sự kiện này và bỏ xuống những dính mắc về sự cần thiết của các buổi nghi lễ vì chúng là những xiềng xích cản trở y khỏi Niết Bàn. Việc này không có nghĩa là các nghi lễ đôi khi không có hiệu quả trong việc tạo ra được các kết quả như dự định, mà là chúng thật sự không cần thiết đối với bất cứ một ai, và người chuẩn bị cho sự tiến hoá cao hơn cần phải học cách làm việc mà hoàn toàn không cần đến nó. Dòng nghi lễ là một con đường dễ dàng cho một số loại người, nó rất hữu ích và có tác dụng nâng cao tinh thần của họ; tuy nhiên, có một số loại người lại luôn cảm thấy nghi lễ là một chướng ngại vật giữa họ và các vị thần mà họ muốn tiếp cận.

Trong Thiên Chúa Giáo, đường lối nghi lễ này là do người sáng lập ra nó chỉ định để thông qua nó,

phép thuật của Ngài có thể làm việc được. Chẳng hạn, sự hiến dâng của chủ nhà là một phương tiện để sức mạnh tinh thần đổ lên người chung quanh. Thông thường sẽ có rất nhiều cảm xúc sùng kính xảy ra trong thời điểm hiến dâng và như vậy công việc phép thuật được hỗ trợ nhờ vào nó, mặc dù nó vốn không cần dựa vào nghi lễ. Những người có lòng sùng tín chắc chắn sẽ tiếp nhận được nhiều hơn vì họ đem theo một cốc đựng đầy hơn. Mặt khác, lúc nào cũng có khả năng là lòng tôn thờ thiếu hiểu biết sẽ dễ dàng suy thoái thành mê tín, dị đoan. Trong một cuộc nghiên cứu gần đây tại Sicily về vấn đề này từ quan điểm Huyền bí học, tôi khám phá ra rằng nơi đây quả thật có rất nhiều mê tín, dị đoan và sự can thiệp từ phía các linh mục gây ra rất nhiều tai hại trong vấn đề gia đình của nhiều hộ; nhưng nói chung thì ảnh hưởng của nó trên toàn bộ khu vực đó vẫn rõ ràng tốt hơn so với khi không có nó. Chúng ta cũng nên nhớ rằng trong lịch sử, chúng ta thường được nghe rất nhiều về kết quả tai hại từ lòng cuồng tín quá độ, trong khi ảnh hưởng tốt đẹp của nó trên sự tiến bộ ổn định của cả ngàn người gần như ít khi được nhắc đến.

LỜI CẦU NGUYỆN

Thật khó nói bất cứ điều gì về vấn đề cầu nguyện mà có thể được áp dụng chung cho mọi người, vì có quá nhiều loại cầu nguyện khác nhau và chúng được gửi đến quá nhiều thực thể khác nhau trên con đường tiến hoá. Những vị sáng lập ra hầu hết các tôn giáo lớn không bao giờ khuyến khích đồ đệ của họ cầu nguyện đến họ theo bất cứ cách nào, và trên nguyên tắc, các vị đồ đệ này cũng đạt đến trình độ giác ngộ khá cao để họ không bao giờ làm những việc như vậy. Liệu một tư tưởng mạnh mẽ hướng về họ có đến được với họ hay không còn phụ thuộc vào con đường tiến hoá mà họ đang theo đuổi - trên thực tế, là phải tùy xem họ còn có giữ liên hệ với trái đất này nữa hay không. Nếu họ vẫn còn nằm trong tầm liên lạc và một tư tưởng như vậy thật sự đến với họ, nó có khả năng là nếu họ thấy việc hồi đáp đó có ích lợi với người thỉnh cầu, họ sẽ giao việc đó lại cho môn đồ của họ trên trái đất này để hành động. Nhưng thật khó tưởng tượng một người đã có bất cứ một khái niệm gì về tầm vóc sâu xa của các công việc vĩ đại mà các vị Cao Cả ở cõi cao hơn đang thực hành cho sự tiến hoá của nhân loại còn có thể mơ nghĩ đem những phiền phức nhỏ nhất của mình để quấy rầy các

Ngài; y không thể nào không hiểu rằng bất kỳ sự giúp đỡ nào mà y cần có tốt hơn nhất là nên được cung cấp bởi một người ở gần trình độ của y hơn. Ngay cả dưới đây tại cõi Trần, chúng ta cũng khôn ngoan hơn thế, vì chúng ta sẽ không bao giờ lãng phí thời gian của các học giả vĩ đại nhất của đại học chúng ta vào việc giúp trẻ em học bảng chữ cái.

Còn đối với các vị thánh (saints) của bất cứ nhà thờ nào, quan niệm của họ sẽ khác nhau vì khả năng nghe được lời cầu nguyện sẽ tùy vào vị trí của họ trong dòng tiến hoá của nhân loại. Một vị thánh bình thường, nói đơn giản là một con người thánh thiện và tốt bụng, dĩ nhiên sẽ nhận lấy đời sống của y ở cõi Thiên đàng như bình thường và y sẽ ở đó thật lâu. Đời sống của y ở cõi Trung giới có thể sẽ rút ngắn, và chỉ trong khoảng thời gian này mà một lời cầu nguyện mới có thể đến và thu hút được sự chú ý của y. Nếu trong thời gian này nó có đến bên y, chắc chắn y sẽ làm tất cả những gì y có thể làm để thoả mãn tâm nguyện của người cầu nguyện; nhưng không bảo đảm là lời cầu nguyện đó sẽ thu hút được sự chú ý của y vì dĩ nhiên lúc đó tâm ý của y sẽ hoàn toàn bị bận rộn thích nghi với hoàn cảnh mới.

Khi y cuối cùng đi đến cõi Thiên đàng để nghỉ ngơi trong một khoảng thời gian dài, y sẽ hoàn toàn thoát khỏi vòng tục luy của thế gian và không thể bị quấy nhiễu được nữa; tuy nhiên, một lời cầu nguyện đến y không nhất định không có hồi báo. Một con

người như y chắc chắn gần như lúc nào cũng tuôn ra những dòng suối đầy ắp những tư tưởng yêu thương cho nhân loại, và tư tưởng này sẽ là một nguồn mưa rào ban phước lành cho tất cả mọi người mà nó rơi xuống; chắc chắn rằng một người đang cầu nguyện hay suy nghĩ về vị thánh đó sẽ nhanh chóng đồng thanh tương ứng với ngài, và vì vậy y sẽ thu nhận một số năng lượng đáng kể đến với y cho dù vị thánh đó hoàn toàn không biết gì về điều này. Nhưng nếu vị thánh đó đã đi đến giai đoạn khá tiến hoá để được đầu thai nhanh chóng liên tục thì trường hợp này sẽ khác đi. Vị ấy lúc nào cũng sẽ nằm trong tầm liên lạc của cõi Trần vì lúc đó ngài sẽ cư ngụ ở cõi trung giới hoặc đang đầu thai ở cõi Trần, và nếu lời cầu nguyện có đủ sức mạnh để thu hút được sự chú ý của ngài thì bất cứ khi nào ngài xuất thần khỏi thể xác, ngài sẽ cố gắng giúp đỡ người đó trong quyền năng sẵn có của ngài.

Nhưng may mắn thay cho mấy ngàn người đang trút tâm tư vào lời cầu nguyện của họ, dĩ nhiên trong sự vô minh mù quáng nhất nhưng vẫn đầy thiện chí, có một điều khác để trông cậy vào mà không dấn dng gì đến những sự kiện trên đây. Trong *Kinh Chí Tôn Ca (Bhagavad Gita)*, Shri Krishna có nói cách làm thế nào các lời cầu nguyện đều đến với Ngài dù chúng có được gửi đến một kẻ nào khác trong sự mê muội của họ; có một tâm thức rộng lớn đến nỗi nó có thể ý thức được hết tất cả lời cầu nguyện, và nó không

bao giờ quên hỏi đáp bất cứ một nỗ lực nào theo chiều hướng phát triển tinh thần. Nó làm việc qua nhiều phương tiện: đôi khi có thể bằng cách hướng sự chú ý của một thiên thần nào đó đến với người cầu nguyện, đôi khi thông qua một cơ quan của những người cứu trợ thể gian đang làm việc ở cõi cảm dục hay cõi trí cho lợi ích của nhân loại. Một vị thiên thần hay người cứu trợ, nếu như họ lộ diện, chắc chắn sẽ bị hiểu lầm và được coi như là vị thánh mà đương sự đang thỉnh nguyện, và có nhiều mẫu chuyện để minh hoạ điều này.

Bản thân tôi, chẳng hạn, trong trường hợp tương tự đã từng được coi là S. Philip Neri, và người phụ tá đi theo tôi trong dịp đó được cho là S. Stanislaus Kostka. Chính Bà Hội Trưởng cũng vậy, đã hơn một lần được coi là một vị thiên thần bởi những người mà Bà ấy đã từng giúp đỡ.

ÁC QUỶ

ÁC quỷ không có hiện hữu. Có nhiều người tưởng tượng rằng họ đã từng làm hiệp ước với ma quỷ, đôi khi còn ký bằng máu của họ nữa. Hậu quả của việc này phần lớn lệ thuộc vào thực thể nào đã giả mạo làm ma quỷ trong dịp đó. Có rất nhiều thực thể thuộc loại khác nhau rất thích đùa giỡn với con

người như thế; nhưng có không một thực thể nào, bất cứ loại gì đi nữa, có thể lấy được một lợi ích gì từ “linh hồn” của một con người, và cũng không có một “linh hồn” nào của bất cứ ai đủ đại dột làm một hiệp ước như vậy có thể đưa ra một lợi ích gì cho người sở hữu nó hoặc bất cứ một kẻ nào khác. Tất cả các mê tín, dị đoan này đều bị bác bỏ bởi thực tế rằng con người là linh hồn và do đó không thể tự bán mình, và cũng không có ai mua trong một giao dịch như vậy, nên toàn bộ việc này không có gì hơn là một điều ngu xuẩn.

Có lẽ có rất nhiều thực thể sẵn sàng và chịu sắp xếp hai mươi năm phú quý cho một người để đổi lại một số vật chất gì đó, thí dụ như việc cúng tế các trẻ em sơ sinh, dê, hoặc gà. Linh hồn không có phần trong các giao kèo này dù là trong các trường hợp cá nhân hiếm có, hoặc trong trường hợp thờ phụng một món đồ thần bí nói chung. Những thực thể này không thể nào sở hữu được linh hồn của một con người hoặc có thể dùng được nó, dù nó trở thành một món đồ có thể được sở hữu đi nữa. Tuy nhiên, thể xác con người đôi khi có lợi ích cho họ, và để được phép ám ảnh cái xác đó, họ đôi khi sẽ làm một giao kèo. Việc thực hiện một giao kèo như vậy sẽ cho thực thể đó một lợi thế rất mạnh đối với con người, nhưng ngay khi y hiểu được hành động ngu xuẩn của y, phương pháp tốt nhất là y phải kháng cự sự ám ảnh đó đến tận cùng.

Những nghi lễ trẻ con, chẳng hạn như việc cam kết bằng máu, đương nhiên sẽ không có ý nghĩa gì cả.

Không có một tổ chức của ác quỷ. Dĩ nhiên là có những hắc phù thủy, nhưng hắc phù thủy thường là một thực thể đơn độc. Y chỉ làm việc cho chính bản thân, một thực thể độc lập, và cho những mục đích của riêng y. Bạn không thể có một tổ chức của những người không tin tưởng nhau. Trong Quần Tiên Hội mọi người đều tin tưởng lẫn nhau; nhưng bạn không thể có sự tin tưởng giữa các kẻ hắc đạo vì sở thích của họ được xây dựng trên tư lợi bản thân.

Tuy nhiên, hãy cẩn thận ý của bạn là như thế nào khi sử dụng danh từ tà ác (evil). Sự huỷ diệt thường được coi là cá tính của sự tà ác, nhưng nó cũng có nghĩa là các hình thể cũ phải được phá huỷ đi để làm vật liệu cho những hình thể mới và tốt hơn. Tại đây ở Ấn độ có Shiva, Vị Thần Huỷ Diệt, nhưng không ai lại nghĩ về Ngài là tà ác; ngược lại, Ngài là một trong những biểu lộ cao nhất của Thượng Đế. Nguyên tắc phá huỷ các hình thể là cần thiết hầu sự sống có thể phát triển. Cũng có một Đấng Cao Cả, một phần trong công việc của Ngài là sắp xếp khi nào những trận thiên tai sẽ xảy ra, nhưng Ngài chỉ làm việc cho ích lợi của thế gian. Các điều này không được coi là tà ác theo bất cứ cách nào. Giả thuyết về một thiên thần nổi loạn rồi bị đày khỏi thiên đình được dựa trên phần lớn tác phẩm của John Milton. Quan niệm này thật không giống như trong cuốn

Kinh Sách của Job. Trong câu chuyện đó, ác quỷ là một người hoàn toàn khác hẳn với người hùng đen đui của trường phái của Milton. Rồi trong Phật giáo thì có Ma-vương, biểu tượng của nghiệp lực trong quá khứ đến chi phối con người ngay lập tức trong nhiều hình thức. Nghiệp lực này sẽ lập tức tiêu tan khi con người đạt đến sự giác ngộ.

Thật là một sự sai lầm khi ta tuyên bố rằng tất cả những gì thuộc về vật chất, tất cả sự khác biệt về hình thể và giới hạn là tà ác. Khi nói về tà ác, nếu bạn dùng nó theo ý nghĩa thường tình và không phải theo một quan niệm nào khác có tính cách trừu tượng, thì vật chất không phải là tà ác. Tinh thần và vật chất là ngang hàng với nhau. Vật chất không có đối nghịch với tinh thần. Chúng ta cảm thấy vật chất khó khăn, rắc rối do các dẫn thể mà chúng ta phải sử dụng, nhưng chúng ta đến đây để tìm hiểu những gì mà nếu không có vật chất thì không thể được truyền đạt đến với chúng ta. Những trải nghiệm ở cõi trần giúp cho chúng ta có một mức độ xác định và dứt khoát về tâm thức và quyền năng của bản thân mà ta không thể nào có được ở bất cứ cõi nào khác, trừ phi ta bỏ ra thời gian cần thiết cho nó. Nhưng tại sao con người lại phải quan tâm đến sự tà ác? Thế gian này có rất nhiều điều tốt lành và tốt hơn hết là ta nên suy nghĩ về các điều đó, vì tư tưởng của bạn sẽ gia tăng sức mạnh cho những điều gì mà bạn suy nghĩ. Suy nghĩ và nói quá nhiều về các hắc phù thủy cũng chỉ làm cho họ dễ ý

tới bạn và kết quả này thông thường lúc nào cũng cực kỳ xấu xa.

ĐẠO HINDU (BÀ-LA-MÔN)

Khi các nhà truyền giáo thiếu hiểu biết trọn tròn đôi mắt vì Đạo Hindu có đến ba trăm ba mươi triệu vị thần thánh, họ đã hiểu lầm một tôn giáo mang tính cách khoa học còn hơn tôn giáo của họ. Đạo Hindu, cũng như các tôn giáo khác, biết rõ thật ra chỉ có một vị Thượng Đế mà thôi, mặc dù Ngài có vô số biểu lộ. Để gọi những biểu lộ này là “thần thánh” dĩ nhiên là buồn cười. Có lẽ tốt hơn là chúng ta nên hoàn toàn tránh dùng danh từ “thần thánh,” bởi vì có quá nhiều ý tưởng xấu xa được gán cho danh từ này bởi những người theo đạo Thiên Chúa; nhưng nếu nó được dùng, ít nhất nó không nên được áp dụng vào những thực thể nào thấp hơn vị Thái Dương Thượng Đế. Tất cả những gì tốt đẹp nhất được gán cho Đức Chúa Trời đều đúng cho vị Thái Dương Thượng Đế; không có gì trong thái dương hệ này mà không phải là Ngài, nhưng Ngài còn là nhiều hơn cả Thái Dương Hệ của Ngài. Chúng ta không thể nào nắm nổi được sự thật về Cái Tuyệt Đối; bất cứ những gì chúng ta hiểu được chắc chắn chỉ là nhỏ mọn, bởi vì cái trí của chúng ta còn quá nhỏ nhoi. Lời khuyên của Đức Phật đối với

Phật tử của Ngài là họ đừng nên bao giờ quan tâm đến những vấn đề quá xa vời vì nó không thể nào dẫn đến một câu trả lời thỏa đáng, và không có ích lợi gì sẽ xảy ra được từ việc này.

Những hình tượng của các vị thần Ấn độ đều có từ điện (magnetism) rất mạnh, và khi chúng được chở đi khắp đường phố trong những lễ hội, ảnh hưởng của chúng đối với người dân thật là tốt. Trong nhiều đền thờ tại Ấn độ, lúc nào cũng luôn có rất nhiều lực ảnh hưởng mạnh mẽ hoạt động nơi đây, giống như tại Madura. Có một dạo, tôi từng viếng thăm thành phố này và được tặng cho một nắm tro trắng từ đền thờ của vị Thần Shiva và thêm một hộp bột màu đỏ sẫm từ đền thờ của Parvati, và tôi khám phá rằng hai món đồ này có từ điện mạnh đến nỗi chúng vẫn còn giữ được sức ảnh hưởng của chúng sau vài năm và khi tôi đã đi du lịch nhiều nơi.

Nước Ấn độ là một nước có rất nhiều hình thức và lễ nghi. Tôn giáo của nó cũng vậy, và phần đông đều được gán cho Đức Bàn Cổ là người đã lập ra chúng, mặc dù rõ ràng là có nhiều nghi thức được bổ túc thêm sau một thời gian rất lâu. Một số các nghi thức này là những quy luật cần thiết cho sự khởi đầu của một giống dân mới, nhưng một khi nó đã được thành lập vững chãi, các nghi thức này lại trở nên dư thừa. Trong nhiều trường hợp khi ta coi màn biểu diễn của một nghi lễ, ta có thể thấy được dự định ban đầu của nó, cho dù bây giờ nó đã trở thành một cái

võ trống rỗng và không có một hiệu quả nào theo sau nó. Những nghi lễ như vậy cũng không phải là không có giá trị đối với những linh hồn còn non trẻ; thực sự cũng có nhiều người lấy làm thích thú và nhận được nhiều lợi ích từ chúng, nhưng dĩ nhiên không có cái nào thật sự là cần thiết, và sự trói buộc này là hoàn toàn vô hiệu quả đối với một linh hồn đã tiến hoá.

Mới ban đầu, người đứng đầu gia đình là người chủ lễ của gia đình y, nhưng khi xã hội bắt đầu phát triển thì các nghi thức và nghi lễ cũng càng ngày trở nên phức tạp hơn, và vì thế phải có một lớp đào tạo đặc biệt các người chủ lễ được mọc lên, vì không ai có việc khác để làm lại có thể nhớ hết được vô số chi tiết không cần thiết. Vào thời đại này, dường như hầu hết mọi người đều thực hành các nghi lễ này, hoặc mượn người khác làm cho họ, trong một tinh thần y như họ đang uống một toa thuốc từ người bác sĩ mà không thật sự biết thuốc đó là gì, nhưng với niềm tin là nó sẽ đem lại sự bổ ích cho họ. Tuy nhiên, cũng có nhiều người không thể nào bỏ hết tâm huyết của họ vào trong một buổi lễ trừ phi họ thật sự hiểu nó, và những người này thường kết thúc bằng cách bỏ rơi các nghi lễ hoàn toàn.

Thật buồn khi phải chứng kiến các pháp sư thực hiện các nghi lễ xưa và dùng các hình thức cũ đã từng có rất nhiều hiệu quả nhưng lại không mang lại một kết quả gì đáng nói hiện giờ. Dường như họ không có một ý lực gì hết trong thời buổi này. Họ bắt đầu ngâm

nga một vài câu thần chú như “Om, Bhur, Bhuvar, Swar”; nhưng không có bất kỳ một kết quả gì xảy ra khi họ tụng đọc những thần chú này. Ngày xưa, khi người chủ lễ đọc chúng, y đưa một chút ý chí của mình vào câu thần chú và nâng cao tâm thức của y cùng với các người chung quanh có thể đáp ứng được lên cùng một lúc từ cõi này sang cõi khác khi y khẩn đọc.

Tôi nhớ đã từng chứng kiến điều này được chứng minh một cách hùng hồn trong một buổi lễ thật đặc sắc khi chúng tôi đang điều tra một trong các kiếp sống đã xảy ra trước đây vài ngàn năm tại Ấn độ. Mọi người lúc đó đi vào một căn phòng bên trong và đứng hoàn toàn trong bóng tối. Lúc buổi lễ bắt đầu, người chủ tế từ từ và trịnh trọng phát âm từng chữ, và mỗi chữ đều tạo nên một ảnh hưởng riêng của nó lên phần đông số người đứng chung quanh y. Chữ “Om” đưa tâm thức mọi người đến gần gũi và hòa nhập với y và những cảm xúc đang tràn ngập trí óc của y. Sau đó, khi chữ “Bhur” được phát âm, giác quan của mọi người nhận thấy một ánh sáng bình thường tràn ngập căn phòng đó và họ có thể thấy được những đồ vật trong đó; sau một thời gian chữ thứ nhì được phát âm, họ tạm thời được mở được nhãn thông, và chữ thứ ba cũng mang đến một ảnh hưởng tương tự như vậy trên thể trí của họ để họ cảm nhận được hết niềm phúc lạc và quyền năng ở cõi cao

hơn, và tình trạng này được duy trì liên tục trong khi những câu thần chú được đọc tụng tiếp theo.

Đương nhiên các hiệu quả này chỉ là tạm thời và khi buổi lễ đã kết thúc, tâm thức cao hơn cũng tan biến dần dần từ những người đã tham dự, nhưng nó để lại một ấn tượng sâu sắc cho các người đó, và kết quả là trong một dịp tương tự khác, tâm thức cao này sẽ được khơi dậy dễ dàng và đầy đủ hơn. Nhưng bây giờ việc này đã không còn được thực hiện ở bất cứ nơi nào nữa. Hiện nay người chủ tế chỉ chuẩn bị đèn dầu và trịnh trọng thốt ra một câu cầu nguyện đến Agni, để rồi - bật lửa với một cây que diêm! Ngày xưa sự biểu lộ của Agni thật sự có đến, và lửa từ trên trời xẹt xuống, để dùng một biểu tượng cũ. Nhưng các lớp võ nghi thức bên ngoài vẫn còn tồn tại ở đây.

Việc hành hương thật sự có một nền tảng khá hợp lý và khoa học. Các đền thờ lớn thường được xây cất ở nơi một vị thánh đã từng cư ngụ, hoặc ở nơi một thánh tích đã từng xảy ra (như một cuộc điếm đạo), còn không thì nó có liên hệ đến một thánh vật của một vĩ nhân. Trong bất cứ một trường hợp nào như vậy, một trung tâm lực rất mạnh mẽ sẽ được tạo ra và nó sẽ tồn tại cho đến mấy ngàn năm. Bất kỳ người nhạy cảm nào đến chỗ này cũng sẽ cảm nhận được ảnh hưởng này và hiệu quả của nó trên con người y chắc chắn sẽ là một việc tốt. Nơi nào mà có một tần số rung động cao hơn bất cứ một cấp độ nào mà một cá nhân có thể đạt đến, tác dụng của nó là

giúp cho một người nằm ở trong vòng ảnh hưởng của nó nâng cao tần số rung động của chính y để hoà hợp với nó trong một thời gian ngắn.

Một người hành hương đến một nơi như vậy và tắm mình trong từ điện của nó trong một vài ngày liên tục chắc chắn sẽ cảm thấy khoẻ hơn vì nó, mặc dù mọi người sẽ cảm nhận được ảnh hưởng đó ở mức độ khác nhau tùy vào khả năng cảm thọ của họ. Một nơi như vậy là cây Bồ-đề ở Bồ-đề đạo tràng, nơi mà Đức Mâu Ni thành Phật. Việc này là thật dù cho cây bồ đề ở chỗ đó không phải là cây Bồ-đề chính gốc. Cây chính gốc đã đổ xuống vào khoảng thời đại Trung Cổ và cây Bồ-đề hiện giờ chỉ là một nhánh từ nó đi ra. Tuy nhiên, từ điện cực lớn của nó vẫn còn tồn tại, và nó có khả năng sẽ vẫn là như vậy trong nhiều thế kỷ kế tiếp.

GIAI CẤP

*Tương truyền là mỗi giai cấp trong xã hội (Ấn độ) lúc ban đầu đều có một màu sắc riêng biệt; thật vậy, ý nghĩa của *varna* (tiếng Phạn cho chữ giai cấp) là màu sắc. Tôi chưa từng nghiên cứu về vấn đề này, nhưng ít nhất nó cũng rõ ràng là màu sắc được ấn định không có bất kỳ liên quan gì với hào quang của con người. Chỉ có một đứa bé mới có hào quang màu*

trắng, còn ngay cả những vị Chân Tiên cũng có nhiều màu sắc khác nhau trong hào quang rực rỡ tuyệt vời của Họ; tuy nhiên, vì một lý do gì đó mà hào quang của Đấng Duy Nhất thường được đề cập đến là màu trắng. Giai cấp tướng sĩ (kshattriya) được cho là có vài liên hệ với màu đỏ; hào quang của con người cũng có vài màu đỏ, từ màu hồng tươi sáng của sự yêu thương trù mến đến màu đỏ sậm của sự giận dữ, bất bình, và màu nâu-đỏ của tình dục. Tuy nhiên, giai cấp tướng sĩ không có nhiều màu đỏ này (trong hào quang của họ) hơn những người khác. Màu vàng thường được gán cho nhóm thương gia, nhưng màu vàng trong hào quang lại là biểu hiện của trí tuệ, và chúng ta không có lý do gì để cho rằng nhóm thương gia lại đặc biệt sở hữu được nhiều phẩm chất này. Tầng lớp nô lệ (shudra) được gán cho màu đen.

Nếu chúng ta chấp nhận lời kiến nghị là các màu sắc này có liên quan đến (màu da của) các giống dân cổ sơ khai, chúng ta sẽ thấy các dữ kiện này dễ hiểu hơn nhiều. Người Aryans, tượng trưng cho giai cấp Bà-la-môn, quả thật có màu da nhạt hơn so với thủy tổ của họ. Còn người da đỏ Toltec cai trị một số lớn đất đai khi người Aryans mở cuộc xâm lấn có lẽ có liên quan đến giai cấp tướng sĩ đầu tiên trong thời đại đó. Người thổ dân lúc đó chính là người Lemurians, và hiện giờ họ chỉ còn tồn tại trong một vài dân tộc bán khai có màu da đen. Họ có thể có liên hệ đến tầng cấp nô lệ. Giữa họ và người Toltecs thì có xuất

hiện một vài làn sóng của những giống dân phụ của dân Atlantis và họ định cư với tư cách thương nhân; những người này thuộc giống da vàng, như người Trung Hoa hiện giờ. Có thể họ là tầng lớp thương nhân đầu tiên của xã hội Ấn độ thời bấy giờ.

Dĩ nhiên nếu chúng ta cứ tiếp tục đẩy lùi điều tra này về quá khứ của các kiếp sống hiện thời, khi chúng ta lần mò theo đường dây liên hệ giữa các cuộc sống này và cuộc sống kia trong quá khứ và tiền kiếp của họ, chúng ta sẽ có nhiều thêm các dữ kiện về nguồn gốc của các giai cấp này và sự liên hệ của chúng với màu sắc.

TÂM LINH HỌC

Đừng bao giờ quên rằng những nhà tâm linh học đều đồng tình với chúng ta trên nhiều quan điểm rất quan trọng. Họ đều đề cao (a) đời sống sau cửa tử là một thực tế rõ ràng chắc chắn, và (b) sự tiến hoá bất tận và hạnh phúc tối đa cho mọi người, tốt hay xấu đều như nhau. Hiện nay hai quan điểm này là cực kỳ hệ trọng vì chúng là một bước tiến bộ rất lớn từ một thái độ truyền thống bình thường mà chính bản thân tôi sẽ hoan hỷ cộng tác với họ trên một diễn đàn như vậy, và hoãn lại cuộc thảo luận về những điểm nhỏ bất đồng giữa chúng tôi cho đến khi chúng tôi đã

thành công thuyết phục thế giới này nói chung về một phần lớn của sự thật đó. Lúc nào tôi cũng cảm thấy rằng thế gian này đủ rộng để chấp chứa cả hai phái chúng tôi.

Những người muốn nhìn thấy được các hiện tượng phi thường, những người không thể tin vào bất cứ điều gì trừ phi họ thấy được nó, sẽ không bao giờ tìm được sự thỏa mãn với chúng tôi, trong khi với những nhà tâm linh học, họ sẽ tìm được chính xác những gì họ mong muốn. Ngược lại, những người yêu thích triết lý hơn những gì tâm linh học có thể cung cấp thường sẽ nghiêng về phía chúng tôi. Những người ngưỡng mộ các cuộc biểu diễn xuất thần sẽ chắc chắn không có hứng thú với Thông Thiên Học, trong khi những người nào yêu thích giáo lý Thông Thiên Học sẽ không bao giờ cảm thấy thỏa mãn với các biểu diễn xuất vĩa tầm thường. Cả hai bên đều phục vụ cho những người có khuynh hướng suy nghĩ tự do, phóng khoáng nhưng cho hai loại người hoàn toàn khác nhau; nhưng tạm thời, hai bên chúng ta thật sự không cần phải bàn cãi với nhau.

Trong những gì Bà Blavatsky từng viết về vấn đề (tâm linh học) này, bà nhấn mạnh sự bấp bênh, không chính xác của toàn bộ sự việc, và sự kiện con số mạo danh vẫn nhiều hơn sự hiện hình thật sự. Kinh nghiệm của riêng tôi thì khá hơn nhiều. Tôi đã bỏ ra một vài năm để thí nghiệm về tâm linh học, và tôi cho rằng hầu như không có một hiện tượng gì bạn

có thể đọc trong sách mà tôi chưa từng thấy qua nhiều lần. Tôi đã từng gặp qua nhiều sự kiện mạo danh, nhưng dù sao đi nữa trong kinh nghiệm của riêng tôi, phần đông sự hiện hình là thật sự, và vì vậy tôi buộc lòng phải làm chứng nhân cho sự kiện này. Những thông điệp mà họ đưa ra thường không có gì mới mẻ và lời dạy dỗ của họ thường cũng chỉ là đạo Chúa thuần túy, tuy nó cũng đã cởi mở hơn nhiều, và như vậy thì bất cứ điều gì vẫn tốt hơn là thái độ cố chấp thông thường.

Điều này không có nghĩa là các nhà tâm linh học không có tính cố chấp, họ hẹp hòi và bảo thủ như bất cứ phái nào khác khi họ thảo luận về vấn đề luân hồi. Phần đông những nhà tâm linh học ở Mỹ và Anh quốc không biết gì về sự thật này, nhưng những nhà tâm linh học ở Pháp, những môn đồ của Alan Kardec, chấp nhận nó, và đồng thời trường học của Bà d'Esperance ở Anh quốc cũng vậy. Có nhiều học sinh rất ngạc nhiên khi người chết không biết gì về điều này và chịu chấp nhận sự thật về luân hồi; nhưng cuối cùng thì tại sao họ phải làm như vậy? Khi một người chết rồi, y vẫn qua lại với nhóm thân hữu y từng quen biết ở cõi trần, y vẫn sinh hoạt trong vòng xã giao như khi y còn tại thế. Một người bán đồ tạp hoá ở thôn quê sau khi chết đi cũng không có khả năng lớn hơn để gặp được bất cứ một ai có thể dạy bảo cho y biết về kiến thức của luân hồi. Phần đông con người không thể học thêm được các kiến thức

mới do một lô thành kiến sẵn có; họ ôm những thành kiến này theo họ vào trong cõi cảm dục và nơi đó, họ cũng không chịu nghe theo lý trí và lý lẽ thường tình như khi ở bên đây.

Quả thực, một người có trí óc thật sự cởi mở có thể học được nhiều thứ ở cõi trung giới; y có thể nhanh chóng làm quen với toàn bộ giáo lý của Thông Thiên Học, và có những vong linh đã làm được việc này. Do đó nó thường xảy ra là một vài quan niệm vụn vặt về Thông Thiên Học được tìm thấy trong những buổi cầu hồn. Chúng ta đừng quên rằng có một nhóm tâm linh học cao hơn mà công chúng không hề biết đến, và họ không bao giờ cho xuất bản bất cứ văn kiện gì liên quan đến kết quả của những cuộc cầu hồn này. Những nhóm tâm linh học tối cao đều là tối mật, được hạn chế trong một gia đình hoặc trong một nhóm thân hữu nhỏ. Trong vòng thân mật này, chỉ đồng một nhóm người thường gặp nhau nhiều lần và không có ai bên ngoài được gia nhập để làm thay đổi dòng từ điện (magnetism) của nhóm đó; vì vậy, điều kiện tạo ra buổi cầu hồn thường rất hoàn hảo và kết quả thu nhận cũng vượt ra ngoài sự tưởng tượng. Ở những buổi cầu hồn công chúng, nơi mà bất cứ người nào cũng có thể tham dự khi họ mua vé vào cửa, chỉ có tầng lớp của các vong linh thấp hơn xuất hiện do những từ điện hỗn độn và bất hoà hiện diện tại môi trường đó.

KÝ HIỆU HỌC (SYMBOLOLOGY)

Ký hiệu học là một môn học rất thú vị. Đối với một số bộ óc, tất cả đều biểu hiện qua ký hiệu, và đối với một số người, môn học này có thể giúp đỡ rất nhiều. Cá nhân tôi không phải là loại người này, và do đó tôi chưa từng để ý hay bỏ ra nhiều thì giờ để nghiên cứu chúng. Tuy nhiên, có một vài ký hiệu là hiển nhiên, và rất dễ hiểu đối với bất cứ ai hiểu được một chút ít về nguyên tắc giải lý của chúng. Thí dụ, hãy nghĩ về một vài ký hiệu xuất hiện ở những trang đầu trong *Cuốn Sách của Dzyan*. Ở trang đầu tiên là một vòng tròn trắng, biểu hiện cho trạng thái đầu tiên của cái chưa được biểu lộ (*vô cực*); ở trang thứ nhì một chấm xuất hiện ở trung tâm vòng tròn, biểu thị cho *sự biểu lộ đầu tiên* - Thượng Đế Ngôi Một, hay là Chúa (Christ) trong lòng Từ Phụ; ở trang thứ ba chấm nhỏ này đã biến thành một đường ngang, chia đôi vòng tròn thành hai và do đó biểu thị cho *sự phân chia của tinh thần và vật chất* - cũng là Thượng Đế Ngôi Hai, lúc nào cũng được nhắc đến như là một cặp hay *lưỡng nghi* (âm/dương); ở trang bốn thêm một gạch ngang nữa xuất hiện ở góc 90 độ với cái gạch ngang đầu tiên, cho chúng ta thấy một hình một vòng tròn được chia làm bốn phần bằng nhau, hay bốn

phần tư, biểu hiện cho sự xuất hiện của Thượng Đế Ngôi Ba, cho dù Ngài còn trong trạng thái chưa hoạt động. Ở trang kế tiếp, vòng tròn bên ngoài biến đi, để lại cho chúng ta một hình thập tự với 4 cánh tay bằng nhau, hay một hình thánh giá Hy-Lạp. Điều này biểu thị cho việc Thượng Đế Ngôi Ba đã sẵn sàng hoạt động và bắt đầu đi sâu vào vật chất của vũ trụ của Ngài.

Giai đoạn tiếp theo của sự hoạt động này được thể hiện qua nhiều hình thức khác nhau của ký hiệu. Có khi các cánh tay của hình thánh giá Hy-Lạp được nở rộng ra khi chúng rời xa khỏi trung tâm, và lúc đó thì chúng ta có một hình thể mới được gọi là hình thánh giá Mạch nha (the Maltese cross). Một đường lõi ký hiệu khác vẫn giữ các cánh tay thẳng của cây thánh giá Hy-Lạp, nhưng vẽ một ngọn lửa bắn ra từ cuối mỗi cánh tay để biểu thị cho ánh sáng bùng cháy ở bên trong. Ý tưởng này được khuếch trương thêm bằng cách để cây thánh giá quay vòng quanh trung tâm của nó như một bánh xe quay, và khi đó ngọn lửa được vẽ ngược lại khi cây thánh giá đang quay, và như thế thì chúng ta có được một trong những ký hiệu phổ biến nhất trong số tất cả các biểu tượng, đó là *svastika*, được tìm thấy trong mỗi một quốc gia trên thế giới và có liên quan đến mỗi một tôn giáo.

Cái ý nghĩa biểu tượng cho cây thánh giá La Mã được dùng trong Nhà Thờ Công Giáo không có bất cứ liên hệ gì với đường lõi suy tư này. Ý nghĩa của

nó là hoàn toàn khác hẳn, vì nó tượng trưng cho Thượng Đế Ngôi Hai và sự thâm nhập vào vật chất của Ngài, và nó cũng có liên hệ mật thiết với nghi thức điểm đạo của thời cổ Ai-cập. Trong trường hợp của *Cuốn Sách của Dzyan*, nó có dòng từ điện chạy rất mạnh theo một đường lối đặc biệt để hỗ trợ cho người đọc hiểu biết được rất nhiều về ký hiệu của nó; khi một học sinh có vinh dự được thấy nó và lật một trong những trang sách trong tay, y nhận được một kết quả tuyệt vời tác động lên con người y. Trong tâm trí của y hiện lên hình ảnh mà trang sách đó được ấn định biểu thị và cùng một lúc, y nghe được một đoạn văn đọc trong khổ thơ mô tả về nó. Thật là khó diễn đạt điều này bằng lời nói một cách rõ ràng, nhưng kinh nghiệm đó thật là tuyệt vời.

Bản thân tôi đã từng thấy và cầm bản sao mà Bà Blavatsky từng mô tả trong phòng làm việc mà Bà viết ra cuốn *Giáo Lý Bí Truyền*. Nó dĩ nhiên không phải là bản chính gốc mà là một bản sao được cất giữ trong thư viện huyền bí dưới sự quản lý của Chân Sư K.H. Bản gốc hiện ở tại Trung Ương (Shamballa) dưới sự bảo quản của người Lãnh Đạo Thiên Đoàn, và nó đương nhiên là cuốn sách cổ xưa nhất trên thế giới. Quả thật, một phần của nó (sáu đoạn khổ thơ đầu tiên, theo tôi biết) được cho là còn già dặn hơn cả thế giới này, vì tương truyền nó được đem đến từ một dãy tiến hoá khác. Đoạn thơ cổ nhất của nó không chỉ được vài người coi như là một tường thuật

về quá trình hình thành của một thái dương hệ mà còn là một cuốn sách hướng dẫn về cách cấu tạo ra hệ thống đó. Ngay cả tuổi thọ của bản sao cũng phải đến cả hàng triệu năm.

Một biểu tượng nổi tiếng khác là “Con Chim Hạc” để hình dung Thượng Đế trong tư thái bay lơ lửng trên vũ trụ của Ngài, trầm ngâm suy nghĩ trên dòng nước của không gian, hoặc lao mình về phía trước theo dòng tiến hoá của Ngài. Để nghỉ ngơi trên đôi cánh của Con Chim Hạc có nghĩa là thiền định về sự hợp nhất với Thượng Đế, và tương truyền là một người đạt đến trình độ này có thể nghỉ ngơi ở đó một thời gian rất lâu không thể tính được.

Chữ Om là một biểu hiện khác của một ý tưởng như vậy, nó là thánh ngữ của giống dân chính thứ năm hay của giống dân chính Aryan. Thánh ngữ của giống dân Atlantis là Tau, và nó từng được nói rằng các thánh ngữ cho mỗi giống dân chính nối tiếp nhau là những vần liên tục của một Thánh Từ, cái Tên Thánh thật sự.

Một biểu tượng rõ ràng khác là trái tim, chiếm một vị trí rất quan trọng trong tôn giáo cổ xưa của người Atlantis. Trong phòng thờ phụng thật sâu bên trong một đền thờ lớn tại Thành Phố của Cánh Cổng Vàng có chứa một hộp vàng lớn hình trái tim trên bàn thờ, và chỉ có vị chủ tế mới biết được cách mở cái hộp bí mật này. Nó được gọi là “Trái Tim của Thế Giới” và biểu hiện cho các bí mật sâu xa nhất mà họ

biết. Trong hộp đó họ giữ những thánh vật quý báu nhất và hầu hết các biểu tượng của họ đều dựa trên nó. Họ biết là mỗi một nguyên tử (each atom) đều đập như một trái tim và họ cho rằng mặt trời cũng đập như vậy, và điều này có liên hệ đến chu kỳ của những chấm đen trong mặt trời (sun-spots). Lâu lâu có một vài đoạn trong sách vở của họ gọi cho chúng ta một ấn tượng là họ biết nhiều hơn chúng ta về các vấn đề khoa học, mặc dù họ coi tất cả sự việc này từ quan điểm thi ca hơn là từ quan điểm khoa học. Chẳng hạn, họ nghĩ là trái đất biết thở và di động, và điều này đã được chứng minh gần đây khi các nhà khoa học gia khám phá ra rằng có một sự di chuyển đều đặn hàng ngày trên bề mặt của trái đất mà có thể được coi là tương ứng với một dạng hình thức của nhịp thở.

Một biểu tượng khác là đóa hoa sen và nó được dùng để biểu thị cho sự liên hệ giữa một thái dương hệ và vị Thượng Đế của nó. Thật sự có một nguyên nhân chính đáng cho sự so sánh này, vì nó được dựa trên những sự kiện thực tế xảy ra trong thiên nhiên. Bảy vị Hành Tinh Thượng Đế, cho dù là các thực thể vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là biểu tượng cho những khía cạnh của một vị Thái Dương Thượng Đế, hoặc thật ra là các trung tâm lực trong cơ thể của Ngài. Hiện giờ, mỗi một trung tâm lực linh động này, hoặc là các vị Thượng Đế phụ, đều có một chu kỳ hoạt động thay đổi riêng có trật tự của họ, có lẽ tương ứng trên một phương diện cao cấp nào đó không thể tưởng

tượng được với nhịp đập đều đặn của một trái tim hoặc với nhịp thở vào, thở ra của con người.

Có một số chu kỳ đi nhanh hơn các chu kỳ khác, cho nên nó tạo ra một số kết quả rất phức tạp, và nó được quan sát là sự di chuyển của các hành tinh trong mỗi liên hệ của chúng với nhau cung cấp một manh mối về sự vận hành của các ảnh hưởng vĩ đại trong vũ trụ ở bất cứ một thời điểm nào. Mỗi một trung tâm lực có một vị trí đặc biệt, hoặc là một tiêu điểm chính (major focus) bên trong cơ thể của mặt trời, và nó cũng có một tiêu điểm phụ (minor focus) luôn luôn nằm ở bên ngoài mặt trời. Vị trí của tiêu điểm phụ được thị hiện bằng một hành tinh hiện diện ở cõi Trần, hay ở cõi vật chất.

Mối quan hệ chính xác rất khó được mô tả rõ ràng bằng thuật ngữ chỉ có ba-chiều đo của chúng ta, nhưng chúng ta có thể nói rằng mỗi trung tâm lực đều có một vùng ảnh hưởng đồng mở rộng cùng một lúc với thái dương hệ của nó; và nếu một phần của vùng ảnh hưởng đó có thể được lấy ra, nó sẽ có hình bầu dục (elliptical), với một trong hai tiêu điểm (foci) của mỗi hình bầu dục lúc nào cũng là mặt trời, và tiêu điểm kia sẽ là một hành tinh đặc biệt nào đó được cai quản bởi vị Thượng Đế phụ.

Có thể nói là khi một thái dương hệ được hình thành từ một bầu tinh vân (nebula) nóng bỏng đang dần dần nguội xuống và đông đặc lại, vị trí của các hành tinh được quyết định bởi các vòng xoáy hình

thành ở các tiêu điểm phụ, vốn là các điểm phụ trợ trong việc phân phối các trung tâm lực, giống như các hạch thần kinh (ganglia), của một thái dương hệ. Tất cả các hành tinh đều được bao gồm trong một thành phần của hệ thống được coi là trung tâm chung cho tất cả các bầu, cho nên khi bất cứ ai cố gắng hình dung được hình ảnh này sẽ thấy là các bầu hình trứng xoay quay trung tâm phải chiếu ra các khúc đoạn, và vì vậy y sẽ hiểu được sự so sánh của toàn bộ thái dương hệ với một đoá hoa nhiều cánh.

Có một lý do khác thậm chí còn mỹ lệ hơn nhiều về sự so sánh của một thái dương hệ với một đoá hoa sen, nhưng nó cần phải được nghiền ngẫm lâu hơn. Như chúng ta thấy, các hành tinh đều xuất hiện như là các bầu riêng biệt, nhưng thật sự có một mối liên hệ giữa chúng vượt khỏi tầm ý thức của chúng ta. Những người từng nghiên cứu về chiều đo thứ tư chắc đã quen thuộc với ý tưởng về một phần trong không gian được mở rộng theo một chiều đo vô hình đối với chúng ta, nhưng điều mà họ có thể chưa nghĩ đến là sự kiện này cũng áp dụng luôn cho cả một thái dương hệ.

Chúng ta có thể nắm được gợi ý của sự thật này bằng cách lật lòng bàn tay lên trời và uốn cong các ngón tay lại để tạo ra hình dạng của một cái cốc, nhưng các ngón tay đều được tách ra, rồi đặt một tờ giấy lên trên đầu các ngón tay. Một thực thể của hai-chiều đo khi đang sống trên tờ giấy đó sẽ không thể

nào ý thức được cả một bàn tay, mà chỉ có thể nhận thức được những vòng tròn bé nhỏ tại điểm tiếp xúc giữa các ngón tay và tờ giấy. Đối với y những vòng tròn nhỏ này có thể hoàn toàn không có liên hệ gì với nhau, nhưng đối với chúng ta, với thị lực của một chiều đo cao hơn, có thể thấy rằng mỗi một vòng tròn nhỏ đều có một chiều nở rộng hướng hạ, và như vậy thì tất cả bọn chúng đều là một phần của một bàn tay. Cũng theo cách chính xác như vậy, một người dùng thị lực của chiều đo thứ tư có thể quan sát được là tuy các hành tinh có vẻ như bị cô lập trong ba chiều đo của chúng ta, nhưng thật ra chúng lúc nào cũng kết nối với nhau theo một chiều đo khác mà chúng ta chưa có thể nhìn thấy được; và từ tầm nhìn của nhãn lực cao hơn đó, các quả cầu này chỉ là những điểm trên các cánh hoa, là một phần của một đoá hoa lớn tuyệt vời. Và từ trung tâm của trái tim rực rỡ của đoá hoa đó phóng lên một nhụy hoa xuất hiện đối với chúng ta như là mặt trời.

Thật là thiếu khôn ngoan khi một người mên mê khoa học hiện đại lại đi chế giễu hay khinh thường kiến thức cổ đại hay các biểu tượng kỳ lạ và huyền ảo được dùng vào thời đó, vì chúng ẩn dấu rất nhiều ý nghĩa - thường là những ý nghĩa biểu hiện cho một kiến thức sâu xa hơn những gì thế giới bên ngoài đang biết. Môn sinh Thông Thiên Học ít nhất sẽ tránh được lỗi lầm này và không dám khinh thường

bất cứ điều gì chỉ vì y chưa thấu hiểu được nó, vì y chưa học được ngôn ngữ mà nó được viết ra.

LỬA

Chúng ta ở dưới đây nên gọi tất cả những gì hiện diện ở các cõi cao hơn là rực rỡ, và ở một mức nhất định nào đó thì mọi thứ ở trên đó đều được cho là thấm nhuần trong lửa, nhưng đây không phải là loại lửa bình thường mà chúng ta biết được ở cõi Trần. Cái mà chúng ta gọi bằng tên đó ở dưới đây không thể nào tồn tại nếu không có một cái gì đó đang cháy hoặc phát sáng trên đó, và nó chỉ là một cái bóng phản ánh hoặc một biểu lộ thấp hơn của một cái gì trừu tượng cao hơn mà chúng ta chưa có thể cảm nhận được. Hãy thử nghĩ về một loại lửa không cháy nhưng lại ở trong một trạng thái loãng như nước. Điều này đã được ý thức bởi những giáo đồ của vị giáo chủ Hoả Giáo (Zoroaster) vĩ đại đầu tiên, vì họ từng có ngọn lửa này, vốn không phải là dầu lửa trên bàn thờ của họ, mà là một ngọn lửa thiêng họ dùng để biểu hiện cho sự sống thiêng liêng.

Một cách đến với Thượng Đế là theo con đường của lửa và những người Parsis thời xưa hiểu rõ tường tận điều này, họ cố nâng mình cao lên cho đến khi họ là một với ngọn lửa để đến với Ngài qua con đường

này. Cách duy nhất để thực hành con đường này là phải dựa vào sự trợ giúp của một loại Đại Thiên Thần đặc biệt, nhưng trong thời đại hiện nay, thể xác chúng ta vẫn còn quá nặng nề, ô trược nên hiếm người có thể chịu đựng được thử thách này. Vị giáo chủ Hoà Giáo đầu tiên có rất nhiều môn đồ quanh Ngài có thể làm được việc này, và cho dù trong điều kiện hiện tại, những dẫn thể thấp hơn của chúng ta sẽ bị hủy hoại nếu chúng ta thử làm việc này, nhưng với giống dân mới hơn và trên những hành tinh khác, chúng ta sẽ thực hiện được việc này một lần nữa. Tất cả các điều này nghe rất kỳ dị, bất bình thường và khó hiểu vì nó liên quan đến các điều kiện không hề được biết tới ở cõi trần, nhưng môn sinh huyền bí học sẽ khám phá ra rằng trong quá trình tiến hoá, y sẽ đối diện với nhiều điều mà không thể nào được diễn tả bằng ngôn ngữ ở dưới đây.

CHƯƠNG III

THÁI ĐỘ CỦA NHÀ THÔNG THIÊN HỌC

THÁI ĐỘ THỰC TẾ (COMMON SENSE)

Trên tất cả mọi thứ và trong tất cả mọi hoàn cảnh, môn sinh huyền bí học phải giữ vững thái độ thực tế. y sẽ học được nhiều kiến thức mới và nhiều sự thật đáng kinh ngạc, và nếu y để những điều mới lạ này làm cho mình bị mất cân bằng, sự gia tăng kiến thức sẽ là một hậu quả tai hại thay vì tốt cho anh ấy. Những phẩm hạnh khác cũng cần thiết cho sự tiến bộ, nhưng một tâm trí cân bằng là một điều thực sự cần thiết. Huyền bí học có thể được tóm tắt như sau: nó là việc nghiên cứu những điều chưa được công nhận bởi người bình thường - một công trình thu thập vô số sự kiện mới lạ và sau đó thích nghi đời sống với những sự kiện mới lạ này một cách hợp lý và thực tế.

Tất cả những gì tôi biết về huyền bí học chỉ đơn giản là đỉnh cao tối thượng của lý luận hợp tình, hợp lý.

TÌNH HUYNH ĐỆ

Tình huynh đệ giữa con người là một sự thật trong thiên nhiên, những người phủ nhận nó chỉ là những kẻ mù quáng bởi vì họ chỉ muốn nhắm mắt lại với những thực tế mà họ không muốn thừa nhận. Chúng ta không cần phải lãng phí thời gian vào những người này, Tạo hoá sẽ tự động bác bỏ những tà tín của họ. Điều nguy hiểm ngấm tai hại hơn là những người hiểu lầm nó, mượn danh hiệu là đám đông.

Không phải chỉ cần nhớ tình huynh đệ có nghĩa là gì, mà cũng phải biết nó *không* phải là gì. Rõ ràng nó *không* có nghĩa là bình đẳng vì sinh đôi và sinh ba tương đối là hiếm. Dưới mọi hình thức trừ những trường hợp dị thường, tình huynh đệ bao hàm sự khác biệt về tuổi tác và do đó luôn tất cả những sự khác biệt khác như về sức mạnh, khôn khéo và năng lực.

Tình huynh đệ ngụ ý cộng đồng cùng một lợi ích, chứ không phải cộng đồng của những lợi ích. Nếu là một gia đình giàu có, tất cả người nhà đều được hưởng chung, còn nếu đó là một gia đình nghèo khó, tất cả người nhà đều cùng cộng khổ. Do đó ta có một

cộng đồng cùng một lợi ích. Tuy nhiên, cũng có những lợi ích cá nhân mà các anh em trong nhà không những có thể mà còn chắc chắn phải là hoàn toàn khác nhau trong nhiều năm. Một đứa trẻ 14 tuổi có thể có những điểm lợi ích gì giống như đứa em 6 tuổi của nó chứ? Mỗi người đều sống cuộc sống riêng của họ với các bạn cùng lứa tuổi với họ, và họ có nhiều điểm giống chúng bạn hơn là anh em của họ. Một người anh 25 tuổi đang lăn lộn kiếm sống trong đời có thể có hứng thú gì đối với những giải thưởng và lo âu của đời học sinh lấp đầy cả thế giới của người em thứ hai chứ?

Do đó, ta không nên mong mỗi chỉ vì là anh em với nhau mà phải có cảm nhận hay thích thú những sự vật giống nhau. Điều đó thật sự không đáng mong muốn, cho dù có thể được như vậy đi nữa thì trách nhiệm của họ cũng phải khác nhau do tuổi tác và nhất là vấn đề thúc đẩy sự tiến hoá của nhân loại nói chung, đó chính là mỗi người phải cố gắng làm tròn bổn phận của mình trong cương vị mà Thượng Đế đã vui lòng giao phó như theo sách giáo lý vấn đáp của Nhà Thờ Công Giáo. Điều này ít ra không có ngụ ý là mỗi người đều phải giữ mãi vị trí mà nhân quả đã sắp đặt cho y từ lúc mới sinh; nếu như y có thể làm việc thật thà và vô hại để tạo ra nhân quả tốt để nâng cao bản thân ra khỏi vị trí đó, y hoàn toàn có quyền tự do để làm như vậy, nhưng khi còn đang ở trong bất cứ giai đoạn nào thì y phải làm tròn bổn phận của y

trong giai đoạn đó. Một đứa trẻ phải phát triển một cách ổn định, nhưng khi nó đang ở tuổi nào thì nhiệm vụ của nó phải tương xứng với lứa tuổi đó, chứ không phải với lứa tuổi của người đàn anh lớn hơn. Mỗi tuổi có trách nhiệm của nó, người trẻ hơn phải học hỏi và phục vụ, còn người lớn hơn phải hướng dẫn và bảo vệ, nhưng tất cả đều giống nhau ở tinh thần yêu thương và hỗ trợ, cố gắng thực hiện lý tưởng của một đại gia đình nhân loại. Mỗi người sẽ giúp đỡ tận tình các huynh đệ của mình, không phải bằng cách xen vào việc của họ, mà bằng cách nghiêm túc làm tròn bổn phận của mình với tư cách là thành viên của đại gia đình này.

Tình huynh đệ trong Hội chúng ta phải là một sự thật. Nó thật quan trọng để chúng ta nhận ra và thực hiện một tình đồng môn chặt chẽ, một cảm giác thống nhất và kết hợp thật sự. Sự kiện này có thể thành công nếu các thành viên bỏ đi những cảm xúc cá nhân và chỉ để tâm suy nghĩ đến lợi ích của những người khác. Trái tim của Hội đang tạo cho nó một hình thể trên cõi Bò-đề, một con kênh mà qua đó các Vị Cao Cả có thể làm việc. Sự hoàn thiện của con kênh như vậy phụ thuộc vào thái độ của những thành viên nghiêm túc và tận tâm. Hiện giờ nó còn chưa được hoàn hảo bởi vì xu hướng của mỗi thành viên vẫn còn suy nghĩ quá nhiều về họ như là một đơn vị, và quá ít về sự an lành và hạnh phúc của tập thể. Những viên đá của một bức tường phải được xây cất vào đúng vị trí của

từng viên một; một viên nhô ra khỏi chỗ này, hoặc lồi về phía bên kia, sẽ tạo ra một sự gồ ghề, và bức tường toàn bộ nói chung sẽ là một bức tường không hoàn hảo. Chúng ta chỉ là một phần nhỏ bé của một kế hoạch vĩ đại, như một bánh xe của một cỗ máy, nhưng chúng ta phải cố gắng làm cho mình xứng đáng với phần bé nhỏ của chúng ta. Nếu chúng ta làm được điều đó, cho dù chúng ta không đủ sức để đảm nhận vị trí chánh trong vở kịch của thế gian, nhưng ít nhất phần vai phụ nhỏ của chúng ta cũng được thực hiện một cách hoàn hảo và bền bỉ, và nó sẽ vinh dự chiếm được vị trí của nó trong một tổng thể lớn hơn.

Các bạn đều biết rằng trong vòng 700 năm nữa hai vị Chân Sư của chúng ta sẽ bắt đầu thành lập một giống dân chính thứ sáu, và ngay bây giờ Họ đang tìm kiếm những người phụ tá thích hợp cho Họ trong công việc này. Nhưng còn có một việc khác gần hơn cần phải được thực hiện và đó là công việc sẽ cho ta cơ hội thực tập rất tốt để phát triển những phẩm chất cần thiết cho công việc lớn hơn, việc phát triển giống dân phụ thứ sáu của giống dân Aryan mà bây giờ mới bắt đầu hình thành tại Bắc Mỹ. Thậm chí đã có những dấu hiệu của sự chuẩn bị cho công việc này, nhiều giống dân khác nhau đang được đúc kết với nhau để trở thành một và chúng ta cũng có tham dự một phần trong công việc này. Chúng ta đều công nhận tầm quan trọng của việc một đứa trẻ phải được bao quanh bởi những ảnh hưởng tốt trong những năm đầu đời,

và tuổi thơ của một giống dân cũng y như vậy. Nếu chúng ta có thể thành công trong việc bắt đầu một giống dân mới theo con đường lành mạnh thì sẽ có nhiều lợi ích, và mặc dù ở cách xa với Bắc Mỹ chúng ta vẫn có thể giúp đỡ thật nhiều trong thời điểm quan trọng này của lịch sử nếu chúng ta muốn.

Một phần của kế hoạch sẽ sớm được thực hiện là việc kết hợp những nhánh khác nhau của giống dân phụ thứ năm chúng ta, giống dân Teutonic. Nhiều người chúng ta thuộc về giống dân này; các thuộc địa của nước Anh, người Mỹ, người Scandivavi, người Hà Lan và người Đức, cũng có nhiều người ở Pháp và Ý như người Normans chẳng hạn, vốn là dòng dõi của người Norsemen (Vikings), kể cả nhóm người ở các nước miền nam vốn là dòng dõi của người Goths và Visigoths. Điều cần thiết để thúc đẩy công việc của kế hoạch vĩ đại này là đem tất cả các giống dân này lại gần hơn với nhau qua sự thông cảm. Việc này đã gặt hái được thành quả đáng kể trong trường hợp của người Anh và người Mỹ. Nhưng thật đáng tiếc nó lại không được thành công lắm trong trường hợp của người Đức, vì hiện tại cường quốc đó có vẻ muốn giữ một khoảng cách với liên hiệp tốt đẹp này và chỉ đứng lên bảo vệ cho những gì nó cho là lợi ích riêng tư của nó. Mong rằng trong tương lai, nan đề này sẽ được giải quyết.

Mục đích lớn của việc liên minh này là để chuẩn bị cho sự xuất hiện của một Đấng Cứu Thế mới, hoặc

nói theo cộng đồng Thông Thiên Học, việc tái sinh của Đức Di-Lặc (Lord Maitreya), một bậc thầy tinh thần vĩ đại sẽ mang đến một tôn giáo mới. Thời gian sắp đến rất nhanh khi sự việc này sẽ được khởi xướng - một giáo lý sẽ thống nhất hết các tôn giáo khác, và so với chúng sẽ đứng trên một cơ sở rộng lớn hơn và giữ mức độ thuần khiết của nó lâu hơn. Nhưng trước khi điều này có thể xuất hiện thì chúng ta phải thoát khỏi cơn ác mộng của chiến tranh, lúc nào cũng lơ lửng trên đầu chúng ta như một bóng ma quái ác làm tê liệt những trí tuệ tốt nhất của tất cả các quốc gia liên quan đến những thí nghiệm xã hội, làm cho các chính trị gia của chúng ta không thể nào thử nghiệm được các dự án và phương pháp mới trên một quy mô rộng lớn. Vì vậy, một yếu tố cần thiết để thi hành kế hoạch này là một thời kỳ thiên hạ thái bình. Nhiều nỗ lực qua nhiều cách khác nhau đã được thực hiện để đạt được kết quả này - thí dụ, Hội Nghị Hòa Bình (Peace Conference) nhưng có vẻ một vài phương pháp khác cần phải được thử.

Nếu mọi người trong giống dân phụ thứ năm chúng ta có thể bỏ hết các thành kiến và đồng lòng đứng chung với nhau trong một chiến tuyến, một công trình vĩ đại đang chờ đợi trước mắt chúng ta. Chúng ta thuộc giống dân phụ mới nhất, và như vậy nói chung là những linh hồn cao nhất trong dòng tiến hoá. Tuy nhiên, phần lớn số người trong đó lại không sẵn sàng phản ứng với một động cơ vị tha như là một

phương pháp để mang lại nền hoà bình cần thiết cho toàn cầu.

Vậy làm sao có thể đạt được điều này? Bằng cách làm cho các quốc gia biết quan tâm duy trì nền hòa bình trên thế giới. Hãy nhớ rằng thương mại bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh. Những nhánh khác nhau của giống dân Teutonic chúng ta đều thuộc về những quốc gia có tầm vóc giao dịch mạnh nhất trên thế giới và tôi mong rằng chúng ta sẽ sớm thấy được lợi ích chung khi chúng ta liên minh và đứng lên bảo vệ hòa bình. Thật sự đây không phải là một động cơ cao thượng gì cả mà nó chỉ là quyền lợi cá nhân, nhưng khi các vị lãnh tụ và chính trị gia vĩ đại mơ tưởng về một thế giới hợp nhất từ một tình yêu nhân loại trừu tượng, động cơ thấp hèn này có thể mang các đồng bào kém tiến hoá hơn về phe của họ và nồng nhiệt ủng hộ họ trong bất cứ hoạt động nào mà họ chọn đặt chân lên để đạt được mục đích này.

Tất cả mọi sự việc xảy ra trên thế giới đều được sử dụng để liên kết giống dân của chúng ta với nhau. Thí dụ, cái chết của Nữ Hoàng Victoria cũng được tận dụng để nhắm vào mục đích này. Cuộc đời của Bà đã gặt hái được nhiều kết quả trong việc liên kết các thuộc địa của Anh với mẫu quốc. Những người từng chứng kiến Lễ Jubilee (Lễ Kỷ Niệm cách 25 năm của một triều đại) từ góc độ tâm linh đã có một ấn tượng sâu xa về dòng cảm xúc cao độ phi thường từ đó được gọi lên. Trong cuộc đời của Nữ Hoàng bà

đã làm được rất nhiều việc, song cái chết của bà còn làm được nhiều hơn nữa. Sự ra đi của bà không những đem các thuộc địa lại gần nhau hơn mà luôn cả nước Mỹ. Tôi đang sống tại Mỹ vào thời điểm bà qua đời, và thật sự cả nước Mỹ đều tỏ ra thương tiếc bà như một vị lãnh tụ của họ vậy, một sự biểu lộ mất mát tự nhiên phát ra rất chân thành. Vì vậy khi chết cũng như khi sống, Nữ Hoàng vẫn phụng sự lớn lao cho nhân loại.

Mỗi giống dân có những điểm kỳ quái như mỗi một con người vậy. Nếu chúng ta muốn hợp tác với nhau trong công tác vĩ đại này, chúng ta phải học cách tôn trọng và khoan dung chúng, nhìn chúng với một thái độ thân thiện thay vì tỏ ra khinh thường hoặc khó chịu đối với chúng. Vậy trên thực tế chúng ta có thể làm gì để trợ giúp các công việc quốc gia đại sự? Ít nhất là phải như vậy: khi trước mặt chúng ta có ai buông ra những lời khinh bỉ hay khiếm nhã về các quốc gia khác, chúng ta có thể đưa ra những quan điểm trái lại và nói những lời ái ngữ. Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể phản bác một lời xấu đã được nói ra, nhưng ít nhất chúng ta có thể bổ sung vào đó một điều gì tốt đẹp.

Có lẽ chúng ta chỉ là phần thiểu số, nhưng ít ra trong thời gian một năm mỗi người chúng ta có thể gặp ít nhất cả ngàn người khác, và mỗi một người trong chúng ta đều có thể trở thành một trung tâm lực để giúp quốc gia chúng ta nhìn thấy điều tốt ở người

nước khác. Vì vậy, mặc dù có thể nó chỉ là một con đường nhỏ, nhưng chúng ta có thể làm thông suốt con đường đó để dẫn đến sự hợp nhất giữa các quốc gia một cách dễ dàng hơn. Rất nhiều người có thói quen nói xấu các quốc gia khác vì thành kiến hạn hẹp chống lại những đặc tính riêng của họ, nhưng ít nhất chúng ta hãy cố gắng đừng làm điều này và lúc nào cũng phải ghi nhớ tầm quan trọng của việc thúc đẩy cảm giác thân thiện. Đừng tuyệt vọng vì nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta chỉ có thể cống hiến ít ỏi vào việc này. Ngược lại, hãy nhớ rằng tất cả các nỗ lực dù nhỏ bé đến đâu cũng được tận dụng bởi những Vị đang làm việc ở phía sau. Chắc chắn là kế hoạch này sẽ được thực hiện mặc dù chúng ta có chọn đón nhận lấy cơ hội để phụ giúp trong công việc này hay không, nhưng đó không phải là lý do mà chúng ta không nên làm hết sức mình.

Không phải chỉ có những người tốt mới được dùng để đẩy mạnh kế hoạch này. Nhiều loại năng lực khác nhau đang được sử dụng bởi Quần Tiên Hội ở phía sau để hoàn thành những công việc cần thiết. Đúng vậy, ngay luôn cả sự ích kỷ và khuyết điểm xấu xa của loài người! “Kẻ ác cũng góp phần làm việc cho thiên cơ một cách mù quáng” như Southey từng viết trong Thalaba. Rồi “Tất cả mọi thứ đều làm việc với nhau để mang lại điều tốt lành cho những ai yêu mến Thượng Đế.” Câu nói này thật ra muốn đề cập đến nghiệp quả cá nhân, nhưng nó vẫn được áp dụng

vào những kế hoạch rộng lớn hơn. Thí dụ, sự cố chấp của Nhà Thờ Công Giáo, tuy là xấu nhưng không phải hoàn toàn không có giá trị, vì nó đã giúp tín đồ phát triển sức mạnh của niềm tin, bởi vì những người dốt vốn không thể nào tin tưởng một cách mãnh liệt mà không có cố chấp. Động cơ tư lợi đằng sau việc theo đuổi thương mại cũng là một điều xấu, nhưng nó lại có một năng lực đặc biệt mà những người đứng đằng sau có thể sử dụng vì nó phát triển sức mạnh của ý chí và năng lực tập trung tư tưởng, những phẩm hạnh mà trong đời sống tương lai có thể sẽ được dùng vào những việc có lợi ích lớn nhất.

Mỗi người chúng ta đều có một cơ hội để phụ giúp trong kế hoạch này và hợp tác với bên bạch đạo. Nếu chúng ta không nắm lấy cơ hội được trao cho chúng ta người khác sẽ nhận lấy, và nếu không phải người ấy thì người khác nữa, nhưng dù bất cứ thế nào đi nữa thì công việc cũng sẽ được hoàn thành.

Chúng tôi biết có vài người khi cơ hội đến đã bỏ nó qua một bên, nhưng đó là lý do mà chúng ta càng phải làm việc hăng say hơn nữa để bù đắp vào chỗ trống của họ, để làm phần công việc của họ luôn với phần của chúng ta. Chúng ta không cần phải lo sợ dù chỉ một giây là sự bỏ trốn này sẽ ảnh hưởng xấu đến công việc. Chúng ta không thể không tiếc cho người bạn tội nghiệp của chúng ta đã lỡ đánh mất đi cơ hội do sự vô minh và thiên cận mà họ làm việc nghịch lại với lợi ích của chính mình. Nhưng hãy nhớ rằng sự

mê muội của họ chỉ là tạm thời, một ngày nào đó họ sẽ tỉnh thức, nếu không phải trong kiếp này thì là một kiếp nào đó trong tương lai. Cùng lúc ấy, mọi sự bên trong vẫn tốt lành và Công Việc Vĩ Đại vẫn được diễn tiến.

Sự tiến hoá của thế giới rồi cuộc cũng giống như bất kỳ công việc vĩ đại nào khác. Hãy nghĩ về công trình xây cất một đường rầy xe lửa chẳng hạn. Đối với công ty đường rầy hoặc người hành khách tương lai, công nhân nào từng đặt một đường sắt hay đóng một cây đinh vốn không quan trọng, miễn sao người giám sát trông nom công việc đó và nó được thực hiện một cách tốt đẹp và hoàn hảo. Tuy nhiên, nó rất quan trọng đối với người *công nhân* vì người làm sẽ được trả lương trong khi người khác không nhận được gì hết. Khi người công nhân bỏ đi không làm việc một ngày bởi vì y nổi giận hoặc say rượu, người giám sát sẽ tiếc cho y nhưng ông ta sẽ nghĩ rằng: “Thôi bỏ đi, anh ấy sẽ quay lại ngày mai” và ông ta sẽ mượn người khác thế vào trong lúc đó. Có nhiều người đã từng bỏ cuộc giống như vậy khi cá tính phạm ngã bộc phát, nhưng họ sẽ quay trở lại. Câu hỏi được đặt ra không phải là công việc sẽ được thực hành hay không, vì các vị Chân Sư sẽ lo cho việc ấy trong bất cứ hoàn cảnh nào, mà đơn giản là ai sẽ nắm lấy cơ hội đó.

Nhiều người gay gắt chống lại công việc này chỉ cho thấy là họ chưa đủ sức mạnh để vượt qua thử

thách ấy. Họ chưa đạt đến giai đoạn mà họ có thể quên mình trong công việc, cá tính của họ vẫn còn hung hãn nên họ dễ dàng bị sốc và mất thăng bằng khi một vài việc mới đến với họ. Dĩ nhiên khi họ đánh mất cơ hội trong kiếp này vì họ chưa đủ sức mạnh thì đó là điều đáng tiếc, nhưng dù sao nó cũng chỉ là tạm bợ vì sẽ còn nhiều kiếp khác, trong khi đó những người khác sẽ thế vào chỗ của họ. Đừng bao giờ quên một điều quan trọng là công việc của các vị Chân Sư phải được thi hành, vậy ít nhất chúng ta hãy là những người làm việc đó bây giờ, mặc dù có rất nhiều người chưa thể nhìn thấu rõ được để giúp đỡ chúng ta. Họ từ chối các vị Chân Sư trong kiếp này như một cậu bé nghịch ngợm nổi giận với cha mẹ nó và trong cơn tức giận đã chạy đi nơi khác để tìm chỗ ẩn nấp, nhưng không bao lâu cơn đói sẽ kéo cậu bé về nhà và cũng như vậy, sự thèm khát chân lý mà họ từng nếm được sẽ đưa họ quay trở lại dưới chân các vị Chân Sư trong những kiếp sau. Trong khi đó, chúng ta hãy đứng vững và đong đầy trái tim chúng ta với sự bình thản ngay giữa chốn phong ba.

Nếu chúng ta muốn nắm lấy cơ hội thì chúng ta phải mài nhẵn hết những góc cạnh của mình, loại bỏ đi các cá tính vụng về và quên chúng đi bằng cách tăng trưởng những tình cảm tốt đẹp bằng mọi cách. Nếu chúng ta nghe được điều gì xấu xa về người khác, hãy lập tức bỏ nó qua một bên, và điều này áp dụng cho cả quốc gia và cá nhân riêng biệt. Hãy làm

cân bằng điều ác bằng cách nói điều lành - không phải để tạo ra một ấn tượng giả dối mà để đưa ra một khía cạnh hoặc một lời giải thích tốt nhất khả dĩ về các sự kiện. Công việc của chúng ta là làm guồng máy chạy trơn tru và vô hiệu hoá mọi ma sát. Mục tiêu của chúng ta là biến xã hội trở thành một tập thể hợp nhất nói chung, và giúp nó hướng đến sự hài hoà với thế giới bên ngoài. Kế hoạch thật vĩ đại, cơ hội thật tuyệt vời: chúng ta sẽ nắm bắt nó chứ?

Nhưng hãy cẩn thận kéo bạn lại biến ý tưởng tự chuẩn bị mình phụng sự cho công việc vĩ đại trong tương lai trở thành một lý do để bạn thoái thác những cơ hội nhỏ hơn trong đời sống hàng ngày. Một ví dụ điển hình mà tôi muốn nhắc đến được cung cấp qua một lá thư mà tôi nhận được gần đây, trong đó tác giả nói là y cảm thấy mình bị đặt ở vị trí phải giảng dạy cho một chi nhánh của Thông Thiên Học và y cảm thấy rằng đây là một trách nhiệm lớn lao mà bản thân y thật không xứng đáng, vì kiến thức của y hiện thời còn quá nông cạn. Bây giờ, đây là câu trả lời của tôi:

“Đừng bao giờ lo âu về vị trí của bạn trong chi nhánh này. Dĩ nhiên dạy học là một trách nhiệm, nhưng ở mặt khác nó cũng là một vinh dự lớn. Hãy nghĩ về nó như vậy: ở đây đang có những linh hồn khao khát, và Những Vị đứng đằng sau đã rất từ bi ban cho bạn một cơ hội để làm một con kênh mà qua đó họ có thể được cung cấp thức ăn tinh thần. Bạn đã nắm những nguyên tắc căn bản của giáo lý rõ ràng

trong trí óc, và lý luận hợp tình hợp lý của riêng bạn sẽ giúp bạn không mắc phải những sai lầm quá lớn về chi tiết. Tôi khâm phục sự cẩn trọng của bạn, nhưng nếu bạn cứ giữ vững các nguyên tắc chính này trước học sinh của mình, bạn sẽ có rất ít khả năng phạm phải sai lầm trong quá trình giảng dạy của bạn.

Mọi người chúng ta đều có trách nhiệm mà bạn đã nhắc đến, và những người trong chúng tôi đã từng viết sách và phải làm những buổi thuyết trình cũng cảm nhận được trọng trách nặng nề này trên vai chúng tôi hơn mức bạn có thể tưởng tượng. Thực vậy, chúng tôi đã có lúc từng bị các bạn đồng僚 liệu bảo là phải đạt được quả vị Chân Tiên trước khi có thể viết ra bất cứ cuốn sách nào để chắc chắn trong đó không có phạm bất cứ một lỗi lầm gì. Tôi chỉ có thể nói đơn giản là chúng tôi đã quyết định chia sẻ kiến thức không thập toàn của mình với các huynh đệ, mặc dù chúng tôi vẫn còn có nhiều điều để học hỏi tiếp tục, và tôi cho rằng kết quả đã chứng minh cho quyết định của chúng tôi. Nếu chúng tôi đợi đến lúc thành đạt được thánh quả, đúng là những cuốn sách của chúng tôi sẽ rất hoàn mỹ và hiện giờ chúng còn rất xa sự hoàn hảo, nhưng rồi bạn sẽ thấy là các bạn phải đợi thêm khoảng một ngàn năm nữa mới thấy được chúng và việc này sẽ tạo ra một khác biệt rất lớn trong công việc của Hội ở thế kỷ hiện tại. Theo tôi, có vẻ vấn đề khó khăn của bạn trước mắt cũng giống như vậy. Bạn có thể trì hoãn không giảng dạy cho đến khi

bạn thấu hiểu mọi việc, nhưng trong khi đó chuyện gì sẽ xảy ra với chi nhánh của bạn?”

PHỤNG SỰ THẾ GIỚI

Một trong những quy tắc đầu tiên để đặt chân lên đường Đạo là chỉ theo đuổi một mục đích duy nhất, hay là sự nhất tâm. Ngay cả những người thành công trên thế gian này là vì họ nhất tâm, và chúng ta có thể học từ họ giá trị của sự quyết tâm theo đuổi con đường của chúng ta. Mục tiêu của chúng ta không hữu hình như của họ cho nên chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc giữ được trạng thái nhất tâm, nhưng ở Ấn độ tầm quan trọng của cái vô hình lại dễ được ý thức hơn là ở phương Tây. Thật tốt khi chúng ta tiếp xúc với những người tiến hoá cao hơn, những người mà thực tại của con Đường lúc nào cũng hiện hữu và chúng ta cũng nên đọc, nghe và suy nghĩ thường xuyên về mục đích của chúng ta cũng như không ngừng luyện tập những đức hạnh mà chỉ như vậy kiến thức hoàn mỹ mới có thể đến với chúng ta.

Thời đại này là thời đại của sự vội vã và chạy đua, khuynh hướng của mọi người là làm một chút về mọi thứ nhưng lại không thông thạo thứ nào, cứ bay nhảy từ thứ này đến thứ khác. Không có người nào chịu cống hiến hết đời mình vào một kiệt tác như

thường được thực hành trong thời Trung cổ Âu Châu hay thời cổ Ấn độ.

Môn huyền bí học thay đổi cuộc sống của con người theo nhiều cách, nhưng không có gì khác hơn ngoài điều này: nó làm cho con người trở thành triệt để nhất tâm. Dĩ nhiên tôi không có ý nói là nó làm cho y bỏ bê bất cứ trách nhiệm nào mà y thường làm, ngược lại sự cần trọng làm tròn trách nhiệm là đơn thuốc đầu tiên của nó. Nhưng nó cho y một chủ âm trong cuộc sống mà lúc nào cũng vang rền trong tai làm y không bao giờ quên được dù trong một khắc, đó là chủ âm giúp đỡ mọi người. Tại sao? Vì y đã học được kế hoạch của Thượng Đế và cố gắng hợp tác với nó.

Điều này liên quan đến nhiều đường lối hành động. Để trở thành một phụ tá đắc lực y phải làm cho mình thích hợp với công việc đó, vì vậy y phải tự trải qua một quá trình đào tạo thật cẩn thận để loại bỏ đi những cá tánh xấu và phát triển những đức hạnh tốt đẹp. Hơn nữa, y phải luôn để ý đến những cơ hội phụng sự.

Có một phương pháp đặc biệt để phụng sự thế giới nằm trong tầm tay hội viên của Hội chúng ta là việc quảng bá chân lý Thông Thiên Học. Chúng ta không có quyền và cũng không muốn ép buộc người khác phải theo ý kiến của mình, nhưng nó là trách nhiệm và vinh dự của chúng ta để cho mọi người có cơ hội hiểu biết về giải thích chân thật về các vấn đề

trong cuộc sống. Nếu một người không chịu uống nước của sự sống khi nó đưa được đến miệng, đó là chuyện của y, nhưng ít nhất chúng ta cũng nên cố gắng để không ai bị héo tàn vì họ không biết có sự tồn tại của nguồn nước đó.

Vì vậy chúng ta nên có trách nhiệm quảng bá chân lý và không cho phép điều gì cản trở nó. Đây là công việc mà Hội của chúng ta phải thực hành và chúng ta phải nhớ đây là bổn phận ràng buộc mỗi một người chúng ta. Tâm trí của chúng ta phải được lấp đầy với nó, chúng ta phải liên tục suy nghĩ và toan tính cho nó, nắm bắt hết mọi cơ hội được đưa đến. Chúng ta không thể thoái thác trách nhiệm chỉ vì một vài hội viên dường như không làm gì hết, đó là chuyện của họ, và chúng ta không cần phải quan tâm đến, nhưng nếu chúng ta tự bỏ bê không chịu làm hết mình thì chúng ta đã thiếu sót trong bổn phận của mình. Ánh sáng long lẫy này đến với chúng ta không phải chỉ vì nó muốn soi sáng con đường cho chúng ta mà vì sau đó chúng ta có thể trở thành những người đem ánh sáng lại cho các huynh đệ đau khổ của chúng ta.

SỰ CHỈ TRÍCH

Nếu chúng ta muốn có bất kỳ một tiến bộ nào trên con đường huyền bí học, chúng ta phải học chú

ý vào công chuyện của mình và để người khác được yên. Họ có nguyên do và đường lối suy nghĩ của họ mà chúng ta không hiểu được. Đối với các Đức Thầy của họ, họ có thể đứng vững hay gục ngã. Một lần nữa, chúng ta có công chuyện của mình để làm và chúng ta phải tránh đừng bị phân tâm. Chúng ta *cần phải* học sự khoan hồng và độ lượng, và kiềm chế cái ham muốn điên đảo lúc nào cũng phải soi mói lỗi lầm của người khác.

Nó là một ham muốn điên cuồng và nó làm chủ cuộc sống hiện đại – đó là tinh thần thích chỉ trích. Mỗi người đều muốn can thiệp vào trách nhiệm của người khác thay vì lo làm bổn phận của mình, họ đều nghĩ rằng họ có thể làm việc của người khác tốt hơn là nó đang được làm. Chúng ta thấy điều này xảy ra trong môi trường chính trị, tôn giáo và đời sống xã hội. Ví dụ, đương nhiên bổn phận của chính phủ là cai trị và bổn phận của người dân là làm công dân tốt và giúp cho guồng máy cai trị làm việc được dễ dàng và có hiệu quả. Nhưng hiện nay mọi người đều hăng hái dạy chính phủ cách quản lý mà họ quên đi hết bổn phận chính của họ là làm một người công dân tốt. Con người thường không hiểu rằng nếu họ chỉ cần làm tốt bổn phận của họ, luật nhân quả sẽ bảo vệ những “quyền lợi” mà lúc nào họ cũng lo kêu la âm ỹ.

Tại sao tinh thần chỉ trích lại được phổ biến và hung dữ đến như thế trong giai đoạn này của lịch sử

thế giới? Vì cũng như các sự xấu ác khác, nó là sự vượt quá giới hạn của một phẩm chất tốt đẹp và cần thiết. Trong quá trình tiến hoá, chúng ta đã đi đến giống dân phụ thứ năm của giống dân chính thứ năm. Ý của tôi là giống dân này là giống dân được phát triển mới nhất gần đây và tinh thần của nó đang thống trị thế giới hiện nay, nên ngay cả những người không thuộc về giống dân của nó cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi tinh thần ấy.

Hiện giờ mỗi giống dân đều có những bài học đặc biệt để học hỏi và những cá tính đặc biệt để mở mang. Cá tính đặc biệt của giống dân chính thứ năm là *manas* - một thứ trí tuệ biết phân biệt, biết nhận ra sự *khác biệt* giữa mọi thứ. Khi nó được hoàn toàn phát triển, con người sẽ để ý đến những điểm khác biệt này một cách điềm tĩnh với mục đích để hiểu chúng và đánh giá điều gì là tốt nhất. Nhưng hiện giờ, trong giai đoạn nửa phát triển này, nhiều người chỉ để ý đến sự khác biệt từ góc nhìn phiến diện của họ, *không* phải để *tìm hiểu* mà để *chống trả* chúng - nhiều khi rất dữ dội để truy sát đối phương. Nó chỉ đơn giản là góc nhìn của một người thiếu hiểu biết và chưa tiến hoá, đầy cố chấp và tự phụ, hoàn toàn chắc chắn rằng y là đúng (và y có thể đúng tới một mức nào đó) và do đó, tất cả những người khác nhất định phải là sai - một điều mà không hẳn phải là như vậy. Hãy nhớ Oliver Cromwell đã từng nói với ủy viên hội đồng của ông ta: “Anh em, tôi cầu xin mọi người, vinh

danh Đức Chúa, hãy nghĩ rằng đôi khi bạn có thể sai!”

Chúng ta cũng cần phải phát triển khả năng phê bình, nhưng chúng ta chỉ nên phê phán chính mình thôi chứ không phải người khác.

Lúc nào mỗi vấn đề cũng có hai mặt, thông thường thì nhiều hơn hai. *Kritein* có nghĩa là phán đoán, do đó sự chỉ trích là vô ích và chỉ có thể làm hại trừ phi nó hoàn toàn điên tởm và công bằng. Nó không phải là một sự tấn công điên cuồng vào đối phương mà là một sự cân nhắc bình tĩnh, chí công vô tư, giữa những lý do theo và không theo một ý kiến hay một đường lối hành động nhất định nào đó. Chúng ta có thể quyết định theo một đường lối, nhưng chúng ta *phải* nhận ra rằng một người khác có trí tuệ tương đương có thể coi trọng một khía cạnh khác của câu hỏi, và do đó họ sẽ đưa ra một quyết định hoàn toàn khác đi. Như vậy quyết định của họ cũng rất tốt, rất khôn ngoan, rất thành thực y như của chúng ta vậy.

Nhưng chỉ có ít người nhận thức được điều này, thật rất ít người đạo Tin Lành tin rằng người Cơ Đốc Giáo là tốt, rất ít người theo phe cấp tiến cực đoan (redhot radicals) có thể tin rằng một ông địa chủ già theo đảng Tory (phe bảo thủ) có thể là một người tốt và nghiêm túc như họ vậy, ông cũng chỉ cố gắng thành thực làm những điều gì mà ông ta cho là bổn phận của ông!

Nếu như một người đi đến một quyết định khác với chúng ta, chúng ta không cần phải giả vờ đồng tình với y, nhưng chúng ta nên có niềm tin là y cũng có ý tốt. Một trong những nét tồi tệ nhất của xã hội hiện đại là sự sẵn sàng tin tưởng vào điều xấu - cái thói quen nhìn mọi việc ở khía cạnh xấu nhất có thể xảy ra. Thái độ này chắc chắn là tồi tệ nhất khi nó được hướng về những người đã từng giúp đỡ chúng ta, những người mà chúng ta thọ ơn đã từng mở mang kiến thức và hoài bão cho ta. Hãy nhớ lời của Chân Sư: “Sự vong ân không phải là một trong những tội xấu của chúng tôi.” Nó lúc nào cũng là một sự sai lầm khi ta vội vàng nhào vô chỉ trích những người biết nhiều hơn chúng ta, tốt hơn hết là hãy dừng lại và suy ngẫm về những vấn đề đó để chờ xem tương lai sẽ ra sao. Hãy áp dụng thử thách của thời gian vào kết quả: “Nhờ vào thành quả mà con sẽ biết họ”. Chúng ta hãy tự đặt ra quy tắc nên nghĩ về góc cạnh tốt nhất của mỗi người, hãy làm công việc của chúng ta và để người khác có tự do làm công việc của họ.

THÀNH KIẾN

Hãy cẩn thận khi sự nghi kỵ bắt đầu nổi dậy, nó sẽ bóp méo hết tất cả mọi thứ. Tôi đã từng nhìn thấy nó xảy ra giữa bạn bè và nhận ra làm thế nào một chút

ngghi ngờ trở thành một hiểu lầm to lớn. Mỗi một từ vô hại đều bị bóp méo và hiểu lầm thành một biểu thị của một tâm ý độc ác hoặc không đúng đắn, trong khi người nói hoàn toàn vô ý thức về sự nghi ngờ. Những quan điểm bất đồng về sách hay tôn giáo cũng bị tương tự như vậy, một chút khác biệt về quan điểm bị thổi phồng lên vì nó bị nghiến ngấm (bởi đối phương) về tất cả những gì người đó đã từng nói theo phe bên này hoặc chống lại phe kia, để rồi kết quả là một cái nhìn bị bóp méo hết sức phi lý. Chúng ta cũng tìm thấy nó trong sự kỳ thị màu da, mặc dù những người da trắng hiện giờ đã từng mang nước da nâu trong những kiếp trước và *ngược lại*, và thói quen của một người đã hoặc sẽ có sẽ là thói quen của người khác. Tình huynh đệ có nghĩa là sự thoát khỏi gông cùm của thành kiến, kiến thức về luân hồi sẽ giúp chúng ta vượt qua những giới hạn và hẹp hòi của chính mình.

Chúng ta, môn đồ của sự sống cao hơn *phải* vượt qua khỏi những thành kiến này. Thật là một việc khó khăn vì chúng đã ăn sâu vào tâm khảm chúng ta - những thành kiến về sắc dân, giai cấp xã hội và tôn giáo, nhưng chúng phải được nhổ tận gốc vì chúng ngăn trở cái nhìn thấu triệt và sự phán xét chân thật. Chúng giống như một cái kính màu, hơn nữa, một cái kính rẻ tiền và không hoàn hảo, những gì được nhìn qua chúng đều bị bóp méo, nhiều khi đến nỗi nó hoàn toàn khác biệt với những gì nó thật sự là. Trước khi

có thể phán đoán và phân biệt, chúng ta *phải* nhìn thấy được rõ ràng.

Thật dễ gán vài động cơ xấu cho những người mà chúng ta có ác cảm, và tìm một vài giải thích xấu xa về hành động của họ. Thói quen này tạo nên một trở ngại lớn trên con đường tiến bộ. Chúng ta phải xé nát phàm ngã, vì chỉ như vậy chúng ta mới có thể nhìn thấy được người đó như họ thật sự là. Thành kiến giống như một mụn cóc trên thể trí, đương nhiên khi một người cố gắng nhìn thể trí qua cái mụn đó thì y sẽ không nhìn thấy được rõ ràng. Trên thực tế nó là một chỗ bị ứ đọng trên thể trí, một điểm mà chất liệu không thể linh động và lưu hành mà lại bị trì trệ và thôi nát. Một cách để chữa lành nó là phải thu thập thêm kiến thức để làm chất liệu của thể trí di động lại, như vậy thì từng thành kiến một sẽ được rửa sạch và tan biến.

Hậu quả tai hại của thành kiến là cái mà Ngài Aryasanga (thiền sư Vô Trước) muốn ám chỉ khi Ngài nói, trong *Tiếng Nói Vô Thinh*, cái trí là kẻ giết chết sự thật. Qua điều này, ngài muốn nhắc nhở một sự thật là chúng ta vốn không nhìn thấy được bất cứ sự việc gì như nó thật sự là. Chúng ta chỉ thấy những hình ảnh mà chúng ta tạo ra, và mọi thứ nhất thiết đều bị nhuộm màu bởi những hình tư tưởng do chính chúng ta sáng tạo. Hãy chú ý làm thế nào hai người với hai thành kiến đã định sẵn, đồng nhìn thấy một trường hợp và đồng ý về những diễn tiến thực sự xảy

ra, nhưng từ sự kiện đó sẽ tạo ra hai câu chuyện khác nhau. Chính xác là điều này lúc nào cũng đang xảy ra với mọi người bình thường và chúng ta không nhận ra được là chúng ta đang bóp méo mọi thứ một cách phi lý đến thế nào.

Trách nhiệm của môn sinh Thông Thiên Học là học cách nhìn mọi sự việc như chúng thật sự là, và điều này có nghĩa là y phải học kiểm soát, cảnh giác và làm việc rất tích cực. Ở phương Tây chẳng hạn, con người có nhiều định kiến về tôn giáo vì chúng ta sinh ra trong một tôn giáo được nhồi sọ rất kỹ là tất cả các tôn giáo khác đều là mê tín dị đoan. Tư tưởng của chúng ta đã bị thiên vị ngay từ lúc đầu, và ngay cả khi chúng ta có chút hiểu biết về những tôn giáo khác và kính trọng chúng đi nữa, chúng ta vẫn khó tưởng tượng mình sinh vào tôn giáo đó. Những người thuộc đạo Bà-la-môn thật hiếm khi nghĩ họ sinh ra là người Công giáo hoặc Hồi giáo, và cũng như vậy, người Công giáo hay Hồi giáo sẽ khó tưởng tượng họ là người Bà-la-môn hay Phật Giáo, mặc dù trên thực tế gần như chắc chắn là trong một vài kiếp trước, họ đã từng là môn đồ của một trong những tôn giáo đó.

Ngay cả bây giờ, nhiều người theo đạo Tin Lành sẽ không chịu tin tưởng người Cơ Đốc Giáo, và khi con người còn nhiều vô minh, lòng ngờ vực của họ càng lớn đối với những gì mà họ không quen thuộc. Tầng lớp nông dân, chẳng hạn, có một sự nghi kỵ tự nhiên đối với người ngoại quốc, và có nhiều vùng

thôn quê ở nước Anh, chúng ta có thể nói, một người Pháp, trừ phi y bị nghèo đói và cần được giúp đỡ, sẽ bị đối xử với sự ngờ vực. Nếu y đói, y sẽ được cho ăn và săn sóc với lòng thương hại, nhưng hãy để y đến như một người làm công thì tất cả những gì y làm sẽ bị chỉ trích, chế giễu và nghi ngờ. Dĩ nhiên tất cả điều này đều phát sinh từ sự vô minh và nó xảy ra vì người nông dân không quen gặp người ngoại quốc.

Việc loại trừ những thành kiến như vậy là một trong những điều lợi ích lớn lao mà một người trí thức thu thập được khi y đi du lịch. Trong Hội Thông Thiên Học có nhiều người từ các nước khác đến với nhau một cách gần gũi hơn, người Ấn độ đang học hỏi tin tưởng người da trắng và người da trắng ngược lại cũng đang học biết người Ấn độ cũng giống như họ vậy thôi. Tôi đang làm việc ở Amsterdam trong thời chiến tranh Boer, và cho dù ở nước Hà Lan lúc đó nói chung có một ác cảm mạnh mẽ với Anh quốc, nhưng không bao giờ có một dấu vết gì về cảm xúc này trong các hội viên người Hà Lan trong Hội Thông Thiên Học. Thật là thú vị để đi dự hội nghị Thông Thiên Học Âu Châu để thấy tình hữu nghị hiện tồn giữa các người thuộc quốc tịch khác nhau, họ thật sự vui mừng khi gặp được nhau và tận hưởng những giây phút vui vẻ bên nhau. Một người có thể nhìn ra là nếu tình hữu nghị giữa các hội viên Thông Thiên Học có thể được lan rộng tới phần đông những đồng

bào của họ ở các nước khác, chiến tranh sẽ trở thành một chuyện hi hữu.

Hiện giờ, vấn đề thường xảy ra là chúng ta tạo nên một khái niệm dựa trên rất ít dữ kiện; bạn gặp một người lần đầu tiên, và y nói một điều hay làm một cử chỉ gì đó làm khơi dậy trong lòng bạn một chút khó chịu về y, rồi từ đó một bức tường mảnh mai được dựng lên giữa bạn và y. Việc này có vẻ không quan trọng lắm, nhưng nếu bạn không cẩn thận thì một chút thành kiến đó sẽ phát triển thành một rào cản, mãi mãi ngăn trở bạn không sao thấu hiểu được y. Bạn sẽ nhìn y ở một mức độ nào đó qua hình tượng mà bạn đã tạo ra, và bạn sẽ không thấy được con người đúng thật của y, vì nó giống như nhìn qua một miếng kính không bằng phẳng và nhuộm màu, làm méo mó hết mọi thứ.

Đôi khi, nhưng không phải thường xuyên, một thành kiến lại thiên vị về một người, như trường hợp của một người mẹ không nhìn ra được một điểm xấu nào trong hành vi của đứa con mình, mặc dù y có thể gây hại nghiêm trọng cho người khác. Dù có đối nghịch hay thiên vị về một người, cả hai đều là thành kiến, những ảo ảnh của cái trí giết chết sự thật. Cách tốt nhất để có chánh kiến là ta nên bắt đầu luôn cố nhìn thấy ưu điểm ở mọi người, vì thành kiến của ta thường hay nghiêng về phía bên kia và ta có xu hướng thấy những điểm xấu vốn không thật sự tồn tại. Chúng ta khác nhau ở màu da, đồng phục, văn

hoá, tập tục và những hình thức bên ngoài của tôn giáo, nhưng tất cả các thứ này đều là bề ngoài, và tất cả những gì tạo ra con người thật sự đằng sau và bên dưới mọi thứ này đều giống nhau trong mọi chúng ta. Thật sự không phải khó lắm để học nhìn qua cái vỏ bề ngoài mà mọi người dùng để che giấu bản thân họ. Qua cái vỏ đó họ thường làm cho bản thân tồi tệ nhất, vì những khuyết điểm lớn gần như lúc nào cũng nằm trên bề mặt, và vàng thật lại thường được che giấu rất kỹ lưỡng. Một người muốn tiến hóa thì phải vượt qua sự mù quáng của mình về giá trị thật sự của người khác, cái thói quen thường hay phê phán con người qua vẻ bên ngoài.

Hãy nhớ không có ai muốn đứng về phe bạch đạo thay vì hắc đạo lại có thể bị từ chối một cơ hội, cho dù y có ngu muội hay mù quáng đến cỡ nào. Các vị Chân Sư lúc nào cũng nhận lấy điều tốt và sử dụng nó bất cứ lúc nào nó xuất hiện, cho dù nó có hiện diện trong một người có nhiều khuyết điểm đi nữa, và việc Họ sử dụng năng lượng này vào điều tốt sẽ giúp đỡ rất nhiều cho người tạo ra nó. Thí dụ, Họ sẽ dùng lực sùng tín ngay cả trong một kẻ sát nhân cuồng tín, như vậy Họ sẽ cho y cơ hội làm một số công việc tốt và cuối cùng chính y cũng được giúp đỡ.

Chúng ta nên bắt chước theo các Vị Cao Cả, chúng ta nên luôn tập thấy điều tốt từ mọi người và mọi vật. Đừng tìm tòi hay để tâm đến điểm xấu của bất cứ một ai, mà hãy chọn chú ý đến điều tốt của họ.

Hãy lo làm việc của bạn với hết sức của mình và đừng lo quản việc của người khác hay về cách làm việc của họ. Thậm chí nếu có người cản trở đường làm việc của bạn, hãy phớt lờ họ và đừng lo lắng quá, họ là nhân quả của bạn và nói cho cùng, tất cả các ngoại cảnh vốn không quan trọng. Đừng lầm tưởng là mỗi người đều cố ý cản trở bạn làm việc tốt. Tất cả những người này phần lớn cũng giống như bạn, (hãy nghĩ như vậy) - không lẽ bạn thật sự có thể chọn làm một việc xấu giống như vậy hay sao?

TÒ MÒ

Hãy tập trung vào công việc của bạn đến mức bạn không có thời gian để tìm lỗi ở người khác hoặc tò mò vào chuyện của người khác. Nếu mọi người đều biết lo quản việc của mình thì thế giới này sẽ hạnh phúc biết bao.

Sự tò mò vào chuyện của người khác là một tật xấu, và thật chính xác khi nói rằng người làm việc đó đang bị mắc bệnh. Người tò mò thường không phải làm việc đó với mục đích giúp đỡ, mà chỉ đơn giản làm thoả mãn tính tò mò của y về một chuyện mà không có liên hệ gì đến y, nên đó là một triệu chứng của căn bệnh của y. Một triệu chứng khác là người đó không thể nào giữ kín được tin tức mà y có được

một cách bất chính, và phải liên tục rỉ nó ra với những người khác cũng ngu ngốc và xấu xa như y. Vì nó thật sự xấu xa không thể tưởng, cái thói thích nói chuyện tầm phào, một trong những điều tồi tệ nhất trên thế giới. Chín mươi chín phần trăm những gì được kể lại là thêu dệt, nhưng nó lại gây tai hại rất nhiều.

Không phải nó chỉ gây thiệt hại cho danh dự của người khác, đó chỉ là phần nhỏ nhất của sự xấu ác đó. Kẻ nói chuyện phiếm và những tên đồng bệnh với y sẽ liên tục thải ra những hình tư tưởng có tính chất xấu xa mà họ muốn gán cho nạn nhân của họ, rồi họ tiếp tục ném những tư tưởng này như một dòng chảy không ngừng đến người đó. Tác động tự nhiên của việc này là nó sẽ đánh thức trong người đó những phẩm chất đê hèn mà họ đã gán cho y, nếu có bất kỳ thứ gì trong bản chất của y đáp ứng lại với những nỗ lực ác ý của họ. Trong một phần trăm trường hợp mà có một vài sự thật trong lời đồn cay cú của họ, những hình tư tưởng của họ sẽ tăng cường bản chất ác và như vậy họ sẽ tích lũy cho họ một kho chứa nghiệp quả khủng khiếp do việc dẫn dắt người huynh đệ của mình vào tội lỗi. Những nhà Thông Thiên Học nhất định phải cẩn thận tránh các điều ác này, vì có nhiều người đang nỗ lực đi theo chiều hướng cố gắng phát triển các quyền năng tâm linh, và nếu họ dùng những quyền năng này vào mục đích tọc mạch về chuyện của những người khác hoặc để gửi đi những hình tư

tướng xấu đến họ, nhân quả của họ sẽ có bản chất rất khủng khiếp.

Đừng bao giờ lên tiếng trừ khi bạn biết rõ, và thậm chí ngay lúc đó cũng không nên nói trừ phi bạn chắc chắn rằng lời nói của bạn sẽ đem lại sự tốt lành. Trước khi bạn lên tiếng, hãy suy nghiệm lại điều bạn sẽ nói như sau: “Nó có chân thật không? Nó có tử tế không? Nó có hữu ích không?” Và trừ phi bạn có thể trả lời ba câu hỏi này một cách khẳng định là có, nếu không trách nhiệm của bạn là nên giữ im lặng. Tôi biết rõ việc thực hành triệt để theo quy tắc này sẽ giảm đối thoại của thế giới khoảng 90 phần trăm, nhưng điều đó sẽ là một lợi ích không thể tưởng và thế giới sẽ tiến bộ nhanh chóng hơn.

Khi chúng ta hiểu được cơ bản của sự hợp nhất nằm ẩn tàng trong tất cả mọi vật, chúng ta không thể làm gì khác hơn là giúp đỡ vì chúng ta không thể nào đứng bên lề khi huynh đệ ta đau khổ. Dĩ nhiên có những trường hợp mà chúng ta không thể nào giúp đỡ bằng vật chất, nhưng ít nhất chúng ta vẫn có thể hỗ trợ qua sự thông cảm, lòng trắc ẩn và tình thương yêu. Đây rõ ràng là trách nhiệm của chúng ta. Đối với một người đã thật sự hiểu Thông Thiên Học thì tính hà khắc không còn tồn tại. Bất cứ hội viên nào còn hành động thô bạo hay cộc cằn thì coi như đã thất bại trong tinh thần Thông Thiên Học, và nếu họ không học được hạnh kiên nhẫn thì họ đã không nhận thức thấu đáo về Thông Thiên Học. Để thông hiểu tất cả

là tha thứ cho tất cả, yêu thương tất cả. Mỗi người có cách nhìn của y, và con đường ngắn nhất cho y chưa hẳn là con đường tốt nhất cho người khác. Mỗi người đều có quyền tự do lựa chọn con đường tiến hoá của riêng mình và làm việc tùy theo ý của mình, miễn sao họ không gây hại hay làm trở ngại cho bất cứ người nào khác. Nhiệm vụ của chúng ta chắc chắn không phải là để đi chinh người khác, mà chỉ làm hoàn chỉnh lại mối liên hệ giữa chúng ta với người khác. Trước khi chúng ta bỏ ra công sức để ép buộc người khác đi theo con đường của chúng ta, tốt nhất ta hãy nghiên cứu kỹ về con đường của họ vì nó có thể tốt hơn cho y. Lúc nào chúng ta cũng nên sẵn sàng giúp đỡ người khác vô điều kiện với hết khả năng của mình, nhưng chúng ta không nên bao giờ đi can thiệp vào chuyện của người khác.

TỰ BIẾT MÌNH

Một câu nói cũ thời cổ Hy Lạp “*Gnothi seauton*,” hãy tự biết mình, là một lời khuyên hữu ích, vì kiến thức về bản thân là một điều tuyệt đối cần thiết cho bất kỳ ai mong muốn được tiến bộ. Nhưng chúng ta phải đề cao cảnh giác kéo sự kiểm soát nội tâm trở thành một sự tự quán không lành mạnh, như thường xảy ra với một vài môn sinh giỏi nhất của

chúng ta. Nhiều người lo âu là nếu họ không tự cảnh giác họ sẽ “trượt trở lại,” như họ thường hay nói. Tuy nhiên, nếu họ hiểu rõ hơn một chút về cách thức tiến hoá, họ sẽ thấy là không ai có thể bị trượt lùi lại khi toàn bộ dòng lưu hành vẫn đang di chuyển đều đặn về phía trước.

Như một dòng nước chảy ào ạt xuống một con dốc, nhiều nhánh nước xoáy được tạo ra đằng sau những hòn đá hay ở những chỗ mà nước bị xoáy lốc, như vậy trong một lúc, có vài nhánh nước dường như đang đi ngược dòng. Tuy nhiên, toàn bộ dòng nước (những vòng nước xoáy và phần còn lại) đều được cuốn theo dòng nước thủy triều đang chảy ào ạt đó, nên ngay cả những gì đang chảy ngược dòng so với phần còn lại thực sự vẫn được đẩy vội vã về phía trước. Ngay cả những người không chịu làm gì cả cho sự tiến hoá của họ và cứ phó mặc cho mọi việc trôi theo dòng đời trong thực tế đang dần dần tiến hoá, bởi vì lực lượng bất khả kháng của Thượng Đế vẫn đang đều đặn dồn đẩy họ về phía trước. Tuy nhiên, vì họ di chuyển quá chậm chạp nên họ sẽ tốn thêm mấy triệu năm trong vòng luân hồi và sự phiền não vô ích để tiến lên thêm một bước.

Sự việc này được thực hiện bằng phương pháp rất đơn giản và khéo léo. Tất cả những phẩm chất xấu xa trong con người đều là những rung động của chất liệu thấp hơn thuộc những cảnh tương ứng với chúng. Thí dụ, trong thể vía, sự ích kỷ, giận hờn, thù hận,

ghen ghét, đồ kỵ, dục tính và tất cả những tính tình thuộc loại này đều được biểu lộ bởi những rung động của chất liệu thấp hơn thuộc cõi Trung giới, trong khi tình thương, lòng sùng tín, sự thông cảm và những tình cảm thuộc hạng này chỉ được biểu lộ trong chất liệu của ba cảnh cao hơn. Từ điều này phát sinh ra hai kết quả kỳ diệu. Chúng ta nên nhớ rằng mỗi cảnh trong thể tình cảm đều có một liên hệ đặc biệt với cảnh tương ứng của nó trong thể trí, hay nói chính xác hơn, bốn cảnh thấp của cõi cảm dục tương ứng với bốn loại chất liệu của thể hạ trí, trong khi ba cảnh cao hơn sẽ tương ứng với nhân thể.

Do đó, ta thấy là chỉ có những loại tình cảm thuộc phẩm chất cao mới có thể được thu nhận vào nhân thể, bởi vì những rung động tạo ra bởi những loại cảm xúc thấp hơn không tìm ra được những chất liệu đồng thanh tương ứng với chúng trong nhân thể. Vì thế kết quả là trong khi bất cứ phẩm hạnh tốt đẹp nào mà con người phát triển trong y đều được ghi lại vĩnh viễn bằng sự thay đổi trong nhân thể của y, những điều xấu ác mà y làm, suy nghĩ hoặc cảm giác lại không thể nào ảnh hưởng được Chân Ngã mà chỉ có thể làm xao động và gây phiền não cho thể hạ trí, được tái tạo trong mỗi kiếp đầu thai. Dĩ nhiên, kết quả của điều xấu ác đều được ghi lại trong hạt nguyên tử trường tồn của thể hạ trí và thể cảm dục nên con người phải đối diện với nó kiếp này qua kiếp khác, nhưng đây là một điều hoàn toàn khác biệt với việc

thu nhận nó vào nhân thể và làm cho nó trở thành một phần thật sự của linh hồn.

Kết quả kỳ diệu thứ hai là một số lực lượng nhất định hướng về điều tốt sẽ tạo ra một hiệu quả với tỷ lệ lớn hơn rất nhiều so với số lực tương tự hướng về điều ác. Nếu một người đầu tư một số năng lượng nhất định nào đó vào một cá tính xấu, nó phải biểu lộ bản chất của nó qua chất liệu trung giới thấp hơn và nặng hơn; trong khi đó, như bất kỳ chất liệu nào của cõi trung giới đều thanh nhẹ hơn bất kỳ chất liệu nào ở cõi Trần, khi so sánh với chất liệu cao hơn ở ngay trong cõi của nó, chất liệu thấp hơn vẫn là thô thiển giống như chì ở cõi trần khi so sánh với chất liệu dĩ thái thanh nhẹ nhất.

Do đó, khi một người đưa ra cùng một số năng lượng theo hướng tốt, nó sẽ di động qua chất liệu mảnh mai của các cảnh cao hơn trong cõi trung giới và ít nhất sẽ tạo ra một hiệu quả gấp một trăm lần, hay nếu chúng ta so sánh cảnh thấp nhất với cảnh cao nhất, hiệu quả có thể hơn cả một ngàn lần. Hãy nhớ là ngoài những gì đã được nói về hậu quả của năng lượng trong chất liệu với phẩm chất khác nhau, chúng ta còn có một sự thật vĩ đại khác là chính bản thân Thượng Đế, qua sức mạnh bất khả kháng của Ngài, lúc nào cũng đang đều đặn thúc đẩy nguyên một hệ thống tiến lên và hướng lên phía trước. Như vậy, cho dù sự tiến triển của mỗi chu kỳ có vẻ xảy ra rất chậm chạp đối với chúng ta, đó là một sự thật không thể

nào bỏ qua được. Kết quả là một người, mặc dù những điều y thực hiện tốt và xấu cân bằng chính xác với nhau, sẽ không quay lại chính xác ở vị trí cũ mà ở một vị trí tương đương với nó, do đó y đã có một chút tiến bộ và ở một vị trí cao hơn một chút so với vị trí mà y thật sự xứng đáng.

Rõ ràng từ những quan điểm này, nếu có ai ngu dốt đến nỗi muốn đi ngược dòng thì y phải làm việc thật tích cực và dứt khoát hướng về phía ác, do đó chúng ta không sợ “trượt” trở lại. Đó là một trong những ảo tưởng cũ còn sót lại từ thời đại của một niềm tin vào một con ác quỷ truyền thống, một kẻ mạnh hơn Thượng Đế đến nỗi tất cả những gì trong thế giới đều làm việc theo chiều hướng của hắn. Thực tế lại là trường hợp ngược lại và mọi thứ chung quanh con người đều được tính toán để giúp đỡ cho y, chỉ cần y hiểu rõ điều đó.

Do đó, nhiều người kỹ lưỡng nhất trong chúng ta giống như một đứa trẻ có một khu vườn nhỏ riêng, thường xuyên nhổ cây lên để xem rễ của chúng đang phát triển như thế nào, kết quả là dĩ nhiên không có gì mọc được cả. Chúng ta phải nên học đừng suy nghĩ quá nhiều về bản thân mình hay sự tiến bộ riêng tư mà hãy đi trên con đường tu tập, làm việc hết mình cho người khác và tin tưởng là sự tiến hoá của chúng ta sẽ tự biết lo cho nó. Một khoa học gia càng nghĩ nhiều về y thì sẽ càng có ít năng lượng trí tuệ để suy ngẫm về những vấn đề khoa học, một người sùng đạo

càng nghĩ nhiều về mình thì càng có ít năng lượng
sùng kính để dâng hiến cho đối tượng của y.

Một vài thời gian để quán tâm là điều cần thiết, nhưng khi ta dành quá nhiều thì giờ vào việc này thì đó là một lỗi lầm nghiêm trọng. Nó giống như ta bỏ hết thì giờ vào công việc tra dầu và mài mòn máy móc. Chúng ta cứ làm việc hết mình với các khả năng sẵn có, và khi chúng ta sử dụng chúng thì một số khả năng khác sẽ nảy nở và sự tiến bộ thực sự sẽ xảy ra. Thí dụ, nếu bạn đang học một ngôn ngữ, thật là một lầm lẫn nếu bạn cố gắng học nó từ các cuốn sách cho thật hoàn hảo trước khi bạn tập nói. Bạn phải lao mình vào nó và cứ làm lỗi khi tập nói để cho cuối cùng trong nỗ lực đó, bạn sẽ học nói được rành rẽ, nên theo thời gian, cái được gọi là sự từ bỏ sẽ đến một cách tự nhiên và thậm chí còn dễ dàng nữa. Chắc chắn khi con người mới bắt đầu thử sống một cuộc đời cao thượng, họ phải nhất định từ bỏ rất nhiều thứ mang lại sự thỏa mãn đối với người khác, những thứ mà vẫn còn có sức thu hút mãnh liệt ngay đối với chính họ, nhưng không lâu sau con người sẽ khám phá rằng sự thu hút của những thú vui đó đã chấm dứt và họ không còn có thời gian hoặc hứng thú về những trò vui thấp kém đó.

Trên hết hãy học đừng lo lắng. Hãy hạnh phúc và cố gắng làm tốt hết mọi chuyện. Hãy cố gắng vươn lên và giúp đỡ người khác. Sự an phận không phải là điều xung khắc với lý tưởng. Thái độ lạc quan chắc

chấn sẽ được biện minh bởi chiến thắng cuối cùng của điều thiện, nhưng nếu chỉ tính có cõi trần này thôi thì ta khó giữ được thái độ đó. Thái độ của một người về vấn đề này phụ thuộc chủ yếu vào mức độ tâm thức của họ thường hay trụ ở cõi nào. Nếu chú trọng chủ yếu đến cõi trần thì họ chỉ cảm thấy khổ đau, nhưng khi họ có thể nâng tâm thức lên cõi cao hơn thì niềm vui lúc nào cũng tỏa sáng xuyên suốt. Tôi biết Đức Phật từng nói đời là khổ, và nó hoàn toàn đúng về cuộc sống hiển hiện dưới đây, nhưng người Hy Lạp và Ai Cập thời cổ đã từng cố gắng trích ra nhiều niềm vui ngay cả từ cuộc sống thấp kém này bằng cách tiếp nhận nó từ quan điểm triết học.

Chúng ta sẽ không bao giờ mất đi bất cứ điều gì khi cố gắng làm tốt hết mọi việc, mà còn đạt được nhiều hạnh phúc và có khả năng đem lại niềm vui cho người khác. Khi sự thông cảm và tình thương trong chúng ta nở rộ thì chúng ta sẽ tiếp nhận những luồng cảm xúc và tư tưởng đến với chúng ta từ những người khác. Tuy nhiên, chúng ta vẫn giữ được sự thanh nhiên, bình tĩnh và an lạc, như bề cả tiếp nhận nước từ nhiều nhánh sông mà vẫn luôn ở trong trạng thái cân bằng.

Đời sống nội tâm của một người đệ tử dự bị không nên là một sự chao đảo liên tục. Tâm trạng bên ngoài luôn thay đổi bởi vì họ phải chịu ảnh hưởng của tất cả mọi loại tác động bên ngoài. Nếu bạn cảm thấy chán nản, có thể đó là do một trong nửa tá lý do

mà không có cái nào thật sự quan trọng. Thẻ xác con người là một nguồn sinh ra nhiều chứng bệnh: một chút khó tiêu vật vãnh, một chút bế tắc trong khí huyết lưu thông, hay một chút mệt mỏi hơn mọi khi có thể giải thích nhiều trạng thái dường như *cảm thấy* rất nghiêm trọng. Thông thường hơn nữa là sự chán nản có thể xảy ra do sự hiện diện của một vài thực thể ở cõi trung giới bị bệnh trầm cảm đang lảng vảng chung quanh bạn để tìm một chút tình thông cảm hoặc hy vọng có thể rút ra từ bạn sinh lực mà y đang thiếu thốn. Chúng ta phải học đừng để ý đến cảm xúc trầm cảm, phải vứt bỏ nó đi và coi nó như là một tội lỗi và tội ác đối với hàng xóm của chúng ta vì nó đúng thật là như vậy. Dù sao đi nữa, cho dù chúng ta có phá tan được đám mây mù buồn thảm hay không thì chúng ta vẫn phải học tiếp tục sống như không hề có sự hiện diện của nó.

Cái trí của bạn là của riêng bạn, và bạn chỉ nên cho vào những tư tưởng mà Chân Ngã chọn tiếp nhận mà thôi. Thẻ cảm dục cũng là của riêng bạn, và bạn không nên cho phép bất kỳ một cảm xúc nào xâm nhập vào nó trừ những tình cảm cao thượng hữu ích cho Chân Ngã. Vì thế, bạn phải học kiềm chế những rung động của bệnh trầm cảm và nhất quyết không cho phép chúng nung nấu. Chúng không được phép tác động vào bạn. Nếu chúng chạm đến bạn, chúng không được phép nghỉ ngơi trong bạn. Nếu ở một mức độ nhỏ nhoi nào đó, bắt chấp mọi nỗ lực của bạn

mà chúng vẫn cứ bám theo bạn thì trách nhiệm kế tiếp của bạn là phớt lờ chúng và thậm chí không để ai khác biết là chúng đang tồn tại.

Đôi khi nhiều người nói với tôi rằng họ có những giây phút cảm hứng hân hoan tuyệt vời và lòng tôn kính với niềm vui rực rỡ dâng lên trong họ. Họ không biết đây chính là những giây phút mà Chân Ngã đã thành công trong việc gây ra ấn tượng đối với phàm ngã, và tất cả những gì mà họ cảm nhận được *lúc nào cũng hiện hữu* cho dù phàm ngã ít khi ý thức được điều này. Hãy nhận ra bằng lý trí và lòng tin là nó luôn hiện diện, và chúng ta hầu như có cảm nhận được nó, thậm chí ngay trong thời điểm mà mối liên hệ này còn yếu ớt nên chúng ta không cảm nhận được nó ở cõi trần.

Tuy nhiên nhiều người vẫn nói rằng, cho dù họ có thể chấp nhận được sự thật trừu tượng này, họ không thể nào cảm nhận niềm vui này vĩnh viễn bởi vì những khuyết điểm và thiếu sót trong chính bản thân họ. Trên thực tế, thái độ này cũng rất giống như thái độ của hàng loạt lời kinh cầu: “Xin thương xót chúng con, những tội đồ khốn khổ.” Dĩ nhiên tất cả chúng ta đều là những tội đồ trong quan điểm là chúng ta đều thất bại trong việc nên làm những điều gì và không nên làm những điều gì mà chúng ta lại cứ làm, nhưng cũng không nên làm nặng thêm tội lỗi của mình bằng cách trở thành một tội đồ *khốn khổ*. Một người khốn khổ là một phiền toái công cộng vì

y là trung tâm của sự lây nhiễm, gieo rắc khốn khổ và buồn bã xung quanh hàng xóm không may mắn của y, một điều mà không ai có quyền làm. Bất kỳ ai có những cảm xúc như vậy mà cố gắng giữ cho tâm trạng của mình tương đối hạnh phúc, ngay cả lúc y đang cố sửa đổi, sẽ không gây hại cho người khác như được mô tả ở trên.

Những người nghĩ và nói về mình như là những con sâu khốn khổ đang đi đúng vào con đường làm cho mình thành những con sâu này, vì khi con người nghĩ gì thì họ trở thành cái đó. Tất cả những lời nói như vậy thường là đạo đức giả, vì bạn có thể dễ dàng thấy được sự kiện của một người tự gọi mình là một con sâu khốn khổ trong nhà thờ lại cảm thấy bị xúc phạm nếu có bất kỳ ai khác gọi y như vậy ở ngoài đời. Và có đạo đức giả hay không thì cũng là vô lý, vì chúng ta đã thoát khỏi giai đoạn của loài bò sát rất lâu rồi, nếu chúng ta đã từng ở trong giai đoạn đó. Bất cứ ai khi hiểu được quyền năng của tư tưởng sẽ nhận ra ngay là khi một người thật sự nghĩ y là một con bọ khốn khổ, y đã tự đánh mất khả năng vươn ra khỏi trạng thái đó, trong khi một người biết rõ y là một tia sáng của sự sống thiêng liêng sẽ vĩnh viễn cảm thấy tự tin và hạnh phúc, vì bản chất thiêng liêng lúc nào cũng là sự hoan hỷ. Thật là một sai lầm lớn khi lãng phí thời gian vào sự ăn năn, chuyện gì đã qua thì hãy để cho nó qua đi, và không bắt cứ một sự hối hận nào có thể vãn hồi. Như một trong các vị Chân

Sư từng nói, “Giá trị duy nhất của sự ăn năn là quyết tâm không phạm lỗi đó nữa.”

KHỔ HẠNH

Có một vài ý tưởng sai lầm phổ biến trong các hội viên chúng ta về vấn đề khổ hạnh, nên nó đáng được lưu ý để coi nó thật sự là như thế nào và có lợi ích đến đâu. Danh từ này thường được dùng để biểu thị một cuộc sống khắc khổ và hành xác, khác với ý nghĩa nguyên thủy của nó là *asketes* trong tiếng Hy Lạp, đơn giản là một người tập thể dục như một vận động viên. Tuy nhiên, các tôn giáo đã tịch thu danh từ này và thay đổi ý nghĩa của nó, áp dụng nó vào việc tu tập các đường lối khổ hạnh vì mục đích tiến bộ tinh thần, trên giả thuyết là bản chất thể xác (với những đam mê và ham muốn của nó) là một thành trì tích lũy những điều xấu sẵn có trong con người từ lúc Adam bị sa ngã và do đó cần phải bị áp chế bằng cách tuyệt thực và sám hối. Trong những tôn giáo lớn hơn ở phương Đông, đôi khi chúng ta cũng gặp một ý tưởng tương tự như vậy dựa trên quan niệm vật chất là xấu xa, và từ đó họ suy ra rằng, để đạt đến một lý tưởng toàn thiện hoặc một con đường giải thoát khỏi mọi khổ đau, cách duy nhất có thể làm là phải áp chế hoặc hành hạ thể xác.

Những môn sinh của Thông Thiên Học sẽ lập tức nhìn thấy hai giả thuyết này có sự làm lẫn nghiêm trọng về lối suy nghĩ. Bản tánh con người không phải xấu trừ những gì y đã tự tạo ra trong các kiếp trước, và vật chất vốn không phải xấu ác vì nó cũng thiêng liêng như tinh thần, nếu không có nó thì tất cả những sự biểu lộ của Thượng Đế vốn không thể xảy ra. Thể xác và những ham muốn của nó tự chúng không phải là xấu hay tốt. Tuy nhiên, đúng là trước khi sự tiến hoá thực sự có thể xảy ra thì chúng cần phải được điều khiển bởi Chân Ngã, con người cao cả bên trong. Hành hạ thân xác là một điều ngu xuẩn, quản lý nó là một điều cần thiết. “Những con người đang thực hành những điều khổ hạnh khắc nghiệt... không thông minh, hành hạ những tinh hoa chất tạo ra thể xác, và chính Ta, ngự trị ở bên trong – hãy biết những tên ma quỷ này trong sự cố chấp của chúng.” (*Chí Tôn Ca*, xvii 5,6). Lại nữa, “Sự khổ hạnh được thực hiện dưới sự hiểu biết sai lầm, với sự hành xác, ...được coi là bóng tối.” (*Ibid*, xvii. 19).

Một ảo tưởng dường như được phổ biến rộng rãi là để trở thành một người thật tốt, con người lúc nào cũng phải không được thoải mái, một sự khó chịu làm hài lòng Thượng Đế. Không có gì quái đản hơn là ý tưởng này, và từ những đoạn trích dẫn từ *Chí Tôn Ca* bên trên, chúng ta dường như có một ám chỉ là nó có thể còn tồi tệ hơn là quái đản vì trong đó nói rằng những người hành hạ thân xác đang hành hạ vị

Thượng Đế ẩn tàng bên trong. Ở Âu châu, lý thuyết đáng tiếc này là một trong những di sản ghê gớm nhất còn sót lại từ sự báng bổ khủng khiếp của thuyết Calvin. Bản thân tôi đã từng nghe được một đứa bé nói như vậy: “Tôi cảm thấy hạnh phúc quá nên chắc chắn tôi phải là một người rất xấu”, một kết quả thực sự khủng khiếp của một giáo lý bị bóp méo một cách quái dị.

Những vị Chân Sư của chúng ta, những người trên chúng ta rất cao, có tràn đầy niềm vui, tràn đầy lòng thông cảm, nhưng không có buồn phiền. Chúng ta cũng nên thông cảm với người khác, nhưng không nên đồng hoá với nỗi sầu não của họ. Một người quá phiền muộn không thể phán đoán chính xác được. Trong cái nhìn của y, cả thế giới đều u tối và dường như không ai hạnh phúc. Khi y có niềm vui lớn, cả thế giới đều sáng lạn và dường như không ai khổ. Tuy nhiên, vốn không có gì thay đổi ngay cả bản thân y, chỉ có thể cảm dục của y thay đổi mà thôi. Cả thế giới vẫn tiếp tục diễn tiến như vậy cho dù bạn có hạnh phúc hay không. Đừng đồng hóa bạn với thể cảm dục của mình mà hãy cố gắng thoát ra khỏi mạng lưới ảo ảnh này, những tâm trạng cá nhân.

Chắc chắn giả thuyết về ‘giá trị của sự khó chịu’ lộ bạch này xuất phát một phần từ kiến thức cho rằng để tiến bộ, con người phải chế ngự những đam mê của mình và sự chế ngự này đương nhiên sẽ gây ra khó chịu đối với người chưa tiến hoá. Nhưng sự khó

chịu này chưa hẳn đã có giá trị lớn lao gì, ngược lại, nó là dấu hiệu cho thấy thắng lợi vẫn chưa đạt được. Nó phát sinh từ thực tế là bản chất thấp hèn vẫn chưa được chế ngự và sự đấu tranh vẫn đang diễn ra. Khi sự chế ngự đã được hoàn thiện thì sẽ không còn bất kỳ sự ham muốn nào thuộc bản chất thấp hèn nữa, và do đó sự tranh chấp và khó chịu cũng tan biến. Con người sẽ sống một cuộc đời đứng đắn và rời xa bản chất thấp hèn, điều đó sẽ trở thành hoàn toàn tự nhiên đối với y chứ không phải vì y nghĩ rằng y phải nên làm như vậy, mặc dù nó có thể gây ra khó khăn cho y. Cho nên sự khó chịu chỉ là một giai đoạn trung gian, và không phải nó mà chính sự vắng bóng của nó là dấu hiệu của sự thành công.

Một lý do khác mà sự khó chịu được thuyết giảng trong kinh sách là do sự nhầm lẫn về nguyên nhân và kết quả. Nó được quan sát là một người rất tiến hoá có thói quen sống rất giản dị và không để tâm đến hầu hết những xa hoa nhỏ nhặt được cho là quan trọng hay cần thiết đối với một người bình thường. Nhưng sự vô tâm đối với vật chất xa hoa là kết quả chứ không phải nguyên do của sự tiến bộ của y. Y không để tâm đến những tiểu tiết này vì y đã sớm trưởng thành và chúng không còn thu hút y được nữa, chứ hoàn toàn không phải vì y cho rằng chúng là sai, và một người khi vẫn còn thèm muốn chúng lại bắt chước y từ bỏ chúng, không vì thế mà y trở nên tiến bộ. Ở một giai đoạn nhất định nào đó, một

đứa bé sẽ thích chơi với búp bê và những viên gạch; vài năm sau đó nó sẽ trở thành một đứa con trai và trò chơi của nó sẽ là bóng chày và bóng đá, sau đó nữa, khi nó đã trưởng thành thành một người thiếu niên thì những trò chơi này một lần nữa sẽ mất đi sự thu hút và y sẽ bắt đầu gia nhập trò chơi tình ái và tình đời. Nhưng một đứa bé chọn bắt chước những người lớn, quăng đi con búp bê và viên gạch để tập chơi bóng chày, không thể vì thế mà vượt qua giai đoạn tuổi thơ ấu của y. Khi sự phát triển xảy ra tự nhiên, y sẽ bỏ đi những trò chơi trẻ con, nhưng y không thể ép buộc sự trưởng thành xảy ra quá sớm chỉ vì y bỏ đi những trò chơi này và bắt chước chơi trò chơi người lớn.

Tự làm mình khó chịu chỉ vì mục đích làm cho mình không thoải mái sẽ không có bất cứ một lợi ích gì hết, nhưng có ba trường hợp mà sự tự nguyện chịu khổ có thể là một phần của sự tiến hoá. Thứ nhất, khi nó được thực hiện vì giúp đỡ cho lợi ích của một người khác, như một người phải lo chăm sóc cho một người bạn bị bệnh hay phải tần tảo lo cho gia đình. Thứ nhì, khi một người nhận ra được một vài thói quen nghiện ngập đang cản trở con đường tiến hoá của y, những thói quen như hút thuốc lá, uống rượu, hoặc ăn thịt; nếu như thật lòng, y sẽ bỏ thói quen này lập tức, nhưng vì cơ thể của y đã quen với sự ô nhiễm đó nên nó nhớ đến chúng, khóc lóc vùi chúng và tạo ra nhiều phiền não lớn cho y. Nếu y giữ vững quyết

định này thì cơ thể của y sẽ thích nghi với những điều kiện mới, và khi nó đã làm được thì sự khó chịu sẽ biến mất. Nhưng ở giai đoạn trung gian, khi chiến tranh giành quyền làm chủ vẫn còn đang xảy ra giữa con người và cơ thể của y thì sẽ có nhiều sự đau khổ xảy ra, và điều này phải được coi như là kết quả của việc lơ đại học thói quen xấu mà y bây giờ đang trút bỏ. Khi sự đau khổ đã qua thì nhân quả đã được thanh toán, chiến thắng đã định, và một bước tiến bộ trên đường tiến hoá đã được gạt hái.

Tôi biết có những trường hợp hi hữu (khi cơ thể con người còn quá yếu đuối) có thể sẽ gây ra nguy hiểm khi một tật xấu bị bỏ ngay tức khắc. Nghiện thuốc á phiện là một ví dụ điển hình, ai từng là nạn nhân của sự kinh hoàng này sẽ khám phá ra là việc giảm thuốc từ từ là điều cần thiết, vì việc ngưng thuốc ngay lập tức có thể gây ra một căng thẳng quá mức chịu đựng của cơ thể. Dường như cũng có vài trường hợp đáng thương mà cách thức giảm thiểu từ từ như vậy phải được áp dụng vào thói quen ăn thịt. Giáo lý dạy chúng ta rằng, trong khi việc tiêu hóa thịt động vật xảy ra hầu hết ở trong bao tử, việc tiêu hoá phần nhiều những loại đồ ăn thực vật lại thuộc về công việc của ruột, và do đó một người có sức khoẻ yếu đuối đôi khi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn khi để những cơ quan này có một khoảng thời gian nhất định để thích nghi với sự thay đổi mới cần thiết và để tập làm, nếu có thể nói như vậy, những nhiệm vụ mới mà bây giờ

chúng được đòi hỏi cần phải thực hành. Áp lực đều đặn của ý chí, tuy nhiên, sẽ sớm đem cơ thể dưới quyền điều khiển và thích nghi với luật lệ mới của mọi thứ.

Trường hợp thứ ba mà sự khó chịu có thể đem lại lợi ích là khi một người cố ý ép buộc cơ thể y làm một điều gì đó mà nó không thích để bảo đảm nó sẽ nghe lời y lúc cần thiết, nhưng ta cần hiểu rõ rằng cho dù là vậy đi nữa, điều lợi ích là ở sự phục tùng sẵn sàng của thể xác chứ không phải ở sự đau đớn của xác thân. Theo cách thức này, con người có thể dần dần quen dùng dung với nhiều bệnh tật nhỏ nhặt trong đời sống, và do đó y sẽ bớt lo âu và khó chịu sau này. Trong sự huấn tập ý chí và sự phục tùng của thể xác, y phải cẩn thận chỉ tu tập những thứ có lợi mà thôi. Vị thiền sư theo phái Hatha Yoga chắc chắn sẽ phát triển ý chí khi y giữ cánh tay của mình trên đầu cho đến khi nó tê liệt, nhưng trong khi đạt được ý chí mạnh mẽ thì y cũng mất đi quyền sử dụng cánh tay. Quyền năng ý chí vẫn có thể được phát triển mạnh mẽ qua những cách khác mà hiệu quả của nó sẽ đem lại lợi ích vĩnh viễn thay vì một sự cản trở vĩnh viễn - chẳng hạn, sự chinh phục tính gắt gỏng hay kiêu căng, nóng nảy hay háo sắc. Thật bổ ích cho những ai có khuynh hướng tu khổ hạnh hãy ghi nhớ những lời nhắn nhủ khôn ngoan trong *Chí Tôn Ca* như sau:

“Sự tinh khiết, thẳng thắn, tiết dục và vô hại được gọi là sự khố hạnh của thể xác. Lời nói không gây khó chịu, thật thà, dễ nghe và bỏ ích... được gọi là khố hạnh của ngôn ngữ. Tinh thần hạnh phúc, cân bằng, im lặng, tự chủ và bồn tánh trong sáng - điều này được gọi là sự khố hạnh của cái trí.” (*Chí Tôn Ca*, xvii. 14, 15, 16).

Hãy đặc biệt lưu ý là trong câu cuối của đoạn này, tinh thần hạnh phúc được mô tả là đặc điểm đầu tiên của sự khố hạnh của cái trí, dấu hiệu đầu tiên của một sự tự chủ hoàn mỹ thiết yếu cho một người muốn tiến bộ thật sự. Rõ ràng nhiệm vụ của chúng ta là phải hạnh phúc, còn sâu thăm, ủ rũ hoặc trầm cảm lúc nào cũng có nghĩa là thất bại và yếu đuối bởi vì chúng có nghĩa là ích kỷ. Một người để cho bản thân suy ngẫm về những đau buồn hay sai lầm của mình đã quên đi trách nhiệm của y đối với đồng loại. Y cho phép mình trở thành một trung tâm truyền nhiễm, gieo rắc sự ủ rũ thay vì hạnh phúc cho đồng loại - việc này không khác gì hơn là sự ích kỷ tốt độ hay sao? Nếu có bất cứ ai muốn hướng về đời tu khố hạnh, hãy để y ghi nhớ điều khố hạnh này về cái trí trong kinh, và cho y hạ quyết tâm cho dù đời sống riêng tư của mình có muôn vàn khó khăn hay đau khổ, y sẽ cố quên mình và những đau khổ này cho lợi ích chung của người khác để cho y vẫn luôn có thể tuôn tràn cho các bạn đồng hành niềm hạnh phúc rạng ngời có được từ một kiến thức đầy đủ hơn của một nhà Thông Thiên Học,

để y có thể luôn giúp đỡ cho họ đạt đến nhận thức “Thượng Đế là hạnh phúc.”

LO LẮNG NHỎ

Những lo âu vất vả vĩnh thường như là chủ âm của đời sống hiện đại. Không chỉ những người đang hết sức cố gắng tiến bộ mới khiến bản thân họ khó chịu một cách phi lý, mà tật xấu này cũng khá phổ biến ngay cả trong đời sống bình thường. Thề vía của người trung bình thật là một hình ảnh đáng buồn đối với người có thông nhãn. Hình vẽ trong *Con Người Hữu Hình* và *Vô Hình* (trang 131) cho thấy thề vía phải là như thế nào - đơn giản chỉ là sự phản ánh màu sắc của thề trí để cho thấy rằng một người nên sử dụng lý trí để quyết định tình cảm của mình. Tuy nhiên, nếu đây là một sự đòi hỏi quá mức ở giai đoạn tiến hoá hiện tại, hình vẽ ở trang 102 cho chúng ta thấy một loạt màu sắc đại diện cho một thề vía trung bình khi nó ở trạng thái tương đối nghỉ ngơi. Trong đó có nhiều màu thuộc về những cá tính xấu xa - những cá tính mà cần phải được loại bỏ càng sớm càng tốt, nhưng khía cạnh của vấn đề đó đã được trình bày trong cuốn sách này và hiện giờ có một mặt khác mà tôi muốn lưu ý đến.

Tôi đã nói là hình vẽ trong cuốn sách cho thấy một thể vía trung bình chưa tiến hoá nhìn ra sao khi nó ở trạng thái tương đối nghỉ ngơi, nhưng một trong những điều tệ hại của cái mà chúng ta đồng ý gọi là nền văn minh hiện đại là khó có thể vía nào thật sự được coi là ở trạng thái tương đối nghỉ ngơi. Dĩ nhiên chúng ta đều biết là chất liệu của thể vía lúc nào cũng luôn rung động và mỗi một màu sắc chúng ta nhìn thấy trong hình vẽ biểu thị một tần số rung động khác nhau, nhưng trong đó phải có một trật tự rõ ràng và một giới hạn nhất định. Một người tiến hoá hơn (trong trang 131) có năm tần số rung động, nhưng người trung bình có ít nhất chín tần số rung động thêm vào sự pha trộn của các sắc thái khác nhau (shades) của màu sắc. Điều này rõ ràng không được tốt bằng cái kia, tuy nhiên, trường hợp của đa số người dân ở phương Tây thật sự còn tồi tệ hơn thế rất nhiều. Để có chín tần số rung động đồng thời cũng đã đủ tệ rồi, nhưng trong thể vía của nhiều người đàn ông và đàn bà, người ta có thể dễ dàng quan sát được 50 hay thậm chí cả 100 tần số rung động khác nhau. Cơ thể nên được chia ra thành một số ít khu vực với một chu vi khá xác định, mỗi khu vực đu đưa đều đặn ở tốc độ bình thường của nó, nhưng thay vì vậy, bề mặt của nó lại bị chi phối thành những con lốc xoáy nhỏ và dòng vát ngang, tất cả đấu với nhau trong sự hỗn loạn điên cuồng.

Tất cả những sự kiện này đều là kết quả của những cảm xúc và lo âu nhỏ nhất không cần thiết, và một người trung bình ở phương Tây chỉ là một khối rối ren như vậy. Y cảm thấy bị phiền não bởi việc này, khó chịu bởi việc kia, lo sợ bởi việc nọ, cứ như vậy cả đời y sẽ bị đầy ắp những thứ cảm xúc lo âu nhỏ nhất, và tất cả sức lực của y sẽ bị hao mòn bởi chúng. Một cảm xúc thật mạnh, tốt hay xấu, có thể lan tràn toàn thể vía của con người và trong một lúc đem toàn thể vía vào một tần số rung động duy nhất. Những lo âu nhỏ mọn này sẽ tạo ra những cơn lốc xoáy nhỏ hay những trung tâm với sự xáo trộn nhỏ.

CƠN GIẬN DỮ

Do đó, một thể vía rung động với năm mươi tần số khác nhau cùng một lúc sẽ là một vết nhơ trên bức tranh phong cảnh và gây ra phiền toái cho những người lân cận. Đó không chỉ là một vật thể rất xấu xí mà còn là một sự quấy rầy nghiêm trọng. Nó có thể được so sánh với một thể xác bị một số chứng bệnh bại liệt nặng hơn bình thường, với tất cả các cơ của nó đồng thời co giật theo các hướng khác nhau. Nhưng để làm cho hình ảnh này phù hợp một phần nào, chúng ta nên giả định rằng bệnh bại liệt này là một bệnh truyền nhiễm, hoặc rằng khi mọi người

trông thấy kết quả không may của nó đều cảm thấy có xu hướng khó cưỡng lại được là lập lại chúng. Vì vậy, sự hỗn loạn tâm khốc đầy xáo trộn khủng khiếp này tạo ra một hiệu quả khó chịu và đáng lo sợ nhất đối với tất cả những người nhạy cảm tiếp cận nó, nó lây nhiễm vào thể vía của họ và truyền cho họ một cảm giác bất an và lo âu thật đau khổ.

Rất ít người mở được quyền năng để giúp cho họ thấy được tác động của ảnh hưởng hiểm ác này. Phần đông sẽ cảm nhận được một cảm giác mơ hồ khó chịu khi họ tiếp cận một trong những người khó tính này, nhưng đa số có thể không cảm nhận được gì rõ ràng vào ngay thời điểm gặp gỡ, mặc dù sau đó trong ngày họ có thể tự hỏi là tại sao họ lại mệt mỏi một cách khó hiểu. Kết quả đã được tạo ra và tác hại cũng đã gây xong cho dù nó có được ý thức ngay lập tức lúc đó hay không.

Một người ngu ngốc đến mức độ tự để cho mình rơi vào trạng thái này sẽ làm hại đến nhiều người khác nhưng trên hết là chính y. Thông thường, sự nhiễu loạn kinh niên của thể vía sẽ tác động thông qua thể dĩ thái lên thể xác đậm đặc và gây ra mọi loại bệnh tật thần kinh. Gần như tất cả các rối loạn thần kinh là kết quả trực tiếp của sự lo âu và cảm xúc không cần thiết, và chúng sẽ sớm biến mất nếu bệnh nhân chỉ cần giữ yên các dẫn thể của y và để cho linh hồn được thanh thản.

Ngay cả trong những trường hợp mà một cơ thể mạnh khoẻ có thể thành công chống trả lại được sự quấy rầy liên tục của thể vía thì ảnh hưởng của nó trên chính cõi của nó (cõi trung giới) cũng không kém phần thảm khốc. Những trung tâm nhỏ bị viêm này bao phủ toàn bộ thể vía giống như các mụn nhọt trên thể xác - không những chính chúng tạo ra sự khó chịu khôn cùng, những điểm đau mà một đùng chạm nhẹ có thể gây ra sự đau đớn khủng khiếp, mà chúng còn là những điểm yếu qua đó sinh lực của sự sống bị hao mòn và qua đó hiện tượng nhiễm độc từ ngoài có thể vào trong máu. Một người với một thể vía rối loạn như vậy trên thực tế không có khả năng chống lại bất kỳ ảnh hưởng xấu nào mà y có thể gặp phải, trong khi y hoàn toàn không thể tiếp nhận được lợi ích gì từ những ảnh hưởng tốt. Năng lực của y cứ rỉ ra từ những mụn lở loét này, đồng thời tất cả loài vi trùng gây bệnh có thể xâm nhập dễ dàng. Y không thể sử dụng và kiểm soát được toàn bộ thể vía của mình mà để cho nó bị phân chia thành một số trung tâm riêng biệt và điều khiển lại y. Những lo lắng và bức bối nhỏ nhỏ của y đã tự thiết lập và khẳng định đế chế của chúng đối với y cho đến khi chúng trở thành một đoàn quân ác quỷ ám ảnh y, làm cho y không thể nào trốn thoát khỏi chúng.

Đây là một tình trạng đau khổ rất phổ biến: làm sao một người có thể tránh rơi vào tình trạng đó, và nếu y đang giam trong đó, làm thế nào y có thể thoát

ra khỏi? Đáp án cho hai câu hỏi này đều giống nhau: hãy để y học cách đừng lo âu, đừng sợ hãi, đừng bức tức. Hãy để y tự lý luận với bản thân rằng tất cả những vấn đề cá nhân nhỏ nhất này đã che khuất cả bầu trời của y vốn thật sự hoàn toàn không quan trọng. Hãy để y chiêm nghiệm chúng sẽ hiện ra như thế nào khi y nhìn lại chúng từ kiếp sau, hay ngay cả 20 năm về sau. Hãy để y khắc cốt ghi tâm những lời vàng ngọc rằng tất cả những gì bên ngoài xảy ra với con người vốn “không có gì quan trọng cho lắm, và đa số đều không quan trọng một chút nào.” Những gì bản thân y làm hoặc nói hoặc suy nghĩ là quan trọng đối với y, vì điều này uốn nắn tương lai của y, còn những gì người khác làm hoặc nói hoặc suy nghĩ chẳng quan trọng gì đối với y. Hãy để y thoát khỏi những điều khó khăn nhỏ mọn này trong cuộc sống hàng ngày và đơn giản từ chối không bị chúng làm phiền nữa.

Lúc đầu, y cần có sự quyết tâm vì nó đòi hỏi một nỗ lực để chiến thắng một thói quen đã được thiết lập. Y sẽ thấy tâm trí của y lăm bắm với y hết lần này sang lần khác: “Bà Jones vừa nói xấu về tôi, có lẽ bây giờ bà ta vẫn còn làm việc đó, có lẽ những người khác sẽ tin bà ta, có lẽ điều đó sẽ làm hại tôi, v.v..” và nó cứ lặp đi lặp lại mãi như vậy. Nhưng y phải trả lời: “Tôi không quan tâm về *điều* gì mà Bà Jones nói, mặc dù tôi cảm thấy thương hại cho người đàn bà tội nghiệp đó phải tạo ra nghiệp xấu như vậy. Tôi hoàn toàn từ khước không muốn nghĩ gì về nó hay bà ta nữa. Bản

thân tôi có công việc phải làm và tôi không thể tốn thời gian suy nghĩ về những chuyện tầm phào ngu ngốc.”

Hoặc y cũng có thể có vài điều báo trước về một điều xấu liên tục ập đến trong trí não của y: “Có lẽ năm tới tôi có thể bị mất chức, có lẽ tôi sẽ bị chết đói, có lẽ tôi sẽ bị phá sản, có lẽ tôi sẽ mất đi tình cảm của người bạn nào đó.” Điều này cũng phải được đối diện một cách quả quyết: “Có lẽ tất cả các điều này đều có thể xảy ra, nhưng cũng có thể là không, và thật là vô ích để thử đi qua một cây cầu trước khi ta đến nó. Tôi sẽ thực hiện hết tất cả biện pháp phòng ngừa hợp lý, và khi việc đó đã xong, tôi từ chối suy nghĩ thêm về vấn đề đó. Lo lắng không thể ảnh hưởng đến bất cứ điều gì sắp xảy ra, nhưng sự lo lắng có thể và chắc chắn sẽ khiến tôi không đủ năng lực đối diện với sự khó khăn. Do đó, tôi từ chối lo lắng, tôi nhất định quay lưng lại với toàn bộ việc này.”

Một dạng lo lắng phổ biến khác dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng nhất là sự điên rồ khi cảm thấy bị xúc phạm về một điều gì mà ai đó nói hoặc làm. Thông thường, một người biết lý luận hợp tình, hợp lý sẽ tránh được sai lầm này, nhưng những người tránh được nó thì lại rất ít. Chỉ cần chúng ta bình tĩnh suy nghĩ về vấn đề, chúng ta sẽ thấy điều mà người kia nói hoặc làm không thể tạo ra bất cứ sự khác biệt gì đối với chúng ta. Nếu họ nói điều gì làm tổn thương đến tình cảm của chúng ta, chúng ta có thể

gần như chắc chắn hết 9/10 là họ thật sự không có ý xúc phạm, vậy tại sao chúng ta lại để cho mình bị phiền não vì vấn đề này? Ngay cả trong những trường hợp hiềm hoi mà một câu nói có thật sự khiếm nhã hoặc hằn học, khi một người cố ý nói một điều gì để làm tổn thương người khác, nó vẫn thật là ngu xuẩn nếu khổ chủ tự để cho mình bị tổn thương. Nếu người đó có ác ý trong lời nói của họ, họ cần phải được thương hại, vì chúng ta biết là theo luật công bằng của Thượng Đế, họ chắc chắn sẽ bị đau khổ bởi sự ngu xuẩn của họ. Những gì họ nói không cần thiết phải ảnh hưởng đến chúng ta, vì nếu chúng ta suy nghĩ lại không có bất kỳ một hiệu quả nào thật sự đã được tạo ra.

Lời nói khó chịu không có cách nào làm tổn thương chúng ta trừ phi chúng ta chọn tiếp nhận nó và tự làm tổn thương bằng cách nghiền ngẫm hoặc cho phép cảm xúc cá nhân chúng ta bị tổn thương. Những lời nói của người khác là gì mà ta có thể để cho chúng quấy rầy sự thanh thản của mình? Chúng chỉ đơn giản là một rung động trong bầu khí quyển, và nếu chúng ta không nghe được chúng hay không nghe được về chúng, liệu chúng có thể ảnh hưởng đến ta không? Nếu không, thì rõ ràng là những lời nói đó vốn không thể làm tổn thương đến chúng ta mà chỉ vì chúng ta nghe được chúng. Do đó, nếu chúng ta cho phép bản thân quan tâm về những gì người đó đã nói, chính *chúng ta* mới là người chịu trách nhiệm cho sự

xáo trộn trong thể vía của chúng ta chứ không phải là người đó.

Người đó không thể đã làm hay có thể sẽ làm gì gây hại đến chúng ta; nếu chúng ta cảm thấy bị tổn thương và đau đớn, rồi do đó làm cho bản thân mình gặp nhiều khó khăn, chúng ta chỉ có bản thân mình để cảm ơn. Nếu một sự xáo trộn nào đó nảy sinh trong thể vía của chúng ta do những gì người đó đã nói, đó chỉ là vì chúng ta chưa kiểm soát được dẫn thể đó. Chúng ta chưa phát triển được sự điềm tĩnh để cho ta có thể nhìn xuống *như là linh hồn* đang nhìn xuống mọi việc và tiếp tục lo cho công việc riêng của mình mà không bị ảnh hưởng chút nào về những lời nói ngu ngốc hay miệt thị từ những người khác. Đó là lý lẽ rất bình thường mà không một ai trong trăm người lại chịu thực hiện nó.

Sự thật là nếu bất cứ ai muốn trở thành môn đồ của huyền bí học thì không nên còn có bất kỳ một cảm xúc cá nhân nào có thể bị tổn thương trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Một người còn có chúng vẫn còn nghĩ quá nhiều về bản thân y, trong khi nhiệm vụ của chúng ta là phải tự quên mình để chỉ nhớ đến điểm tốt của người khác. Không gì có thể xúc phạm bạn nếu bạn đã hạ quyết tâm không còn bị xúc phạm nữa - nếu bạn chỉ suy nghĩ về cách làm thế nào để giúp đỡ người khác và hoàn toàn không nghĩ gì về bản thân mình.

Một biến thể khác của căn bệnh này ít mang tính cách cá nhân hơn và do đó ít bị đáng trách hơn, nhưng vẫn gây ra không ít cản trở cho sự tiến hoá, đó là thói quen hay lo lắng quá mức vì những chuyện vặt vãnh trong công việc làm ăn hay việc gia đình. Điều này luôn có liên quan đến sự thiếu phân biệt và thiếu ý thức về viễn cảnh. Đúng là một gia đình hoặc một doanh nghiệp phải có trật tự, mọi thứ phải được thực hiện đúng giờ và chính xác, nhưng cách để đạt được điều này là thiết lập một lý tưởng cao đẹp và kiên trì hướng về nó chứ không phải làm mọi người bức bối bởi sự lo lắng không ngừng vô ích. Một người không may bị ảnh hưởng bởi thói quen xấu kiểu này nên quyết tâm chiến đấu chống lại nó, vì cho đến khi y chinh phục được nó, y sẽ là một lực lượng luôn luôn làm việc cho sự xích mích chứ không phải cho hòa bình, và do đó sẽ không có lợi ích gì cho thế giới. Các triệu chứng của y hơi khác so với những người bệnh lo lắng có tính cách cá nhân hơn. Trong trường hợp của y có ít các vòng xoáy ung nhọt hơn, nhưng vẫn có một sự run rẩy không ngừng, một sự bất ổn của toàn bộ thể vĩa khiến người khác bất an, đồng thời cản trở hạnh phúc và sự thăng tiến cho bản thân người lo lắng.

Một người phải học làm chủ tâm tư và cảm xúc của mình và kiên trì loại bỏ tất cả mọi tư tưởng và cảm xúc mà bản ngã cao cả nhất của y không thể chấp thuận. Những cảm xúc hỗn độn nhỏ nhất quả thật

không xứng đáng với một người có lý trí, và nó là một điều thật không xứng đáng nhất với con người, một điểm linh quang của Thượng Đế, khi y cho phép bản thân mình bị thống trị bởi loài tinh hoa chất cảm dục, một loài mà thậm chí còn chưa là loại khoáng chất.

Tôi đã nói rằng sự xáo trộn tai hại trong thể vía thường có hại đến sức khỏe, nhưng còn tệ hơn nữa về mặt cản trở sự tiến bộ trên đường đạo, nó hoàn toàn bóp chết sự tiến hoá. Một trong những bài học lớn đầu tiên trên đường đạo là sự tự chủ hoàn toàn, và một quá trình dài trên con đường đi đến điều này là sự triệt để vắng bóng mọi lo âu. Lúc đầu, chỉ vì thói quen mà chất liệu của thể vía sẽ dễ dàng bị cuốn theo những vòng xoáy không cần thiết, nhưng mỗi lần xảy ra, con người phải hạ quyết tâm loại trừ chúng và khôi phục lại nhịp điệu ổn định của những cảm xúc mà y, với tư cách của một *linh hồn*, thật sự muốn có.

Hãy để y bao phủ bản thân mình bằng tình yêu thiêng liêng để nó có thể mãi tuôn tràn từ y đến mọi hướng dưới hình dạng của tình yêu thương dành cho đồng loại, và khi đó sẽ không còn có chỗ cho những rung động không cần thiết. Y sẽ không còn thời gian để lo lắng về những chuyện cá nhân lặt vặt nếu cả đời y đã được dành cho việc phụng sự Thượng Đế, để cố gắng đẩy mạnh sự tiến hoá của nhân loại. Để đạt được bất kỳ sự tiến bộ nào hay để làm được bất cứ công việc thực sự nào, y phải vươn lên từ cái thấp đến cái

cao cả hơn, y phải đi ra khỏi thế giới của *chúng ta* để đến với HỌ, ra khỏi sự bồn chồn lo lắng để tiến đến trạng thái an lạc không thể nghĩ bàn.

DIỆT DỤC

Chúng ta thường được dạy rằng phải tiêu diệt mọi ham muốn, nhưng phải nhớ đây là một quá trình từ từ. Những ham muốn thấp hèn và thô kệch, theo nghĩa của tiếng Phạn *kama*, phải được tẩy trừ triệt để trước khi bất kỳ sự tiến bộ nào có thể xảy ra, nhưng theo từ tiếng Anh thì tất cả chúng ta ít nhiều vẫn còn có ham muốn trong một thời gian rất dài sắp tới. Chẳng hạn, chúng ta thật lòng ham muốn phụng sự Chân Sư để trở thành môn đồ của Ngài để giúp đỡ nhân loại. Những điều này cũng là ham muốn, nhưng chúng không nên bị tiêu diệt. Điều cần thiết là loại trừ cái thấp hơn để vươn đến cái cao cả hơn, hay nói cách khác là thanh lọc các dục vọng và biến chúng thành hoài bảo.

Sau đó, một sự biến đổi khác sẽ xảy ra. Thí dụ, hiện giờ chúng ta đang mong muốn được tiến bộ, nhưng thời điểm sẽ đến khi chúng ta nắm chắc điều này đến mức chúng ta sẽ không còn ham muốn nó, vì chúng ta biết rằng nó lúc nào cũng đang xảy ra càng nhanh càng tốt theo khả năng cho phép của chúng ta,

và vì chúng ta biết rằng nó sẽ tiếp tục vẫn xảy ra như thế. Ham muốn sẽ biến thành quyết tâm. Ở điểm này sẽ không còn có bất cứ một nuối tiếc nào về một thứ gì; bạn chỉ làm việc hết sức mình, và bạn biết để đáp lại điều đó, những gì tốt đẹp nhất phải đến. Một số người khi tha thiết muốn đạt được một đức tính này hay đức tính kia không nên lãng phí năng lực vào việc khao khát và mong cầu, mà hãy dùng *ý chí* thay vào đó.

Tương tự như vậy, người ta nói rằng chúng ta phải giết chết thể nguyệt tinh, còn được gọi là thể vía. Nhưng điều này không có nghĩa thể vía phải bị huỷ diệt, hoặc chúng ta không nên có cảm xúc hay tình cảm. Nếu như vậy, chúng ta sẽ không có sự thông cảm hay thấu hiểu với người khác. Ngụ ý là chúng ta phải giữ nó trong tầm kiểm soát, phải có khả năng giết chết thể nguyệt tinh *theo ý muốn*. Sự thanh khiết là cần thiết, nhưng nó không chỉ là tránh làm những điều ác mà còn phải có lòng vị tha tuyệt đối. Tham vọng, chẳng hạn, là một dạng thông thường của ham muốn, nhưng bao gồm trong đó luôn có suy nghĩ về bản thân. Một vị Chân Tiên không thể có tham vọng. Ý muốn của Ngài phải là *một* với ý muốn của Thượng Đế, và Ngài muốn sự tiến hoá. Tất cả chúng ta đều là phần tử của Thượng Đế, và ý muốn của chúng ta là một phần của Ngài. Chỉ khi chúng ta chưa nhận ra điều này, chúng ta mới tự nảy ra những ham muốn theo đường lối cá nhân riêng biệt. Những quy luật

cho đời sống của chúng ta được Đức Phật tóm tắt rất hay trong một bài kệ ngắn 4 câu:

Sabbapapassa akaranam Đừng làm các điều ác
Kusalassa upasampada Chỉ học làm điều lành
Sachitta pariyo dapanam Giữ tâm ý trong sạch
Etam Buddhana sasanam Đó là lời Phật dạy.

TRUNG TÂM VÒNG TRÒN CỦA TÔI

Trong tất cả các chương ngại cản trở một người khao khát muốn bước vào đường Đạo, điều khó khăn nhất, vì có nguồn gốc thâm sâu và cơ bản nhất, chính là “cái tôi.” Xin lưu ý rằng tôi không muốn nói về sự ích kỷ thô lỗ và xấu xa, chỉ luôn vơ vét mọi thứ cho bản thân trên sự thiệt thòi của kẻ khác. Dĩ nhiên, tôi cho rằng điều đó ít nhất đã được loại bỏ từ lâu. Nhưng sâu thẳm trong những người đã loại bỏ nó vẫn còn sót lại một điều xấu khác, tinh vi và ăn sâu đến nỗi họ không nhận ra nó là một điều ác, thực sự thậm chí họ còn không nhận thức được sự tồn tại của nó. Nhưng hãy để một người tự kiểm tra mình một cách thành thực và vô tư thì y sẽ thấy rằng y chính là trung tâm của mọi suy nghĩ của y. Y thường nghĩ về người khác và mọi sự vật khác, nhưng lúc nào chúng cũng có liên

quan đến bản thân y. Y dặt nên nhiều vở kịch tưởng tượng nhưng bản thân y luôn chiếm một vai trò nổi bật trong đó. Y phải luôn là trung tâm của sân khấu nhỏ của mình với ánh đèn màu chiếu thẳng vào y, còn nếu y không ở vị trí đó, ngay lập tức y cảm thấy bị tổn thương, khó chịu, tức giận và ghen tị đối với bất cứ người nào khác mà trong khi đó lại cuốn được sự chú ý của những người đáng lẽ ra phải tôn sùng y. Để thay đổi một cá tính cơ bản như vậy đối với y là thay đổi gốc rễ của tất cả mọi thứ, để biến y thành một người hoàn toàn khác biệt. Hầu hết mọi người không thể đối mặt với khả năng thay đổi triệt để này trong chốc lát bởi vì họ thậm chí không biết rằng tình trạng này đang tồn tại.

Bây giờ, thái độ này hoàn toàn có hại cho bất cứ loại tiến bộ nào. Nó phải được thay đổi hoàn toàn, nhưng quả thật rất ít người bỏ ra nỗ lực để thay đổi nó. Có một cách để thoát khỏi vòng luẩn quẩn này, và chỉ có một, đó là con đường của tình thương. Đó là điều duy nhất trong cuộc sống của một người bình thường có thể thay đổi được thái độ này của y, nó nắm lấy y bằng một bàn tay mạnh mẽ và trong một khoảng thời gian ngắn thay đổi toàn bộ thái độ của y. Ít nhất trong một khoảng thời gian khi y đang yêu, như thế gian thường gọi nó, một người nào đó sẽ chiếm trung tâm của vòng tròn của y, và mọi thứ y tư duy đều liên quan đến cô ấy chứ không liên quan đến bản thân y. Thần tượng mà y tôn thờ có thể trên thực

tế đối với thế giới chỉ là một người rất bình thường, nhưng đối với y, cô ta nhất thời là hiện thân của sự cao quý và mỹ lệ. Y nhìn thấy cô ta như là một vị thiên thần mà thực sự đó mới là chính là con người thật của cô ấy vì nó tiềm ẩn trong tất cả mọi người chúng ta, mặc dù thông thường chúng ta không nhìn thấy nó. Đúng là trong nhiều trường hợp sau một thời gian, sự nhiệt tình của y mất dần và y chuyển mục tiêu qua một đối tượng khác. Dầu sao đi nữa trong khoảng thời gian đó, y đã tự ngừng coi mình là trung tâm và y đã có một tầm nhìn rộng lớn hơn.

Bây giờ, điều mà một người bình thường làm một cách vô thức, môn sinh huyền bí học phải làm một cách có ý thức. Y phải cố tình trút ngôi vị của mình ra khỏi trung tâm của vòng tròn của mình và phải tôn vinh Đức Thầy thay vào đó. Y đã từng có thói quen suy nghĩ theo bản năng tự nhiên mọi sự việc sẽ ảnh hưởng ra sao đến y, hoặc y phải xem xét nó là như thế nào, làm thế nào để có thể biến nó thành lợi ích và niềm vui cho y. Đổi lại, bây giờ y phải học suy nghĩ về mọi sự việc, xem nó sẽ ảnh hưởng đến Đức Thầy như thế nào, và vì Đức Thầy chỉ sống để giúp đỡ sự tiến hoá của nhân loại nên điều đó có nghĩa là y phải nhìn mọi thứ từ quan điểm nó có trợ giúp hay cản trở sự tiến hoá hay không, và mặc dù lúc đầu y sẽ phải làm việc này một cách có ý thức và với một nỗ lực nhất định, y phải kiên trì cho đến khi nào y có thể làm điều đó một cách vô ý thức giống như trước kia

theo bản năng tự nhiên, y từng coi mình là trung tâm của mọi thứ ở chung quanh. Nói theo Đức Thầy, y phải hoàn toàn quên mình để chỉ nhớ điều tốt về người khác.

Nhưng ngay cả khi y đã tự truất ngôi và đặt công việc cần phải làm vào vương vị đó, y cũng phải rất cẩn thận đừng tự lừa gạt mình, đừng quay lại thói quen của “cái tôi” cũ trong một hình thức mới tinh vi hơn. Tôi biết rất nhiều phụng sự viên giỏi và nghiêm túc trong Thông Thiên Học đã phạm sai lầm này, vì họ đồng hoá công việc của Thông thiên học với chính mình và cảm thấy rằng bất cứ ai không đồng ý triệt để với ý kiến và phương pháp làm việc của họ là kẻ thù của Thông Thiên Học. Vì vậy, người phụng sự thường nghĩ rằng đường lối của họ là đường lối duy nhất, và ai bất đồng ý kiến với họ là kẻ phản bội chủ nghĩa. Nhưng điều này chỉ có nghĩa là “cái tôi” đã khéo léo len lỏi trở lại vị trí cũ của nó ở trung tâm của vòng tròn, và công việc đánh bật nó ra lại phải bắt đầu một lần nữa. Quyền năng duy nhất mà người đệ tử nên ao ước là thứ khiến cho y dường như không là gì cả trong mắt mọi người. Khi y ở tại trung tâm của vòng tròn của mình, y có thể làm việc tốt, nhưng lúc nào cũng với cảm giác y phải là người làm điều đó, thậm chí phần lớn với mục đích là y phải là người phụng sự, nhưng khi Đức Thầy ở trong trung tâm của vòng tròn của y, y sẽ làm việc đó chỉ vì nó cần được làm. Công việc được thực hiện chỉ vì lợi ích của công

việc đó chứ không phải vì lợi ích của người thực hiện, và y phải tập nhìn công việc của mình như thể nó là công việc của người khác, và nhìn công việc của người khác như thể nó là của chính mình. Một điều quan trọng là công việc phải được thực hiện. Nó không quan trọng ai là người thực hiện. Do đó, y không nên thiên vị công việc của mình và chỉ trích quá mức công việc của người khác, hay giả vờ nhún nhường về công việc của mình để được người khác khen ngợi. Để trích dẫn lời nói của Ruskin về nghệ thuật, y phải có khả năng nói một cách điềm đạm rằng: “Cho dù nó của tôi hay của bạn, hay của bất cứ người nào khác, nó vẫn là tốt thôi.”

Còn có một nguy cơ khác đặc biệt đối với phụng sự viên của Thông Thiên Học - nguy cơ tự chúc mừng quá sớm vì y khác biệt với phần còn lại của nhân loại. Giáo lý Thông Thiên Học mang đến một sắc thái mới cho mọi thứ, nên dĩ nhiên chúng ta sẽ cảm thấy thái độ của chúng ta rất khác với thái độ của đại đa số người đời. Suy tư về sự thật hiển nhiên này vốn không có hại, nhưng tôi nhận thấy rằng một vài hội viên chúng ta có xu hướng tự hào về sự kiện là họ có thể nhận ra những điều này. Nó không có nghĩa là chúng ta, những người có khả năng nhận ra chúng, giỏi hơn người khác. Những người khác tiến hoá theo những đường lối khác, và theo những đường lối đó, họ có thể vượt rất xa chúng ta, mặc dù theo đường lối của chúng ta, họ có thể thiếu sót một điều gì đó mà

chúng ta đã có. Hãy nhớ rằng một vị Chân Tiên là người hoàn hảo đã phát triển đầy đủ về mọi mặt, và do đó, trong khi chúng ta có một vài thứ để dạy người khác, họ cũng có nhiều điểm để chúng ta học hỏi, và ta sẽ ngu ngốc cùng cực nếu ta khinh thường một người chỉ vì y chưa có được kiến thức về Thông Thiên Học hay thiếu những phẩm chất có thể giúp y hiểu rõ được nó. Vì vậy theo lẽ này, chúng ta phải nên cẩn thận đừng trở thành trung tâm của vòng tròn của mình.

Bạn có thể áp dụng một phương pháp hữu hiệu để giữ cho mình không bị trượt trở lại trung tâm của vòng tròn là bạn hãy ghi nhớ, như là một ví dụ về thái độ của bạn, những gì tôi đã giải thích trước đây cho bạn về quan điểm của huyền bí học về vòng quỹ đạo và ảnh hưởng của các hành tinh. Bạn còn nhớ tôi đã từng giải thích với bạn rằng mỗi hành tinh đều là một trọng điểm nhỏ trong một hình bầu dục, còn trọng điểm chính của nó lại nằm trong thân thể mặt trời. Bạn giống như trọng điểm nhỏ đó, bạn đang đi theo lộ trình của riêng bạn và làm công việc được chỉ định cho bạn, nhưng lúc nào bạn cũng là sự phản chiếu của trọng tâm chính, và ý thức của bạn được tập trung vào mặt trời vì Chân Sư của bạn là một thành viên của Thiên đoàn đang thi hành công việc của Thượng Đế.

Khi một người tự cho mình là trung tâm của vòng tròn của mình thì sẽ luôn lầm nghĩ rằng y cũng là trung tâm của vòng tròn của người khác. Y luôn

cho rằng tất cả những gì người khác nói hoặc hành động đều là vì y; chắc họ đang suy nghĩ về y một cách nào đó hoặc đang nói một điều gì nhắm về y, và rồi việc này trở thành một ám ảnh, y hoàn toàn không nhận ra được rằng theo lý lẽ đó, mỗi người hàng xóm của y cũng sẽ bỏ hết tâm tư vào bản thân họ chứ không có suy nghĩ nhiều về y. Do đó, một người tự gây cho mình nhiều rắc rối và lo âu không cần thiết, và tất cả điều này đều có thể tránh được nếu chúng ta chỉ nhìn thấy mọi việc từ một quan điểm lành mạnh và hợp lý. Một lần nữa, chính vì y cho rằng mình là trung tâm của vòng tròn của mình nên y mới dễ bị bệnh trầm cảm, bởi vì loại bệnh này chỉ đến với người thích suy nghĩ nhiều về bản thân họ. Nếu Đức Thầy là trung tâm của vòng tròn của y và tất cả năng lượng của y đều được dồn hết để phụng sự cho Ngài, y sẽ không có thì giờ để buồn bã hay suy nghĩ theo bất cứ chiều hướng nào nghiêng về nó. Y chỉ thiết tha mong muốn có công việc để làm. Thái độ của y sẽ giống như thái độ mà bà Hội Trưởng của chúng ta đã từng nhắc đến trong Hồi Ký của Bà - là khi một người nhìn thấy một công việc đang cần được thực hiện, y sẽ không nói giống như một người bình thường: “Đúng, đây là việc tốt và người nào nên làm nó, nhưng tại sao phải là tôi?” Y sẽ nói như thế này: “Phải có người làm việc này. Tại sao người đó không phải là tôi?”

Khi một người càng tiến hoá thì vòng tròn của y sẽ càng nở rộng cho đến mức vô tận, và lúc đó bản

thân y sẽ trở thành trung tâm của vòng tròn một lần nữa vì y đã hợp nhất với Thượng Đế, trung tâm duy nhất của mọi vòng tròn vì mỗi một điểm trong đó đều là trung tâm của vòng tròn với bán kính vô tận.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI LOÀI THÚ

Trong khi bạn đang cố gắng làm hết sức mình cho tất cả mọi người chung quanh, đừng quên rằng bạn còn có trách nhiệm với những hình thể thấp hơn loài người. Để bạn có thể làm được việc này, hãy thử tìm hiểu về các huynh đệ nhỏ hơn bạn, tìm hiểu loài thú cũng như bạn đang cố gắng tìm hiểu ở cấp độ cao hơn các đứa trẻ mà bạn phải đối xử.

Như bạn hiểu là nếu muốn giúp đỡ một đứa bé, bạn phải học nhìn từ quan điểm của đứa bé đó. Cũng vậy, nếu bạn muốn giúp loài thú tiến hoá, bạn phải thử tập nhìn từ quan điểm của chúng. Trong tất cả mọi hoàn cảnh và đối với, đối với mọi loài, công việc của chúng ta là thương yêu giúp đỡ và cố gắng mang lại sớm hơn một thời kỳ hoàng kim mà tất cả mọi loài đều thông hiểu nhau và tất cả sẽ cùng hợp tác trong công việc vinh quang sắp tới.

Không có lý do gì mà loài gia súc không nên được huấn luyện để giúp đỡ và làm việc cho con

người, miễn là công việc đó không gây đau đớn hoặc quá sức của chúng. Nhưng tất cả các loài sinh vật xung quanh chúng ta nên được đào tạo theo đường lối tốt nhất cho chúng nó, có nghĩa là, chúng ta nên luôn nhớ rằng sự tiến hoá của chúng là mục tiêu chính của Thiên Cơ. Vì thế, mặc dù chúng ta nên dạy cho gia súc của chúng ta hết những gì mà chúng ta có thể vì nó sẽ làm tăng trưởng trí khôn của chúng, chúng ta phải quan tâm đến việc chỉ truyền cho chúng những phẩm tính tốt chứ không phải xấu. Có nhiều loại thú được đưa đến với chúng ta. Chó, mèo, ngựa và những loại thú hoang đã được mang đến để chúng ta chăm sóc, thương yêu và giúp đỡ. Tại sao? Để cho chúng ta có thể huấn luyện chúng bỏ đi cá tính hung dữ và có sự sống cao hơn và thông minh hơn, để chúng ta có thể khơi dậy trong chúng lòng sùng tín, tình thương, và trí tuệ.

Nhưng phải cẩn thận là chúng ta đang giúp đỡ chứ không phải cản trở, phải nên thấy là chúng ta không làm gia tăng những cá tính hung dữ mà quá trình của sự tiến hoá đang cố gắng loại trừ. Ví dụ, một người huấn luyện một con chó đi săn và giết hại là đang tăng cường trong nó những bản năng cần phải được loại bỏ nếu con thú đó muốn tiến hoá, và như vậy thì y đang hạ thấp phẩm giá của một con vật đã được giao phó cho y để giúp đỡ, mặc dù đồng thời y có thể cũng đang phát triển trí khôn cho nó. Do đó, mặc dù y có thể làm được một chút việc tốt, nhưng

đồng thời y đang làm một việc xấu rất tai hại và làm mất đi sự cân bằng với điều tốt. Việc này cũng giống như việc một người huấn luyện một con chó trở thành hung dữ để nó có thể bảo vệ tài sản của y một cách hiệu quả.

Một người đối xử thô bạo hoặc tàn nhẫn với một con thú có thể giúp trí thông minh của nó phát triển vì con thú đó phải học cách suy nghĩ nhạy bén hơn để tránh khỏi bị đòn. Nhưng khi con thú đạt được sự tiến hoá theo cách này, nó cũng mang theo những phẩm chất cực kỳ ghê gớm là sợ hãi và hận thù. Do đó sau này, khi làn sóng của loài thú đó tiến lên thành loài người, chúng ta sẽ có một nhân loại mới bắt đầu một cách bất lợi khủng khiếp; họ bắt đầu với những phẩm chất ghê gớm của nỗi sợ hãi và thù hận ăn sâu trong lòng, thay vì một nhân loại với tràn trề lý tưởng, lòng sùng tín, tình thương yêu và hiền hoà mà có lẽ chúng ta có được nếu những người mà phần tiến hoá của loài thú được giao phó biết hoàn thành nhiệm vụ của họ.

Chúng ta cũng có bốn phận đối với những loài khác và những hình thể thậm chí thấp hơn nữa. Có những loài tinh hoa chất lúc nào cũng vây quanh chúng ta, loài tinh hoa chất này tiến hoá bằng tư tưởng của chúng ta và bằng ảnh hưởng mà chúng ta tạo ra trên nó bởi những tư tưởng, đam mê, cảm xúc và cảm giác của chúng ta. Chúng ta cũng không cần đặc biệt tự làm khó mình về điều này, vì nếu chúng

ta cứ ôm lấy những lý tưởng cao thượng, nếu chúng ta cố gắng kiểm soát để tất cả những tư tưởng và cảm xúc của chúng ta đều thuộc về hạng cao thượng thì việc đó đồng thời sẽ dễ giúp chúng ta hoàn tất bốn phận của chúng ta đối với loài tinh hoa chất bị ảnh hưởng bởi tư tưởng của chúng ta. Chúng sẽ được nâng cao và không bị hạ thấp, và những phẩm chất cao thượng mà chỉ chúng ta mới có thể với tới sẽ được làm linh hoạt, sống động để giúp đỡ chúng phát triển ở cấp độ phù hợp của chúng.

Trong quá trình tiến hoá, loài cao hơn luôn được ký thác giúp đỡ cho loài thấp hơn phát triển, và con người không chỉ đơn giản giúp loài thú tiến hoá bằng cách giúp chúng cá nhân hoá. Trong thời đại Atlantis, ngay cả phần lớn của việc tạo ra giống thú mới đã từng được giao phó cho con người, và chính vì con người đã thất trách trong nhiệm vụ này mà do đó nhiều thứ đã trở nên khác đi so với những gì đã được dự định ban đầu. Những sai lầm của con người phần lớn là nguyên nhân dẫn đến sự hiện diện của những động vật biết ăn thịt thời nay, chúng chỉ sống để giết hại những loài khác. Không phải là con người phải chịu trách nhiệm với *tất cả* các loài thú biết ăn thịt, trong đó cũng có những loài bò sát khổng lồ của thời đại Lemurian mà con người không có đóng góp trực tiếp trong việc phát triển của chúng. Tuy nhiên, con người có được giao một phần trách nhiệm trong việc phụ giúp các loài bò sát này phát triển từ hình thể đó

đến hình thể hiện nay của các loài động vật có vú có vai trò rất quan trọng trong thế giới hiện đại. Dĩ nhiên đó là một cơ hội để con người cải thiện giống nòi của loài thú đó và kiểm chế những phẩm tính xấu xa của chúng, nhưng vì con người không thực hiện được điều này nên ở một mức độ nào đó, con người phải chịu một phần trách nhiệm cho những tội ác từ đó đã xảy ra trên thế giới. Giả sử con người hoàn tất được mọi nhiệm vụ đã được giao phó thì chúng ta có thể tưởng tượng được rằng đã không có những loài động vật có vú biết ăn thịt ngày hôm nay.

Từ lâu, nhân loại đã đối xử tàn nhẫn với loài thú đến nỗi cả vương quốc loài thú đều có cảm giác sợ hãi và thù hận nói chung đối với loài người. Bằng cách này, con người đã tạo ra một nghiệp quả khủng khiếp khiến họ phải chịu đau khổ khủng khiếp dưới nhiều hình thức bệnh tật và cơn điên. Tuy nhiên, ngay cả đằng sau tất cả các hành vi xấu xa này của con người, rất ít con thú sẽ làm hại con người nếu chúng được để yên. Một con rắn chẳng hạn, thường sẽ không gây hại đến con người trừ phi nó bị đã thương trước hoặc bị sợ hãi, và việc này cũng tương tự với đa số loài thú hoang dã, trừ một vài con xem con người là món ăn của nó, và thậm chí ngay cả lúc đó chúng cũng không động vào con người nếu chúng có thể kiếm được bất kỳ món ăn gì khác. Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng để tự bảo vệ cho mình hoặc cho người khác, sự huỷ hoại bất kỳ hình thể nào của

sự sống cũng nên luôn được tránh né vì nó có xu hướng làm trỗi nãi công việc của tạo hoá. Đó là một trong những lý do tại sao tất cả những người theo giáo lý Thông Thiên Học nhất quyết từ chối góp phần vào việc tàn sát thú vật qua việc ăn thịt hoặc cá, hoặc mặc bất cứ đồ gì có được từ việc giết mổ thú vật như da hải cẩu hay lông chim. Tơ lụa thường được lấy từ việc giết chết con sâu tằm, nhưng tôi nghe nói rằng hiện giờ đã có một cách mới để lấy tơ mà không cần phải giết con sâu tằm nữa.

SỰ THÔNG CẢM

Đừng bao giờ đi ngược lại định luật của thiên nhiên. Gần đây, con người đã rời bỏ thiên nhiên quá xa và chủ nghĩa vật chất đã trở nên phổ biến rộng rãi. Nhiều nhà khoa học tuy hiểu biết rất nhiều về thiên nhiên nhưng lại ít có thiện cảm với nó so với các tiên nhân kém kiến thức hơn họ. Trong việc nghiên cứu về những điều hữu ích và quả thật rất cần thiết bên ngoài, nhiều người đã bỏ quên những điều quan trọng ở bên trong, nhưng nhân loại sẽ vượt qua giai đoạn hiểu lầm trung cấp này và sẽ biết thông cảm lại với thiên nhiên. Những thế hệ trước có mối quan hệ gần gũi với thiên nhiên hơn nên họ ít khi làm cuộc khảo sát chi tiết về nó vì đó dường như là một sự bất kính. Nhưng vì chúng ta đã trở nên bất kính, đã mất đi cảm

giác tương thông với sự sống nên chúng ta tò mò một cách không xấu hổ. Dĩ nhiên, chúng ta phải cẩn thận không làm mất đi sự phán đoán chính xác mà chúng ta đã đạt được trong giai đoạn trung gian này, nhưng chúng ta phải hồi phục lại sự thông cảm. Bằng sự cảm thông, người ta có thể tìm ra được rất nhiều điều mà chỉ riêng khoa học không thể nào khám phá được. Trong việc dạy dỗ trẻ con, chúng ta cần phải làm cho chúng cảm thấy rằng chúng ta hiểu chúng, mặc dù khi làm như vậy chúng ta có thể hy sinh một số lợi điểm nghiêng về lý thuyết. Những đứa trẻ trung bình thường coi những người lớn như là các thực thể xa lạ, những sinh vật độc đoán kỳ quái.

Tất cả điều này cũng đúng liên quan đến việc nghiên cứu của chúng ta về thiên nhiên. Những tinh linh thiên nhiên rất e dè đối với con người nếu chúng ta nghiên cứu chúng một cách quá khoa học. Chúng ta phải đi vào đời sống của chúng cùng với chúng, và lúc đó chúng cũng sẽ trở nên hiếu kỳ về đời sống của con người. Theo một cách mù mờ, hoa và nhiều thứ khác cũng cảm nhận được niềm vui và sự thân thiện. Emerson từng nói rằng dường như ông trở về nhà, cây cối trong vườn của ông cũng cảm thấy vui vẻ khi thấy hoặc cảm nhận được ông ta, và chắc chắn việc này là sự thật. Cây cối và thú vật biết người nào yêu thương chúng. Ở Ấn độ người ta có nói về “bàn tay may mắn,” có nghĩa là khi trồng cây, có nhiều thứ chịu phát triển cho một số người nhưng không đối với một

số khác. Con người phải biết cảm thông với mục đích của Thượng Đế. Nếu chúng ta tích cực giúp đỡ sự tiến hoá của mọi loài, chúng ta đang sống trong Ý muốn của Ngài, và xuyên thấu qua thiên nhiên, điều này tự nhiên được cảm nhận ngay lập tức, nhưng nếu chúng ta đặt mình trong vị trí nghịch với sự tiến hoá, thiên nhiên sẽ co rút mình khỏi chúng ta như một đứa trẻ nhay cảm.

THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI TRẺ CON

Thái độ của bạn đối với con cái là như thế nào? Hãy nhớ rằng chúng là linh hồn, những điểm linh quang của Thượng Đế. Chúng đã được uỷ thác cho bạn, không phải để bạn độc đoán và đối xử tàn nhẫn với chúng, hay sử dụng chúng cho lợi điểm và lợi ích riêng của bạn, mà để bạn có thể yêu thương chúng và giúp đỡ chúng hầu chúng có thể là những biểu lộ của sự sống thiêng liêng. Do đó, hãy cảm nhận tình thương yêu phải được trào ra từ sự kiện này. Sự kiên nhẫn và tình thương của bạn phải vượt qua mọi ngôn ngữ. Bạn sẽ cảm thấy mình vô cùng vinh dự khi được tin tưởng phục vụ chúng theo cách này. Hãy luôn nhớ rằng bạn không phải là già hơn hoặc chúng là trẻ hơn, mà linh hồn của các bạn đều ở cùng độ tuổi với nhau và do đó, thái độ của bạn không nên là của một kẻ

độc tài ích kỷ và độc ác, mà nên là của một người bạn hữu ích. Bạn không nhìn người bạn của mình khác đi chỉ vì y mặc lên một chiếc áo mới; do đó, hãy nhớ rằng khi bạn gặp một đứa trẻ, bạn đang gặp một linh hồn khoác lên một chiếc áo mới, và bạn nên giúp đỡ họ với lòng tử tế và tình thương để chiêu cảm những gì tốt nhất ra từ họ và giúp họ mặc cho vừa chiếc áo mới. Hãy luôn nhớ rằng điều tốt thực sự có nghĩa là tốt cho tất cả mọi người, và điều tốt đó không bao giờ được thủ đắc trên sự đau khổ của người khác vì nó thực sự không tốt chút nào.

SỢ CHẾT

Sợ chết là một thực tế đáng sợ trong tâm trí của nhiều người. Hầu hết chúng ta có lẽ bị đau khổ về việc này, và còn nhiều người hơn nữa lo sợ về những điều có thể xảy đến cho họ sau khi chết. Dĩ nhiên điều này đặc biệt được tìm thấy trong những người có ý tưởng về địa ngục và về hình phạt có thể xảy ra nếu họ không tin vào điều này hay điều kia. Nó là một hình thức mê tín dị đoan thô thiển và thậm tệ, nhưng dù sao đi nữa sự đau khổ vẫn là thực, và tệ hơn nữa là sự sợ hãi về số phận của *những người khác* sau khi chết. Có nhiều người mẹ mà cả đời của họ phải bị dẫn dắt bởi nỗi lo âu và sợ hãi về chuyện gì có thể xảy ra

cho con trai của họ; y có thể rời xa người mẹ, rơi vào những thói quen xấu của kẻ sành đời, và làm nhiều chuyện nghịch với các giáo lý khắt khe mà bà đã từng được giáo huấn, và do đó, bà nghĩ rằng y chắc chắn sẽ phải chịu hình phạt đời đời. Trong khi thật ra không có địa ngục đời đời cho y, nhưng chắc chắn bà mẹ sẽ bị dẫn vật và đau khổ rất nhiều ở thế gian.

Tuy nhiên, chúng ta đã hiểu về luật nhân quả và biết rằng những giai đoạn sau cái chết chỉ là một sự liên tục của cuộc sống mà chúng ta đang sống bây giờ, mặc dù nó xảy ra ở một cõi cao hơn và thiếu đi thể xác. Khi chúng ta học biết thêm rằng cái mà chúng ta gọi là đời sống thật ra chỉ là một ngày của một đời sống thật và lớn hơn, tất cả mọi thứ này cho ta một quan điểm hoàn toàn khác biệt. Từ đó, chúng ta biết rằng sự tiến hoá là một điều chắc chắn. Một người có thể té ngã, có thể chống đối lại các lực tiến hoá, nhưng y sẽ bị chúng đưa đi bất chấp sự đối kháng của bản thân y, mặc dù khi chống đối chúng thì y sẽ hứng lấy nhiều bầm dập và khó khăn. Chúng ta sẽ thấy ngay lập tức là kiến thức này sẽ loại trừ đi sợ hãi.

Cái được gọi là sự mất mát của người thân do cái chết thật sự ra chỉ là một sự vắng bóng tạm thời, và ngay cả điều đó cũng không phải thật như vậy khi một người đã phát triển quyền năng để nhìn thấy những cõi cao hơn. Những người chúng ta cho rằng đã mất vẫn còn với chúng ta, mặc dù chúng ta không

thể nhìn thấy họ với con mắt xác thịt; và chúng ta không nên quên rằng, cho dù đôi khi ta bị làm lẫn rằng ta mất họ, nhưng ít nhất họ không bao giờ bị làm lẫn rằng họ đã đánh mất *chúng ta*, vì họ vẫn còn nhìn thấy được thể vía của chúng ta, và ngay khi chúng ta rời bỏ thể xác trong giấc ngủ, chúng ta sẽ đến và có thể giao tiếp với họ giống y như lúc họ còn tại thế gian.

Chúng ta không cần lo lắng về việc cứu rỗi linh hồn của mình, ngược lại, như một nhà Thông Thiên Học đã nói, chúng ta có lẽ không tẻ đến nỗi mất đi hy vọng được linh hồn chúng ta cứu vớt một ngày nào đó. Không có một linh hồn nào cần được cứu vớt theo quan điểm thường tình mà từ ngữ này được sử dụng, vì bản thân chúng ta chính là linh hồn, và hơn nữa, cũng không có gì cần phải được cứu vớt ra khỏi ngoại trừ sự làm lẫn và vô minh của chúng ta. Thể xác chỉ là một chiếc áo mà khi đã hao mòn thì chúng ta vứt nó qua một bên.

SỰ CỘNG TÁC

Một phần trong kế hoạch của Thượng Đế là đến một giai đoạn nào đó trong dòng tiến hoá, nhân loại phải tự đứng lên hướng dẫn lấy mình. Do đó, tất cả các vị Phật, Bàn Cổ và Chân Tiên đều là thành viên

của nhân loại chúng ta, vì các vị Hoả Đức Tinh Quân từ Kim Tinh Hệ đã đi qua những thế giới khác. Do đó, Thượng Đế đặt kỳ vọng nơi tất cả chúng ta, nơi bạn và tôi. Chúng ta có thể có 99 lỗi lầm và chỉ có một đức hạnh, nhưng nếu đức hạnh đó được cần dùng trong công việc của Thông Thiên Học (và có đức hạnh nào mà không cần thiết chứ?), chúng ta chắc chắn sẽ có cơ hội để sử dụng nó.

Do đó, chúng ta nên trân quý các đồng nghiệp của chúng ta về những gì họ có thể làm và không nên liên tục trách cứ họ về những gì họ không thể làm. Nhiều người đã giành được quyền xứng đáng để làm một số công việc cụ thể, mặc dù khuyết điểm của họ có thể lớn hơn đức hạnh của họ. Người ta thường mắc phải một sai lầm đáng buồn là hay so sánh công việc của mình với công việc của người khác và ước rằng họ có cơ hội được như vậy. Thực tế là mỗi người đều có khả năng và sức mạnh của riêng mình, và không ai mong đợi là y phải làm việc nhiều như một số người khác, mà chỉ cần là y phải làm hết sức mình, chỉ tận tâm, tận lực là đủ rồi.

Đức Thầy đã từng nói trên thực tế chỉ có hai hạng người: hạng người biết và hạng người không biết. Những người biết là những người đã thấy ánh sáng và hướng về nó, thông qua bất cứ tôn giáo nào từ đó họ đến, ở tại bất cứ khoảng cách xa xôi nào đối với ánh sáng mà họ đang tìm thấy chính mình. Nhiều người trong số họ có thể phải chịu nhiều đau khổ

trong cuộc đấu tranh hướng về ánh sáng đó, nhưng ít nhất họ có hy vọng ở phía trước, và trong khi chúng ta rất thông cảm với họ và cố gắng giúp đỡ họ, chúng ta vẫn biết rằng họ không phải là trường hợp tệ hại nhất. Những người thật sự đáng thương chính là những kẻ thờ ơ với tất cả những tư tưởng cao cả - những kẻ không chịu đấu tranh bởi vì họ không để ý, không suy tư, hoặc không biết rằng có một thứ gì đó để phấn đấu. Những người này mới thật sự là hạng “nhân loại mờ côi vĩ đại.”

MỘT NGÀY TRONG CUỘC SỐNG

Ta không nên quá chuyên môn hoá về một ngành nào đó vượt qua một mức độ nhất định, vì thật sự một người không thể nào hiểu thấu đến tận cùng bất cứ một chủ đề nào, và tâm trí và tầm nhìn của người đó sẽ có xu hướng ngày càng hạn hẹp, tạo ra một sự phát triển thiên theo một chiều và méo mó khiến y nhìn mọi thứ không còn được cân xứng nữa. Chúng ta thường có thói quen suy nghĩ một kiếp sống là một khoảng thời gian dài, nhưng thực tế nó chỉ là một ngày trong một đời sống vĩ đại hơn. Bạn không thể hoàn tất một công việc lớn trong vòng một ngày, nó có thể cần nhiều ngày, và công việc trong một ngày

có thể sẽ không tạo ra một hiệu quả gì đáng kể; nhưng dù sao đi nữa, công việc mỗi ngày đều là cần thiết để hoàn tất một công trình vĩ đại, và nếu một người chỉ biết sống nhàn rỗi qua ngày vì đối với y việc hoàn thành công việc lớn đó có vẻ xa xôi quá thì chắc chắn y sẽ không bao giờ hoàn tất được nó.

Có một số người khi đến cuối đời mới gặp giáo lý Thông Thiên Học, họ cảm thấy hơi chán nản với quan niệm là bây giờ họ đã quá già để thực hành nghiêm túc hoặc làm bất kỳ công việc gì có giá trị, và có lẽ điều tốt nhất mà bây giờ họ có thể làm là tiếp tục sống lặng lẽ cho đến cuối kiếp này với hy vọng rằng họ có thể có một cơ hội tốt hơn trong kiếp sau.

Đây là một điều sai lầm đáng buồn vì những lý do khác nhau. Bạn không biết Nhân Quả đang chuẩn bị cho bạn kiếp sống như thế nào trong lần luân hồi kế tiếp trên trái đất này. Bạn không biết liệu với bất kỳ hành động nào trước đây, bạn có xứng đáng để có cơ hội được sinh ra trong môi trường Thông Thiên Học hay không. Trong mọi trường hợp, phương pháp hữu hiệu nhất để đảm bảo sự đầu thai như vậy là tận dụng cơ hội đã đến với bạn bây giờ, vì có một sự thật rõ ràng nhất về tất cả những gì chúng ta đã học được về tác động của luật nhân quả vĩ đại là kết quả của việc tận dụng một cơ hội luôn là một cơ hội khác lớn hơn sẽ được tạo ra. Vì vậy, nếu bạn bỏ qua cơ hội được đặt ngay trước mặt bạn bây giờ khi gặp gỡ giáo

lý Thông Thiên Học, có lẽ bạn sẽ không có cơ hội đó nữa trong kiếp đầu thai tương lai.

Nếu một người cố gắng làm việc nghiêm túc và thâm nhuần tâm hồn của họ một cách triệt để với giáo lý của Thông Thiên Học, điều đó sẽ được xây dựng vào trong linh hồn của y và sẽ thu hút y mạnh mẽ đến nỗi, cho dù y có thể không nhớ nhiều chi tiết về nó, nhưng theo bản năng chắc chắn y sẽ đi tìm nó và nhận ra nó trong kiếp đầu thai tới. Do đó, mỗi một người nên bắt đầu công việc Thông Thiên Học ngay từ lúc họ nghe về nó, vì bất cứ điều gì họ có thể đạt được, cho dù bé nhỏ đến đâu cũng sẽ rất bổ ích, và ngày hôm sau họ sẽ bắt đầu từ chỗ mà họ đã ngừng lại ngày hôm nay. Hơn nữa, nếu họ cố gắng làm những gì mà họ có thể làm được với những dẫn thể họ sở hữu hiện thời, cho dù chúng có thể tỏ ra buồn bình và không chịu đáp ứng vì chúng thiếu tính chất mềm dẻo, họ vẫn nên quyết tâm làm đủ mọi thứ để xứng đáng nhận lấy các dẫn thể mềm dẻo hơn trong kiếp lai sinh. Do đó, không có một nỗ lực nào bị mất đi, và không bao giờ quá muộn trong bất cứ một kiếp nào để chúng ta cất bước lên con đường dài, rất dài hướng về phía trước để bắt đầu một công việc vinh quang là giúp đỡ những người khác.

Với sự sống vĩnh hằng trước mặt chúng ta, thật là sai lầm khi ta phải lo sợ chỉ vì một ngày hiện tại đã sắp tàn, hay vì tuyệt vọng mà bỏ bê công việc chuẩn bị cho ngày sắp tới. *Quyển Ánh sáng trên đường Đạo*

có nói: “Hãy diệt lòng ham sống.” Điều này thường bị hiểu lầm, nhưng ý nghĩa của nó rất rõ ràng. Bạn không thể mất đi sự sống, vậy thì tại sao bạn lại ham muốn nó? Nó không thể bị lấy mất đi từ bạn. Đồng thời, câu nói này có nghĩa là bạn nên diệt đi những ham muốn về những trạng thái đặc biệt của cơ thể.

THIỀN

Tôi nghĩ những thành viên của chúng ta đôi khi có sự hiểu lầm về thiền vì họ chưa hoàn toàn hiểu được chính xác cách thức nó làm việc như thế nào. Đôi khi, họ nghĩ rằng vì họ không cảm thấy hạnh phúc và sáng khoái sau khi tham thiền, công việc đó đã thất bại và hoàn toàn vô dụng, hay họ tự nhận thấy rằng bản thân quá trì độn, nặng nề và không thể tham thiền được. Dường như bất kỳ cái gì về thiền cũng không được thực tế lắm đối với họ, không có gì là chắc chắn, và họ cảm thấy rằng họ không đạt được một tiến bộ nào. Họ cho rằng như vậy là lỗi của họ, và họ tự trách mình, nhưng họ thường tự hỏi vậy họ có thể làm gì để cải thiện vấn đề này và khôi phục lại niềm vui mà họ từng đã có.

Bây giờ, sự thật là kinh nghiệm tham thiền đều là của tất cả mọi người đang đi tìm đời sống tinh thần. Bạn sẽ khám phá ra rằng những vị Thánh bên đạo

Công giáo thường hay nói về sự đau khổ của họ ở những giai đoạn mà họ gọi là “sự khô héo của tinh thần khi tất cả dường như đều vô vị và họ cảm thấy rằng dường như họ đã không còn nhìn thấy được Thượng Đế nữa. Hãy thử tưởng tượng tôi đang ngồi nhìn qua một cửa sổ mở rộng đến một con đồi rất đẹp đẽ, nhưng bầu trời lại ảm đạm xám xịt với những đám mây nặng nề dày cả mấy dặm. Tôi chưa nhìn thấy được Mặt Trời đã ba ngày rồi. Tôi không thể cảm nhận được những tia sáng của nó, nhưng tôi biết nó ở đó và tôi biết một ngày nào đó, đám mây này sẽ qua đi như những đám mây khác đã từng qua đi như vậy, và tôi sẽ thấy mặt trời lần nữa. Điều thiết yếu cho cuộc sống trên thế gian này là nó vẫn còn ở đó chứ không phải là tôi phải nhìn thấy được nó. Dĩ nhiên sẽ thoải mái hơn khi tôi nhìn thấy được nó và cảm nhận được sự ấm áp của tia sáng của nó, nhưng đó không phải là một sự cần thiết trong cuộc sống. Tôi biết rất rõ cảm giác của những người này và nói rằng cảm giác của chúng ta không quan trọng chỉ là sự an ủi lạc lõng, mặc dù là trên thực tế nó là thực tiễn.

Tôi nghĩ tốt nhất chúng ta nên nhớ rằng việc tham thiền của chúng ta có rất nhiều mục tiêu như chẳng hạn:

Đề bảo đảm rằng, cho dù chúng ta có bận rộn với công việc của thế gian bao nhiêu đi nữa, ít nhất chúng ta vẫn sẽ dành một chút thời gian để suy nghĩ về một lý tưởng cao thượng hàng ngày.

Để đưa chúng ta đến gần Đức Thầy và Thượng Đế, để từ Họ mà sức mạnh có thể được tuôn tràn xuống chúng ta và xuyên qua chúng ta để giúp ích cho nhân loại.

Để huấn luyện các thể cao hơn của chúng ta, hầu chúng có thể luôn được tập dợt để đáp ứng với những rung động cao nhất - để tạo cho chúng một thời khóa biểu tập thể dục hay rèn luyện đều đặn như đối với thể xác.

Bây giờ, bạn sẽ thấy là tất cả các mục tiêu này sẽ được thành tựu hết cho dù chúng ta có cảm thấy hạnh phúc hay không. Nhiều người lầm to khi cho rằng một buổi thiền mà không được như ý *đối với họ* là vô hiệu quả. Giống như một cô bé tập chơi đàn dương cầm hàng ngày, đôi khi có thể cô bé có hứng thú một phần nào khi chơi đàn, nhưng thông thường thì nó chỉ là một sự chán ngán, và suy nghĩ duy nhất của cô ta là cố gắng tập chơi cho xong càng sớm càng tốt. Cô ta không biết nhưng chúng ta biết rằng mỗi giờ như vậy là ngón tay cô ta đang học thích ứng với cây đàn, và càng ngày nó sẽ đem tới sự yêu thích về âm nhạc mà cô không thể tưởng tượng được mình sẽ có trong tương lai. Bạn sẽ thấy là mục tiêu sẽ được thành tựu bằng những giờ tập dợt không vừa ý và không ưa thích cũng như những giờ mà cô ta thích. Do đó, trong việc tham thiền, đôi khi chúng ta sẽ thấy thích thú và sảng khoái, nhưng đôi khi lại không thấy, nhưng trong cả hai trường hợp thì nó vẫn tác động

trên các thể cao hơn của chúng ta như những môn tập thể dục hoặc thể thao để giúp đỡ phát triển thể xác của chúng ta. Nó thoải mái hơn khi bạn có được cái mà bạn gọi là một buổi tham thiền “tốt;” nhưng điều khác nhau duy nhất giữa một buổi thiền dường như tốt hay dường như xấu là kết quả của nó trên cảm giác của chúng ta, chứ không phải trên hiệu quả thật sự mà nó tác động trên sự tiến hoá của chúng ta.

Lý do của sự chán ngán tạm thời không phải luôn ở bên trong chúng ta - hay nói cách khác, nó không phải luôn là một điều gì có thể được cho là lỗi của chúng ta một cách hợp lý. Thông thường, toàn bộ chỉ là cảm giác của thể xác, một hậu quả của sự mệt mỏi quá độ hoặc căng thẳng của hệ thần kinh, thường do ảnh hưởng của môi trường cảm dục và tư tưởng chung quanh ta. Dĩ nhiên đó là nghiệp chướng của chúng ta khi phải chịu một ảnh hưởng như vậy, và do đó theo một cách suy nghĩ xa xôi nào đó chúng ta cũng phải chịu gánh trách nhiệm. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng ta chỉ có thể làm hết sức mình và không cần phải tuyệt vọng hay hao phí thời gian để tự trách bản thân.

Cũng có một lý do khác có thể xảy ra là vì vào một thời điểm nhất định nào đó, ảnh hưởng của các hành tinh sẽ tạo ra một lợi thế thuận tiện hơn cho sự tham thiền so với những lúc khác. Bản thân tôi không biết gì về điều này, vì tôi chưa bao giờ từng nghiên cứu về ảnh hưởng của các hành tinh trong vấn đề này,

mà lúc nào cũng cố gắng ép mình đạt được những gì tôi mong muốn. Tuy nhiên, tôi có nghe một người bạn nói rằng một nhà thiên văn đã từng nói với y trong một vài trường hợp đặc biệt khi sao Mộc có những liên hệ nhất định với mặt trăng thì hậu quả là bầu khí quyển dĩ thái sẽ nở rộng và làm cho việc tham thiên dễ hơn, hay ít nhất làm cho nó có vẻ thành công hơn. Nhà thiên văn đó cho y một danh sách mà y đã tham khảo sau khi ghi lại trạng thái tham thiên của y đều đặn hàng ngày trong vòng ba hay bốn tuần, và y nhận thấy rằng kết quả phối hợp rất chính xác với các ảnh hưởng đã được tiên đoán. Ngược lại, khi sao Thổ chiếu xuống thì nó sẽ thu hẹp lại bầu khí quyển dĩ thái, làm cho việc tham thiên khó hơn, và điều này cũng được chứng minh theo cách nói trên.

Tư tưởng cao cả nhất mà chúng ta có thể có là tư tưởng của vị Chúa Tể tối cao của mọi loài, nhưng dĩ nhiên chúng ta không nên cho rằng tư tưởng của chúng ta có thể thay đổi được bất cứ một điều gì trong thái độ của Đấng Tối Cao đối với chúng ta. Những người học sinh như chúng ta phải vượt qua trình độ của người còn suy nghĩ rằng y có thể tạo ra một sự thay đổi gì nơi Đấng Tối Cao - một ý tưởng chỉ thuộc về một số người trong nhóm Công giáo thiếu kiến thức và hiểu biết về triết lý. Tuy nhiên, bản thân chúng ta sẽ nhận được những ảnh hưởng đặc biệt khi chúng ta mở tâm hồn ra với Ngài. Nếu bạn mở cửa sổ của phòng bạn ra với mặt trời, môi trường của căn

phòng bạn sẽ được thay đổi rất nhiều do sức nóng của mặt trời, nhưng mặt trời sẽ không vì vậy mà bị thay đổi bởi việc mở cửa sổ của bạn. Hãy mở cửa linh hồn của bạn với Thượng Đế.

Trong khi tham thiền ta hãy thử nghĩ về Đại Ngã Tối Cao ngự trị trong mọi thứ và mọi loài trong Ngài. Hãy thử tìm hiểu cách nào Đại Ngã đang cố gắng tự biểu lộ qua hình thể. Một cách thực hành như vậy là thử đồng hóa tâm thức của bạn với một số sinh vật, như con ruồi, con kiến, hoặc cây cối. Hãy cố thấy và cảm nhận mọi thứ như chúng thấy và cảm nhận mọi thứ, cho đến lúc bạn thiền quán sâu đến nỗi tất cả các tâm thức của cây cối hoặc côn trùng đều tan biến, và sự sống của Thượng Đế hiển hiện. Chúng ta là loài cao hơn cây cối và con kiến rất nhiều, do đó, sẽ không có nguy cơ là chúng ta không thể nào rút tâm thức của mình ra khỏi chúng khi sự trắc nghiệm đã chấm dứt. Dĩ nhiên, không phải chúng ta cầm tù tâm thức ta trong hình thể của cây cối hoặc con kiến, chúng ta chỉ mở rộng nó để nhận thức được sự sống trong mọi hình thể. Một người làm được điều này lần đầu tiên sẽ cảm thấy kinh ngạc khi y nhận ra được các giới hạn của loài thú khi chúng hành động; y có thể nghĩ con thú hành động theo một cách nhất định vì những lý do hiển nhiên, nhưng khi y thật sự đi vào tâm thức của con thú, y mới khám phá ra là động cơ và ý định của nó là hoàn toàn khác biệt. Một người đệ tử cũng phải đi qua quá trình này với những giống dân thấp

kém hơn của loài người, vì nếu không, y không thể nào giúp đỡ họ được hoàn toàn.

Điều này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu tận căn nguyên của Đại Ngã, và làm tan biến bóng tối và sự cô đơn thường hay đến với chúng ta ở một giai đoạn nào đó trên đường tiến hoá của chúng ta. Khi chúng ta biết được chắc chắn rằng chúng ta là một phần của toàn thể, chúng ta sẽ không còn quan tâm nhiều đến mảnh cá biệt này là gì, hoặc nó đang trải qua những kinh nghiệm gì. Bất kỳ chúng ta đang cô đơn như thế nào, chúng ta cảm nhận được, chúng ta biết được, là chúng ta không bao giờ chỉ có một mình. Đức Thầy lúc nào cũng ở đó chờ đợi giúp đỡ khi có thể. Chúng ta phải bỏ đi sự dính mắc với những hình thể cụ thể, và chúng ta không nên có một động cơ nào khác ngoài việc thi hành ý muốn của Thượng Đế. Chúng ta không nên bao giờ để cho cảm giác cô đơn làm chúng ta quên đi Đức Thầy hoặc mất đi lòng tin nơi Ngài, vì không có sự tiến bộ nào có thể có được trừ phi chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào Đức Thầy mà chúng ta chọn phụng sự. Nếu lòng tin chúng ta ở Ngài không nhiệt tâm, chúng ta không thể tiến bộ. Chúng ta không cần phải chọn một Đức Thầy trừ khi chúng ta muốn, nhưng một khi đã chọn rồi thì chúng ta phải *toàn tâm* tin tưởng ở Ngài và lời giáo huấn của Ngài.

Để kiểm soát thể trí, trước nhất hãy khép lại hết các giác quan đối với âm thanh và cảnh tượng bên ngoài, và trở nên vô cảm đối với những làn sóng tư

tưởng và cảm xúc từ những người khác. Việc này tương đối dễ dàng, nhưng giai đoạn kế tiếp sẽ rất khó, vì khi điều này được thực hiện thì bên trong những phiền nhiễu sẽ phát sinh từ các hoạt động không được kiểm chế của thể trí. Nhiều người khi bắt đầu thiền phải luôn cố gắng chiến đấu liên tục để đem tâm thức trở về một điểm duy nhất. Đây là lời khuyên được ghi lại trong *Tiếng Nói Vô Thình*: “Thể trí là kẻ giết chết sự thật, đệ tử hãy giết chết kẻ sát nhân.” Dĩ nhiên, bạn không nên huỷ diệt thể trí của bạn, vì bạn không thể nào làm việc mà không có nó, nhưng bạn phải làm chủ nó, nó là *của bạn* chứ không phải *là bạn*. Cách tốt nhất để không chế sự lang thang của nó là dùng ý chí. Người ta thường đề nghị là người đệ tử nên tự giúp đỡ bản thân bằng cách tạo ra một cái vỏ bảo vệ chung quanh y, nhưng dù sao đi nữa những cái vỏ cũng chỉ là những cái nặng. Hãy phát triển ý chí và bạn sẽ có thể vứt bỏ được những cái nặng như thế. Thể cảm dục cũng cố gắng chèn ép bạn như vậy và làm cho bạn tin rằng những ham muốn của nó là của bạn, đối với điều này chúng ta cũng phải đối phó nó bằng cách y hết như vậy.

Ý chí có thể được phát triển vô giới hạn. Thể xác có những giới hạn nhất định không thể vượt qua khi nó được phát triển, nhưng dường như không có một giới hạn nào trong trường hợp của ý chí. May thay, chúng ta có thể huấn luyện nó qua những việc nhỏ nhất bình thường mỗi ngày và suốt cả ngày, và chúng

ta không thể có một sự thực tập nào tốt hơn. Một người thu hết dũng khí để hy sinh bi thảm vì Đạo trước mặt số đông quần chúng còn dễ hơn là phải tiếp tục làm bốn phận chán ngắt hàng ngày với những người nhàm chán từ ngày này qua ngày khác và từ năm này đến năm khác. Công việc sau đòi hỏi nhiều ý chí hơn công việc trước. Tuy nhiên, hãy cẩn thận để bạn không làm cho người khác đau khổ vì nỗ lực phát triển ý chí của bạn. Đôi khi, có người thể hiện ý chí bằng cách bỏ nhà và bạn bè, và họ ra ngoài để đối đầu với mọi khó khăn và thiếu thốn để thực hiện công việc của Thông Thiên Học. Điều này rất đúng nếu người đó có hoàn toàn tự do để thực hành nó; nhưng nếu là một người bỏ vợ và gia đình vì mục đích đó, hay là một người con trai độc nhất bỏ rơi cha mẹ đang cần sự chăm sóc của y, sự bỏ bê trách nhiệm như vậy hiển nhiên là chuyện không ai có quyền làm, cho dù đó là vì những động cơ cao cả nhất.

Kết quả của sự tham thiền đều đặn là chúng ta bắt đầu xây dựng các thể của chúng ta bằng các chất liệu thanh nhẹ hơn. Ở giai đoạn này, chúng ta sẽ thường cảm nhận được những cảm xúc cao thượng đến từ cõi Bồ-đề phản ánh lên thể cảm dục, và dưới ảnh hưởng đó, chúng ta có thể làm được nhiều công việc tốt và hy sinh lớn lao. Nhưng tiếp theo đó cần phải có sự phát triển của thể trí và nhân thể để cho chúng ta có được sự cân bằng và ổn định, còn không, những cảm xúc cao thượng này đã từng hướng dẫn

chúng ta theo con đường thiện có thể dễ dàng trở nên méo mó chút ít và dẫn dắt chúng ta vào một vài đường lối không được mong cầu. Chỉ với cảm xúc thôi thì chúng ta không thể nào đạt được sự cân bằng hoặc ổn định hoàn hảo. Tuy khi những cảm xúc cao thượng đến là tốt, và chúng đến càng mạnh mẽ càng tốt, nhưng chỉ có như vậy thì không đủ. Trí tuệ và sự trầm ổn đều cần phải có vì chúng ta cần sức mạnh hướng dẫn của nó đồng với sức mạnh của động cơ. Ý nghĩa chính thực của Bồ-đề là minh triết, và khi nó đến thì nó sẽ bao trùm hết mọi thứ khác.

Minh chiếu, hay sự soi sáng tâm thức, có thể mang ba ý nghĩa khác nhau. Thứ nhất, một người, bằng cách tự bắt mình suy tư về một vấn đề gì thật tỉ mỉ và kỹ càng, có thể đi đến một vài kết luận về nó. Thứ hai, y có thể hy vọng thấy được một chút ánh sáng từ chân ngã về vấn đề này - để khám phá xem chân ngã thật sự suy nghĩ về vấn đề này như thế nào ở cõi của nó. Thứ ba, một người đã tiến hoá cao có thể chạm được đến tâm thức của Đức Thầy hay các bậc Đại Thiên Thần. Chỉ trong trường hợp thứ nhất những kết luận của y có thể bị phá hoại bởi những hình tư tưởng từ bản thân y. Chân ngã sẽ có khả năng vượt qua khỏi những ảnh hưởng này và Đức Thầy hoặc một vị Đại Thiên Thần cũng như vậy.

Tất cả những cách này đều giúp chúng ta nhìn thấy mọi việc như chúng thật sự là, nhưng chúng ta phải nhớ là chúng ta không chỉ phải hấp thụ được

thông tin từ cõi cao mà còn phải đem nó xuống bộ óc xác thịt, và ngay khi nó vừa đến bộ óc xác thịt thì nó sẽ bắt đầu bị nhuộm màu bởi các thành kiến sẵn có. Những gì chúng ta có thể làm được khi tham thiền đều dựa trên những gì chúng ta thường làm hàng ngày. Nếu chúng ta đã xây dựng quá nhiều thành kiến trong cuộc sống bình thường thì chúng ta không thể nào trốn thoát được chúng trong lúc tham thiền, nhưng nếu chúng ta kiên nhẫn cố gắng nhả hết các rễ thành kiến của mình và học chấp nhận những đường lối của các người khác cũng tốt như của chúng ta vậy, ít nhất chúng ta có thể bắt đầu tạo ra được một thái độ hoà nhã và bao dung để nó có thể đang tầm ảnh hưởng của nó đến trong thời khắc quan trọng của buổi tham thiền. Chúng ta rất dễ nhìn ra những khuyết điểm của bất cứ một ý kiến hoặc gợi ý mới nào vì những điều này hay lao vào trước mắt chúng ta, nhưng ta cũng phải lưu ý đến những ưu điểm không phải lúc nào cũng sẵn sàng xuất hiện.

Trong lúc tham thiền linh hồn xem phàm ngã cũng như những lúc khác, nó thường có đượm một chút khinh thường. Hãy nhớ rằng việc tham thiền không phải cho linh hồn mà là để huấn luyện các dẫn thể khác nhau trở thành một con kênh cho linh hồn. Nếu linh hồn đã phát triển thì nó sẽ tham thiền ở cấp độ của nó, nhưng không có nghĩa là sự tham thiền của nó sẽ xảy ra đồng thời với sự tham thiền của phàm ngã. Năng lực đi xuống lúc nào cũng từ linh hồn,

nhưng đó chỉ là một phần nhỏ đưa ra một khái niệm một chiều về mọi việc. Lúc tham thiền, một linh hồn đã tiến hoá sẽ cố gắng nâng tâm thức của nó trước nhất lên cõi Bồ-đề và rồi đi qua từng giai đoạn của nó ở nơi đó. Nó làm như vậy bất chấp những gì phàm ngã có thể đang làm trong lúc đó. Một linh hồn như vậy cũng có thể sẽ gửi một phần nhỏ của nó xuống cho phàm ngã lúc tham thiền, mặc dù sự tham thiền của bản thân chân ngã rất khác với phàm ngã.

Để phát triển quyền năng của linh hồn, sự kiểm soát tư tưởng là một điều kiện tiên quyết cần thiết. Khi tư tưởng được kiểm soát và ý chí được mạnh mẽ, nhiều thứ có thể được thành tựu trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như người sống lẫn người chết sẽ tiếp nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ linh hồn này, và những người bệnh hoặc buồn bã cũng có thể nhận được nhiều sự hỗ trợ và trở nên mạnh khoẻ hơn. Thật tốt nếu mỗi thành viên đều tập có thói quen bỏ ra một khoảng thời gian để rải những tư tưởng như vậy đến với những người quen biết của y - ý của tôi là, ngoài việc tham thiền bình thường mà y thực hiện để phát triển cho sự tiến bộ riêng của mình. Một tập thể đồng tham thiền có thể thực hiện được điều này đến một mức nào đó, những tư tưởng của mọi người được tập trung trong một vài phút về một người nào đó đang gặp khó khăn hay đau khổ với một nỗ lực quyết tâm gửi đến cho đương sự sức mạnh và lòng an ủi. Một quyền năng tương tự, nếu được dùng theo một cách

khác, thường chữa lành được những căn bệnh về thể chất.

Đối với sự phát triển của thông nhân và thông nhĩ, khó có thể coi chúng giống như là một kết quả mà chỉ là một phương tiện để đạt được kết quả. Dường như cách tốt nhất là chúng ta hãy sử dụng tất cả các quyền năng mà chúng ta đã có và đợi cho những quyền năng khác tự mở ra do kết quả của sự tu tập và phụng sự vị tha. Dĩ nhiên, những quyền năng như vậy sẽ là một trợ lực đáng kể, mặc dù chúng có thể là một mối hiểm họa nếu chúng đến trước khi nhân tánh đã được hoàn toàn thanh lọc. Dành cho những ai mong muốn mở chúng sớm hơn, tôi khuyên họ hãy coi lại quá trình mà tôi đã từng diễn tả trong chương cuối cùng của quyển *Bên Kia Cửa Tử*.

Nếu căn nhà đủ rộng, tốt nhất hãy dành riêng một căn phòng đặc biệt để tham thiền. Tôi không thấy có điều gì bất lợi khi để tụ tập lại một nhóm bạn trong căn phòng đó nếu nhóm đó nghiêm túc và hài hoà, nhưng *không nên* nếu nhóm đó có liên quan gì đến bàn luận hay tranh cãi. Nếu bạn đang thử nghiệm với các người đồng bóng thuộc bất cứ loại nào, tôi khuyên bạn nên dùng một căn phòng khác.

Bạn hỏi có nên đi vào căn phòng đó không nếu bạn đang cảm thấy lo âu: đừng lo, đừng chấp nhận ngay cả khả năng bạn có thể bị lo lắng. Tôi khuyên bạn không nên tạo ra một hình tư tưởng “Tôi đang lo lắng, vì vậy, tôi không nên vào” mà nên có một hình

tư tưởng ngược lại, “Tôi sắp vào đó, vì vậy tôi không còn lo lắng nữa.” Bạn sẽ khám phá ra rằng cách này hữu hiệu hơn.

CHƯƠNG IV

CÁC CÔI CAO

NIẾT BÀN

Nó thường được nói rằng đến thời điểm cuối cùng, tất cả những linh hồn cá nhân đều hợp nhất với Đại Hồn, và đôi khi các học sinh của chúng ta cảm thấy khó lý giải được điều này với những tuyên bố khác có ám chỉ là cá nhân tánh vẫn được duy trì trong hình thức này hoặc hình thức khác ngay cả ở cõi cao nhất. Sự thật là không có một kinh nghiệm nào mà chúng ta có thể có hoặc một tư tưởng gì mà chúng ta có thể tạo ra trong bộ não của chúng ta có thể diễn tả được những thực tại huy hoàng ở cõi Niết bàn và những cõi xa hơn nó. Chúng ta biết quá ít về sự huy hoàng siêu việt đó và những gì ít ỏi mà chúng ta biết được cũng không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được đầy đủ. Tuy nhiên, ở một quan điểm nào đó, nó có thể là một lỗi lầm khi chúng ta nói về sự hợp nhất của các linh hồn riêng biệt với Đại Hồn. Trên căn bản, mỗi linh hồn là một điểm linh quang của Thượng Đế Ba Ngôi nên nó không thể nào hợp nhất với cái mà

nó là một phần tử. Có lẽ một giải thích khác hợp lý hơn về sự kiện này là khi một linh hồn tiến hoá thì điểm linh quang đó sẽ trở thành một ngọn lửa, nó ý thức được nhiều hơn về sự đồng nhất của nó với sự sống thiêng liêng và do đó, Thượng Đế càng ngày càng có thể biểu lộ nhiều hơn qua nó.

Ít nhất, điều tôi có thể nói được là ở tầng cao nhất của tâm thức mà môn sinh nào của chúng ta có thể đạt đến, ngay cả ở tầng thường được gọi là Niết bàn, không có một cái gì bị mất đi cho dù đó là cá nhân tánh, năng lực suy nghĩ, khả năng đặt ra kế hoạch hay hành động. Trước đó rất lâu thì cá tính chia rẽ đã hoàn toàn biến mất, nhưng đây là một sự kiện hoàn toàn khác biệt. Ngài Edwin Arnold đã từng viết về trạng thái phúc lạc như “một giọt sương rớt vào trong biển cả sáng chói.” Những ai đã từng đi qua những kinh nghiệm kỳ diệu này phải biết rằng cho dù nó có vẻ mâu thuẫn, cảm giác thực sự là ngược lại và một diễn giải thích hợp nhất là bằng một cách nào đó, biển cả lại dường như đổ hết vào một giọt nước!

Tâm thức đó rộng lớn như biển cả, với “trung tâm của nó hiện diện khắp mọi nơi và chu vi của nó vô tận,” là một sự kiện vinh quang và vĩ đại; nhưng khi một người đã thành đạt đến mức độ này, y dường như nhận ra là tâm thức của y đã mở rộng để bao trùm tất cả, chứ không phải là y đã hoà tan vào một thứ gì khác. Và y rất đúng, vì cái mà y ngó ngàng tự cho là tâm thức của y chẳng bao giờ là của y mà chỉ là ánh

sáng của quyền năng, minh triết và tình thương thiêng liêng chiếu rọi qua y, và bây giờ y mới bắt đầu chiêm nghiệm được sự thật vĩ đại này. Trên thực tế, cái thường được coi là cá nhân tính (individuality) chỉ là một ảo tưởng và chưa bao giờ hiện hữu, nhưng tất cả những gì tốt đẹp và hoàn hảo nhất của ý tưởng này được bảo tồn cho đến quả vị Chân Tiên và thậm chí xa hơn nữa, đến thế giới của các vị Hành Tinh Thượng đế, những Vị chắc chắn là những cá nhân riêng biệt, dù rằng sự vĩ đại của Họ vượt khỏi tầm hiểu biết kém cỏi của chúng ta.

Cho dù có lẽ tôi sẽ không thành công, nhưng hãy để tôi cố gắng đưa ra một vài ý niệm thô thiển về kinh nghiệm mà một vài người chúng tôi đã từng có về cõi siêu việt này. Trước khi chúng tôi có đủ bản lĩnh để tự chạm đến cõi này, vì mục đích riêng của Ngài, Đức Thầy đã bao trùm chúng tôi trong vòng hào quang cao cả hơn của Ngài, và thông qua Ngài, chúng tôi được nâng đỡ để hiểu biết được một vài điều về sự lộng lẫy của cõi Niết bàn.

Hãy thử tưởng tượng cả vũ trụ đều được tràn ngập và bao phủ bởi một luồng ánh sáng sống động cực kỳ vĩ đại, và trong đó là một sự sống sinh động và niềm phúc lạc mãnh liệt không thể tả, vượt gấp một trăm ngàn lần hạnh phúc lớn nhất của cõi Thiên Đàng. Trước tiên, chúng tôi không cảm thấy gì ngoại trừ sự phúc lạc, chúng tôi không nhìn thấy gì ngoại trừ cường độ của ánh sáng; nhưng dần dần chúng tôi

bắt đầu nhận thấy ngay trong ánh sáng chói lọi này có những điểm sáng hơn, thật sự là những trung tâm được tạo ra từ ánh sáng, vì nơi đó không có gì ngoài ánh sáng, nhưng bằng một cách nào đó mà xuyên qua chúng, ánh sáng được toả ra rực rỡ hơn và lại có một phẩm chất mới cho phép nó được cảm nhận ở những cõi khác và thấp hơn, vì không có điều này thì ánh sáng lộng lẫy của nó không thể nào được cảm nhận. Cứ như vậy dần dần, chúng ta bắt đầu hiểu được những mặt trời phụ này là những vị Cao Cả, các vị Hành Tinh Thượng Đế, Đại Thiên Thần, Thần Nhân Quả, Phật, Bồ Tát và Chân Sư, và xuyên qua Họ mà ánh sáng và sự sống tuôn tràn xuống những cõi thấp hơn. Dần dần từng chút một, khi chúng tôi đã quen thuộc hơn với thực tế kỳ diệu này, chúng tôi bắt đầu thấy rằng, theo một ý nghĩa thấp hơn nhiều, ngay cả bản thân chúng ta cũng là một trọng tâm trong sơ đồ vũ trụ đó; và thông qua chúng ta ở một cấp độ thấp hơn nhiều, ánh sáng và sự sống đang chảy đến những sinh linh vẫn còn ở xa hơn nữa, không phải ở xa hơn từ nó vì tất cả chúng ta đều là phần tử của nó và không có thứ gì khác ở bất cứ nơi đâu, nhưng đi xa hơn từ việc nhận ra nó, hiểu nó, và kinh nghiệm về nó.

Nếu chúng ta có thể nhìn thấy và hiểu được một chút ít về sự kỳ diệu này, chúng ta có thể ở mức độ nào đó phản chiếu lại ánh sáng này cho những người khác kém may mắn hơn. Ánh sáng đó toả ra cho tất cả mọi người và nó là thực tại duy nhất. Tuy nhiên,

vì u mê và vì những hành động ngu dốt mà con người tự đóng cửa lại để họ không nhìn thấy được nó; nó giống như mặt trời chiếu ánh sáng và ban sự sống cho cả thế giới, nhưng lại có những người lẫn trốn trong hang động và ở dưới hầm nên họ không thể nhìn thấy được nó. Như một tấm gương được đặt vào đúng chỗ tại miệng hang động hay cửa hầm để cho những người ở bên trong nhìn thấy được sự lợi ích của ánh sáng ở một mức độ nào đó, cũng vậy, khi chúng ta đã nhìn thấy được ánh sáng thì ta có thể phản chiếu lại cho người khác đã tự đặt bản thân mình vào những nơi mà họ không thể trực tiếp nhận ra nó.

Không có từ ngữ nào mà chúng ta có thể dùng để diễn tả một chút gì về một trải nghiệm như vậy, vì tất cả những từ ngữ gì mà tâm trí ta quen thuộc đã biến mất từ lâu trước khi ta đạt được đến trình độ này. Dĩ nhiên, ở cấp độ này vẫn còn một vỏ bọc cho tinh thần, nhưng nó không thể được diễn tả bằng bất cứ ngôn ngữ gì. Theo một nghĩa, nó dường như là một hạt nguyên tử, nhưng theo một nghĩa khác, nó lại dường như là nguyên một cõi. Mỗi người đều là một trung tâm của tâm thức và do đó phải có một vị trí nhất định, vì một trung tâm của luồng sống của Thượng Đế phải ở một chỗ này hay chỗ kia. Tuy nhiên, con người vẫn cảm thấy mình là nguyên một cõi và có thể chuyển trung tâm của tâm thức đi bất cứ nơi nào khác, và đến một lúc nào đó khi sức mạnh của luồng sống này ngừng tuôn chảy thì lúc đó đôi

với y nó chính là một vỏ bọc. Y vẫn cảm nhận thấy được chính mình mặc dù y còn là nhiều hơn thế nữa, và y có thể nhận ra được những người khác. Y có thể nhận ra được một cách chính xác những vị Cao Cả mà y biết đến, nhưng đó là qua trực giác chứ không phải nhờ vào sự giống nhau với những gì y biết về Họ trước kia; nhưng nếu y tập trung tâm thức của mình về một trong những vị Cao Cả này, kết quả mà y nhận được sẽ là hình dạng của vị đó trong cái mà y biết đến là Augoeides (Nhân thể) ở hai cõi thấp hơn.

TAM NGUYÊN TINH THẦN

Các Chân Thần rõ ràng là những trung tâm lực của Thượng Đế, tuy nhiên mỗi Chân Thần đều có một sắc thái riêng của mình. Trong một người bình thường, Chân Thần chỉ liên hệ chút ít với Chân ngã (linh hồn) và phàm ngã, vốn là biểu lộ của Chân Thần qua một hình thức nào đó. Chân Thần biết ngay từ lúc bắt đầu mục tiêu của sự tiến hoá là gì và nắm được quá trình tổng quát của việc này, nhưng chỉ đến khi nào phần nhỏ của Chân Thần được biểu lộ trong Chân ngã đã phát triển đến giai đoạn khá cao, Y (Chân Thần) không có một ý thức gì về các chi tiết của đời sống dưới đây hay ít nhất có một chút hứng thú gì với chúng. Ở giai đoạn này, Y dường như không biết đến

các Chân Thần khác mà chỉ nghỉ ngơi trong niềm phúc lạc không thể nghĩ bàn, không có ý thức gì về những vùng lân cận. Tuy nhiên, khi sự tiến hoá phát triển, Y nắm bắt được những sự việc ở cõi thấp ngày càng nhiều hơn và cuối cùng Y nắm bắt được tất cả trong tay, và ở giai đoạn đó Y ý thức được bản thân mình cũng như những người khác, và tiếng nói của Y trong chúng ta trở thành Tiếng Nói Vô Thình. Tiếng nói đó thay đổi theo từng giai đoạn khác nhau đối với chúng ta. Hiện giờ, đối với tâm thức thấp hơn của chúng ta, đó là tiếng nói của linh hồn; khi chúng ta đã đồng hoá với linh hồn thì đó là tiếng nói của Tinh thần, và khi chúng ta đã đạt đến cấp độ Tinh thần thì đó là tiếng nói của Chân Thần, và đến một tương lai xa vời hơn nữa, khi chúng ta đã hoàn toàn đồng hoá với Chân Thần thì đó sẽ là tiếng nói của Thượng Đế. Tuy nhiên, trong mỗi trường hợp chúng ta phải khuất phục cái ngã thấp hơn để vươn lên hầu chúng ta có thể nghe được tiếng nói của cái ngã cao hơn.

Chân Thần luôn luôn ngự trị ở cõi thứ hai và khi đi xuống cõi thứ ba (cõi Niết bàn), Y tự biểu lộ thành Tam Nguyên Tinh Thần, và tam nguyên tinh thần này là một phản ảnh, hay chính xác hơn là một biểu hiện của Thượng đế khi Ngài tự biểu lộ trong các cõi của chúng ta. Biểu lộ đầu tiên của Ngài ở cõi cao nhất của chúng ta cũng là tam phân. Ở phương diện thứ nhất trong ba phương diện, Ngài không biểu lộ chính Ngài ở bất cứ cõi nào thấp hơn cõi cao nhất (Tối Đại Niết

Bàn), nhưng ở phương diện thứ hai Ngài đi xuống cõi thứ nhì (Đại Niết Bàn) và khoác lên mình một lớp áo của chất liệu cõi đó và như vậy tạo ra một biểu lộ hoàn toàn riêng rẽ. Ở phương diện thứ ba, Ngài đi xuống phần cao của cõi thứ ba (Niết Bàn) và khoác lên người chất liệu của cõi đó, và như vậy Ngài tạo ra biểu lộ thứ ba. Ba biểu lộ này là “Thượng Đế Ba Ngôi” mà đạo Thiên Chúa hay tuyên truyền theo chủ nghĩa Athanasian (Đạo Cứu Rỗi) là chúng ta phải nên tôn thờ “Thượng Đế Ba Ngôi và Ba Ngôi Hợp Nhất mà không lẫn lộn các Ngôi hoặc phân chia vật chất” - có nghĩa là, không nên bao giờ nhầm lẫn trong cái trí của chúng ta công việc và chức năng của ba biểu thị riêng biệt này, mỗi phương diện biểu lộ ở cõi riêng của nó, nhưng đừng quên đi sự hợp nhất vĩnh hằng trong “vật chất,” sự sống đồng sau vạn vật như nhau ở cõi cao nhất, nơi mà ba phương diện này là một.

Bây giờ quá trình này được lập lại y như vậy trong trường hợp của con người, quả thật được tạo theo hình ảnh của Thượng Đế. Tinh thần là bộ tam nguyên trên cõi thứ ba, và phương diện đầu tiên của nó không đi xuống cõi thấp hơn nữa. Biểu lộ thứ nhì đi xuống một cấp, đến cõi thứ tư, và khoác lên lớp áo với chất liệu của cõi đó, và như vậy chúng ta gọi nó là *buddhi* (thể Bồ-đề). Cũng như trước kia, phương diện thứ ba đi xuống dưới hai cõi và tự bao bọc nó trong chất liệu của cảnh cao nhất của cõi trí mà chúng ta gọi nó là *manas*, và bộ ba *Atma - buddhi - manas*,

biểu lộ trong nhân thể, là cái mà chúng ta gọi là linh hồn, hay Chân ngã.

Đừng bao giờ quên rằng Chân ngã không phải chỉ là *manas* (thể trí) mà là Tam Nguyên Tinh thần (spiritual triad); ở giai đoạn tiến hoá hiện giờ của chúng ta, nó đang nghỉ ngơi ở trong nhân thể tại các cảnh cao hơn của cõi trí, nhưng khi đi lên trên nữa, tâm thức của nó sẽ tập trung vào cõi Bồ-đề, và sau khi đạt được quả vị Chân Tiên thì nó sẽ chuyển qua cõi Niết bàn. Tuy nhiên, ta không nên cho rằng khi sự phát triển xa vời này xảy ra thì thể trí tự nhiên bị mất đi bằng một cách nào đó. Khi linh hồn rút lên cõi Bồ-đề, nó sẽ kéo thể trí lên theo với nó trong cái biểu lộ của thể trí mà lúc nào cũng hiện diện ở cõi Bồ-đề nhưng chưa được làm linh hoạt cho đến lúc đó. Cũng tương tự như vậy, khi linh hồn rút lên cõi Niết bàn, trạng thái *manas* và *buddhi* cũng hiện diện đầy đủ trong nó như vẫn luôn là thế, do đó Tam Nguyên Tinh thần bây giờ đã hoàn toàn biểu lộ trong cõi của nó với ba phương diện đầy đủ. Cho nên, Tinh thần thật sự là bảy phần vì nó là ba phần ở cõi của nó, hai phần ở cõi Bồ-đề, và một phần ở cõi trí, và sự hợp nhất tạo ra con số tổng hợp là bảy phần. Mặc dù có rút lên cõi cao hơn nhưng nó vẫn giữ được bản chất của các cõi thấp hơn.

Đây có lẽ là ý của Bà Blavatsky khi bà nói về noãn hào quang (auric egg), nhưng bà lại chỉ nói vòng quanh ý tưởng này một cách rất thần bí, và có vẻ như

là bà bị kẹt vào một lời cam kết nào đó không được viết tự do về điều này. Bà không bao giờ giải thích rõ ràng về Tam Nguyên Tinh thần, nhưng hiển nhiên Bà cố gắng gợi ý tưởng này mà không nói ra rõ ràng, vì bà nhấn mạnh sự kiện rằng như cõi trung giới có thể được coi là phản ảnh của cõi Bồ-đề thì cõi trần cũng có thể được coi là phản ảnh của cõi Niết Bàn, và rồi bà nhấn mạnh sự kiện là con người có ba thể hoặc dụng cụ ở cõi trần - rồi rõ ràng đi xa hơn nữa để làm cho điều này hợp lý bằng cách phân chia thể xác của con người thành hai phần, phần đậm đặc và phần dĩ thái, rồi cộng thêm vào nguyên lý thứ ba là dòng sinh lực (prana) lưu chảy trong chúng. Bây giờ, vì dòng sinh lực này vốn hiện diện ở mọi cõi, như vậy nó cũng được coi như là một nguyên lý bổ sung thêm cho cõi trung giới và cõi trí cũng như ở cõi trần, nên có vẻ như vì một lý do nào đó mà bà phải tạo ra một cách sắp xếp lạ lùng như vậy, và có thể lý do này được tìm thấy trong ý bà muốn ám chỉ về tam nguyên tinh thần mà không cần phải thật sự nhắc đến nó. Tôi nghĩ rằng bà Hội Trưởng đã từng nói là khi Bà Blavatsky nói về noãn hào quang thiêng liêng, ý bà muốn nói về bốn hạt nguyên tử trường tồn trong cái bọc của chất liệu Niết-bàn.*

(*Ghi chú: trong *Esoteric Instructions*, Bà Blavatsky có nhắc đến “auric egg with atmic aura,...and the four permanent atoms might be taken to mean Buddhic, Manas, Kama-manas, and Linga sharira.”)

TÂM THỨC BỒ-ĐỀ

Một người ích kỷ không thể nào hoạt động ở cõi Bồ-đề vì bản chất của cõi đó chính là sự thông cảm và thấu hiểu triệt để, không còn tính vị kỷ. Một người không thể tạo ra thể Bồ Đề cho đến khi y chinh phục được hai cõi thấp hơn. Có một sự liên hệ chặt chẽ giữa cõi Trung giới và cõi Bồ Đề, cõi trước là phản ảnh của cõi sau theo một cách nào đó, nhưng không nên vì thế mà ta cho rằng một người có thể nhảy từ tâm thức ở cõi Trung giới lên cõi Bồ Đề mà không cần phải phát triển những dẫn thể ở giữa.

Chắc chắn ở các cảnh cao nhất của cõi Bồ Đề một người sẽ trở thành một với tất cả mọi người khác, nhưng chúng ta không nên cho rằng vì vậy mà y sẽ cảm thấy mình giống y hệt như mọi người khác. Không có lý do gì để nghĩ rằng chúng ta sẽ cảm thấy hoàn toàn giống y như mọi người khác - tại sao chúng ta phải là như vậy? Ngay cả Đức Phật cũng có đệ tử yêu thích của Ngài là Ananda, ngay cả Đức Christ cũng xem Thánh John Yêu Dấu đặt biệt hơn những người khác. Sự thật là sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ yêu thương hết mọi người như chúng ta yêu thương người thân nhất và gần gũi nhất của chúng ta, nhưng đến lúc đó thì chúng ta cũng sẽ phát triển một thứ tình

thương khác đối với những người thân nhất và gần gũi nhất của chúng ta mà hiện nay chúng ta chưa có thể ý thức được. Tâm thức Bồ Đề bao gồm tâm thức của nhiều người khác nên bạn có thể tự đặt mình vào vị trí của một người khác và cảm nhận được y như họ, nhìn thấy thực sự họ từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Trong mỗi quan hệ đó, bạn sẽ không cảm thấy mình rút người lại trước một kẻ xấu xa bởi vì bạn nhận ra được họ chính là một phần của bạn, cái phần yếu đuối hơn. Bạn sẽ ước muốn giúp đỡ y bằng cách dồn sức cho phần yếu đuối đó của mình. Điều được đòi hỏi là ta phải thực sự nằm ở trong thái độ này để thực hiện điều đó chứ không phải chỉ bàn luận hoặc suy nghĩ một cách mơ hồ về nó, và bản lãnh này không phải dễ dàng đạt được.

KINH NGHIỆM

Mỗi một linh hồn không nhất thiết phải trải qua hết mọi thứ kinh nghiệm vì khi tâm thức bạn lên đến cõi Bồ Đề, bạn có thể đạt được kinh nghiệm của người khác, ngay cả của những người đã từng chống đối sự tiến hoá. Chúng ta sẽ cảm nhận qua sự thông cảm. Chúng ta có thể rút lui tâm thức của mình nếu chúng ta không muốn cảm nhận sự đau khổ của một người khác, nhưng chúng ta nên chọn **cảm nhận** nó

vì chúng ta mong muốn giúp đỡ. Trên cõi Bồ Đề, chúng ta bao bọc người đó trong tâm thức của chúng ta và cho dù y không biết gì về điều này, sự bao bọc như vậy sẽ giúp giảm bớt sự đau khổ của y. Theo lẽ thì tất cả chúng ta đều đã trải qua hầu hết các giai đoạn kinh nghiệm của người dã man và người bán khai. Một vị Chân Tiên đương nhiên sẽ muốn loại trừ hay giảm thiểu mọi sự đau khổ, nhưng chúng ta có thể dễ dàng tưởng tượng ra một trường hợp mà Ngài nhận thấy rằng sự can thiệp sẽ là một điều xấu hơn là điều tốt cho đương sự nếu nguyên nhân gây ra đau khổ sẽ mang lại cho y một lợi ích vượt xa sự đau khổ của y hiện thời. Tầm nhìn của Ngài rất trọn vẹn chứ không phải bán phần. Sự thông cảm của Ngài sẽ sâu sắc hơn chúng ta, nhưng Ngài sẽ không biểu hiện nó qua hành động trừ phi đó là điều hữu ích.

CÁC CỖI

Trong bất cứ sơ đồ nào biểu tượng cho các cõi khác nhau trong vũ trụ, chúng ta thường vẽ chúng nằm trên nhau như những kệ của tủ sách. Nhưng khi giải thích sơ đồ đó thì chúng ta phải giải thích cẩn thận rằng sơ đồ đó không nên được hiểu theo nghĩa đen vì tất cả các cõi đều thâm nhập lẫn nhau và mọi cõi đều luôn hiện diện nơi đây quanh chúng ta. Điều

đó hoàn toàn là đúng, nhưng sự sắp xếp các cõi giống như kệ tủ sách cũng đúng. Có thể chúng ta nên đưa ra một thí dụ tương tự như vậy từ trạng thái của chất liệu đang hiện hữu trên trái đất này. Vì mục đích thực tế, chúng ta có thể coi những vật cứng rắn chỉ tồn tại dưới chân chúng ta như là tầng thấp nhất của chất liệu cõi trần, mặc dù đúng là có vô số hàng triệu hạt phần tử của chất đặc dĩ nhiên đang lơ lửng trong bầu không khí trên đầu chúng ta.

Chúng ta có thể nói một cách đại khái rằng chất lỏng của trái đất (chủ yếu là nước) nằm trên bề mặt của chất đặc, mặc dù một lần nữa đúng là có một số lượng lớn chất nước ngấm vào lòng mặt đất dưới chân chúng ta cũng như có hàng triệu tấn nước nằm ở trên bề mặt của mặt đất dưới dạng những đám mây. Tuy nhiên, phần lớn chất lỏng của trái đất có nằm trên chất đặc dưới dạng đại dương, hồ, và sông. Kế đó, chất khí của trái đất chúng ta (chủ yếu là bầu khí quyển) nằm ở trên bề mặt của nước và đất và nó lan ra ngoài không gian xa hơn nhiều so với chất lỏng và chất đặc.

Tất cả ba trạng thái của vật chất đều tồn tại nơi đây trên bề mặt của trái đất mà chúng ta đang sinh sống, nhưng thông thường nước ở dạng mây vươn ra xa hơn trên bề mặt so với bụi (chất đặc) và lại nữa, không khí, mặc dù thâm nhập vào cả hai trạng thái kia, lan ra xa hơn nữa. Đây không phải là một cách tẻ

lắm để giải thích về sự sắp xếp của thành phần vật chất ở những cõi cao hơn.

Cái mà chúng ta gọi là cõi trung giới có thể được coi là thể vía của trái đất. Chắc chắn nó tồn tại xung quanh chúng ta và thâm nhập vào lòng đất cứng rắn dưới chân chúng ta, nhưng nó cũng vươn ra xa trên đầu chúng ta đến nỗi chúng ta có thể nghĩ về nó như một quả cầu khổng lồ bằng chất liệu trung giới với trái đất nằm ở ngay trung tâm của nó, cũng như thể xác của con người sống trong một hình quả trứng chứa đầy chất liệu trung giới, chỉ khác là trong trường hợp của trái đất, kích thước của phần thể vía lộ ra bên ngoài trái đất lớn hơn rất nhiều so với trường hợp của con người. Tuy nhiên, cũng giống như trường hợp của con người, phần tập hợp dày đặc nhất của chất liệu thể vía nằm bên trong vòng chu vi của thể xác, cho nên trong trường hợp của trái đất, phần lớn của chất liệu trung giới cũng được tập hợp lại ở trong vùng giới hạn vật lý của quả địa cầu.

Tuy nhiên, phần của thể vía lộ ra bên ngoài phần thể xác của trái đất vươn ra xa gần bằng đường bán kính trung bình của quỹ đạo mặt trăng đến nỗi hai thể vía của trái đất và mặt trăng có thể chạm vào nhau khi quỹ đạo của mặt trăng nằm ở cận điểm (perigee), nhưng không chạm vào nhau khi mặt trăng nằm ở viễn điểm (apogee). Như vậy, ngẫu nhiên là vào một thời điểm nhất định trong một tháng, sự thông thương giữa thể vía của mặt trăng và trái đất có thể xảy ra,

trong khi ở những thời điểm khác thì việc này không thể được.

Thế trí của trái đất chúng ta cũng có một tỷ lệ tương đương với thể vía, như thể vía có tỷ lệ tương đương với thể xác. Nó cũng là một quả cầu không lồ đồng tâm với hai quả cầu kia và thâm nhập luôn cả hai, nhưng nó vươn ra xa hơn từ trung tâm so với quả cầu thể vía. Chúng ta có thể thấy kết quả của điều này là ví dụ của các kệ sách cũng có một phần nào hợp lý, vì trong khi chất liệu của tất cả mọi cõi đều tồn tại cùng nhau ở dưới đây, vượt quá giới hạn của bầu khí quyển cõi trần của trái đất có một lớp vỏ khá lớn chỉ bao gồm chất liệu của cõi trung giới và cõi trí, và bên ngoài nữa lại có một cái vỏ tương tự khác chỉ bao gồm chất liệu của cõi trí.

Khi chúng ta đến cõi Bồ Đề thì nó vươn ra quá xa đến mức chúng ta có thể nói những thể Bồ Đề của các hành tinh khác nhau trong dãy địa cầu chúng ta đều chạm vào nhau, và do đó chỉ có một thể Bồ Đề cho nguyên một dãy, có nghĩa là ở trong thể Bồ Đề, người ta có thể di chuyển từ hành tinh này đến hành tinh khác. Tôi cho rằng khi sự nghiên cứu theo cách tương tự như vậy được thực hiện với cõi Niết Bàn, người ta sẽ khám phá ra rằng chất liệu của cõi đó vươn ra xa đến nỗi tất cả những dãy tiến hoá khác cũng được bao gồm trong đó, có lẽ là toàn bộ một thái dương hệ.

Tất cả điều này đều đúng như thế, nhưng nó vẫn chưa đưa ra được một ý niệm rõ ràng về tình huống của các sự kiện, vì sự thật là bộ não của chúng ta chỉ có thể nắm bắt được ba chiều đo trong khi trên thực tế còn có rất nhiều chiều đo khác nữa, và khi chúng ta nâng cao tâm thức của mình từ cõi này sang cõi khác, mỗi bước này sẽ mở ra trước mắt chúng ta khả năng hiểu biết thêm một chiều đo nữa, trong số các chiều đo này. Vì vậy, điều này làm khó cho chúng ta mô tả thật chính xác tình huống của những người đã từ bỏ đời sống cõi trần để đi qua các cõi khác. Một số trong các người này có xu hướng luẩn quẩn chung quanh ngôi nhà trần thế của họ để giữ liên lạc với bạn bè và những chỗ mà họ quen thuộc trong kiếp sống vừa qua ở cõi Trần; mặt khác, có những người khác lại có xu hướng bay lơ lửng đi xa và tự tìm kiếm cho mình, như thể bằng cách dùng trọng lượng, một chôn hay một cõi rất xa xôi hơn từ bề mặt của trái đất.

Ví dụ, một người bình thường khi đi vào đời sống thiên đàng có xu hướng lơ lửng ở khoảng cách khá xa trên bề mặt của trái đất, mặc dù ở một mặt khác, có một vài người trong số họ vẫn còn bị thu hút đến cõi của chúng ta. Tuy nhiên nói chung, cư dân của thế giới thiên đàng có thể được coi là ở trong một quả cầu hay một vòng tròn hay một khu vực nào đó bao quanh trái đất. Nơi mà các nhà Tâm Linh Học gọi là thế giới trường hạ vươn ra rất nhiều cây số trên đầu chúng ta, và vì những người cùng một sắc dân

hoặc một tôn giáo đều có xu hướng tụ tập với nhau sau khi chết cũng như khi sống, chúng ta có thể mô tả là có một cái gì giống như một mạng lưới của các thể giới trường hạ trong các đất nước được tạo ra do những cư dân trong đó.

Mọi người tự trôi vào cảnh của chính mình trên cõi trung giới giống như các vật trôi nổi trên biển cả. Điều này không có nghĩa là họ không thể đi lên hoặc đi xuống tùy ý, nhưng nếu không dùng một nỗ lực đặc biệt thì họ sẽ đến cảnh giới của họ và vẫn ở tại đó. Chất liệu của cõi trung giới cũng bị hấp dẫn về phía trung tâm của trái đất giống như chất liệu ở cõi trần, cả hai đều tuân thủ theo các định luật chung như nhau. Chúng ta có thể coi cảnh thứ sáu của cõi trung giới trùng khớp một phần nào với bề mặt trái đất, trong khi cảnh thấp nhất, hoặc cảnh thứ bảy, xuyên qua một khoảng cách nào đó vào bên trong trái đất.

Trạng thái bên trong trái đất của chúng ta không dễ gì diễn tả được. Có nhiều lỗ hổng lớn bên trong nó và có nhiều chủng tộc sinh sống bên trong những khoan này, nhưng họ không thuộc về dòng tiến hoá của chúng ta. Một trong những dòng tiến hoá này ở một mức độ thấp hơn hẳn bất kỳ sắc dân nào đang hiện tồn bên trên bề mặt trái đất, và nó được mô tả một phần nào đó trong kiếp sống thứ 17 của Alcyone được xuất bản gần đây trong tạp chí *Nhà Thông Thiên Học*, còn một loại khác thì gần ngang với trình độ của

chúng ta, nhưng lại hoàn toàn khác biệt với bất cứ thứ gì chúng ta từng biết.

Khi ta tới trung tâm của trái đất, vật chất tồn tại nơi đó ở trong một trạng thái thật khó có hiểu được đối với những người chưa nhìn thấy nó, một trạng thái đậm đặc hơn nhiều so với kim loại đặc nhất mà chúng ta biết đến, nhưng nó lại chảy lỏng như nước. Tuy nhiên, vẫn có một cái gì khác lạ ngay trong đó: vật chất như vậy quá dày đặc cho bất kỳ dạng sống nào mà chúng ta biết đến, nhưng nó vẫn có liên quan đến một dòng tiến hóa riêng của nó.

Sức ép kinh khủng ở nơi đây được Thượng Đế Ngôi Ba sử dụng để sản xuất những phần tử (elements) mới; trên thực tế, trung tâm của trái đất có thể được coi là phòng thí nghiệm của Thượng Đế vì nhiệt độ và áp suất ở nơi đây có thể đạt đến mức độ mà chúng ta ở trên mặt đất không thể tưởng tượng. Chính ở đây dưới sự chỉ đạo của Ngài, đội ngũ của các vị thiên thần và các tinh linh thiên nhiên thuộc loại đặc biệt kết hợp và phân tách, sắp xếp và tái sắp xếp các hạt nguyên tử căn bản hồng trần, hoạt động dọc theo hai đường xoắn ốc tuyệt vời được dùng làm biểu tượng cho hình toán số vô cực của Ngài William Crookes. Cũng từ điểm này, mặc dù thật khó tin đối với chúng ta, có một môi liên hệ trực tiếp với trái tim của mặt trời, đến mức các phần tử được tạo ra ở nơi đó (mặt trời) xuất hiện ở ngay trung tâm của trái đất mà không phải đi qua cái mà chúng ta gọi là bề mặt

của trái đất; nhưng thật vô ích cho chúng ta nói đến điều này cho đến khi nào các chiều đo không gian cao hơn được hiểu một cách tổng quát hơn, vì cũng như trong trường hợp của cõi trần, chất liệu dày đặc nhất của cõi trung giới quá dày đặc cho các dạng sống bình thường của cõi đó, nhưng nó cũng có những hình thù khác riêng của nó mà các nhà nghiên cứu ở bề mặt bên trên chưa hề biết đến.

Khi nghiên cứu ở trong lòng trái đất, chúng tôi không tìm thấy được một trục trung tâm (central shaft) nào chạy từ một cực điểm (pole) này sang cực điểm khác như đã được diễn tả bởi một số người đồng bóng, cũng như không tìm thấy được một số quả cầu đồng tâm nằm trên đệm hơi nước. Trong khi đó lại có một số lực lượng tác động qua những lớp đồng tâm, và nó thật không khó hiểu tại sao có những hiện tượng thiên nhiên đã đánh lừa được những người hoàn toàn có thiện ý khi họ đưa ra tuyên bố kể trên.

Chắc chắn là áp suất dĩ thái (etheric pressure) cũng có một sức mạnh như áp suất không khí (atmospheric pressure), và con người có thể sử dụng được lực này khi anh ta có thể phát hiện ra loại vật liệu nào có khả năng bao bọc chất dĩ thái. Áp suất này cũng tồn tại ở cõi trung giới. Ví dụ điển hình nhất là chuyện gì xảy ra khi con người rời khỏi cơ thể của mình khi ngủ hoặc khi chết.

Khi thể vía rút ra khỏi thể xác, chúng ta không nên cho rằng thể xác bị bỏ lại thiếu đi đôi phần cõi

trung giới của nó. Lập tức một áp lực thu hút chất liệu cõi trung giới xung quanh được tạo thành để lấp vào chỗ trống của cõi trung giới nơi đó, giống như nếu chúng ta tạo ra một vòng lỗc xoáy và rút không khí ra khỏi một căn phòng, luồng không khí từ bầu khí quyển xung quanh sẽ lập tức thổi vào nơi đó. Nhưng chất liệu cõi trung giới sẽ tương ứng với chất liệu cõi trần một cách chính xác lạ lùng khi nó thâm nhập vào cõi đó. Mỗi loại chất liệu cõi trần sẽ thu hút một loại chất liệu cõi trung giới với độ đậm đặc tương tự, cho nên chất đặc cõi trần sẽ được thâm nhập bằng loại mà chúng ta có thể gọi là chất đặc cõi trung giới, có nghĩa là, loại chất liệu của cảnh thấp nhất của cõi trung giới; trong khi chất lỏng của cõi trần sẽ được thâm nhập bởi chất liệu của cảnh kế bên trên, loại chất liệu lỏng của cõi trung giới, và đến lượt chất hơi cõi trần cũng thu hút đối tượng tương ứng của nó, đó là chất liệu của cảnh thứ ba của cõi trung giới từ dưới đếm lên, cái mà có thể được gọi là chất hơi trung giới.

Hãy lấy trường hợp của một ly nước: cái ly (thuộc chất đặc) được thâm nhập bởi chất liệu trung giới của cảnh thấp nhất, nước ở trong ly (thuộc chất lỏng) được thâm nhập bởi chất liệu trung giới của cảnh thứ hai, đếm từ dưới lên trên, trong khi không khí bao bọc cả hai (thuộc chất hơi) được thâm nhập bởi chất liệu trung giới của cảnh thứ ba, đếm từ dưới lên trên.

Chúng ta phải nhận ra rằng nếu như cái ly, nước và không khí đều được thâm nhập bởi chất dĩ thái hồng trần, cũng như vậy, đôi phần trung giới của chúng cũng được thâm nhập bởi chất liệu trung giới tương ứng với các loại dĩ thái khác nhau. Vì vậy, khi một người rút thể vía của y ra khỏi thể xác, lập tức ba loại chất liệu trung giới sẽ lấp vào đó vì cơ thể con người được hình thành từ ba loại chất đặc, chất lỏng, và chất hơi. Dĩ nhiên, cơ thể cũng có cả chất dĩ thái cho nên nó cũng phải có chất liệu trung giới của những cảnh cao hơn tương ứng với chất đó để lấp vào.

Vì vậy, đôi phần tạm thời của thể vía được hình thành ở cõi trung giới trong lúc thể vía thiết đi vắng là một bản sao chính xác về cách sắp đặt, nhưng nó không có mối liên hệ thực sự nào với thể xác và không bao giờ có thể được sử dụng như một dẫn thể. Nó được cấu tạo từ bất cứ chất liệu trung giới nào thuộc loại cần thiết sẵn có ngay lúc đó, và nó chỉ đơn thuần là một sự tập hợp ngẫu nhiên của các nguyên tử và khi thể vía thật quay trở lại, nó sẽ đẩy hết các chất liệu trung giới này ra ngoài mà không gặp phải bất cứ một chút phản kháng nào. Đây là lý do tại sao chúng ta cần phải hết sức cẩn thận đối với môi trường xung quanh chúng ta khi đi ngủ vì nếu nó xấu xa, chất liệu trung giới thuộc loại tồi tệ nhất có thể lấp đầy cơ thể chúng ta khi chúng ta rời xa nó, đưa lại một kết quả đương nhiên sẽ tạo ra một sự ảnh hưởng khủng

khiếp đối với khổ chủ khi y quay trở lại. Tuy nhiên, sự lấp vào của chất liệu trung giới ngay lập tức sau khi thể vía rời khỏi cho thấy được sự hiện hữu của áp suất cõi trung giới.

Theo cách tương tự, khi một người đã rời khỏi cơ thể của mình vĩnh viễn lúc chết, thứ mà anh ta bỏ lại không còn là một dẫn thể mà chỉ là một cái xác, nó không còn là một cơ thể theo ý nghĩa thực sự mà là một tập thể của những chất liệu đang phân tán trong hình dạng của một cơ thể. Cũng như chúng ta không thể gọi cái xác thật sự là một cơ thể, chúng ta cũng không thể gọi chất liệu trung giới lấp vào nó tạm thời là một đối phần theo nghĩa thông thường của danh từ này. Hãy thử lấy một thí dụ so sánh, tuy không hoàn hảo lắm nhưng có lẽ cũng hữu ích. Khi đầu máy xi lanh (engine cylinder) của ô tô chứa đầy hơi nước, chúng ta có thể coi hơi nước là sinh lực bên trong xi lanh làm cho máy chuyển động, nhưng khi động cơ nguội và ở trạng thái nghỉ yên, xi lanh không nhất thiết phải trống rỗng mà nó có thể chứa đầy không khí. Tuy nhiên, không khí đó không phải là sinh lực thích hợp của nó mặc dù nó chiếm cùng vị trí mà hơi nước đã chiếm.

Chất liệu cõi trung giới không bao giờ *thật* sự là đặc cả, chỉ tương đối đặc. Bạn biết những nhà luyện kim thuật thời trung cổ luôn dùng nước để biểu thị cho chất liệu cõi trung giới bởi vì một trong các lý do này là tính lưu động và khả năng thâm nhập của nó.

Đúng là bất cứ đồ đậm đặc nào ở cõi trần cũng tương ứng với chất liệu của cảnh thấp nhất của cõi trung giới nên để thuận tiện, chúng ta thường gọi nó là chất đặc của cõi trung giới, nhưng chúng ta không nên vì vậy gán cho nó những phẩm chất gì thuộc về chất đặc thật sự của cõi trần. Thậm chí, những hạt phân tử của chất liệu đậm đặc nhất của cõi trung giới còn ở một khoảng cách xa với nhau hơn là khoảng cách của các hạt phân tử của chất hơi thuộc cõi trần. Vì vậy, hai thể vía đậm đặc nhất có thể đi xuyên qua nhau dễ dàng hơn là loại hơi nhẹ nhất ở cõi trần khi chúng tủa ra trong bầu khí quyển.

Ở cõi trung giới, người ta không có cảm giác nhảy qua một vực thẳm mà chỉ là bay lơ lửng qua nó. Nếu bạn đang đứng trên mặt đất, một phần của thể vía của bạn sẽ thâm nhập vào mặt đất dưới chân bạn, nhưng bạn sẽ không có ý thức gì về sự việc này hoặc bất cứ một cảm giác gì về sự cứng rắn của mặt đất xuyên của thể vía của bạn, và nó cũng không gây ra bất cứ một sự khó khăn nào đối với khả năng di chuyển của bạn. Hãy nhớ rằng ở cõi trung giới không có một xúc giác nào tương đương với xúc giác của chúng ta ở cõi trần. Một người không thể bao giờ sờ được bề mặt của bất cứ vật gì để cảm thấy nó cứng hay mềm, thô hay mịn, nóng hay lạnh; nhưng khi tiếp xúc với một vật gì bằng cách đi xuyên qua nó, con người có thể nhận thức được tốc độ rung động khác nhau của nó mà kết quả dĩ nhiên có thể là dễ chịu hay

khó chịu, phản kích hoặc chán nản. Khi chúng ta thức dậy buổi sáng mà có thể nhớ bất cứ điều gì liên quan đến xúc giác, đó chỉ là vì để mang lại được ký ức đó, óc xác thịt phải thiết lập ra các phương tiện diễn đạt theo lối mà chúng ta đã quen thuộc.

Mặc dù ánh sáng của mọi cõi đều đến từ mặt trời, nhưng kết quả nó tạo ra ở cõi trung giới hoàn toàn khác biệt với cõi trần. Ánh sáng nơi cõi trung giới lan tỏa khắp mọi nơi mà không rõ nó đến từ một phương hướng đặc biệt nào. Tất cả các chất liệu của cõi trung giới đều tự phát sáng, và thể vĩa thật sự không phải như là một quả cầu được sơn phết mà là một quả cầu lửa sống động. Nó trong suốt và không phát ra cái bóng. Cõi trung giới không có ban đêm. Một đám mây ở cõi trần lướt qua giữa chúng ta và mặt trời không tạo ra một điều gì khác biệt ở cõi trung giới, và tất nhiên điều này cũng như thế đối với cái bóng của trái đất mà chúng ta gọi là màn đêm.

Người cứu trợ vô hình sẽ không đi xuyên qua một ngọn núi nếu anh ta cho nó là một chướng ngại vật, nên để hiểu được nó không phải là chướng ngại vật chính là mục đích của phần được gọi là “sự thử thách của trái đất.” Một tai nạn không thể nào xảy ra ở cõi trung giới theo đúng định nghĩa của từ ngữ này, vì thể vĩa ở trạng thái lỏng, không thể bị phá hủy hoặc bị chấn thương vĩnh viễn như thể xác. Một vụ nổ ở cõi trung giới tạm thời có vẻ dường như cũng thảm

khốc như một vụ nổ thuốc súng ở cõi trần, nhưng các mảnh vỡ của thể vía sẽ nhanh chóng tự tập hợp lại.

Mọi người ở cõi trung giới có thể và thực sự đi xuyên qua nhau liên tục và luôn qua các vật thể trung giới cố định. Nên nhớ rằng ở cõi trung giới, chất liệu lỏng lẻo hơn và kết tụ lại với nhau ít đặc hơn rất nhiều so với cõi trần. Nơi đây không bao giờ có thể xảy ra những sự va chạm mạnh mẽ như chúng ta thường nói, và trong hoàn cảnh bình thường hai cơ thể xuyên thấm vào nhau thậm chí cũng không bị ảnh hưởng gì đáng kể. Tuy nhiên, nếu sự xuyên thấm đó được kéo dài trong một thời gian, chẳng hạn như khi hai người ngồi cạnh nhau trong một buổi lễ ở nhà thờ hay một buổi biểu diễn trong rạp hát quá lâu, thì một ảnh hưởng đáng kể sẽ được tạo ra.

Có nhiều dòng điện lưu chuyển cuốn hút được người yếu ý chí, thậm chí ngay cả những người có ý chí nhưng không biết sử dụng nó. Trong suốt đời sống ở cõi trần, chất liệu của thể vía chúng ta không ngừng chuyển động. Sau khi chết, trừ phi ý chí được thực hiện với mục đích ngăn chặn, còn không thể vía sẽ được tái sắp xếp lại trong những lớp vỏ đồng tâm với lớp vỏ của chất liệu thô kệch nhất ở bên ngoài. Nếu một người muốn phụng sự ở cõi trung giới, các lớp vỏ đồng tâm này phải được ngăn chặn, vì những người mà thể vía bị sắp xếp lại như vậy sẽ bị giới hạn ở một cảnh nào đó. Nếu sự sắp xếp đó đã lỡ xảy ra, việc đầu tiên phải làm để người đó thật sự được tự

chủ là phá vỡ trạng thái đó để y được tự do trên toàn bộ cõi trung giới. Đối với những người làm việc như những người cứu trợ vô hình, không có nhiều tầng cấp (hoặc cảnh) riêng biệt ở cõi trung giới mà tất cả chỉ là một.

Ở Ấn Độ ý tưởng về phụng sự ở cõi trung giới không được phổ biến như ở phương Tây, nhưng ý tưởng phụng sự cho Thượng Đế để đạt được giải thoát lại được phổ biến hơn là ý tưởng phụng sự cho đồng loại. Tình trạng của bầu khí quyển và khí hậu trên thực tế không tạo ra sự khác biệt nào trong công việc được làm ở cõi trung giới và cõi trí. Tuy nhiên, ở thành phố lớn, công việc phụng sự có khác đi rất nhiều do một khối lớn hình tư tưởng được tồn trữ nơi đó. Một số nhà ngoại cảm cần phải có một nhiệt độ khoảng tám mươi độ để làm việc hữu hiệu nhất, trong khi những người khác lại không thể làm được như vậy trừ phi ở nhiệt độ thấp hơn.

Nếu cần thiết, công việc huyền bí có thể được thực hiện ở bất cứ nơi đâu, nhưng một vài nơi có đủ điều kiện tâm linh nhiều hơn nơi khác. Thí dụ, California có một khí hậu rất khô với nhiều điện từ trong không khí nên rất thuận lợi cho sự phát triển của khả năng thông nhãn. Nơi đây tại Adyar, hình tư tưởng của chúng ta không gặp phải bất kỳ sự cản trở nào từ môi trường vì tất cả chúng ta không ít thì nhiều đều suy tư theo các dòng tư tưởng giống nhau. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng có thể luôn có một sự

phản kháng từ bên phía người mà chúng ta đang gửi đến những hình tư tưởng, vì có một số người suốt đời đã tự xây dựng lên những lớp vỏ ích kỷ đến mức độ không ai có thể thâm nhập được, ngay cả khi chúng ta chỉ muốn tốt lành cho họ.

CHƯƠNG V

CHÂN NGÃ (EGO) VÀ CÁC DẪN THỂ

CHÂN NGÃ VÀ PHẠM NGÃ

Vẫn còn rất nhiều thành viên của chúng ta chưa nắm rõ được hết vấn đề về chân ngã và phạm ngã. Đây không phải là một điều tốt vì chúng ta luôn được nhắc nhở rằng chỉ có một tâm thức duy nhất, nhưng chúng ta lại thường cảm thấy rõ ràng có đến hai nên không có gì lạ lùng khi người học sinh không nắm được rõ ràng về mối quan hệ thực sự giữa hai tâm thức này, và thường tự hỏi liệu chân ngã có thật sự hoàn toàn tách rời khỏi thể xác và tự có một đời sống riêng biệt với các bạn đồng loại trên chính cõi của nó hay không?

Vấn đề của phạm ngã và chân ngã là một vấn đề đã cũ, và nó chắc chắn khó cho chúng ta tiếp nhận rằng rốt cuộc chỉ có một tâm thức duy nhất và sự khác biệt rõ ràng là do những giới hạn của một vài dẫn thể.

Một tâm thức vẹn toàn sẽ hoạt động ở ngay cõi thượng trí của nó, nhưng trong trường hợp của một người bình thường, tâm thức đó chỉ hoạt động một phần và vẫn còn mơ hồ. Trong trường hợp mà nó có hoạt động thì lúc nào cũng hướng về điều thiện vì nó chỉ muốn điều gì có lợi ích cho sự tiến hoá của nó mà thôi như là một linh hồn. Nó đưa xuống một phần của chính nó vào vật chất đậm đặc hơn ở cõi dưới, và phần đó trở nên có ý thức sắc bén và linh động trong vật chất đến nỗi nó suy nghĩ và hoạt động như thể nó là một sinh thể riêng biệt, quên đi mối liên hệ của nó với chính tâm thức chưa phát triển nhưng rộng lớn hơn ở bên trên. Vì vậy, đôi khi có vẻ như là một mảnh nhỏ đang chống cự lại với tổng thể, nhưng một người đã được dạy dỗ sẽ không bao giờ chịu bị lừa dối như vậy, và y sẽ với đến tâm thức thật sự ở đằng sau (vốn vẫn còn chưa phát triển) qua tâm thức sắc bén của mảnh nhỏ đó.

Chắc chắn là chân ngã chỉ có thể biểu lộ được một phần rất nhỏ của nó qua cơ thể vật lý, nhưng chúng ta sẽ phạm phải sai lầm nếu nói về chân ngã như bị tách riêng ra khỏi cơ thể đó. Nếu chúng ta hình dung chân ngã như một cơ thể đậm đặc và cõi trần là một mặt phẳng, cơ thể đậm đặc đó nếu được đặt lên mặt phẳng chỉ có thể tự biểu thị trên bề mặt đó dưới dạng một hình phẳng, một phần biểu lộ rõ ràng cực kỳ giới hạn. Chúng ta cũng có thể thấy rằng nếu các mặt khác nhau của khối đậm đặc này được đặt liên

tiếp lên mặt phẳng, chúng ta có thể thấy được nhiều biểu hiện khác nhau đáng kể, mặc dù tất cả những biểu hiện này vẫn là không hoàn hảo vì trong mọi trường hợp, khối đậm đặc sẽ nói rộng theo một chiều đo khác nữa mà không thể nào được biểu lộ trong hai chiều đo của một bề mặt phẳng. Chúng ta sẽ có một thí dụ gần như chính xác về sự kiện này của một người bình thường nếu chúng ta giả định rằng khối đậm đặc đó chỉ có được ý thức khi nó tiếp cận với mặt phẳng, mặc dù kết quả thu về qua sự biểu lộ của tâm thức đó sẽ ở trong toàn thể khối đặc và sẽ có mặt trong bất kỳ biểu hiện nào sau này của nó, cho dù biểu hiện đó có thể rất khác so với các biểu lộ trước đó.

Chỉ trong trường hợp của những người khá tiên hoá mà chúng ta có thể nói về chân ngã như là một sự sống tỉnh thức bên cạnh đồng loại ở trên cõi của y. Từ giây phút mà y rời bỏ hồn khóm và bắt đầu cuộc sống cá nhân, y là một thực thể có tâm thức, nhưng tâm thức này có bản chất rất mơ hồ. Cảm xúc duy nhất mà đôi khi đến được với một vài người là ngay khi họ thức dậy vào buổi sáng. Có một trạng thái ở giữa lúc ngủ và thức mà con người có một ý thức rất hạnh phúc về sự tồn tại của mình, nhưng lại không có ý thức gì đối với những vật chung quanh, không thể làm ra bất cứ cử động gì. Thật vậy, đôi khi y biết rằng bất cứ một cử động nào sẽ phá vỡ đi khoảnh khắc hạnh phúc đó và đưa y xuống lại thế giới thức dậy

bình thường, và vì vậy nên y cố gắng giữ yên càng lâu càng tốt.

Trạng thái đó, một ý thức về sự hiện tồn và niềm phúc lạc mãnh liệt, rất gần giống với chân ngã của người bình thường ở trên cõi thượng trí. Y hoàn toàn tập trung tâm thức ở nơi đó chỉ trong một thời gian ngắn, giữa sự kết thúc của một kiếp sống ở cõi thiên đàng (hạ trí) và sự khởi đầu đi xuống để luân hồi. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, y chợt thấy lóe lên một tia hồi tưởng và một viễn ảnh - một cái nhìn thoáng qua về những gì y đã làm được cho mình ở kiếp trước và những gì y dự định sẽ làm trong kiếp tương lai. Qua nhiều niên đại, những cái nhìn thoáng qua này là khoảnh khắc duy nhất mà y hoàn toàn tỉnh thức, và vì y ham muốn có một sự biểu lộ hoàn hảo hơn, một ước vọng được cảm thấy mình sống động và năng động hơn, mà nó thúc đẩy y đưa ra nỗ lực để luân hồi. Đó không phải là một ao ước về một đời sống theo ý nghĩa bình thường của từ ngữ này mà là một tâm thức toàn vẹn bao gồm khả năng đáp ứng lại với tất cả những rung động có thể có từ những môi trường của mọi cõi, hầu y có thể đạt được sự thông cảm toàn vẹn nhất.

Khi linh hồn còn chưa phát triển thì những năng lực của cõi thượng trí sẽ đi xuyên qua y mà không để lại một ảnh hưởng nào vì y chỉ có thể đáp ứng lại với một vài rung động thật vi tế này mà thôi. Trước tiên, y cần phải có những rung động mạnh và tương đối

thô kịch hơn để phản ứng, mà những rung động này lại không hiện diện ở cõi của y, và đó là lý do mà y phải tự đưa mình xuống những cõi thấp hơn để tìm kiếm chúng. Do đó, một tâm thức trọn vẹn trước tiên chỉ đến với y ở trong cái dẫn thể thấp nhất và đậm đặc nhất của y và sự chú ý của y hoàn toàn tập trung vào cõi trần trong một thời gian rất lâu. Vì vậy, dù rằng cõi này thấp hơn rất nhiều so với cõi của y, và phạm vi hoạt động mà nó cung cấp cũng thật ít hơn, nhưng trong các giai đoạn đầu tiên y cảm thấy bản thân mình sống động hơn khi làm việc ở nơi đây. Khi tâm thức y bắt đầu tăng trưởng và mở rộng phạm vi của nó thì y sẽ từ từ bắt đầu làm việc nhiều hơn với chất liệu thuộc cấp độ cao hơn, có nghĩa là chất liệu của cõi trung giới.

Ở giai đoạn sau, khi đã đạt được khả năng biểu lộ rõ ràng trong chất liệu cõi trung giới thì y cũng có thể bắt đầu thể hiện bản thân qua chất liệu thể trí và cuối cùng khi nỗ lực của y đã thành công thì y có thể biểu lộ đầy đủ và rõ ràng trong nhân thể ở cõi thượng trí như hiện giờ y đang làm việc trong thể xác ở cõi trần.

Những giai đoạn phát triển đầy đủ về tâm thức này không nên bị nhầm lẫn với việc chỉ học cách sử dụng các dẫn thể ở mức độ nào đó. Khi một người biểu lộ bất cứ một cảm xúc nào đó, y đang sử dụng thể vía; khi y suy nghĩ vào bất cứ lúc nào, y đang sử dụng thể trí, nhưng việc này còn rất xa vời với khả

năng biết sử dụng một trong hai thể đó như là các dẫn thể độc lập mà qua đó tâm thức có thể được thể hiện đầy đủ. Khi một người đã hoàn toàn tỉnh thức trong thể vía của mình, y đã đạt được những thành quả đáng kể. Khi y bắt được câu tâm thức giữa hồ sâu của thể vía và thể xác thì ngày và đêm sẽ không còn có ý nghĩa gì đối với y nữa bởi vì y sẽ có một đời sống liên tục không bị gián đoạn. Đối với y, cái chết đã chấm dứt bởi vì y đã có một tâm thức không những không bị gián đoạn bởi ngày và đêm mà còn vượt qua luôn cánh cổng của chính tử thần và đi cho đến cuối cuộc sống của y ở cõi trung giới.

Một bước phát triển mới nữa sẽ được mở ra cho y - ý thức về thể giới thiên đàng (cõi hạ trí), và sau đó cuộc sống và ký ức của y sẽ trở thành liên tục trong suốt quá trình y đi xuống đầu thai. Tuy nhiên, một bước nữa sẽ nâng cả tâm thức của y lên tầng cấp của chân ngã ở cõi thượng trí, và sau đó lúc nào y cũng sẽ có ký ức về tất cả các kiếp sống của mình và có khả năng chỉ đạo một cách có ý thức những biểu hiện khác nhau thấp hơn của mình ở mọi điểm của sự tiến hoá.

Chúng ta không nên cho rằng sự phát triển của tâm thức ở bất cứ một giai đoạn nào là đột xuất. Việc xé nát bức màn chắn giữa hai giai đoạn thường là một quá trình khá nhanh chóng, thậm chí đôi khi là tức thời. Một người không có một ký ức gì về chuyện đã xảy ra ở cõi trung giới có thể vô tình do tai nạn hoặc

bệnh tật, hoặc do cố ý luyện tập một số pháp công nào đó, bắt được cầu nối qua khoảng cách vô thức đó và tạo ra mối liên hệ nên từ đó trở đi, tâm thức của y ở cõi trung giới sẽ là liên tục và do đó ký ức của y về những việc gì xảy ra khi thể xác ngủ yên sẽ trở nên hoàn hảo. Nhưng rất lâu trước khi một nỗ lực hay một tai nạn như vậy có thể xảy ra, một tâm thức đầy đủ hẳn đã phải hoạt động trong thể vía của y mặc dù trong cuộc sống ở cõi trần, y không hề biết gì về nó.

Cũng y như vậy, một người trong một thời gian khá lâu phải thực tập sử dụng thể trí như là một dẫn thể trước khi y có thể hy vọng phá vỡ được rào chắn giữa nó và thể vía để y có thể hưởng thụ được một ký ức liên tục. Bằng cách tương tự, chúng ta thấy rằng chân ngã phải hoàn toàn thức tỉnh và hoạt động ở cõi của nó một thời gian dài trước khi kiến thức về sự tồn tại của nó có thể đến với chúng ta trong đời sống tại cõi trần.

Có nhiều người mà chân ngã của họ ở một mức nào đó đã thức tỉnh khỏi trạng thái hạnh phúc đơn sơ được mô tả ở trên và ít nhất đã ý thức được một phần nào đó về môi trường chung quanh của nó và do đó về các chân ngã khác. Kể từ thời điểm đó, chân ngã của họ có một đời sống và những sở thích và hoạt động ở cõi riêng của nó, nhưng ngay cả khi đó chúng ta cũng phải nhớ rằng chân ngã chỉ đưa một phần rất nhỏ của bản thân mình xuống cho phàm ngã, và phần đó liên tục vướng mắc vào các sở thích (mà bởi vì

chúng chỉ là một phần quá nhỏ) thường đi theo những đường lối khác hơn với những hoạt động nói chung của chính chân ngã, nên vì đó mà chân ngã không thêm chú ý đến đời sống thấp hơn của phàm ngã trừ phi có một điều gì đó bất thường xảy đến với phàm ngã.

Khi chân ngã đã đạt được đến giai đoạn này thì y thường sẽ được đưa vào dưới ảnh hưởng của một vị Chân Sư. Quả thật, ý thức rõ ràng đầu tiên của chân ngã về bất cứ điều gì ở phía bên ngoài thường chính là sự tiếp xúc của y với vị Chân Sư đó. Năng lực ảnh hưởng mạnh mẽ của Chân Sư sẽ truyền từ điện (magnetize) cho y, đưa những rung động của y vào cùng hòa điệu với Ngài và tăng tốc độ phát triển của y lên gấp nhiều lần. Năng lực của Ngài chiếu rọi vào y như mặt trời soi sáng một bông hoa và y tiến hoá nhanh chóng dưới ảnh hưởng của Ngài. Đây là nguyên nhân tại sao, trong khi giai đoạn đầu tiên của sự tiến hoá xảy ra chậm đến nỗi gần như không thể nhận ra được, khi Chân Sư chú ý đến một chân ngã, phát triển và khơi dậy ý chí của bản thân y để tự tham gia vào công việc, tốc độ tiến hóa của y tăng vượt bậc theo số đo hình học.

Trong luồng ảnh hưởng thiêng liêng mà Chân Sư đổ xuống chân ngã, số lượng có thể được truyền xuống cho phàm ngã còn phụ thuộc vào mối liên hệ giữa nó và chân ngã nên số lượng này khác nhau tùy theo những trường hợp khác nhau. Đời sống của con

người đa dạng đến mức gần như vô hạn. Lực lượng tinh thần chiếu vào chân ngã và một số ít năng lượng đó chắc chắn sẽ đi đến phàm ngã, bởi vì khi chân ngã đưa ra một phần của bản thân mình thì y không hề cắt đứt mối liên hệ khỏi phần đó, mặc dù trên thực tế chân ngã và phàm ngã là hai thứ rất khác nhau trong trường hợp của tất cả mọi người bình thường.

Chân ngã của những người bình thường ít kiểm soát được phàm ngã cũng như không có quan niệm rõ ràng về mục đích của y khi gửi nó xuống và lại nữa, mảnh nhỏ đó gặp chúng ta trong tính cách của phàm ngã, lớn lên theo đường lối và quan điểm riêng của nó. Nó phát triển nhờ kinh nghiệm mà nó có được và điều này được truyền lại cho chân ngã, nhưng cùng với sự phát triển thực sự này, nó thường thu thập một số kiến thức mà thật không xứng với từ ngữ đó. Nó thu nhận những kiến thức nhưng cũng thu thập luôn những thành kiến, những thứ mà thực sự không phải là kiến thức. Nó hoàn toàn không thoát khỏi ảnh hưởng của các thành kiến này, không chỉ riêng về kiến thức (hay đúng hơn là sự vắng mặt của kiến thức) mà còn về cả cảm xúc và hành động, cho đến khi con người đạt được quả vị Chân Tiên. Nó dần dần phát giác ra những điều này là thành kiến và phát triển luôn qua chúng, nhưng lúc nào nó cũng có nhiều giới hạn mà chân ngã hoàn toàn được miễn.

Đối với số lượng sức mạnh tinh thần được truyền xuống cho phàm ngã, người ta chỉ có thể xác định

được điều này trong mỗi trường hợp đặc biệt bằng cách sử dụng thông nhãn. Tuy nhiên, lúc nào cũng phải có một cái gì chảy xuống, bởi vì cái thấp hơn phải được gắn liền với cái cao hơn, cũng giống như bàn tay phải được gắn liền vào cơ thể bởi cánh tay. Chắc chắn phàm ngã phải nhận được một cái gì đó, nhưng nó có thể chỉ lấy được những gì chính nó có khả năng tiếp nhận. Đây cũng là một câu hỏi về phẩm chất. Chân sư thường hoạt động nhắm vào những phẩm hạnh trong chân ngã vốn bị che khuất rất nhiều trong phàm ngã, và trong trường hợp đó tất nhiên là rất ít năng lượng được truyền xuống. Cũng như chỉ có các kinh nghiệm của phàm ngã có bản chất hay sở thích tương đồng với chân ngã mới có thể được truyền lại cho tinh thần hay chân ngã trường tồn, cũng vậy, chỉ có những rung động mà phàm ngã có khả năng đáp ứng mới có thể được biểu lộ trong nó. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng phần trước (chân ngã) có khuynh hướng loại trừ cái xấu và phần sau (phàm ngã) cái tốt, hay đúng hơn chúng ta nên gọi chúng là tinh thần và vật chất, vì thật sự không có cái gì là xấu cả.

Qua thông nhãn, một người đôi khi có thể nhìn thấy được các ảnh hưởng này phần lớn tác động như thế nào. Thí dụ, vào một ngày nào đó, chúng ta có thể thấy được một đặc tính nào đó của phàm ngã được tăng cường mạnh mẽ mà không có lý do gì từ bên ngoài. Nguyên nhân thường được tìm thấy ở những gì đang diễn ra ở một cõi cao hơn, một sự kích thích

về phẩm hạnh đó trong chân ngã. Đôi khi, một người cảm thấy mình tràn ngập tình thương hay lòng sùng tín mà không thể hiểu được lý do tại sao ở cõi trần. Một lần nữa, nguyên nhân là do sự kích thích từ chân ngã, hoặc có thể là do chân ngã đang đặc biệt chú ý đến phàm ngã trong lúc đó.

Trong lúc tham thiền, đôi khi chúng ta thu hút được sự chú ý như vậy từ chân ngã, mặc dù điều đáng lưu ý là chúng ta nên cố gắng vươn lên để tham gia vào hoạt động cao hơn đó thay vì làm gián đoạn nó để thu hút sự chú ý của nó xuống cái thấp hơn. Ảnh hưởng cao hơn đó chắc chắn sẽ được mời gọi do sự tham thiền đúng đắn, *luôn luôn* có hiệu quả, mặc dù ở cõi trần mọi thứ có vẻ như rất buồn tẻ và không có một chút hứng thú nào. Sự vươn lên của chính chân ngã thường có nghĩa là nó đang sao lãng việc truyền năng lực xuống cho phàm ngã và việc này dĩ nhiên để lại cho phàm ngã một cảm giác khá lờ đờ và bị chìm sâu trong bóng tối. Do đó, mức độ mà phàm ngã nhận được ảnh hưởng bởi nỗ lực của Chân sư phụ thuộc vào hai điều chủ yếu: (1) sức mạnh của mối liên hệ giữa chân ngã và phàm ngã trong thời điểm đó và (2) công việc đặc biệt mà Chân Sư đang làm việc trên chân ngã, hay là những phẩm tính đặc biệt mà Chân Sư đang tác động.

Tham thiền và nghiên cứu về các chủ đề tinh thần trong đời sống thế tục sẽ tạo ra một sự khác biệt rất lớn trong cuộc sống của chân ngã. Người bình

thường chưa học hỏi nghiêm túc về các vấn đề tinh thần chỉ có một sợi dây mỏng manh kết nối giữa bản thể cao hơn và thấp hơn. Trong trường hợp này, phạm ngã dường như là tất cả, và chân ngã, mặc dù y chắc chắn tồn tại ở cõi của y, sẽ không có khả năng làm bất cứ điều gì tích cực ở nơi đó. Y rất giống một con gà đang lớn lên trong quả trứng. Tuy nhiên, trong trường hợp của một số người chúng ta đang cố gắng đi theo đúng hướng, chúng ta có thể hy vọng rằng chân ngã đang trở nên có ý thức khá rõ ràng hơn. Y đã phá vỡ được lớp vỏ bọc của mình và đang sống một cuộc sống tích cực với nhiều quyền năng. Khi chúng ta tiếp tục làm như vậy, chúng ta sẽ có thể hợp nhất được tâm thức cá nhân với đời sống của chân ngã càng nhiều càng tốt và lúc đó chúng ta sẽ chỉ có một tâm thức duy nhất; thậm chí ở dưới đây chúng ta sẽ có tâm thức của chân ngã, người biết hết mọi chuyện đang diễn ra. Tuy nhiên, đối với nhiều người thời nay, thường có một sự đối lập đáng kể giữa chân ngã và phạm ngã.

Có nhiều thứ cần phải được tính toán. Không phải chúng ta lúc nào cũng tính đúng khi phán xét chân ngã qua biểu lộ của y trong phạm ngã. Một chân ngã thuộc loại thực tế quá mức có thể biểu hiện nhiều hơn ở cõi trần so với một chân ngã khác tiến hoá hơn nếu năng lượng của người sau này đang được tập trung gần hết vào cõi của nhân thể hoặc cõi Bồ Đề. Do đó, những người chỉ nhìn thấy trên bình diện cõi

trần thường phán đoán sai lầm về việc ước lượng được vị trí (tiến hoá) tương đối của những người khác với nhau.

Nếu bạn phải đối diện với một chân ngã khá tiến hoá, đôi khi bạn sẽ thấy y không mấy gì quan tâm đối với dẫn thể của y. Bạn sẽ thấy rằng bất cứ thứ gì được đưa xuống phàm ngã là một sự mất mát đối với *chân ngã*! Tôi đã nhiều lần chứng kiến những trường hợp mà chân ngã đến một mức nào đó có hơi bực mình và rút lui vào bên trong bản thân y đôi chút, nhưng trong trường hợp này vẫn có một dòng chảy giữa chân ngã và phàm ngã, một trường hợp không thể xảy ra ở người bình thường. Trong trường hợp của người bình thường, phần đó vốn là được đặt xuống và bỏ đi, mặc dù tất nhiên nó không phải là hoàn toàn bị cắt đứt, nhưng ở giai đoạn tiến hoá cao hơn lúc nào cũng có một sự liên hệ liên tục giữa hai bên dọc theo một con kênh. Do đó, chân ngã có thể rút về một phần lớn của y bất cứ lúc nào y muốn và bỏ lại một hình ảnh đại diện rất kém về con người thật sự ở phía sau. Vì vậy, sự liên hệ giữa bản thể thấp hơn và cao hơn thay đổi rất nhiều đối với những người khác nhau và trong những giai đoạn tiến hoá khác nhau.

Đối với việc làm của chân ngã, y có thể đang học hỏi nhiều thứ ở cõi của y hoặc y đang giúp đỡ các chân ngã khác, thật có rất nhiều công việc mà y có thể cần được tiếp thêm sức mạnh; rồi trong một khoảng thời gian, y có thể quên chú ý đúng chừng

mục đến phàm ngã, giống như một người đàn ông tốt đôi khi dưới một số áp lực đặc biệt của công việc quên mất con ngựa hoặc con chó của mình. Đôi lúc khi điều đó xảy ra, phàm ngã sẽ nhắc nhở y về sự tồn tại của nó bằng cách phạm vào một vài điều ngu ngốc gây ra đau khổ nghiêm trọng. Bạn có thể nhận thấy rằng đôi lúc sau khi bạn đã hoàn tất một công việc đặc biệt cần sự hợp tác của chân ngã ở một mức độ khá lớn, chẳng hạn như sau khi thuyết trình cho một số lớn khán giả, y lấy đi năng lượng và chỉ để lại vừa đủ cho phàm ngã cảm thấy khá mệt mỏi. Trong thời điểm mà chân ngã thừa nhận rằng công việc đó có một tầm quan trọng và do đó chịu đổ xuống nhiều năng lượng hơn một chút từ bản thân y, nhưng sau đó y lại rời bỏ và để lại cho phàm ngã cảm thấy khá buồn bã.

Tất nhiên, sự trầm cảm thường hay xảy ra do nhiều các nguyên nhân khác, chẳng hạn như sự hiện diện của một thực thể ở cõi trung giới đang ở trong tình trạng buồn bã hoặc từ một số thực thể không phải thuộc loài người. Hơn nữa, niềm vui không phải lúc nào cũng do ảnh hưởng của chân ngã, vì trên thực tế một người ít khi nào nghĩ về cảm xúc của mình khi họ đang ở trong tình trạng thích hợp để tiếp nhận được một luồng sức mạnh. Niềm vui có thể được tạo ra bởi sự gần gũi với các tinh linh thiên nhiên vui tính hoặc do nhiều cách khác nhau. Con kênh giữa chân ngã và phàm ngã không phải lúc nào cũng mở. Đôi

khi nó dường như gần bị bóp nghẹt, một tình trạng hoàn toàn có thể xảy ra nếu ta xét về mức độ hẹp của nó trong hầu hết các trường hợp. Tuy nhiên một lần nữa, một sức mạnh có thể đột phá nó trong vài trường hợp, chẳng hạn như sự chuyển hoá về niềm tin. Tuy nhiên đối với nhiều người trong chúng ta, thông thường vẫn có một dòng chảy liên tục nào đó. Tham thiền, nếu được thực hành một cách tinh tấn, sẽ mở rộng con kênh và giữ cho nó luôn luôn mở. Dù sao đi nữa, hãy luôn nhớ rằng tốt hơn hết là bạn nên cố gắng vươn lên đến chân ngã thay vì kéo nó hạ thấp xuống phàm ngã.

Mỗi chân ngã đều có một số kiến thức nhất định của riêng mình. Y có được một cái nhìn thoáng qua giữa các kiếp sống, về quá khứ và tương lai của y. Ở người chưa tiến hoá, điều này đánh thức chân ngã thức tỉnh trong giây lát rồi sau đó y lại chìm vào giấc ngủ. Trong thời gian kiếp sống ở cõi trần, một chân ngã bình thường có khả năng quan sát thâm lắng ở một mức nào đó và có một chút khả năng, nhưng y vẫn còn ở trong trạng thái buồn ngủ. Đối với một người tiến hoá, chân ngã hoàn toàn tỉnh táo. Dĩ nhiên theo thời gian, chân ngã sẽ phát hiện ra rằng có nhiều điều tốt mà y có thể làm và khi điều này xảy ra, y có thể đạt đến tình trạng mà y có một đời sống thật rõ ràng nơi cõi của y, mặc dù trong nhiều trường hợp, ngay lúc đó y vẫn còn mơ màng. Mục đích của chân

ngã là học hỏi để hoàn toàn hoạt động trong mọi cõi, bao gồm cả cõi trần.

Giả sử bạn có một chân ngã mà phương pháp biểu lộ của y là bằng tình cảm. Phẩm chất đó là những gì y muốn thể hiện qua phàm ngã, và nếu bạn ở dưới đây tập cảm nhận một tình thương mạnh mẽ và chỉ chuyên cần về điều này, chân ngã sẽ nhanh chóng đưa thêm bản thân mình xuống cho phàm ngã bởi vì y tìm thấy trong đó chính xác những gì y mong muốn. Hãy cẩn thận cung cấp cho chân ngã những gì y cần và y sẽ nhanh chóng tận dụng nó. Những chân ngã trên cõi riêng của họ có thể giúp ích được cho các chân ngã khác khi họ đã phát triển đầy đủ để làm được như vậy. Chân ngã của người bình thường có một tâm thức hoặc một đời sống thực vật và hầu như không nhận thức được các chân ngã khác. Phàm ngã sẽ không biết chân ngã đang làm gì, trừ phi chúng đã được hợp nhất. Chân ngã có thể biết Chân Sư, trong khi phàm ngã thì không. Việc nghiên cứu những điều huyền bí bên trong và một đời sống tích cực sẽ đánh thức chân ngã. Lòng sùng kính trong sáng vị tha thuộc về các cõi cao hơn và được chân ngã quan tâm.

Tôi không nghĩ rằng các kinh nghiệm của phàm ngã có thể được truyền hết sang cho chân ngã, nhưng bản chất tinh hoa của chúng thì có thể được. Chân ngã ít khi quan tâm đến chi tiết, nhưng y muốn phần tinh hoa của nó. Bất kỳ suy nghĩ nào mà chúng ta coi là xấu xa đều không thể xảy ra đối với chân ngã. Để

xác định rõ ràng, chân ngã phải đi xuống vào cơ thể vật chất. Y đặc biệt dành nhiều thời gian hơn trong suốt cuộc sống ở thiên đàng để đồng hóa những kinh nghiệm của phàm ngã, nhưng lúc nào mà y chẳng làm điều đó. Khi bạn nghiên cứu và sống theo nếp sống Thông Thiên Học, bạn sẽ bắt đầu thu hút được sự chú ý của chân ngã bằng cách gửi đến những rung động mà y có thể đáp lại. Đời sống của người bình thường có rất ít điều hấp dẫn đối với y.

Tình thương và lòng sùng kính vị tha cao cả thuộc về cảnh cao nhất của cõi trung giới và điều này phản ánh trong chất liệu tương ứng của cõi trí nên chúng tiếp xúc đến nhân thể chứ không phải thể hạ trí. Do đó, chỉ có những suy nghĩ không ích kỷ mới có thể ảnh hưởng đến chân ngã. Tất cả những suy nghĩ thấp hèn hơn ảnh hưởng đến các hạt nguyên tử trường tồn nhưng không hề ảnh hưởng đến chân ngã, và để tương ứng với chúng, bạn sẽ tìm thấy những khoảng trống trong nhân thể chứ không phải các màu sắc xấu. Sự ích kỷ ở bên dưới thể hiện trong nhân thể bằng sự thiếu vắng tình cảm hoặc sự cảm thông, và khi phẩm chất tốt đẹp này phát triển thì khoảng trống sẽ được lấp đầy. Trong nhân thể, bạn có thể thấy liệu một người có thể thất bại về phẩm hạnh này hay phẩm hạnh kia hay không. Hãy cố gắng phát triển những phẩm hạnh mà chân ngã mong muốn, và y sẽ đi xuống giúp đỡ.

Như đã được nhắc đến trong quyển *Ánh Sáng trên Đường Đạo*, hãy để ý đến chân ngã và để ý chiến đấu trong bạn, nhưng đồng thời đừng bao giờ quên rằng bạn là chân ngã. Do đó, hãy hoà nhập mình với chân ngã và để cho bản chất thấp hơn nhường chỗ cho bản chất cao hơn. Tuy nhiên, đừng quá thất vọng nếu bạn phải gục ngã thậm chí nhiều lần, vì thất bại ở một mức nào đó cũng là một thành quả, vì chúng ta sẽ học hỏi được từ kinh nghiệm đó và trở nên khôn ngoan hơn khi đối diện với vấn đề tiếp theo. Hiện giờ, không phải lúc nào chúng ta cũng có thể thành công trong mọi việc, mặc dù cuối cùng chúng ta chắc chắn sẽ làm được như vậy. Tuy nhiên, đừng bao giờ quên rằng không ai đòi hỏi chúng ta phải luôn thành công mà chỉ là chúng ta hãy cố gắng hết mình.

CÁC ĐỐI PHẦN

Khi chân ngã đầu thai, y thu hút vào chung quanh mình một khối chất liệu của cõi trung giới, tuy chưa hình thành được một thể vía một cách rõ ràng. Trước hết, thể này có hình dạng của một quả trứng, biểu lộ gần nhất mà chúng ta có thể có theo hình dạng thực sự của nhân thể. Nhưng khi đi xuống thấp hơn và hướng ra bên ngoài để đầu thai ở cõi trần, một thể xác nhỏ được hình thành ở giữa khối chất liệu trung giới

đó, và lập tức một lực thu hút dữ dội được tạo ra lên chính nó để phần lớn chất liệu cõi trung giới (mà trước đây có thể được coi là được phân chia đồng đều trên quả trứng) bây giờ được tập trung vào trong phạm vi của thể xác.

Khi thể xác bắt đầu phát triển, chất liệu của cõi trung giới theo y mọi thay đổi, do đó chúng ta thấy thể vía được hình thành với chín mươi chín phần trăm chất liệu của nó bị ép vào trong chu vi của thể xác, và chỉ có một phần trăm được lấp đầy vào phần còn lại của hình bầu dục. Trong các họa đồ của “*Con Người Hữu Hình và Vô Hình*,” chúng tôi đã dùng bút chì để phác họa chu vi của thể xác thật nhạt, vì mục đích chính của tôi trong cuốn sách đó là nhấn mạnh các màu sắc của hình bầu dục và cách chúng biểu thị được sự phát triển của con người qua những rung động được truyền từ các thể thấp hơn đến các thể cao hơn. Tuy nhiên trên thực tế, đôi phần ở cõi trung giới của thể xác là đậm đặc và có đường nét rõ ràng, và nó rất dễ được phân biệt từ hình bầu dục chung quanh.

Do đó, xin lưu ý rằng chất liệu cõi trung giới lấy hình dạng chính xác của chất liệu cõi trần chỉ vì sự thu hút giữa chất liệu sau với chất liệu trước. Tuy nhiên, phải nhận thức thêm rằng mặc dù chúng ta có thể nói về cảnh thấp nhất của cõi trung giới như là đôi phần của chất đặc của cõi trần, trên thực tế chúng rất khác nhau về kết cấu vì tất cả những chất liệu cõi

trung giới so với chất liệu tương ứng ở cõi trần cũng giống như là chất lỏng so với chất đặc. Vì vậy, cho dù là phần thanh nhẹ nhất hay đậm đặc nhất của nó, các hạt phân tử của thể vía lúc nào cũng di chuyển giữa nhau như những hạt nước chảy, cho nên chúng ta có thể thấy rằng thể vía thật sự không thể nào sở hữu được những cơ quan chuyên biệt theo đúng nghĩa của nó như là thể xác.

Chắc chắn là có một đối phần chính xác trong chất liệu cõi trung giới đối với các que và nón tạo ra võng mạc của con mắt vật lý, nhưng các tế bào trung giới trong thể vía chiếm vị trí chuyên biệt này có thể một hay hai giây sau di chuyển đến bàn tay hay bàn chân. Do đó, một người không “nhìn thấy” ở cõi trung giới bằng phương tiện dùng chất liệu ở cõi trung giới tương ứng với con mắt vật lý, cũng không “nghe thấy” bằng đối phần chất liệu trung giới của lỗ tai xác thịt. Thật vậy, có lẽ ta không nên dùng danh từ “thấy” và “nghe” cho các phương tiện nhận thức ở cõi trung giới vì nó thực sự không chính xác, bởi vì những danh từ này thường được dùng để ám chỉ các cơ quan giác quan chuyên biệt, trong khi trên thực tế, mọi tế bào của thể vía đều có khả năng nhận thức và phát ra những rung động thuộc về một trong loại riêng của nó, nhưng chỉ đúng loại đó mà thôi. Vì vậy, khi có được cái nhìn thoáng qua về tâm thức ở cõi trung giới, một người sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng mình có thể đồng thời nhìn thấy từ mọi phía thay vì

chỉ nhìn thấy được từ ở phía trước như ở cõi trần. Do đó, đối phần chính xác của thể vía đối với thể xác chỉ là vấn đề hình dạng bên ngoài chứ không có liên quan gì đến sự tương ứng nào về chức năng của các cơ quan khác nhau.

Tuy nhiên, sự thu hút liên tục trong suốt cuộc sống ở cõi trần tạo ra một thói quen hay một động lực trong chất liệu trung giới khiến nó vẫn giữ y nguyên hình dạng đó ngay cả khi nó tạm thời rút khỏi sức thu hút của thể xác vào ban đêm hay vĩnh viễn sau khi chết; vì vậy, dù có phải trải qua kiếp sống lâu dài ở cõi trung giới và dù thể xác đã bị bỏ lại một bên sau khi chết, các đường nét đặc thù của thể xác vẫn sẽ được bảo tồn gần như không bị thay đổi, vì chúng ta không nên quên rằng tư tưởng có một ảnh hưởng rất mạnh mẽ trên chất liệu cõi trung giới và dễ dàng uốn nắn nó, cho nên một người có thói quen sau khi chết thường nghĩ về mình trẻ hơn so với số tuổi thật sự lúc chết sẽ dần dần có một ngoại hình có phần trẻ trung hơn.

Có câu hỏi, “Nếu một cánh tay của một người, một cành cây hay một chân ghế bị cắt đi, trong những trường hợp này, đối phần ở cõi trung giới của chúng có bị cắt rời đi không, và chúng ta có thể, khi bẻ gãy một đối phần ở cõi trung giới, làm gãy một vật thể ở cõi trần hay không? Có nghĩa là, nếu tôi dùng bàn tay thể vía để bẻ gãy một đối phần ở cõi trung giới của

chiếc ghế, liệu cái ghế ở cõi trần có bị gãy hay không?”

Ba trường hợp được đưa ra hoàn toàn không giống nhau. Cây cối và con người đều có sự sống bên trong để làm cho thể vía trong mỗi trường hợp là một dẫn thể sống động. Nó bị thu hút mạnh mẽ bởi các hạt phân tử của thể xác và do đó tự thích nghi theo hình dạng của thể xác, nhưng nếu một phần của thể xác đó bị cắt đi, tính liên kết trong các chất liệu sống động ở cõi trung giới vẫn mạnh hơn so với sức hút của phần thể xác đã bị cắt bỏ. Do đó, đôi phần trung giới của cánh tay hay cành cây sẽ không bị lôi cuốn theo cùng mảnh thể xác đã bị cắt rời. Vì thể vía đã có thói quen giữ hình dạng nhất định đó, nó sẽ tiếp tục trong một thời gian ngắn giữ lại hình dạng ban đầu, nhưng sẽ sớm rút lui vào trong chu vi giới hạn mới của hình thể bị tàn tật.

Trong trường hợp của một vật vô tri như một chiếc ghế hoặc một cái chậu, nó vốn không có một sự sống cá biệt để duy trì sự gắn kết. Vì vậy, khi một vật ở cõi trần bị phá vỡ, đôi phần ở cõi trung giới cũng bị phân chia, nhưng ta không thể phá vỡ đôi phần ở cõi trung giới để tạo ra ảnh hưởng như vậy trên vật thể ở cõi trần. Nói cách khác, hành động của việc tách ly phải bắt đầu ở cõi trần.

Dĩ nhiên, một vật thể hoàn toàn thuộc về cõi trung giới có thể được di chuyển bằng bàn tay thuộc cõi trung giới theo ý muốn, nhưng ta không thể di

chuyển đổi phần trung giới của một vật thể hồng trần. Để tạo ra kết quả này, một bàn tay phải được hiện hình để di chuyển vật thể hồng trần đó và như vậy thì đổi phần trung giới của nó sẽ được di chuyển theo. Đổi phần trung giới hiện diện nơi đó vì vật thể hồng trần của nó ở nơi đó, giống như mùi thơm hoa hồng tràn ngập căn phòng vì hoa hồng ở đó. Giả định rằng một người chỉ cần di chuyển đổi phần ở cõi trung giới để di chuyển một vật ở cõi trần cũng giống như cho rằng chỉ cần di chuyển mùi thơm, một người có thể di chuyển được bông hồng tạo ra mùi thơm đó.

Các phân tử của thể vía cũng thay đổi giống như các phân tử của thể xác, nhưng may mắn thay, quá trình cực nhọc và rườm rà của việc nấu nướng, ăn uống và tiêu hoá không còn là một nhu cầu cần thiết ở cõi trung giới. Các phân tử bị loại ra sẽ được thay thế bằng những phân tử khác từ môi trường chung quanh. Sự thèm khát của thể xác về miếng ăn, nước uống đã không còn tồn tại ở cõi này, nhưng lòng tham ăn để thoả mãn vị giác và lòng ham muốn cảm giác say sưa sau khi uống rượu của một bọm nhậu - tất cả điều này đều thuộc cõi cảm dục và do đó chúng vẫn còn tồn tại, gây ra nhiều đau khổ cho con người vì thiếu cơ thể vật lý mà chỉ qua nó các dục vọng này mới có thể được thoả mãn.

Cho đến nay, theo sự hiểu biết của chúng tôi, thể vía hình như không biết mệt.

Một người bình thường khi còn ở trong thể xác sẽ đương nhiên không bao giờ có cơ hội làm việc liên tục ở cõi trung giới, vì thời gian ban đêm làm việc ở cõi trung giới phải xen kẽ với thời gian ban ngày làm việc ở cõi trần. Tuy nhiên, tôi biết trường hợp của một người được quyền đầu thai nhanh chóng đã phải đợi ở cõi trung giới hai mươi lăm năm để được có những điều kiện đặc biệt mà y đòi hỏi. Y đã dành toàn bộ thời gian này để làm việc giúp đỡ cho những người khác mà không hề ngừng nghỉ, ngoại trừ việc thỉnh thoảng tham dự các lớp học do các đệ tử của Chân Sư tổ chức, và y đảm bảo với tôi rằng y chưa từng có chút cảm giác mệt mỏi nào - trên thực tế, y đã quên đi mệt mỏi có nghĩa là gì.

Tất cả chúng ta đều biết rằng trong cuộc sống bình thường một cảm xúc thái quá hay kéo dài liên tục sẽ làm ta nhanh chóng mệt mỏi, và vì cảm xúc là một biểu hiện của thể vía nên có lẽ vì thế mà một số người cho rằng tình trạng mệt mỏi của thể vía có thể xảy ra. Tuy nhiên, tôi nghĩ người ta sẽ khám phá ra rằng những gì bị mệt mỏi chỉ đơn giản do cơ thể vật lý mà thông qua đó mọi thứ trong chúng ta biểu hiện ở cõi trần. Cái mà chúng ta gọi là sự mệt mỏi của cái trí là một trường hợp tương tự. Sự mệt mỏi của cái trí vốn không có thực, cái mà chúng ta gọi bằng cái tên đó thực sự chỉ là sự mệt mỏi của bộ não thể xác mà xuyên qua đó thể trí phải tự biểu lộ.

Một người không thể nâng tầm nhìn của mình cao hơn cõi trung giới tất nhiên sẽ chỉ nhìn thấy chất liệu của cõi trung giới khi y nhìn vào hào quang của đồng loại. Y sẽ thấy chất liệu cảm dục không chỉ bao quanh thể xác mà còn thâm nhập vào nó, và bên trong chu vi của cơ thể đó, chất liệu trung giới được kết tụ dày đặc nhiều hơn so với phần hào quang nằm ở bên ngoài. Điều này xảy ra là do sự thu hút của phần lớn chất liệu đậm đặc của cõi trung giới được gom lại ở trong đó như là đối phần của những tế bào thể xác.

Khi thể vía rút ra khỏi thể xác lúc đi ngủ, sự sắp xếp này vẫn được giữ y nguyên nên sau đó bất cứ ai nhìn vào thể vía bằng thông nhãn đều nhìn thấy một hình thù của thể xác y như trước đó được bao quanh bởi hào quang. Hình dạng đó hiện giờ chỉ được cấu tạo bằng chất liệu của cõi trung giới, nhưng vẫn có một sự khác biệt lớn về mật độ của nó và lớp sương mù bao quanh để cho nó có thể dễ được phân biệt rõ ràng, mặc dù chính nó cũng chỉ là một hình thể sương mù đậm đặc hơn.

Có một sự khác biệt đáng kể về ngoại hình giữa người đã tiến hóa và người chưa tiến hóa. Ngay cả trong trường hợp của người chưa tiến hóa, các đường nét và hình dạng của thể bên trong vẫn luôn có thể được phân biệt mặc dù nó bị mờ đi và không rõ ràng. Tuy nhiên, quả trứng bọc xung quanh hiếm khi xứng đáng với tên gọi đó của nó vì trên thực tế, nó chỉ là

một luồng sương mù không hình dáng, không có đường nét đều đặn hoặc rõ ràng.

Người khá tiến hoá hơn có một sự thay đổi rõ rệt về cả hào quang lẫn hình thể bên trong nó. Phần bên trong được nhìn thấy rõ ràng và chi tiết hơn nhiều, một bản sao gần gũi hơn với hình dạng thể xác của người đó, và thay vì một luồng sương mù lơ lửng, chúng ta thấy được một hình bầu dục rõ ràng vẫn còn được giữ nguyên hình dạng của nó mà không bị ảnh hưởng bởi các dòng lưu chuyển khác lúc nào cũng xoáy lốc chung quanh nó ở cõi trung giới. Mặc dù sự sắp xếp của thể vía có thay đổi nhiều sau khi chết do tác động của loài tinh hoa chất cảm dục, nhưng sự thay đổi đó không có ảnh hưởng gì đến sự nhận diện hình thể bên trong quả trứng, mặc dù những thay đổi tự nhiên diễn ra sau đó nói chung có xu hướng làm cho hình dạng đó trở nên mờ ảo hơn và có vẻ thoát tục hơn với thời gian.

MÀU SẮC CỦA THỂ VÍA

Bất kỳ màu sắc nào tương đối lâu bền trong thể vía đều có nghĩa là một rung động dai dẳng, theo thời gian sẽ tạo ra ảnh hưởng đối với thể trí và cả nhân thể để những phẩm chất cao cả được phát triển ở các cõi thấp hơn được dần dần xây dựng vào nhân thể vĩnh

viễn và do đó trở thành phẩm hạnh của chính linh hồn. Màu sắc có thể được trộn lẫn ở bất kỳ mức độ nào, ví dụ như tình thương (màu hồng) pha với lòng sùng kính tôn giáo (màu xanh lam) sẽ tạo ra một màu tím đáng yêu. Chỉ có tư tưởng hoặc tình cảm tốt đẹp mới có thể tạo ra ảnh hưởng trên nhân thể và do đó được lưu giữ vĩnh viễn như là một phần của con người. Các loại suy nghĩ và cảm xúc khác vẫn ở lại trong các dẫn thể thấp hơn và tương đối không được lâu bền. Kích thích của một hình tư tưởng cho thấy được sức mạnh của một cảm xúc.

NHÂN THỂ

Không có một con số thể xác nào có thể chứa đầy được nhân thể, cũng như không có một số lượng đường thẳng nào có thể tạo nên một hình vuông hoặc bất kỳ một số lượng hình vuông nào có thể tạo nên một khối lập phương (cube). Linh hồn (chân ngã) đặt mình xuống nhiều cơ thể khác nhau với hy vọng đạt được hai điều: (1) để nhân thể học phản ứng với nhiều rung động hơn và (2) để tăng trưởng kích thước của nó. Phần đông nhân loại đều không hoàn toàn tỉnh thức trong nhân thể của họ. Các dây đàn của những linh hồn như vậy thật không thể nào được gảy lên trực tiếp mà phải nhờ ảnh hưởng từ bên dưới đưa lên bởi

những âm bội (overtones). Hầu hết mọi người hiện tại chỉ hoạt động được ở cảnh thứ ba của cõi trí (cảnh thấp nhất của nhân thể), và thực sự họ chỉ dùng được chất liệu thấp hơn của cảnh thứ ba. Khi họ đã đi trên đường Đạo, cảnh thứ hai sẽ mở ra. Vị Chân Tiên sử dụng được toàn bộ nhân thể trong khi tâm thức của Ngài vẫn còn ở cõi trần. Một phương pháp thô thiển và dễ dàng nhất để xác định giai đoạn tiến hóa của một người là nhìn vào nhân thể của người ấy. Nó cũng cho thấy y làm thế nào để tiến hoá đến đó. Con người vốn phát triển không đồng đều với nhau và tất cả chúng ta đều chưa tiến hoá ở một phương diện nào đó. Một con thú có một nhân thể với kích thước tối thiểu ngay khi nó cá nhân hoá, rồi sau đó nó phải phát triển về cả kích thước lẫn màu sắc.

TINH LINH CẢM DỤC

Phần lớn chất liệu của thể vía được làm sống động bởi loài tinh hoa chất, chúng tạm thời bị tách khỏi khối lượng chung (của loài tinh hoa chất) thuộc về cõi trung giới và trở thành biểu lộ cảm xúc của con người ở cõi này. Đây là một sinh thể nhưng không có trí thông minh. Tuy nhiên, nó có một bản năng mà Ông Sinnett gọi là “trí khôn vừa chớm nở” hướng dẫn nó đạt được những gì nó muốn. Theo bản năng sinh

tồn, nó tìm kiếm mục đích của nó một cách mù quáng và không biết lý luận, nhưng lại thể hiện một sự khôn khéo tuyệt vời để đạt được những ham muốn của nó và đẩy mạnh sự tiến hoá của chính nó.

Nó tiến hoá bằng cách thâm nhập vào vật chất, mục đích của nó là trở thành chân thần khoáng thạch (mineral monad). Vì vậy, mục tiêu đời sống của nó là phải làm sao đến càng gần cõi trần để tiếp xúc với càng nhiều rung động thô kệch càng tốt. Nó không biết gì về *bạn*, nó vốn thật sự không thể biết hoặc hình dung bất cứ điều gì về bạn, nhưng nó biết rằng nó đã tách riêng khỏi kho chất liệu tổng thể và đây là một điều tốt cho nó. Nó không phải là quỷ sứ và bạn không nên nghĩ là nó nên bị ghét bỏ.

Nó là một phần của Sự Sống Thiêng Liêng cũng giống như bạn. Tuy nhiên, điều mà nó quan tâm lại hoàn toàn ngược lại với bạn. Nó muốn tiến hoá hướng hạ, *bạn* muốn tiến hoá hướng *thượng*. Nó muốn duy trì một cuộc sống riêng biệt của nó và cảm thấy rằng chỉ khi nó có liên hệ với bạn, nó mới có thể làm được như vậy. Nó có ý thức được về một cái gì đó vốn là thể hạ trí của bạn, và nhận ra rằng nếu nó có thể bao bọc được cái trí này và thuyết phục bạn rằng điều nó và bạn quan tâm là một, bạn sẽ cung cấp cho nó ngày càng nhiều những cảm xúc mà nó mong muốn. Khi nó đã bám dính vào đủ chất liệu này để phù hợp với mục tiêu của nó, bạn không sao tách ra khỏi nó, và

kết quả là bạn sẽ mất đi một số chất liệu hạ trí này trong đời sống sau khi chết.

Do đó, bạn thấy được cách tinh linh cảm dục đạt được mục đích của nó, không hề biết rằng nó đang làm tổn thương bạn bằng cách cố gắng lôi kéo thể hạ trí của bạn. Nó làm được như vậy càng nhiều thì càng tốt cho nó, vì khi nó kết dính với càng nhiều chất liệu của thể trí thì đời sống của nó ở cõi trung giới sẽ càng lâu hơn. Cuộc sống đó vẫn còn tồn tại luôn cả sau khi bạn đã đi vào cõi thiên đàng. Nó được biết đến như là “u hồn” theo danh từ của Thông Thiên Học. Công việc của *bạn* là không cho phép mình bị lường gạt, vì nó không hiểu gì về sự tiến hoá của bạn và không có trách nhiệm gì về điều này, nó chỉ cố gắng lay chuyển bạn theo mục đích riêng của nó. Bạn nên hiểu tình hình này và từ chối bị lôi kéo. Chúng ta hãy nhận thức được điều này: tinh linh đó không phải là chúng ta. *Bạn* không bao giờ ham muốn những thứ thấp hèn này, chỉ là nó.

Không phải là chúng ta cần chống trả mạnh mẽ với nó, mà là chúng ta phải tự thoát khỏi nó, phải tự nhủ rằng: “Đây không phải là tôi, tôi không muốn điều thấp hèn này.” Có ai đó muốn nó. Đúng vậy, chính là tinh linh đó và bạn có trách nhiệm đối với những sở thích cùng ham muốn của nó, vì trong kiếp trước bạn đã tạo ra nó giống như bây giờ. Không phải là tập hợp đặc biệt của chất liệu trung giới và loài tinh hoa chất này tồn tại từ kiếp trước, nó chỉ mới được

tập hợp lại với nhau khi bạn sinh ra ở kiếp này, nhưng nó là một bản mô phỏng chính xác của chất liệu thể vĩa ở cuối đời sống cõi trung giới của kiếp trước của bạn. Dù sao đi nữa, nó không phải là bạn, và bạn nên nhớ điều này suốt cả đời, và thậm chí lâu hơn nữa trong suốt cuộc sống sau khi chết, vì lúc đó nó vẫn còn có khả năng mạnh mẽ hơn để đánh lừa bạn.

Tuy nhiên, bạn có thể nghĩ rằng bằng cách từ chối không cho nó ảnh hưởng đến bạn, bạn đang ngăn cản sự tiến hoá của nó. Hoàn toàn không phải như vậy. Bạn đang giúp loài tinh hoa chất nhiều hơn nếu bạn kiểm soát được những đam mê thấp hèn và giữ vững lập trường riêng của mình. Đúng là bạn không phát triển phần rất thấp của nó, nhưng bạn có thể bỏ phần thấp để phát triển phần cao hơn. Con thú có thể cung cấp những rung động thấp khá hơn là chính bản thân bạn, nhưng không ai ngoài con người có thể giúp phát triển loài tinh hoa chất thuộc loại cao hơn.

Sau cái chết của cơ thể vật lý, người bình thường chưa bao giờ biết được những điều này sẽ tìm thấy bản thân mình ở trong một tình huống thật bất ngờ khi y tỉnh dậy ở cõi bên kia và do đó sẽ cảm thấy ít nhiều lo sợ. Cuối cùng, y chấp nhận những tình huống mà y không hiểu, cho rằng chắc chúng là cần thiết và vô phương tránh khỏi. Chắc chắn một số tình huống là như vậy, nhưng có một số là không phải, và với kiến thức y có thể vượt qua điều sau một cách tốt đẹp.

Tinh linh sợ hãi bởi vì nó biết rằng cái chết của thể xác có nghĩa là thời hạn cuộc sống riêng rẽ của nó bị giới hạn, nó biết rằng cái chết của con người ở cõi trung giới sớm muộn sẽ đến và với nó, những cảm xúc sống động và mãnh liệt sẽ bị mất đi. Do đó, nó áp dụng một giải pháp tốt nhất mà nó có thể nghĩ ra để bảo tồn thể vía của con người. Hiển nhiên nó có đủ hiểu biết về định luật của lực hấp dẫn trong vật lý học ở cõi trung giới để nhận ra rằng chất liệu thô kệch nhất có thể dính kết với nhau lâu nhất và chịu được sự ma sát bền bỉ nhất. Do đó, nó sắp xếp các loại chất liệu theo các võ đồng tâm, phần thô kệch nhất ở bên ngoài, và khi làm như vậy thì nó đứng từ góc nhìn của nó. Trong suốt cuộc sống ở cõi trần, thể vía giống như nồi nước sôi, xoáy lốc, nhưng sau khi chết, chất liệu của nó được sắp xếp lại thành những lớp võ đồng tâm tùy theo mật độ, do đó sự lưu thông của toàn bộ thể vía không thể xảy ra.

Thể vía không có một bộ phận giác quan nào cả. Nó có các cơ quan tương ứng với các bộ phận giác quan của thể xác, nhưng bạn không dùng chúng để nhìn, nghe, và ngửi thấy. Bạn nghe và nhìn thấy trên khắp bề mặt của thể vía. Mỗi cõi phụ (hay cảnh) có chất liệu riêng của nó, và qua chất liệu trong thể vía thuộc cảnh đó mà bạn có thể đáp ứng lại với những rung động bên ngoài thuộc cảnh đó. Bất kỳ chất liệu nào ở bên ngoài (hoặc trên bề mặt) của thể vía của bạn đều đáp ứng với những rung động này, và bạn

chỉ nhìn và nghe thấy với nó. Do đó, chuyện xảy ra là như vậy: do sự tái sắp xếp của chất liệu thể vía mà tinh linh giam giữ bạn như ở trong một hộp được làm bằng chất liệu của cõi trung giới, bạn chỉ có thể nhìn và nghe những thứ thuộc cảnh thấp nhất và thô kệch nhất. Nếu bạn chống đối việc bị đóng nhốt theo cách này, nó sẽ cố gắng khiến bạn tin rằng nếu bạn không bám chắc vào trong chất liệu thô kệch hơn, bạn sẽ trôi đi và lạc vào một nơi u ám mơ hồ.

Nhưng ngược lại, nếu bạn dùng ý chí để chống đối nó, lập tức sẽ có một sự khác biệt. Những hạt phân tử của thể vía sẽ hoà trộn lẫn với nhau như khi còn sống, và do đó bạn sẽ có được tự do ở tất cả mọi cõi phụ.

Sự chiến đấu cuối cùng với nó sẽ xảy ra vào cuối đời sống ở cõi trung giới, vì lúc đó linh hồn sẽ cố gắng rút vào bên trong bản thân tất cả những gì y đã đưa xuống lúc ban đầu khi đầu thai vào kiếp sống vừa được đóng lại - để lấy lại “cái vốn” mà y đã đầu tư, cộng thêm tiền lời chính là kinh nghiệm y đã gặt hái được và những phẩm hạnh đã được phát triển trong kiếp sống vừa qua. Nhưng khi y cố gắng làm điều này thì y phải đối diện với sự phản kháng quyết liệt từ tinh linh cảm dục, thứ mà y đã tạo ra và nuôi dưỡng.

Mặc dù nó khó có thể được mô tả là thông minh, tinh linh cảm dục có một bản năng sinh tồn rất mạnh để hướng dẫn nó chống cự lại với toàn lực lượng mà nó có thể điều động để đối diện với nguy cơ diệt vong

đang đe dọa nó. Trong trường hợp của mọi người bình thường, nó sẽ đạt được một số thành quả đáng kể trong nỗ lực của nó vì phần lớn lý trí trong cuộc sống của người bình thường đều bị điều khiển bởi những dục vọng thấp hèn và bị làm nô lệ cho chúng, hay nói cách khác, thể hạ trí bị dục vọng lôi cuốn nghiêm trọng đến nỗi nó không thể tự giải thoát. Do đó, kết quả của cuộc đấu tranh là một phần chất liệu của thể trí và ngay cả nhân thể bị giữ lại trong thể vĩa sau khi linh hồn đã rời bỏ nó hoàn toàn. Một người khi còn sống đã chiến thắng trọn vẹn được dục vọng và thành công trong việc hoàn toàn tách rời thể hạ trí khỏi dục vọng thì trên thực tế đã không còn một cuộc chiến nào nữa, và chân ngã đòi lại cả vốn lẫn lời; nhưng không may, có một thái cực ngược lại mà y không đòi lại được cả hai.

Vì vậy, phận sự của chúng ta khi còn sống lẫn chết là phải kiểm soát được tinh linh cảm dục và không để nó điều khiển chúng ta. Hãy nhớ rằng bạn là một vị Thượng đế đang thành hình. Tất cả những quyền năng và sức mạnh của vũ trụ đều ở phía bên bạn. Kết quả là chắc chắn. Hãy đứng về phía Luật pháp và tất cả sẽ được đơn giản hoá.

Kiểm soát tuyệt đối các dục vọng là điều đáng làm, nhưng ít người làm được. Bạn phải giữ bình tĩnh trên cõi trung giới. Bạn sẽ thấy nhiều điều đáng sợ, và nếu bạn không thể triệt để kiểm soát mọi cảm xúc, bạn có thể dễ làm ra một điều gì đó mà bạn sẽ hối

hận. Ở dưới đây (cõi trần), có người thường làm ra những hành vi tàn bạo một cách thản nhiên và không nghĩ gì về nó; ví dụ, một người thầy nhẫn tâm có thể đánh đập một đứa trẻ mà không nhận ra được sự tàn ác của ông ta, nhưng ở cõi trung giới, sự ghê tởm của tội ác đó sẽ hiện ra ngay lập tức và thậm chí luôn cả những hậu quả khủng khiếp của nó cũng có thể được nhìn thấy một cách thường xuyên. Ở cõi trung giới, bạn nhìn thấy được toàn bộ hậu quả của ngay cả một lời nói độc ác. Những tham vọng mãnh liệt và hung bạo thường dễ thu hút những sinh linh thấp kém, chúng đi vào những hình tư tưởng như vậy để vui hưởng những rung động đó. Các hình tư tưởng có sinh khí như vậy có thể tồn tại trong nhiều năm và thậm chí còn tạo ra những hiện tượng quỷ quái kinh hồn.

NHỮNG LINH HỒN BỊ ĐÁNH MẮT

Thật là nhẹ nhõm khôn tả khi sự hợp tình, hợp lý của giáo pháp Thông Thiên Học giải phóng con người khỏi cơn ác mộng của chủ thuyết bị dọa dầy vĩnh viễn, vẫn còn được tin tưởng bởi những người thiếu hiểu biết trong số các tín đồ Cơ-đốc giáo, những người không hiểu được ý nghĩa thực sự của một số cụm từ trong kinh điển được gán cho Vị Sáng Lập ra tôn giáo của họ. Tuy nhiên, một số học sinh của

chúng ta, với lòng đầy niềm vui vì họ khám phá ra rằng mọi đơn vị cuối cùng cũng sẽ đạt đến sự hoàn thiện, cảm thấy niềm vui của họ bị giảm bớt bởi những ẩn ý ghê sợ rằng cuối cùng cũng có những trường hợp một linh hồn có thể bị mất đi, và họ bắt đầu tự hỏi liệu sự cai quản của Thiên luật có thực sự bao trùm cả vũ trụ, hay liệu có một cách nào khác mà con người có thể tự xoay xở để thoát khỏi sự cai quản của Thượng đế và tự huỷ diệt chính mình. Hãy để những người nghi ngờ như vậy tìm thấy được sự an ủi: Ý chí của Thượng Đế luôn luôn mạnh hơn ý chí của bất cứ con người nào, và thậm chí không có một nỗ lực tối đa của một trí khôn ngoan cổ nào có thể thắng được Ngài.

Đúng là Ngài cho phép con người được quyền tự do sử dụng ý chí của mình, nhưng chỉ trong những giới hạn nhất định được xác định rõ ràng; nếu con người sử dụng ý chí đó một cách tốt đẹp, những giới hạn đó sẽ nhanh chóng được nói rộng ra và y càng ngày càng có thêm nhiều quyền lực đối với vận mệnh của mình; nhưng nếu y sử dụng ý chí vào điều ác, y sẽ tự gia tăng các giới hạn của mình, cho nên mặc dù quyền năng của y cho điều thiện vốn thực sự là vô hạn vì nó có khả năng phát triển vô tận, quyền năng cho điều ác bị giới hạn một cách nghiêm ngặt. Đây không phải là một sự bất công trong việc áp dụng điều luật bởi vì trong một trường hợp, y thực hiện ý chí cùng hướng với Thượng Đế và như vậy đang bơi

theo dòng tiến hoá, còn trong trường hợp kia, y đang chiến đấu chống lại nó.

Thuật ngữ “những linh hồn bị đánh mất” diễn tả không được chính xác cho lắm vì nó gần như chắc chắn sẽ bị hiểu lầm và được cho rằng nó có ngụ ý nhiều hơn là ý nghĩa thật sự của nó. Theo cách nói hàng ngày, danh từ “linh hồn” được dùng mơ hồ đến nỗi khiến người ta phát bực, nhưng nói chung, nó thường được dùng để chỉ phần tinh vi và trường tồn hơn của con người, cho nên đối với người bình thường, việc đánh mất linh hồn có nghĩa là tự đánh mất chính mình, bị thất lạc hoàn toàn. Điều đó chắc chắn không bao giờ có thể xảy ra, do đó, cách diễn tả này dễ gây ra sự hiểu lầm và sự trình bày rõ ràng về những sự kiện được gán cho các nhãn hiệu không chính xác này có thể hữu ích đối với các môn sinh của chúng ta. Trong số các sự kiện như vậy có ba loại, chúng ta hãy nghiên cứu chúng từng loại một.

Có những linh hồn sẽ bị loại ra khỏi vòng tiến hoá ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Việc bị đánh rớt chính là sự đày đoạ dài vô tận (nhưng *không phải* là vĩnh viễn) mà Đức Chúa đã từng nhắc đến như là một nguy cơ thực tiễn đối với những thánh giả chưa thức tỉnh của Ngài: nó chỉ một sự kết án đơn giản, nghĩa là một sự quyết định là tạm thời họ không có đủ khả năng tiến bộ cao hơn nữa, nhưng đây không hàm ý khiển trách trừ những trường hợp của số người đã bỏ qua quá nhiều cơ hội đến với họ. Thông Thiên Học

dạy chúng ta rằng mọi người đều là huynh đệ với nhau, tuy không phải tất cả đều bình đẳng với nhau. Giữa họ có những sự khác biệt rất lớn: họ nhập vào vòng tiến hoá ở nhiều thời kỳ khác nhau cho nên một số là linh hồn già dặn hơn những người khác, và họ đứng ở một vị trí khác nhau trên nấc thang tiến hoá. Những linh hồn già dặn hơn dĩ nhiên học nhanh hơn các linh hồn trẻ và do đó khoảng cách giữa họ cứ tăng dần, để cuối cùng đi đến một thời điểm mà các điều kiện cần thiết cho một nhóm sẽ hoàn toàn không phù hợp với nhóm kia.

Chúng ta có thể dùng một ví dụ dễ hiểu bằng cách nghĩ về những đứa trẻ trong cùng một lớp học. Người thầy giáo của lớp đó có nguyên cả một dự án năm học trước mặt ông ta để chuẩn bị các học sinh cho một kỳ thi nào đó. Ông ta phân chia bài vở: một số cho tháng đầu tiên, một số cho tháng thứ hai, và cứ như vậy dĩ nhiên bắt đầu từ cái gì dễ nhất và đi dần lên cái gì khó hơn. Tuy nhiên, các học trò của ông thuộc nhiều số tuổi và khả năng khác nhau: một số học rất nhanh và giỏi hơn trung bình, một số học chậm hơn, và có một số học trò mới không ngừng gia nhập lớp học của ông ta mà trong đó có một số hầu như không theo nổi trình độ của lớp. Khi nửa năm đã trôi qua, ông ta quyết định đóng sổ nhập học và từ chối không nhận thêm học trò mới nữa.

Điều này đã xảy ra với chúng ta ở giữa vòng tuần hoàn thứ tư, khi cánh cửa đã được đóng lại với loài

thú để chúng không thể gia nhập vào loài người được nữa, trừ một ít trường hợp ngoại lệ vì thật ra chúng thuộc về tương lai; cũng như chúng ta có một vài người đạt được quả vị Chân Tiên, họ không phải thuộc thành phần những người còn sót lại của dãy mặt trăng đạt được quả vị Chân Tiên mà là nhóm người rất tiến hoá hơn phần còn lại của nhân loại. Tương tự như vậy, có một vài con thú đang ở giai đoạn cá nhân hoá mà phần lớn được đòi hỏi đạt đến giai đoạn này ở cuối vòng tuần hoàn thứ bảy. Ở hành tinh kế tiếp, các trường hợp ngoại lệ này sẽ được sắp xếp để có cơ hội lấy được cơ thể của con người bán khai.

Một thời gian sau, người thầy có thể thấy trước được rõ ràng có một số học sinh sẽ chắc chắn vượt qua được cuộc thi, trong khi một số khác thì không chắc lắm, và một số nữa thì chắc chắn sẽ rớt. Đối với nhóm sau cùng, ông ta có thể nói một cách rất hợp lý rằng:

“Chúng ta đã đến một giai đoạn mà việc học tập tiếp tục ở lớp này là vô ích đối với bạn. Bạn không thể bằng bất cứ nỗ lực nào đạt đủ tiêu chuẩn cần thiết cho đúng thời hạn của kỳ thi. Những bài học cao hơn hiện giờ cần phải được dạy cho người khác và hoàn toàn không phù hợp với bạn vì bạn không thể hiểu được nó nên bạn chẳng những chỉ làm tốn thời gian của mình mà còn làm cản trở những người còn lại trong lớp. Do đó, tốt hơn hết là bạn nên lập tức

chuyển xuống lớp tiếp theo bên dưới lớp này, hoàn thiện bản thân nơi đó với những bài học sơ bộ mà bạn chưa học hết căn kẽ, và quay trở lại trình độ này năm sau khi bạn chắc chắn sẽ có đủ điểm để vượt qua kỳ thi.”

Đó chính xác là những gì sẽ được thực hiện ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm. Những người không thể bằng bất kỳ nỗ lực nào đạt tiêu chuẩn đã được vạch sẵn trong thời gian còn lại sẽ bị đưa trở lại vào lớp thấp hơn, và nếu cánh cửa của lớp học đó chưa mở, họ sẽ chờ đợi trong bình yên và hạnh phúc cho đến giờ đã định. Họ có thể được mô tả là bị mất đối với *chúng ta*, mất đi khỏi làn sóng tiến hoá nhỏ đặc biệt mà chúng ta thuộc về; họ không còn là “ người của năm chúng ta” như thường được nói trong Đại học. Tuy nhiên, họ chắc chắn sẽ là “ người của năm tới” - thậm chí là những người dẫn đầu trong lớp đó do công việc họ đã từng làm qua và kinh nghiệm mà họ từng có.

Phần đông số người này bị rút vì họ còn quá trẻ đối với lớp học, mặc dù họ thực sự đã quá già dặn để được đặt vào vị trí đứng đầu của lớp thấp hơn. Họ đã có được lợi thế đi qua bài tập của nửa năm học đầu tiên và do đó sẽ học bài dễ dàng và nhanh lẹ hơn khi học lại lần tới, và họ sẽ có khả năng giúp đỡ những bạn đồng học của họ chưa có lợi thế như họ. Như thế những người còn quá trẻ đối với công việc của lớp này thì sự thất bại của họ không có gì là đáng trách.

Tuy nhiên, có một nhóm lớn khác, lý ra có thể thành công do quyết tâm nhưng lại thất bại vì thiếu nỗ lực đó. Những người này giống y như một cậu bé bị ở lại lớp không phải vì cậu ta còn quá trẻ mà vì cậu ấy quá lười biếng để làm bài của mình. Số mạng của cậu ấy cũng giống như những người khác, nhưng hiển nhiên họ không đáng trách bởi vì họ đã cố gắng hết sức mình, trong khi cậu bé đáng bị chê trách bởi vì cậu ta không chịu làm hết sức mình; vì vậy cậu ta sẽ mang theo di sản của hậu quả xấu đó mà những người khác không bị mắc vào. Những lời cổ vũ của Đức Chúa chính là đang nhắm vào những người thuộc thành phần này - những người có cơ hội và khả năng để thành tựu, nhưng không chịu đưa ra nỗ lực cần thiết.

Bà Blavatsky đã dùng những thuật ngữ mạnh mẽ để diễn tả các người này, như là “những người lười biếng vô dụng không chịu hợp tác với Thiên Nhiên, và hàng triệu người như thế phải chết đi trong một chu kỳ biểu lộ của Thượng Đế.” (*Giáo Lý Bí Truyền*, iii, 526). Nhưng hãy lưu ý “chết đi” chỉ là trong một “chu kỳ biểu lộ” và nó có nghĩa là họ bị trì hoãn chứ không phải là bị diệt vong hoàn toàn. Sự trì hoãn là điều xấu nhất có thể xảy ra đối với tất cả mọi người trong quá trình bình thường của sự tiến hoá. Sự trì hoãn như vậy chắc chắn là rất nghiêm trọng, nhưng mặc dù nó có xấu đến cỡ nào đi nữa, đó là điều tốt nhất có thể được thực hiện trong hoàn cảnh như vậy.

Vì do trẻ tuổi, lười biếng hay hư hỏng cố chấp, những người này đã thất bại, rõ ràng họ cần phải được rèn luyện nhiều hơn, và sự rèn luyện này là việc họ nhất định phải trải qua. Tất nhiên, đây là điều tốt nhất đối với họ, mặc dù nó có nghĩa là họ sẽ phải trải qua rất nhiều kiếp sống, phần lớn có thể rất nhàm chán và chấp chứa nhiều khổ đau. Tuy nhiên, họ vẫn phải vượt qua cho đến bước cuối cùng, vì đó là con đường duy nhất để họ có thể đạt đến trình độ của các giống dân tiến hoá hơn đã đạt được qua quá trình tiến hoá liên tục kéo dài tương tự.

Với mục đích cứu vớt càng nhiều người khỏi sự đau khổ nhiều thêm này mà Đức Chúa đã nói với các môn đồ của Ngài: “Hãy đi khắp thế gian và giảng dạy kinh phúc âm cho tất cả mọi người; kẻ nào tin và chịu phép rửa tội sẽ được cứu, kẻ nào không tin sẽ bị đọa đày.” Vì lễ rửa tội và những nghi thức tương tự trong những tôn giáo khác là dấu hiệu của sự hiến dâng cuộc đời phụng sự cho Quần Tiên Hội, người nào có thể hiểu được lẽ phải và do đó hướng về chánh đạo chắc chắn sẽ nằm trong số những người được “cứu rỗi” hay “an toàn,” thoát khỏi sự phán quyết ở vòng tuần hoàn thứ năm; trong khi những người không chịu khó tìm tòi và đi theo chân lý chắc chắn sẽ bị kết án. Nhưng hãy luôn nhớ rằng “sự kết án” chỉ có nghĩa là bị từ chối khỏi một “chu kỳ dài vô kể” hoặc một dãy tiến hóa, bị ném lại vào dãy kế tiếp của những dòng sống liên tục. Có thể nói “những linh hồn bị

đánh mất” chỉ “mất đi” đối với chúng ta nhưng không phải đối với Thượng Đế; do đó, tốt hơn là nên diễn tả nhóm người này là tạm thời bị đặt qua một bên. Dĩ nhiên, chúng ta không nên cho rằng chỉ có kiến thức của Thông Thiên Học là “niềm tin” cứu vớt được họ; ít nhất, tôn giáo của họ không phải là vấn đề quan trọng, miễn sao họ hướng về đời sống tinh thần, miễn sao họ dứt khoát đứng về bên thiện và chống lại bên ác, và họ đang làm việc một cách vị tha để hướng về phía trước và lên trên.

Có những trường hợp phạm ngã được củng cố quá mức đến nỗi chân ngã gần như bị loại ra khỏi nó. Đối với những người này, có hai loại: những người chỉ sống với đam mê của họ và những người chỉ sống với cái trí của họ. Vì cả hai thường hay xảy ra nên đáng cho chúng ta nghiên cứu thêm về việc gì thật sự đã xảy ra với họ.

Chúng ta thường nói về linh hồn (chân ngã) như là tự đưa mình xuống vào trong vật chất của các cõi thấp hơn, nhưng nhiều môn sinh quên rằng đây không phải chỉ là câu nói suông mà thực sự là có một khía cạnh vật chất rõ ràng. Chân ngã cư ngụ trong nhân thể, và khi y nhận thêm một thể trí và thể vía, hoạt động đó bao gồm sự vướng mắc về một phần chất liệu của nhân thể với chất liệu thấp hơn của thể trí và thể vía. Chúng ta có thể coi việc “đưa xuống” như là sự đầu tư của chân ngã. Giống như các môi đầu tư, việc này cũng vậy: y mong mỗi sẽ thu về nhiều hơn

so với những gì y đã bỏ ra, nhưng nó vẫn có rủi ro bị thất vọng - một khả năng là y có thể mất đi một phần mà y đầu tư, hay trong những trường hợp đặc biệt, bị mất sạch, tuy không phải thực sự bị phá sản, nhưng bị mất đi cái vốn sẵn có.

Chúng ta hãy xem xét kỹ càng hơn ví dụ này. Chất liệu trong nhân thể của linh hồn có ba cấp thuộc cảnh thứ nhất, thứ nhì, và thứ ba của cõi trí. Tuy nhiên, đối với phần lớn nhân loại hiện nay vẫn chưa có hoạt động nào vượt quá cảnh thấp nhất, và ngay cả lúc đó cũng chỉ là một phần nhỏ của cấp độ đó. Do đó, chỉ có một ít chất liệu thấp nhất của nhân thể được đưa xuống các cõi thấp hơn, và thậm chí chỉ một phần nhỏ hơn nữa của phần đó có thể bị dính mắc với chất liệu của cõi hạ trí và cõi trung giới.

Khả năng kiểm soát của chân ngã đối với phần được đưa xuống rất yếu ớt và không được hoàn mỹ vì y vẫn còn trong tình trạng mơ mộng. Nhưng khi thể xác của y lớn lên thì thể vía và thể trí cũng được phát triển, và phần chất liệu của nhân thể bị vướng mắc vào chúng cũng được đánh thức bởi các rung động mạnh mẽ từ các thể truyền dẫn đến nó. Phần nhỏ này của phần hoàn toàn bị vướng mắc này sẽ cung cấp sự sống, sức mạnh, và ý thức về cá tính cho các cơ thể này, và đến lượt chúng cũng phản ứng mạnh mẽ lên nó và khơi dậy trong nó một nhận thức sâu xa về cuộc sống. Nhận thức sâu sắc về cuộc sống chính là thứ nó cần, là mục tiêu chính mà nó tự đưa

mình xuống, và chính sự khao khát về nhận thức sâu sắc này mà nó chưa có được gọi là *trishna* (sự khao khát của sự sống biểu lộ, sự ham muốn được cảm thấy bản thân mình thực sự sống động), là sức mạnh lôi kéo chân ngã đi xuống để đầu thai một lần nữa.

Tuy nhiên, vì chỉ có phần nhỏ này được trải nghiệm những nhận thức như vậy và do đó tỉnh thức nhiều hơn so với phần còn lại của chân ngã, nó thường phát triển đến mức có thể tự nghĩ mình là một thực thể nguyên vẹn và trong một khoảng thời gian quên đi mối liên hệ của nó với “Cha nó ở trên Trời.” Nó có thể tạm thời đồng hoá với chất liệu mà xuyên qua đó nó làm việc và có thể chống cự lại với ảnh hưởng của phần trên được đưa xuống nhưng không bị dính mắc -phần làm cầu nối với khối lượng lớn của chân ngã còn lại ở trên cõi của y.

Để thấu hiểu vấn đề này đầy đủ hơn, chúng ta nên nghĩ về phần của chân ngã được đánh thức ở cảnh thứ ba của cõi trí (luôn ghi nhớ rằng phần đó chỉ là một phần rất nhỏ của toàn bộ) như là được chia thành ba phần: (a) phần vẫn ở lại tại cõi của nó, (b) là phần được đưa xuống, nhưng không bị dính mắc với chất liệu thấp hơn, và (c) phần bị hoàn toàn dính mắc với chất liệu thấp hơn và tiếp nhận được những rung động từ nó. Những phần này được sắp xếp theo cấp độ giảm dần, như (a) là một phần rất nhỏ của linh hồn thực sự, (b) chỉ là một phần nhỏ của (a), và đến lượt (c) là một phần nhỏ của (b). Phần thứ hai hoạt động

như là cầu nối giữa phần thứ nhất và phần thứ ba; chúng ta có thể giả dụ (a) là cơ thể, (b) là cánh tay được duỗi ra, và (c) là bàn tay đang nắm lấy, hoặc có thể đúng hơn, là các đầu ngón tay đang nhúng vào vật chất.

Ở đây chúng ta có một sự sắp xếp rất cân xứng và tế nhị có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều cách khác nhau. Chủ ý là bàn tay (c) phải nắm chặt và hướng dẫn vật chất mà nó vướng mắc, cũng phải luôn luôn được hoàn toàn điều khiển bởi cơ thể (a) xuyên qua cánh tay (b). Trong những trường hợp thuận lợi, nhiều sức lực hơn, thậm chí nhiều chất liệu hơn, có thể được tuôn xuống từ (a) qua (b) đến (c), để cho sự kiểm soát có thể càng lúc càng trở nên hoàn hảo hơn. (C) có thể phát triển về kích thước cũng như sức mạnh, và khi nó càng làm được như vậy thì càng tốt, miễn sao đường thông tin liên lạc qua (b) vẫn mở rộng thoải mái và (a) giữ được quyền kiểm soát. Chính sự dính mắc của chất liệu nhân thể, được biểu tượng qua (c), đánh thức nó hoạt động một cách nhạy bén và phản ứng chính xác với các sắc thái rung động vi tế mà nó không thể đạt được bằng cách nào khác, nên điều này, khi được truyền qua (b) đến (a), có nghĩa là sự phát triển của linh hồn.

Tuy nhiên, không may là diễn tiến của các sự việc không phải lúc nào cũng tuân theo kế hoạch làm việc lý tưởng được mô tả ở trên. Khi sự kiểm soát của (a) yếu ớt, chuyện đôi khi xảy ra là (c) trở nên hoàn

toàn vướng mắc trong vật chất thấp hèn đến nỗi mà (như tôi đã từng nói) nó thực sự đồng hoá với vật chất đó, quên đi trong một khoảng thời gian bản chất cao thượng của nó, và tự nghĩ về nó như là toàn thể linh hồn. Nếu chất liệu là thuộc về cõi hạ trí, chúng ta sẽ có ở dưới đây tại cõi trần một con người hoàn toàn duy vật. Y có thể thông minh sắc sảo, nhưng không có đời sống tinh thần; y có thể tỏ ra rất cố chấp về vấn đề tinh thần và không thể nào hiểu nổi hoặc trân quý nó. Y có thể tự cho mình là thực tế, hợp lý, khách quan, trong khi thực tế, y cứng nhắc như một khối đá, và vì sự cứng rắn đó mà cuộc sống của y là một thất bại và y sẽ không tiến bộ.

Nếu vật chất mà y bị dính vào một cách nghiêm trọng thuộc về cõi trung giới, y sẽ (trên cõi trần) trở thành một người chỉ nghĩ đến sự thỏa mãn của bản thân, một người tỏ ra hoàn toàn tàn nhẫn khi theo đuổi một đối tượng nào đó mà y cực kỳ khao khát, một người vô đạo đức và ích kỷ tàn bạo. Một con người như vậy chỉ sống trong đam mê của mình, cũng như một người hoàn toàn vướng mắc trong chất liệu của cõi trí chỉ biết sống với cái trí. Những trường hợp như vậy từng được nhắc đến trong văn học của chúng ta là “những linh hồn bị đánh mất,” nhưng không phải bị mất vĩnh viễn. Bà Blavatsky có nói về họ như vậy:

“Tuy nhiên, vẫn còn một tia hy vọng cho một người đã đánh mất Linh hồn cao cả qua tội lỗi của mình khi vẫn còn trong thể xác. Y vẫn có thể chuộc

tội và quay lại chống cá tính vật chất của y. Bởi vì một cảm giác ăn năn mãnh liệt, hay một lời kêu gọi thiết tha với Linh hồn đã rời bỏ, hay tốt hơn hết, một nỗ lực tích cực để sửa đổi nhân cách của mình, có thể đem Linh hồn quay trở lại. Sợi dây kết nối hoàn toàn không bị cắt đứt.” (*Giáo Lý Bí Truyền*, iii, 527).

Đây là các trường hợp mà (c) đã quả quyết chống đối lại (b) và đẩy nó trở lại (a), cánh tay trở nên suy yếu và gần như bị tê liệt, sức mạnh và chất liệu của nó rút vào trong cơ thể; trong khi đó, bàn tay tự thiết lập và tự tạo ra những cử động giật và co thắt từng hồi mà não bộ không thể kiểm soát được. Nếu sự tách ly trở nên hoàn toàn thì nó sẽ tương xứng với việc cắt cụt ở cổ tay, nhưng điều này hiếm khi xảy ra khi y còn sống ở cõi trần, mặc dù sự liên lạc chỉ vừa đủ để phàm ngã tồn tại.

Như Bà Blavatsky đã nói, trường hợp như vậy không phải hoàn toàn vô vọng, vì ngay cả đến giây phút cuối cùng, sự sống tươi mát mới vẫn có thể tuông đổ qua cánh tay đã bị liệt kia nếu một nỗ lực đủ tích cực được thực hiện và do đó chân ngã có khả năng phục hồi được một phần nào của (c), như y đã thu lại hầu hết phần lớn của (b). Tuy nhiên, một đời sống như vậy đã bị lãng phí vì cho dù người đó đã cố gắng thoát khỏi sự mất mát nghiêm trọng, nhưng dù sao y cũng không thu hoạch được gì và rất nhiều thời gian đã bị lãng phí.

Có thể khó tin rằng những người mà tôi đã mô tả ở trên còn có thể tránh khỏi sự mất mát nghiêm trọng, nhưng may thay cho khả năng tiến bộ của chúng ta, những định luật cai quản sự sống của chúng ta làm cho một tổn thất thực sự nghiêm trọng như vậy không dễ xảy ra. Nguyên nhân này có lẽ sẽ được làm sáng tỏ bằng những cân nhắc sau đây.

Tất cả các hoạt động mà chúng ta gọi là xấu xa, cho dù chúng đang làm việc qua các tư tưởng ích kỷ ở cõi trí hoặc những tình cảm ích kỷ ở cõi trung giới, đều tự thị hiện như là các rung động của chất liệu thô kịch hơn thuộc về những cảnh thấp hơn của các cõi đó. Mặt khác, mọi tư tưởng hay tình cảm tốt đẹp và vị tha đều làm rung động một số chất liệu thanh nhẹ hơn của cõi đó, và vì chất liệu mịn hơn sẽ di chuyển dễ dàng hơn, bất kỳ một lực nhất định nào được tiêu dùng vào tư tưởng hoặc tình cảm tốt lành đều có thể tạo ra một hiệu quả có lẽ gấp hàng trăm lần so với cùng một lực tác động vào các chất liệu thô kịch hơn. Nếu không phải thế, hiển nhiên một người bình thường không bao giờ có thể đạt được bất cứ một sự tiến bộ nào.

Có lẽ chúng ta sẽ không có bất công đối với một người chưa tiến hoá nhiều nếu giả định rằng chín mươi phần trăm tư tưởng và cảm xúc của y đều hướng về bản thân mình, bao gồm luôn cả những tư duy và tình cảm không phải thực sự là ích kỷ; như vậy, nếu mười phần trăm của nó là cao thượng và vị

tha, hẳn y đã vượt trội hơn mức trung bình. Rõ ràng là nếu một lực đưa ra tạo ra một hậu quả với tỷ lệ tương xứng, đại đa số nhân loại sẽ thụt lùi chín bước cho mỗi một bước tiến về phía trước, và chúng ta sẽ có một sự thoái hoá nhanh đến mức chỉ sau vài kiếp đầu thai, chúng ta sẽ bị đưa trở lại vào loài thú mà chúng ta vừa mới tiến hoá ra khỏi. Hạnh phúc thay cho chúng ta là kết quả của mười phần trăm lực hướng về điều thiện có ảnh hưởng mạnh hơn nhiều so với chín mươi phần trăm lực hướng về những mục đích ích kỷ, nên nói chung một người như vậy có một tiến bộ đáng kể từ kiếp này qua kiếp khác. Ngay cả một người dù chỉ có thể hiện một phần trăm điều thiện cũng đạt được một tiến bộ nho nhỏ, nên rất dễ hiểu là khi một người có một sở học bực cân bằng tuyệt đối, không thấy một sự tiến bộ hoặc thụt lùi nào cả, người này phải sống một cuộc đời thật sự xấu xa; trong khi để thực sự thoái hoá, con người đó phải là một nhân vật xấu ác dị thường.

Nhờ định luật nhân từ này mà thế giới đang tiến hoá đều đặn nhưng chậm chạp về phía trước, mặc dù chúng ta luôn thấy chung quanh rất nhiều điều không vừa ý, ngay cả những người mà tôi vừa mô tả rốt cuộc có thể cũng không bị rút lại quá xa. Những gì mà họ đánh mất là thời giờ và cơ hội thay vì vị trí thực sự trong quá trình tiến hoá, nhưng để mất thời gian và cơ hội lúc nào cũng đồng nghĩa với việc gánh thêm đau khổ.

Để thấy được những gì họ đánh mất và những gì họ không làm được, hãy quay lại một phút với ví dụ của một cuộc đầu tư. Chân ngã hy vọng sẽ thu hồi được những gì y đưa xuống vào trong vật chất thấp hơn - khối mà chúng ta đã gọi là (c) - và y hy vọng sẽ cải thiện được chất lượng cũng như số lượng của nó. Chất lượng của nó sẽ tốt hơn vì nó đã tinh tảo nhiều hơn và có khả năng phản ứng tức thì và chính xác hơn với nhiều loại rung động khác nhau so với trước đây - một khả năng mà (c) khi được thu hồi nhất thiết phải liên lạc với (a), mặc dù tất nhiên khối năng lượng tích trữ tạo ra làn sóng mạnh mẽ trong (c) chỉ có thể tạo ra một gợn sóng khi nó phải được phân phối đồng đều trong chất liệu của (a). (Ở đây ta cần phải lưu ý rằng mặc dù các dẫn thể, bao gồm các chất liệu thô hơn cũng như mịn hơn ở các cõi tương ứng của chúng, có thể đáp ứng và biểu lộ những tư tưởng và tình cảm xấu xa và mặc dù sự kích thích của chúng dưới các rung động như vậy có thể làm xáo trộn chất liệu của nhân thể bị vướng mắc trong (c), (c) không thể nào tái tạo các rung động đó hoặc truyền đạt chúng đến (a) hoặc (b), đơn giản chỉ vì chất liệu của ba cảnh cao hơn của cõi trí không thể nào phát ra những rung động theo tần số của cõi thấp nhất, cũng như dây đàn vi-ô-lông khi được điều chỉnh đến một tần số âm điệu (pitch) nào đó không thể nào phát ra một nốt thấp hơn mức độ đó).

(C) cũng phải tăng trưởng về số lượng vì nhân thể, cũng như những dẫn thể khác, luôn thay đổi chất liệu của nó, và khi một sự luyện tập đặc biệt nào được thực thi trên một phần nhất định nào đó của nó, kích thước của bộ phận đó sẽ tăng trưởng và trở nên mạnh mẽ hơn, giống y như khi bắp thịt của cơ thể được sử dụng. Mỗi một kiếp sống ở cõi trần là một cơ hội được tính toán cẩn thận để phát triển những phẩm chất và số lượng cần thiết nhất cho chân ngã; thất bại trong việc sử dụng cơ hội đó đồng nghĩa với sự rắc rối và chậm trễ của một kiếp đầu thai tương tự khác, với những đau khổ chồng chất do phải cộng thêm các nghiệp xấu đã phát sinh.

Đôi nghịch với sự tăng trưởng mà chân ngã có quyền hy vọng ở mỗi kiếp đầu thai, chúng ta phải bù đắp lại một số mất mát vốn không thể nào tránh khỏi ở những giai đoạn đầu tiên. Để có hiệu quả, sự dính mắc vào vật chất thấp hơn phải rất mật thiết, và khi chuyện đó xảy ra, rất hiếm khi có thể thu hồi lại hết được mọi phân tử mà nhân thể đưa xuống, nhất là từ mối liên kết với thể vía. Khi tách ly khỏi thể vía, nó dường như lúc nào cũng bỏ lại ở cõi trung giới một u hồn (shade) thay vì một cái vỏ trống không (shell), và chính điều này có nghĩa là một cái gì đó của chất liệu nhân thể đã bị mất đi. Tuy nhiên, trừ trường hợp của một đời sống quá ư xấu xa, số bị mất này phải nhỏ hơn nhiều so với số lời thu lại được từ sự tiến bộ, và do đó nói chung, việc giao dịch vẫn có lợi nhuận.

Với những người như tôi đã mô tả - những người sống hoàn toàn trong cảm xúc và trí đam mê - sẽ không có một thu hoạch gì về chất lượng và số lượng vì những rung động như vậy không thể được lưu trữ trong nhân thể; về mặt khác, vì sự vướng mắc quá mật thiết nên chắc chắn sẽ có những tổn thất đáng kể khi sự tách ly diễn ra.

Chúng ta không nên để ví dụ của cánh tay và bàn tay làm chúng ta hiểu lầm rằng (b) và (c) là các chân tay riêng biệt vĩnh viễn của chân ngã. Trong thời gian của một kiếp sống, chúng có thể được coi là riêng biệt, nhưng đến lúc cuối của mỗi kiếp sống, chúng rút vào (a) và kết quả kinh nghiệm của chúng được chia đều trong toàn bộ thể chất của nó, nên khi chân ngã đưa một phần của nó xuống đầu thai một lần nữa, y không phải vươn ra (b) và (c) cũ vì chúng đã được thấm nhuần vào y và trở thành phần tử của y, cũng giống như một cốc nước đầy được đổ vào trong xô nước trở thành một phần của nước trong xô và không thể nào được tách ra lại y như trước.

Bất kỳ chất liệu nào có màu sắc hiện diện trong cốc nước đều được chia đồng đều trong nguyên một xô nước mặc dù màu sắc của nó sẽ lợt hơn, và màu sắc của chất liệu đó có thể được coi là biểu tượng của những phẩm chất đã được phát triển qua kinh nghiệm. Như ta không thể nào lấy ra từ trong xô nước đó ra một cốc nước giống y như cũ, cũng vậy linh hồn không thể nào đưa ra (b) và (c) giống y như trước.

Phương pháp này thật ra rất quen thuộc đối với linh hồn trước khi y cá nhân hóa thành một linh hồn riêng biệt, vì nó giống hệt như cách thức được áp dụng bởi hồn nhóm, trừ sự khác biệt là hồn nhóm đưa xuống rất nhiều cánh tay cùng một lúc, trong khi linh hồn mỗi lần chỉ đưa xuống một cyy duy nhất. Vì vậy, phàm ngã trong mỗi lần đầu thai là một người mới khác, mặc dù linh hồn đằng sau nó vẫn là người cũ.

May thay, những trường hợp mà phàm ngã nắm bắt được phần của chân ngã đưa xuống rồi thật sự tách riêng ra tuy có xảy ra nhưng rất hiếm, và chúng đại diện cho một thảm họa kinh hoàng nhất có thể xảy ra đối với chân ngã ấy. Lần này (c), thay vì đẩy lùi (b) và dần dần xua đuổi nó vào (a), lại từ từ hút lấy (b) và tách nó ra khỏi (a). Điều này chỉ có thể xảy ra qua sự ương ngạnh cố chấp làm ác một cách cố ý - nói tóm lại, phe hắc đạo. Quay trở lại với ví dụ trước đây của chúng ta, việc này tương đương với việc bị cắt cụt ở vai, hay sự mất mát gần toàn bộ vốn liếng sẵn có của chân ngã. May thay, chân ngã không thể nào mất hết tất cả, vì cả hai (b) và (c) chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ của (a) mà thôi, và đằng sau (a) là một phần lớn chưa được phát triển của chân ngã ở cảnh thứ nhất và thứ nhì của cõi trí. Cho dù có ngu xuẩn hoặc tàn ác đến mức nào, con người cũng không thể nào tự huỷ hoại hoàn toàn vì y không thể nào đưa phần cao hơn của nhân thể vào bất cứ hoạt động gì cho đến khi

y đạt đến trình độ mà làm ác là một điều không thể tưởng tượng được.

Giờ đây, khi chúng ta đã trải qua giai đoạn chính yếu của sự đắm chìm trong vật chất, toàn bộ sức mạnh của vũ trụ đều thúc đẩy ta hướng về sự hợp nhất; và ai chịu hiến dâng đời mình để hợp tác một cách thông minh với tạo hoá sẽ nhận lãnh được phần thưởng của y, đó là sự nhận thức ngày càng gia tăng về thực tại của sự hợp nhất này. Tuy nhiên ở mặt khác, rõ ràng con người có thể chống lại tạo hoá, và thay vì họ quên mình làm việc vì lợi ích cho tất cả, họ lại hạ thấp nhân cách bằng cách sử dụng hết các tài năng của họ vào những mục đích hoàn toàn ích kỷ. Vì vậy, đối với họ cũng như đối với những người khác, tục ngữ xưa nói rất đúng: “Quả thật, tôi nói với bạn, họ có phần thưởng của riêng họ.” Họ dành cả đời để chiến đấu cho sự chia rẽ và trong một thời gian dài họ sẽ đạt được điều đó, và người ta nói rằng cảm giác bị cô lập hoàn toàn trong không gian là số phận khủng khiếp nhất có thể xảy ra đối với những người con của nhân loại.

Sự phát triển bất bình thường của tính ích kỷ là đặc điểm của một hắc phù thủy, và chỉ trong hàng ngũ của họ chúng ta mới có thể tìm thấy được những người có nguy cơ bị số phận khủng khiếp này. Họ có rất nhiều loại và đều là đáng ghê sợ, nhưng tất cả bọn họ đều có thể được xếp vào một trong hai hạng lớn khác nhau. Cả hai đều sử dụng những phép thuật

huyền bí mà họ sở hữu cho những mục đích hoàn toàn ích kỷ, nhưng các mục đích này khác nhau.

Ở loại bình thường và ít ghê sợ hơn, mục tiêu được theo đuổi là sự thỏa mãn ham muốn nhục dục thuộc một thứ nào đó, và đương nhiên kết quả của một cuộc sống như vậy chỉ chú trọng vào việc tập trung hết năng lượng của con người vào thể cảm dục, nên nếu một người đi theo con đường này đã bóp chết hết mọi cảm xúc thương yêu và vị tha, mọi tia lửa của bản năng thiên tính cao hơn, thì tự nhiên sẽ không còn lại gì ngoài một quái vật của dục vọng tàn nhẫn vô tình, một kẻ sau khi chết không thể và cũng không muốn vượt qua khỏi cảnh thấp nhất của cõi trung giới. Toàn bộ tâm trí của y đều hoàn toàn bị kìm kẹp bởi dục vọng và khi cuộc chiến này diễn ra, chân ngã sẽ không thu hồi được phần nào của nó, và hậu quả là bản thân chân ngã sẽ bị suy yếu trầm trọng.

Do sự bất cẩn để điều này xảy ra nên trong một khoảng thời gian, y tự cắt đứt mình khỏi dòng tiến hoá, khỏi làn sóng vĩ đại của Sự Sống của Thượng Đế, và do đó cho đến khi nào y có thể luân hồi, y (hay dường như đối với y) đang đứng ở bên ngoài Sự Sống trong trạng thái của địa ngục A-tỳ (avichi), hoàn toàn không có một gợn sóng. Ngay cả khi đầu thai trở lại, y cũng không thể nhập bọn với những người mà y đã từng biết trước đây, vì y đã không còn đủ vốn liếng để trang bị sự sống cho một tâm trí và cơ thể ở trình độ trước đây của y. Hiện giờ, y phải bằng lòng lấy

những dẫn thể kém tiến hoá hơn thuộc về một giống dân nào trước đó, nên y đã thụt lùi lại rất xa trong quá trình tiến hoá và phải leo lại nhiều nấc thang thêm một lần nữa.

Y có thể sẽ sanh ra làm một người hoang dã, nhưng rất có thể sẽ làm tù trưởng trong số người đó vì y vẫn có một số vốn trí khôn. Người ta từng nói rằng thậm chí y có thể bị thụt lùi xa đến mức trong hoàn cảnh của thế giới hiện đại, y không thể tìm ra được bất cứ hình thể nào của loài người đủ thấp để y biểu lộ, cho nên y có thể không đủ khả năng để tiếp tục tham gia vào bất cứ phần nào tiếp theo của hệ tiến hoá này và do đó phải chờ đợi trong tình trạng ngủ mê cho đến khi một hệ tiến hoá khác được bắt đầu.

Trong khi đó, chuyện gì xảy ra với phạm ngã đã bị cắt đứt? Nó không còn là một thực thể tiến hoá vĩnh cửu nữa, tuy nó vẫn còn có một đời sống sung sức và hoàn toàn xấu xa, không còn một chút lương tâm hay chịu một trách nhiệm nào nữa. Vì số phận trước mắt nó là sự tan rã vào môi trường kinh khiếp của cái được gọi là “vùng thứ tám,” đương nhiên nó sẽ cố gắng duy trì một dạng sống nào đó trên cõi trần càng lâu càng tốt. Ma cà-rông thuộc dạng nào đó là phương pháp duy nhất để kéo dài sự sống hiểm ác của nó và khi việc này thất bại, nó có thể chiếm lấy bất kỳ cơ thể nào sẵn có, đẩy người chủ nhân hợp pháp ra khỏi thể xác đó. Nó thường chọn thể xác của một đứa trẻ vì thể xác đó có thể tồn tại lâu hơn và vì

một linh hồn chưa hoàn toàn kiểm soát được cơ thể đó sẽ bị đẩy ra dễ dàng hơn. Nhưng bất chấp các nỗ lực điên cuồng của nó, sức sống của nó có vẻ cũng sớm tàn lụi, và tôi tin rằng chưa có một trường hợp nào được ghi lại là nó thành công cướp được một cơ thể thứ nhì sau khi thể xác của vụ trộm cắp lần thứ nhất đã bị hao mòn. Sinh vật này là một ma quỷ thuộc loại hung dữ nhất - một con quái vật không có chỗ đứng lâu dài trong hệ tiến hoá của chúng ta.

Vì vậy, xu hướng tự nhiên của nó là trôi dạt ra khỏi dòng tiến hoá và bị lôi cuốn bởi sức mạnh không thể cưỡng lại của luật pháp vào cái hầm ô uế được gọi là vùng thứ tám trong các bài viết trước đây của Hội Thông Thiên Học, bởi vì những gì đi vào vùng đó đều đứng ngoài ranh giới của bảy cõi và không thể nào quay trở lại dòng tiến hoá của chúng. Ở đó, bị vây quanh bởi các di tích đáng ghê tởm của những tính chất hèn hạ bị cô đọng lại từ những thời đại đã qua, bị thiêu đốt bởi dục vọng không bao giờ được thoả mãn, hung vật quái ác này từ từ thối rữa, chất liệu thể trí và nhân thể của nó cuối cùng cũng được giải phóng - tất nhiên không bao giờ để hội nhập với linh hồn mà nó tự xé rách mình ra khỏi, mà để được phân phối lại vào trong kho chất liệu của các cõi để từ đó được dần dần tạo thành các phối hợp mới mẻ hơn và được sử dụng tốt hơn. Thật an ủi khi ta biết rằng những thực thể như vậy thực sự hiếm hoi đến nỗi gần như không ai biết đến chúng, và chúng chỉ có

khả năng chiếm lấy thân xác của những ai mà trong bản chất của họ có những khuyết điểm rõ ràng tương tự như vậy.

Nhưng có một loại hắc phù thủy khác, bề ngoài tuy có vẻ đứng đắn, nhưng thực sự còn hiểm ác hơn nhiều vì họ có nhiều quyền năng hơn. Thay vì thỏa mãn dục vọng theo loại này hay loại khác, y lại đặt ra cho mình một mục tiêu ích kỷ tinh tế hơn nhưng không kém phần vô luân. Mục tiêu của y là đạt được một năng lực huyền bí thực sự cao siêu và rộng lớn hơn, nhưng chỉ để được sử dụng cho sự thỏa mãn và cầu tiến của bản thân y, đẩy mạnh tham vọng của bản thân hoặc thỏa mãn sự trả thù của cá nhân y.

Để đạt được điều này, y chọn áp dụng phương pháp khổ hạnh khát khe nhất đối với các dục vọng đơn thuần của thể xác và bỏ đói những phần tử thô kệch hơn của thể vía một cách kiên trì bền bỉ y như một người đệ tử thuộc nhóm Bạch Huynh Đệ. Mặc dù y chỉ cho phép tâm trí của y dính mắc với các ham muốn ít thiên về vật chất nhưng trọng tâm nỗ lực của y vẫn hoàn toàn nằm trong phạm ngã, và đến cuối đời sống ở cõi trung giới khi sự tách ly xảy ra thì linh hồn vẫn không thể thu về bất kỳ khoản đầu tư nào của mình. Với một người như vậy, kết quả cũng giống như trong trường hợp ở trên, ngoại trừ y sẽ giữ liên lạc lâu hơn với phạm ngã và chia sẻ kinh nghiệm ở một mức khả dĩ nào đó với chân ngã mà nó có thể chia sẻ được.

Tuy nhiên, số phận của phàm ngã đó lại rất khác biệt. Lớp áo thể vía tương đối mỏng manh không đủ bền bỉ để giữ nó trụ lại bất cứ khoảng thời gian nào ở cõi trung giới; hơn nữa, nó lại mất liên lạc với thể giới thiên đàng, lẽ ra là môi trường sống tiếp theo của nó, vì toàn bộ nỗ lực cuộc đời của con người đó là giết chết hết các tư tưởng có thể trở quả nơi cõi thiên đàng. Mục đích duy nhất của y là chống lại sự tiến hoá tự nhiên, tách mình rời khỏi tổng thể vĩ đại và chiến đấu với nó, và đối với phàm ngã thì y đã thành công. Y bị cắt đứt khỏi ánh sáng và sự sống của thái dương hệ, tất cả những gì còn lại đối với y chỉ là cảm giác cô lập tuyệt đối, một mình đơn độc trong vũ trụ.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng trong trường hợp hiếm hơn này, phàm ngã bị mất trên thực tế cùng chia sẻ số phận của chân ngã mà nó tự tách rời. Nhưng trong trường hợp của chân ngã, kinh nghiệm đó chỉ là tạm thời, mặc dù nó có thể kéo dài trong một thời gian mà chúng ta có thể gọi là rất lâu, nhưng cuối cùng chân ngã sẽ luân hồi và có một cơ hội tươi mới khác. Tuy nhiên, đối với phàm ngã, kết thúc của nó là sự tan rã, một kết thúc chắc chắn vì nó đã tự cắt đứt khỏi cội nguồn của nó, nhưng phàm ngã bị đánh mất đó phải trải qua những giai đoạn rùng rợn như thế nào trước khi nó đi đến phút cuối? Ai có thể nói được? Nhưng hãy nhớ rằng cả hai tình trạng “bị đánh mất” này đều không phải vĩnh viễn - trong bất kỳ tình

huống nào không ai có không thể đi đến hai trạng thái này trừ phi họ cố chấp suốt đời làm việc ác.

Tôi từng nghe bà Hội Trưởng của chúng ta nói về một tình trạng khác thậm chí còn tệ hại hơn nữa, sự việc mà bản thân tôi chưa bao giờ được chứng kiến. Tình trạng này giống như (c) có thể hấp thu được (b) và nổi dậy chống lại (a), tự đứng lên một mình và tách ly, và khả năng dĩ nhiên có thể xảy ra (hoặc đã xảy ra trong quá khứ) là bệnh dịch kinh khiếp của sự chia rẽ và ích kỷ có thể lây nhiễm tới (a), và chính (a) cũng bị hấp thu vào sự phát triển khủng khiếp của cái ác và có thể bị xé bỏ khỏi phần chưa phát triển của linh hồn, đến nỗi chính nhân thể có thể bị cứng lại và mang đi luôn thay vì chỉ có một mình phạm ngã.

Nếu đúng như vậy, tình trạng này tạo thành nhóm thứ tư và sẽ không tương ứng với sự cụt cánh tay mà là sự hủy hoại của toàn bộ cơ thể. Một linh hồn như vậy không thể nào tái sinh trong loài người; tuy là linh hồn, nhưng nó sẽ bị rơi vào vực sâu của đời sống cảm thú và sẽ cần ít nhất cả một dãy tiến hoá để phục hồi lại tình trạng trước đó mà nó đã đánh mất. Tuy nhiên, điều này, mặc dù trên lý thuyết là khả dĩ, nhưng trên thực tế thật khó hình dung được. Dù sao đi nữa, ta cần lưu ý rằng ngay cả *khi đó*, phần chưa phát triển của linh hồn vẫn còn là dẫn thể của Chân Thần.

Chúng ta học được rằng hàng triệu linh hồn chậm trễ vì chưa chịu đựng được áp lực của dòng tiến hoá cao hơn sẽ bị đánh rớt ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm và sẽ xuất hiện trên đỉnh của làn sóng kế tiếp. Những người sống ích kỷ, cho dù bằng trí tuệ hoặc đam mê, phải gánh chịu những hiểm hoạ riêng, có nguy cơ nghiêm trọng phải chịu nhiều đau khổ và mất mát, còn các kẻ ngu xuẩn đến mức học đòi theo ma thuật sẽ nhận lấy những nỗi kinh hoàng mà ta phải rùng mình khiếp sợ khi chỉ nghĩ đến chúng. Tuy nhiên, thuật ngữ “linh hồn bị đánh mất” xét cho cùng là một câu nói sai, vì mỗi người đều là một tia lửa của ngọn Lửa Thiêng và do đó, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không thể bị mất đi hoặc dập tắt. Ý muốn của Thượng Đế là sự tiến hoá của con người. Chúng ta có thể chống lại Ngài vì bị mù quáng trong một lúc nào đó, nhưng đối với Ngài thời gian là vô nghĩa và nếu chúng ta không thấy được ngày hôm nay, Ngài sẽ kiên nhẫn chờ đợi cho đến ngày mai, nhưng cuối cùng, ý muốn của Ngài cũng sẽ được thực thi.

TRỌNG TÂM CỦA Ý THỨC

Ý thức của con người chỉ có thể tập trung vào một dẫn thể trong một thời điểm, mặc dù y có thể đồng thời ý thức được qua các dẫn thể khác một cách

mơ hồ hơn. Nếu bạn giơ một ngón tay lên ngay trước mắt, bạn sẽ thấy rằng mắt bạn có thể tập trung để nhìn thấy ngón tay một cách rõ ràng. Đồng thời, bạn sẽ thấy bức tường và đồ đạc phía sau ngón tay nhưng không rõ ràng, vì chúng nằm ngoài tiêu điểm. Trong giây lát, bạn có thể thay đổi tiêu điểm của mắt bạn để bạn có thể thấy được bức tường và đồ đạc một cách rõ ràng; trong trường hợp đó, bạn vẫn sẽ nhìn thấy ngón tay, nhưng chỉ sẽ nhìn thấy nó một cách mờ mờ, bởi vì bây giờ đến lượt nó lại nằm ngoài tiêu điểm.

Cũng như vậy, một người khi đã phát triển tâm thức ở cõi trung giới và thượng giới nếu biết tập trung ý thức vào bộ não vật lý của y trong đời sống bình thường sẽ nhìn thấy thể xác của bạn bè y một cách rõ ràng, và đồng thời y sẽ thấy thể vía và thể trí của họ nhưng một cách hơi mờ mờ. Chưa đầy một giây, y có thể thay đổi tiêu điểm để có thể nhìn thấy thể vía thật đầy đủ và rõ ràng. Trong trường hợp đó, y vẫn sẽ nhìn thấy thể trí và thể xác nhưng không đầy đủ chi tiết lắm. Điều này cũng đúng với tầm nhìn từ cõi trí và các cõi cao hơn.

Bạn hỏi làm thế nào một thực thể hoạt động trên cõi trung giới có thể nhận thức được một tai nạn hoặc nghe một tiếng kêu ở cõi trần. Y không phải nghe được thật sự tiếng kêu ở cõi trần - âm thanh vật lý chắc chắn tạo ra một hiệu quả nào đó ở cõi trung giới, mặc dù tôi không cho rằng chúng ta đúng khi gọi kết quả đó là âm thanh. Bất kỳ tiếng kêu nào có trong nó

một cảm giác hoặc một cảm xúc mạnh mẽ sẽ tạo ra một hiệu ứng mạnh mẽ ở cõi trung giới, và nó sẽ truyền đạt được ý tưởng của nó ở nơi đó cũng như ở nơi đây. Trong trường hợp của một tai nạn, cảm xúc (dâng trào lên do nỗi đau đớn hoặc sợ hãi) sẽ bùng lên như một luồng ánh sáng lớn, và nó không thể nào mà không thu hút được sự chú ý của một nhà tâm linh nếu y đang ở bất cứ đâu gần đó. Một trường hợp như vậy đã được tường thuật lại trong quyển *Những Người Cứu Trợ Vô Hình* - trường hợp của một cậu bé rơi xuống vách đá và đã được Cyril giúp đỡ và an ủi cho đến khi sự giúp đỡ ở cõi trần được đưa đến.

NHỮNG TRUNG TÂM LỰC

Trong mỗi dẫn thể của chúng ta đều có những trung tâm lực mà tiếng Phạn gọi là luân xa - từ ngữ này có nghĩa là bánh xe hay đĩa quay. Đây là các điểm kết nối để sinh lực được truyền từ dẫn thể này đến dẫn thể kia. Ta có thể dễ dàng nhìn thấy chúng trên thể phách, nơi mà chúng nhìn giống như một cái đĩa lõm hoặc các vòng xoáy nằm trên bề mặt của nó. Chúng thường được gọi theo tên của các bộ phận thể xác tương ứng với chúng, nhưng ta cần nhớ rằng các trung tâm lực dĩ thái này không phải nằm ở bên trong

cơ thể vật lý mà ở trên bề mặt của thể phách, lộ ra ngoài ¼ inch chu vi của thể xác.

Có bảy trung tâm lực thường được dùng cho việc phát triển tâm linh, và chúng nằm ở những phần sau đây của cơ thể: (1) cuối cột sống, (2) cái rốn, (3) lá lách, (4) trái tim, (5) cổ họng, (6) giữa hai chân mày và (7) đỉnh đầu. Ngoài những trung tâm lực này ra trong cơ thể còn có những trung tâm lực khác, nhưng chúng không được sử dụng bởi các môn sinh thuộc phe chánh phái. Chúng ta có thể nhớ rằng Bà Blavatsky có nói về ba luân xa khác mà bà gọi là các trung tâm lực thấp hơn; có trường phái sử dụng chúng, nhưng các mối nguy hiểm liên quan đến chúng nghiêm trọng đến nỗi mà chúng ta nên coi sự thức tỉnh của chúng là một trong những nỗi bất hạnh lớn lao tột cùng.

Bảy luân xa này thường được mô tả như tương ứng với bảy màu sắc và bảy nốt nhạc trong thang âm nhạc, và trong vài quyển sách Ấn độ có đề cập đến một số chữ trong bảng chữ cái và một số sinh thể được coi như là được gắn liền với mỗi một luân xa. Chúng cũng được miêu tả rất thơ mộng như những bông hoa, và mỗi luân xa có một số cánh hoa nhất định.

Nên nhớ rằng chúng là những vòng xoáy của chất liệu dĩ thái và chúng quay rất nhanh. Có một lực từ cõi trung giới (mà chúng ta sẽ gọi là lực sơ cấp, một trong những lực của Thượng Đế) tuôn vào trong

miệng của các luân xa, thẳng góc với mặt phẳng của đĩa hoặc đĩa quay. Về bản chất, lực đó có bảy loại và tất cả các loại đều hoạt động trong mọi luân xa, mặc dù trong mỗi một luân xa, một loại sẽ luôn chiếm thế thượng phong.

Lực xạ vào đó mang sự sống thiêng liêng cho thể xác, và thiếu nó thì thể xác không thể nào sống được. Do đó, các trung tâm mà xuyên qua đó lực được tuôn vào thực sự là cần thiết cho sự tồn tại của dẫn thể đó, và vì vậy chúng đều hoạt động trong mỗi một con người, nhưng chúng có thể quay ở các mức độ khác nhau. Những phân tử (particles) của chúng có thể chuyển động tương đối khá chậm chạp, chỉ tạo ra vừa đủ một vòng xoáy cần thiết cho lực đi vào, hoặc chúng có thể sáng ngời và rung động mãnh liệt với ánh sáng sống động đến nỗi một số lực cực lớn có thể tuôn tràn qua chúng, dẫn đến kết quả là linh hồn có được thêm nhiều quyền năng và khả năng hoạt động khi y làm việc ở cõi đó.

Giờ đây, những lực từ bên ngoài lao vào trung tâm tạo ra ở góc vuông với chính chúng (có nghĩa là, trên bề mặt của thể phách) các lực thứ cấp (secondary forces) uốn lượn xoay tròn, cũng như một thanh nam châm đẩy vào một cuộn dây điện tạo ra một dòng điện chạy quanh cuộn dây có độ thẳng góc với trục (hoặc phương hướng) của thanh nam châm. Chính lực sơ cấp (primary force) khi đi vào vòng xoáy phóng ra các đường thẳng ở góc vuông, cũng giống như trung

tâm của vùng xoáy là trục của bánh xe, và bức xạ (radiations) của lực sơ cấp là nan hoa của nó. Số lượng “nan hoa” trong mỗi luân xa đều khác nhau và quyết định số lượng “cánh hoa” của mỗi trung tâm lực.

Mỗi lực thứ cấp này, khi quét vòng quanh chỗ lõm của đĩa quay, có một làn sóng (wavelength) đặc thù của nó, giống như ánh sáng có màu sắc nhất định của nó. Tuy nhiên, thay vì di động theo con đường thẳng giống như ánh sáng, nó lại uốn lượn như các làn sóng khá lớn với nhiều kích thước khác nhau, mỗi nét uốn lượn (hay gợn sóng) thật ra là bội số của những làn sóng nhỏ hơn bên trong nó, mặc dù tỷ lệ chính xác giữa chúng vẫn chưa được tính ra. Con số của các đường nét uốn lượn được quyết định bởi con số nan hoa của bánh xe, và lực thứ cấp tự đan mình dưới và trên những dòng bức xạ của lực sơ cấp, giống như một cái rổ rá được đan quanh các nan hoa của bánh xe. Có vô số làn sóng, và có lẽ có cả ngàn làn sóng nhỏ hiện diện trong một gợn sóng. Khi các lực này lao vào vòng xoáy, những gợn sóng này với các kích thước khác nhau đan chéo vào nhau theo kiểu mẫu của một hình giỏ rá tạo nên một dáng vẻ được mô tả khá hợp lý trong sách Hindu như là những cánh hoa của một bông hoa, hoặc gần hơn nữa như là các đĩa quay hoặc các bình cạn bằng thủy tinh gợn sóng óng ả mà tôi đã từng thấy ở Venice. Tất cả những gợn sóng hay cánh hoa này óng ả lung linh như hạt ngọc

trai, nhưng mỗi cánh hoa thường có một màu chủ đạo của riêng nó.

Trong những người bình thường, các luân xa này chỉ hoạt động vừa đủ để tạo thành những con kênh cho lực tuôn xuống vừa đủ để giữ cho cơ thể sinh tồn, các màu sắc được phát ra khá lu mờ. Tuy nhiên, trong người mà các trung tâm lực đã được đánh thức và hoạt động đầy đủ, họ phát ra ánh sáng rực rỡ chói mắt, và bản thân các luân xa cũng dần dần nở rộng từ đường kính 2 inch đến kích thước của một đĩa quay bình thường, bùng cháy rực rỡ và chói lọi như những ngôi mặt trời được thu nhỏ lại.

Luân xa thứ nhất, nằm ở đáy cột sống, có một lực sơ cấp toả ra bốn nan hoa, và do đó các gợn sóng của nó cũng được sắp xếp thành bốn phần với các đường trung ở giữa chúng. Điều này làm cho nó có vẻ như bị đánh dấu bởi một thập tự giá, và do đó cây thánh giá thường được dùng để tượng trưng cho luân xa này, và đôi khi một thánh giá rực lửa cũng được dùng để chỉ về luồng hỏa xà trú ngụ trong đó. Khi được kích thích để hoạt động đầy đủ, luân xa này có màu đỏ cam rực lửa, tương ứng mật thiết với loại sinh lực được đưa xuống nó từ luân xa lá lách. Quả thật, trong trường hợp của mỗi một luân xa, chúng ta nhận thấy có một sự tương ứng đặc biệt giữa màu sắc và loại sinh lực của nó.

Luân xa thứ nhì, ở rốn hay từng mặt trời, nhận được một lực sơ cấp với mười bức xạ, nên nó rung

động theo cách tự phân chia thành mười gợn sóng hoặc cánh hoa. Nó có liên hệ mật thiết với nhiều loại cảm giác và cảm xúc khác nhau. Màu sắc vượt trội của nó là sự pha trộn kỳ lạ của nhiều sắc thái khác nhau của màu đỏ, mặc dù cũng có rất nhiều màu xanh lá cây trong đó.

Luân xa thứ ba, ở lá lách, được dành cho sự phân tích, chuyên biệt hoá, và phân tán sinh lực đến với chúng ta từ mặt trời. Sinh lực đó lại được tuôn ra một lần nữa từ chính nó theo sáu dòng chảy ngang, dòng thứ bảy được thu hút vào trung tâm của bánh xe. Vì vậy, luân xa này có sáu cánh hoa hoặc gợn sóng, và nó đặc biệt rạng rỡ, sáng chói và giống như mặt trời.

Luân xa thứ tư, ở trái tim, cũng có màu vàng rực rỡ, và mỗi một phần tư của nó được chia thành ba phần, tạo ra mười hai đường gợn sóng, bởi vì lực sơ cấp của nó tạo ra mười hai nan hoa.

Luân xa thứ năm, ở cổ họng, có mười sáu nan hoa, và do đó mười sáu phần được phân chia rõ ràng. Có rất nhiều màu xanh lam trong đó, nhưng biểu hiện chung của nó là màu bạc lấp lánh, gợi cho ta ý tưởng một hình ảnh của một bóng trắng lấp lánh trên mặt nước gợn sóng lăn tăn.

Luân xa thứ sáu, ở giữa hai chân mày, có vẻ như được chia làm đôi, một bên chủ yếu là màu hồng phấn, mặc dù có rất nhiều màu vàng trong đó, và phần bên kia chủ yếu là một loại màu xanh-tím, một lần nữa rất tương ứng với màu sắc của các loại sinh lực

đặc biệt làm cho nó sống động. Vì vậy, luân xa này được đề cập trong các sách Ấn độ là chỉ có hai cánh hoa, mặc dù nếu chúng ta đếm những gợn sóng có cùng đặc điểm như đối với những luân xa trước, chúng ta sẽ thấy rằng mỗi một nửa được chia nhỏ ra thành bốn mươi tám gợn sóng, nên tổng cộng là chín mươi sáu nan hoa, vì lực sơ cấp của nó có chừng đó số bức xạ.

Luân xa thứ bảy, trên đỉnh đầu, là một trung tâm lực rực rỡ nhất khi được kích thích hoạt động toàn vẹn, đầy các loại màu sắc mỹ lệ không thể tả và rung động với tốc độ nhanh gần như không thể tưởng tượng được. Nó được mô tả trong các sách Ấn độ là một ngàn cánh hoa, và điều này thật sự không phải quá xa sự thật, vì con số bức xạ của lực sơ cấp của nó ở vòng ngoài là chín trăm sáu mươi. Ngoài ra, nó còn có thêm một đặc điểm mà không luân xa nào khác sở hữu - đó là một loại vòng xoáy phụ của màu trắng lấp lánh ánh vàng ở trong trung tâm - một hoạt động nhỏ hơn với mười hai gợn sóng riêng của nó.

Tôi đã từng nghe người ta gợi ý rằng mỗi cánh hoa khác nhau của các trung tâm lực này đại diện cho một đức hạnh, và sự phát triển của đức hạnh đó sẽ thúc đẩy trung tâm này hoạt động. Tôi vẫn chưa gặp bất kỳ sự kiện nào để xác nhận điều này, cũng như không thể biết được việc này chính xác là như thế nào, bởi vì hình dạng của nó được tạo ra bởi một số lực khá xác định và dễ nhận biết, và cánh hoa của bất

kỳ luân xa nào có hoạt động hay không tùy theo các lực này có được khơi dậy hay chưa, và đối với tôi, sự phát triển của chúng, giống như là sự phát triển của bắp tay, có vẻ không liên quan gì với đạo đức. Tôi chắc chắn đã gặp qua những người mà một số luân xa của họ đã hoạt động đầy đủ, mặc dù sự phát triển về đạo đức của họ không phải là cao, trong khi ở những người khác có tinh thần cao thượng và đạo đức nhất, các luân xa vẫn còn chưa được linh hoạt, cho nên đối với tôi, dường như không có bất kỳ mối liên hệ gì giữa hai sự phát triển này.

Ngoài việc giữ cho thể xác sống động, những luân xa này còn có một chức năng khác chỉ phát động khi chúng được hoàn toàn đánh thức để hoạt động. Mỗi một luân xa dĩ thái tương ứng với một luân xa thể vía, nhưng vì luân xa thể vía là một vòng xoáy với bốn chiều đo cho nên nó có một phần mở rộng về một hướng hoàn toàn khác với luân xa dĩ thái, và do đó không có nghĩa là lúc nào nó cũng cùng giới hạn với luân xa dĩ thái, mặc dù luôn có một vài phần trùng hợp với nhau. Vòng xoáy dĩ thái lúc nào cũng ở trên bề mặt của thể phách, nhưng vòng xoáy của thể vía thường ở sâu bên trong dẫn thể của nó.

Nhiệm vụ của mỗi một trung tâm lực thể phách khi được hoàn toàn đánh thức là đưa xuống tâm thức hồng trần bất cứ phẩm chất gì vốn hiện hữu trong trung tâm lực thể vía tương xứng với nó; vì vậy, trước khi liệt kê danh sách các kết quả được thu về từ việc

đánh thức (hay mở rộng) các luân xa dĩ thái, tốt hơn hết là chúng ta nên xem xét lại công việc của mỗi một luân xa thể vía, mặc dù những luân xa này đã hoàn toàn hoạt động trong những người văn minh của các giống dân sau này. Vậy việc kích thích các luân xa thể vía tạo ra kết quả gì trong thể vía?

Luân xa đầu tiên trong số những luân xa này nằm tại cuối cột sống, là căn nhà của lực bí ẩn được gọi là hoả xà, hay trong *Tiếng Nói Vô Thình*, là Thiên Mẫu. Tôi sẽ nói rõ hơn về lực này sau; bây giờ, chúng ta hãy xem ảnh hưởng của nó trên các luân xa thể vía. Lực này hiện hữu trong tất cả các cõi, và nhờ vào hoạt động của nó mà các luân xa còn lại được đánh thức. Chúng ta nên nghĩ về thể vía như là một khối chất liệu gần như bất động lúc ban đầu, không có gì ngoài một ý thức mơ hồ nhất, không có một quyền năng nào để làm bất cứ chuyện gì, và không có một kiến thức rõ ràng gì về thế giới chung quanh nó. Sau đó, việc đầu tiên xảy ra là sự đánh thức cái lực đó trong con người tại cõi trung giới. Sau khi được đánh thức, nó sẽ di chuyển đến luân xa thứ hai tương ứng với cái rún và làm cho nó sống động, từ đó khả năng cảm giác mới được đánh thức trong thể vía - một sự nhạy cảm đối với tất cả các loại ảnh hưởng, mặc dù chưa có điều gì giống như khả năng hiểu biết được rõ ràng từ việc nhìn hoặc nghe thấy.

Sau đó, nó chuyển tới luân xa thứ ba, tương ứng với lá lách thể xác, và thông qua đó nó làm sống động

toàn bộ thể vía, giúp cho con người có thể du hành một cách có ý thức, mặc dù chỉ có một khái niệm mơ hồ về những gì y gặp phải trên cuộc hành trình của mình.

Luân xa thứ tư, khi được đánh thức, ban cho con người khả năng nhận thức và thông cảm đối với những rung động của những thực thể trung giới khác, để y tự nhiên có thể thấu hiểu được cảm giác của họ.

Sự đánh thức luân xa thứ năm, tương ứng với cổ họng, cho y khả năng thính giác ở cõi trung giới - có nghĩa là, nó làm phát triển giác quan ở cõi trung giới tạo nên một ảnh hưởng trong tâm thức mà ở cõi trần chúng ta gọi là thính giác.

Sự phát triển của luân xa thứ sáu, tương ứng với trung tâm giữa hai lông mày, theo một cách tương tự tạo ra thị giác - khả năng nhận thức rõ ràng hình dạng và bản chất của các vật thể ở cõi trung giới thay vì cảm nhận được sự hiện diện của chúng một cách mơ hồ.

Sự đánh thức luân xa thứ bảy, tương ứng với đỉnh đầu, làm cho đời sống của một người ở cõi trung giới hoàn toàn trọn vẹn và ban cho y tất cả quyền năng hoàn hảo của thể vía.

Dường như có một sự khác biệt xảy ra với luân xa này tùy theo hạng người. Đối với nhiều người trong chúng ta, những vòng xoáy của thể vía tương ứng với luân xa thứ sáu và thứ bảy đều hội tụ về tuyến yên, và đối với những người đó, tuyến yên thực tế là

đường dây liên hệ trực tiếp duy nhất giữa cõi trần và các cõi cao hơn. Tuy nhiên, có một hạng người khác, trong khi luân xa thứ sáu vẫn còn gắn với tuyến yên, luân xa thứ bảy lại uốn cong hay lệch qua một bên cho đến khi vòng xoáy của nó lại trùng hợp ứng vào một cơ quan khác đã bị teo lại được gọi là tủng quả tuyến. Ở hạng người này, tủng quả tuyến được làm sinh động trở lại và tạo ra một đường dây liên lạc trực tiếp thẳng đến cõi trung giới theo lối bình thường. Vì hạng người này mà khi Bà Blavatsky viết, bà nhấn mạnh việc đánh thức cơ quan đó.

Vì vậy, ở một mức nào đó, các luân xa này trong thể vía thay thế cho các cơ quan cảm giác của thể xác, nhưng vì chúng thật sự không hội đủ điều kiện thích hợp nên cách diễn tả này thường dễ bị hiểu lầm, vì chúng ta không nên quên rằng, mặc dù nói cho dễ hiểu nên chúng ta thường nói về sự “nhìn thấy” và “nghe thấy” của thể vía, nhưng thực sự, ý mà chúng tôi diễn đạt qua cách nói như vậy là khả năng đáp ứng với những rung động được truyền vào tâm thức của con người khi y hoạt động trong thể vía của mình, những thông tin có cùng một đặc tính được truyền bằng đôi mắt và lỗ tai khi y còn ở trong thể xác.

Nhưng trong những hoàn cảnh hoàn toàn khác biệt của cõi trung giới, các cơ quan chuyên biệt hoá vốn không còn cần thiết để có được kết quả như vậy. Mọi nơi trên thể vía đều có chất liệu với khả năng đáp ứng như vậy, và do đó, một người hoạt động trong

thể vía sẽ nhìn rõ được các vật thể phía sau, phía trên, và phía dưới của y như nhau mà không cần phải quay đầu lại. Vì vậy, các luân xa không thể nào được diễn tả như các cơ quan chuyên biệt theo ý nghĩa thông thường của từ này, vì không phải thông qua chúng mà con người mới có thể nhìn thấy hay nghe thấy giống như ở cõi trần qua đôi mắt và lỗ tai. Tuy nhiên, khả năng sử dụng các giác quan thể vía lại lệ thuộc vào sự linh động của chúng, mỗi một luân xa khi được phát triển sẽ mang lại cho toàn bộ thể vía khả năng đáp ứng với một loạt các rung động mới mẻ.

Vì tất cả các hạt phân tử của thể vía không ngừng lưu chuyển và xoáy như nước sôi, chúng đều lần lượt đi qua từng luân xa một, nên đến phiên các luân xa cũng kích thích các hạt phân tử thể vía khả năng cảm thọ với một loạt các rung động nhất định nào đó, và do đó, tất cả giác quan thể vía đều hoạt động trên toàn bộ thể vía. Tuy nhiên, ngay cả khi các giác quan này được đánh thức đầy đủ ở cõi trung giới cũng không có nghĩa là con người có thể ý thức được bất cứ hoạt động gì của chúng trong thể xác.

Như thế, trong khi tất cả sự thức tỉnh của thể vía đang diễn ra, con người không biết gì về điều này trong tâm thức hồng trần. Cách duy nhất mà thể xác đậm đặc có thể chia sẻ những lợi thế này là lặp lại quá trình thức tỉnh đó với các luân xa thể phách. Điều đó phải được thực hành giống y hệt như cách nó được thực hành ở cõi trung giới - có nghĩa là, bằng cách

đánh thức hỏa xà được bao bọc trong chất liệu dĩ thái ở cõi trần và ngủ yên trong luân xa thể phách tương tự tại cuối cột sống.

Trong trường hợp này, sự đánh thức được thực hiện bằng một nỗ lực kiên cường và lâu dài của ý chí, và để làm cho luân xa thứ nhất đó hoạt động đầy đủ là phải đánh thức luồng hỏa xà. Một khi nó được thức tỉnh, nó sẽ làm sống động những luân xa khác bởi sức mạnh phi thường của nó. Tác dụng của nó trên những luân xa thể phách là mang lại cho tâm thức hồng trần những quyền năng được khơi dậy bởi sự phát triển của các luân xa tương tự trong thể vía.

Khi luân xa thứ nhì tại lỗ rún được làm sống động, con người ở trong thể xác sẽ bắt đầu ý thức được mọi loại ảnh hưởng từ cõi trung giới, một cảm giác mơ hồ về một số thực thể thân thiện và một số khác ác ý, hoặc về vài nơi rất dễ chịu và nơi khác rất khó chịu, mà hoàn toàn không hiểu tại sao.

Khi luân xa thứ ba tại lá lách được đánh thức, con người có thể nhớ lại được một cách mơ hồ những chuyến du hành ở cõi trung giới, mặc dù đôi khi chỉ là một phần nhỏ. Hiệu quả của một sự kích thích nhẹ và tình cờ của luân xa này thường tạo ra một ký ức mơ màng về một cảm giác sung sướng được bay lượn trong không gian.

Sự kích thích của luân xa thứ tư tại trái tim làm cho con người tự nhiên có khả năng nhận thức được niềm vui hay nỗi buồn của người khác, và thậm chí

đôi khi tự tái tạo những đau đớn và nhức nhối của họ trong chính thể xác của mình do sự đồng cảm.

Việc thức tỉnh luân xa thứ năm ở cổ họng ban cho y khả năng nghe được tiếng nói của người khác, đôi khi gọi rất nhiều ý tưởng đến cho y. Đôi khi y cũng nghe được âm nhạc hoặc những âm thanh khác ít dễ chịu hơn. Khi hoàn toàn linh động, nó cho y khả năng thông nhĩ đối với cõi dĩ thái và cõi trung giới.

Khi luân xa thứ sáu ở giữa hai chân mày trở nên sống động, con người bắt đầu nhìn thấy được các sự vật có nhiều loại hình ảnh khác nhau trong lúc tỉnh, đôi khi về những địa điểm hoặc về con người. Trong giai đoạn đầu khi vừa mới được đánh thức, nó thường không có ý nghĩa gì khác hơn là sự nhìn thấy nửa vờ của những quan cảnh hoặc các đám mây có màu sắc. Sự thức tỉnh hoàn toàn của nó mang lại thông nhĩ.

Luân xa giữa hai chân mày còn có liên quan với thị giác theo một cách khác. Thông qua nó mà khả năng phóng đại các vật rất nhỏ được thực hiện. Một cái ống mềm dẻo nhỏ bé bằng chất liệu dĩ thái được phóng ra từ trung tâm của nó, giống như một con rắn cực nhỏ với con mắt ở cuối ống nhòm. Đây là một cơ quan đặc biệt được sử dụng trong hình thức thông nhĩ kiểu đó, và con mắt ở phần cuối của nó có thể được mở rộng hay co lại, tác dụng là để thay đổi độ mức độ phóng đại tùy theo kích thước của vật thể được quan sát. Đây là ý nghĩa trong các cuốn sách cổ xưa khi đề cập đến khả năng tự biến bản thân lớn hay

nhỏ tùy ý. Để nghiên cứu một hạt nguyên tử, người ta cần phải phát triển một cơ quan thị giác tương xứng với kích thước của nó. Con rắn nhỏ phóng ra từ giữa trán là một biểu tượng trên khăn đội của vị Pha-rô Ai Cập, người với tư cách làm chủ tể cho đất nước được cho là có sở hữu quyền năng thông nhãn này trong số nhiều quyền năng huyền bí khác.

Khi luân xa thứ bảy được đánh thức, một người có thể rời bỏ thể xác với đầy đủ ý thức xuyên qua nó và trở về lại cơ thể mà không bị sự gián đoạn thông thường, nên tâm thức y sẽ là liên tục cả ngày lẫn đêm. Khi luồng hỏa xà đã đi qua tất cả các luân xa này theo một trình tự đặc biệt (nó khác nhau trong những loại người khác nhau), tâm thức sẽ trở nên liên tục cho đến khi nó nhập vào cõi thượng giới vào cuối đời sống ở cõi trung giới, không có một sự khác biệt nào xảy ra trong tâm thức do sự tách ly thể xác tạm thời trong lúc ngủ hoặc vĩnh viễn sau khi chết.

Tuy nhiên, trước khi điều này được thực hiện, con người có thể có nhiều cái nhìn thoáng qua về cõi trung giới vì bất cứ các rung động đặc biệt mạnh mẽ nào cũng có thể kích động một luân xa này hay kia hoạt động tạm thời mà không hề đánh thức luồng hỏa xà; hoặc nó có thể xảy ra là luồng hỏa xà có thể tạm thời bị đánh thức một phần nào và như vậy có thể tạo ra một phần thông nhãn trong một khoảng thời gian ngắn. Vì luồng hỏa xà này sống trong bảy lớp hoặc bảy độ sức mạnh, việc thường xảy ra là khi một người

dùng nỗ lực ý chí để đánh thức nó, y có thể chỉ thành công ảnh hưởng đến một lớp, nên khi y cho rằng mình đã làm xong công việc, y phát giác ra rằng nó vẫn chưa đạt được hiệu quả và y có thể phải làm đi, làm lại rất nhiều lần, dần dần đào sâu vô và sâu vô hơn nữa, cho đến khi không chỉ bề mặt bị khuấy động mà ngay cả trọng tâm của nó cũng được đưa vào hoạt động đầy đủ.

LUỒNG HỎA XÀ

Như chúng ta đã biết, luồng hỏa xà (được gọi theo tiếng Phạn là kundalini) là biểu lộ trên cõi trần của một trong các mãnh lực trên thế giới - một trong những quyền năng của Thượng Đế. Thứ mà chúng ta gọi là điện là một biểu lộ khác của mãnh lực của Ngài, và mãnh lực đó có thể lấy nhiều hình dạng khác nhau, chẳng hạn như nhiệt, ánh sáng, và cử động. Một mãnh lực khác nữa là sinh lực, đôi khi được gọi là prana, nhưng mãnh lực này không thể thay thế cho các mãnh lực khác mà chúng ta vừa đề cập đến. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng sinh lực và điện là hai biểu lộ ở đầu bên đây của các dòng mãnh lực của Ngài.

Luồng hỏa xà có thể được coi như là biểu lộ đầu bên đây của dòng mãnh lực của Ngài, một biểu hiện

trong nhiều phương diện quyền năng của Ngài ở cõi Trần. Giống như sinh lực, nó hiện diện ở mọi cõi mà chúng ta biết đến, nhưng nó là sự thể hiện của năng lực đó trong chất liệu dĩ thái mà chúng ta sử dụng. Nó không thể nào được chuyển đổi thành sinh lực hay điện và dường như không bị ảnh hưởng bởi hai mãnh lực này. Tôi đã từng thấy đến cả một triệu hai trăm năm chục ngàn von điện (volt) được đưa vào cơ thể con người cho đến nỗi khi y đưa hai tay về phía bức tường, một ngọn lửa khổng lồ tuôn ra từ những ngón tay của y, nhưng y lại không cảm thấy có gì bất ổn và cũng không bị phỏng trừ phi y vô tình chạm vào một vật nào đó ở bên ngoài, nhưng ngay cả màn biểu diễn sức mạnh khủng khiếp này cũng không là gì cả đối với luồng hỏa xà.

Trong *Tiếng Nói Vô Thình*, mãnh lực này được gọi là “Mãnh Lực Bốc Lửa” và “Mẹ của Thế Giới.” Có rất nhiều lý do cho những danh hiệu kỳ lạ như vậy, vì nó thực sự giống như là một dòng lửa lỏng chảy tràn qua cơ thể con người, và con đường mà nó phải chảy theo là một đường xoắn ốc như những cuộn mình của một con rắn. Nó được gọi là “Mẹ của Thế giới” vì nhờ nó, các dẫn thể khác nhau của chúng ta mới có thể được sống động, để cho các thể giới bên trên có thể lần lượt được mở rộng ra trước mắt chúng ta.

Như chúng ta đã nói, chỗ trú ngụ của nó nằm ở đáy cột sống trong cơ thể của con người, và đối với

một người bình thường, nó nằm yên ở đó không bị đánh thức và sự hiện diện của nó hoàn toàn không bị phát hiện trong suốt cuộc đời của con người. Quả thật, tốt hơn hết là cứ để cho nó nằm ngủ yên như vậy cho đến khi con người đã phát triển đạo đức rõ ràng, cho đến khi ý chí của y đủ mạnh để kiểm soát nó và tư tưởng của y đủ thanh khiết để cho y có thể đối diện với sự tỉnh thức của nó mà không bị tổn thương. Không một ai nên thử nghiệm với nó mà không có sự hướng dẫn rõ ràng của một vị thầy am hiểu tường tận về vấn đề này, vì những nguy cơ của nó rất thực tiễn và nghiêm trọng khủng khiếp. Một số nguy cơ chỉ có liên quan đến cơ thể vật lý. Sự di chuyển thiếu kiểm soát của nó thường gây ra những cơn đau đớn dữ dội cho thể xác và nó có thể dễ dàng xé nát các tế bào và thậm chí phá huỷ thể xác. Tuy nhiên, đây chỉ là tai hại nhỏ nhất của nó, vì nó có thể gây ra thương tích vĩnh viễn cho các dẫn thể cao hơn thể xác.

Một hậu quả thông thường của việc đánh thức nó quá sớm là nó lao xuống bên dưới cơ thể thay vì hướng lên trên, và do đó kích thích những đam mê xấu xa - kích thích và tăng cường ảnh hưởng của chúng đến độ nó trở thành một lực bất khả kháng, vì một mãnh lực đã được phát huy mà con người hầu như bất lực đối với nó, như một người bơi trước miệng con cá mập. Những người như vậy trở thành các con quái thú đồi trụy, dâm dăng, vì họ nằm trong sự kìm kẹp của một sức mạnh vượt quá sức phản

kháng của một người bình thường. Họ có thể đạt được vài năng lực phi thường, nhưng những lực này sẽ đưa họ đến tiếp xúc với loài tiến hoá thấp hơn mà nhân loại đã được dự định không nên có quan hệ, và để thoát khỏi sự kìm kẹp kinh khủng đó của nó, họ có thể phải cần nhiều hơn một kiếp đầu thai. Tôi không hề phóng đại sự khủng khiếp của việc này, giống như một người chỉ nghe qua tin đồn rồi vô tình thuật lại như vậy. Bản thân tôi đã từng được cổ vắn bởi những người mà số phận rùng rợn này đã giáng trên người họ, và tôi đã tận mắt chứng kiến những điều gì xảy ra với họ. Có một trường dạy học hắc ma thuật cố ý dùng mãnh lực ấy này để nhờ nó, họ có thể làm sống động lại các luân xa thấp hơn mà những người tuân theo Thiên Lý sẽ không bao giờ dùng.

Ngoài mỗi nguy hiểm lớn nhất của nó, sự mở nó ra quá sớm cũng đưa đến các tình huống khó chịu khác. Nó tăng cường mọi thứ trong bản chất của con người và dễ dàng ảnh hưởng tới những tính thấp hèn, xấu xa hơn là những tính tốt. Trong thể trí, chẳng hạn, tham vọng rất dễ được khơi dậy và rất nhanh tăng lên đến một mức khó tin. Rất có thể nó sẽ đem lại sự tăng cường mạnh mẽ về trí khôn, nhưng đồng thời nó sẽ tạo ra một lòng kiêu hãnh bất thường và xấu xa đến mức không thể tưởng tượng được đối với một người bình thường. Thật là đại đột nếu một người nào đó nghĩ rằng y đã sẵn sàng chuẩn bị để đương đầu với bất cứ lực gì nảy sinh trong người của y; đây không

phải là một lực bình thường mà là một cái gì đó không thể cưỡng lại được. Tốt nhất, ai thiếu sự hướng dẫn không nên thử đánh thức nó, và nếu nó bị tình cờ đánh thức trong một người nào đó, y nên lập tức tham khảo với một người nào có hiểu biết đầy đủ về vấn đề này.

Bạn có thể thấy rằng tôi đã đặc biệt cố ý tránh giải thích về phương pháp đánh thức nó hoặc nhắc đến trình tự mà lực này (khi được đánh thức) phải di chuyển qua các luân xa như thế nào, vì điều này không nên được cố thử ngoại trừ do chính sự đề nghị rõ ràng của một vị Chân Sư, Ngài sẽ chăm nom người đệ tử đó trong suốt các giai đoạn khác nhau của sự thực tập.

Tôi xin nghiêm túc cảnh cáo tất cả các học sinh không nên bỏ ra bất cứ nỗ lực nào để đánh thức các mãnh lực này ngoại trừ dưới sự hướng dẫn đủ tiêu chuẩn, vì bản thân tôi đã từng chứng kiến nhiều trường hợp của các hậu quả tai hại do sự thử nghiệm thiếu hiểu biết và thiếu sáng suốt về vấn đề rất nghiêm trọng này. Mãnh lực này là một thực tế vĩ đại, một trong các sự thật vĩ đại của tạo hoá và chắc chắn nó không phải là một thứ để đùa chơi hoặc dùng làm trò tiêu khiển, vì thử nghiệm nó mà không hiểu nó còn nguy hiểm hơn là việc một đứa trẻ đùa chơi với nitroglycerine. Như nó đã từng được tuyên bố trong *Hathayogapradipika*: “Nó mang lại sự giải thoát cho nhà yogis và gông cùm cho kẻ ngu ngốc.” (iii. 107)

Đối với các vấn đề này, các học sinh dường như hay nghĩ rằng họ sẽ là một trường hợp ngoại lệ với các định luật thiên nhiên, rằng một số can thiệp đặc biệt của ông trời sẽ cứu họ thoát khỏi các hậu quả của sự điên rồ của họ. Chắc chắn sẽ không có chuyện như vậy và một người phá phách gây ra một vụ nổ rất có thể có khả năng trở thành nạn nhân đầu tiên của nó. Thật sẽ đỡ được nhiều rắc rối và thất vọng nếu các học sinh có thể hiểu rằng trong mọi vấn đề liên quan đến huyền bí học, những gì chúng ta nói đều y như vậy theo nghĩa bóng lẫn nghĩa đen của nó, và nó có thể được áp dụng vào trong mọi trường hợp mà không có ngoại lệ, vì không có điều gì được là thiên vị trong việc vận hành các quy luật vĩ đại của vũ trụ.

Ai cũng đều muốn thử tất cả các thí nghiệm có thể thử, ai cũng đều tin rằng họ đã sẵn sàng cho bài học cao siêu nhất và bất cứ hình thức phát triển nào, và không ai chịu kiên nhẫn hoàn thiện bản thân mình và cống hiến hết thời gian và sức lực của mình cho lợi ích của công việc của Hội, chờ đợi các thứ này cho đến khi một Chân Sư tuyên bố rằng anh ấy đã sẵn sàng với chúng. Câu tục ngữ xưa vẫn đúng: “Trước hết, các người hãy đi tìm vương quốc và đức hạnh của Thượng Đế, và tất cả các thứ này sẽ được cung cấp cho các người.”

Có một số trường hợp luồng hỏa xà tự động thức tỉnh và một nhúm lửa mờ được cảm thấy; nó cũng có thể bắt đầu tự động di chuyển, mặc dù điều này rất

hiểm. Trong trường hợp sau, nó rất có thể gây ra đau đốn khủng khiếp vì đường đi chưa được chuẩn bị sẵn cho nó, nên nó sẽ phải dọn đường bằng cách đốt cháy rất nhiều căn bã dĩ thái - một quá trình không thể nào không gây ra đau đốn. Do đó, khi nó tự thức tỉnh hoặc vô tình bị đánh thức, nó thường cố gắng xông lên bên trên qua cột sống thay vì đi theo con đường xoắn ốc mà nhà huyền bí học được huấn luyện để hướng dẫn nó. Nếu có thể, phải dùng ý chí để ngăn chặn sự xông lên vội vã của nó, nhưng nếu việc này không thể thực hiện được (rất có thể là như vậy) thì cũng không cần phải lo lắng. Có thể nó sẽ xông lên qua đỉnh đầu và thoát ra ngoài bầu không khí ở chung quanh và có thể sẽ không gây ra tai hại gì ngoài việc bị suy nhược đi một chút. Ta phải hiểu rằng nó sẽ không gây ra điều gì xấu hơn ngoài sự bất tỉnh tạm thời mà thôi. Những nguy hiểm thực đáng sợ không liên quan đến sự xông lên của nó mà việc nó có thể quay xuống dưới và vào bên trong.

Nhiệm vụ chính của luồng hỏa xà liên hệ đến sự phát triển của các quyền năng tâm linh là khi nó đi qua các luân xa thể phách như được mô tả ở trên, nó làm sinh động các luân xa này và khiến chúng trở thành những cánh cổng thông thương giữa thể xác và thể vía. Trong *Tiếng Nói Vô Thình* có nói là khi luồng hỏa xà đi tới luân xa giữa chân mày thì nó làm cho luân xa này linh động hoàn toàn, ban cho con người khả năng nghe được tiếng nói của Chân Sư, trong

trường hợp này nghĩa là tiếng nói của linh hồn hay chân ngã. Nguyên do của câu nói này là khi vùng tuyến yên được đưa vào hoạt động, nó tạo ra một cầu nối hoàn hảo với thể vía nên xuyên qua nó mà tất cả mọi thông tin từ bên trên đều được tiếp nhận.

Không phải chỉ có luân xa này mà tất cả các luân xa khác cao hơn sẽ được nhanh chóng đánh thức, và mỗi luân xa sẽ có được khả năng đáp ứng với mọi ảnh hưởng đến từ mọi cảnh khác nhau của cõi trung giới. Sự phát triển này sẽ đến với tất cả mọi người theo đúng thời hạn; tuy nhiên, phần đông con người không thể đạt được nó trong kiếp đầu thai hiện tại nếu đây là lần đầu tiên họ bắt đầu nghiên cứu về các vấn đề này một cách nghiêm chỉnh. Một số người Ấn độ có thể thành công trong công việc này vì do di truyền, cơ thể họ dễ thích nghi hơn so với những người khác, nhưng đối với phần đông nhân loại, thực sự đây là công việc của cuộc tuần hoàn sau này. Sự chinh phục luồng hỏa xà phải được lập lại trong mỗi kiếp luân hồi vì mỗi lần đầu thai đều có các dẫn thể mới, nhưng sau một lần thành công thì các lần tập lại sẽ dễ dàng hơn. Cần nhớ rằng tác động của nó sẽ khác nhau với các loại người khác nhau: chẳng hạn, một số người sẽ nhìn thấy chân ngã thay vì nghe được tiếng nói của nó. Một lần nữa, sự liên hệ với các thể cao hơn có rất nhiều giai đoạn: đối với phàm ngã, nó có nghĩa là ảnh hưởng của linh hồn, nhưng đối với bản thân linh hồn, nó có nghĩa là sức mạnh của Chân thần, và đến lượt

Chân Thần, nó có nghĩa là sự phát triển để biểu lộ ý thức của Thượng Đế.

Nó có thể lợi ích nếu tôi nhắc đến kinh nghiệm của chính mình về vấn đề này. Cách đây hai mươi lăm năm ở Ấn độ, tôi không hề đưa ra một nỗ lực nào để đánh thức ngọn lửa - thực tế tôi không biết nhiều về nó và có ý nghĩ rằng, để làm bất cứ điều gì với nó, tôi cần phải được sinh ra với một cơ thể ngoại cảm đặc biệt mà tôi không sở hữu. Nhưng một ngày kia, một trong những vị Chân Sư đã đề nghị với tôi về một loại thiền có thể gọi lên sức mạnh này. Đương nhiên, tôi thực hành đề nghị này lập tức và theo đúng thời hạn đã thành công. Tuy nhiên, tôi chắc chắn rằng Ngài đã theo dõi sự tập luyện của tôi và sẽ ngăn chặn nếu nó trở nên nguy hiểm. Tôi được cho biết rằng có các vị thầy Ấn độ tu khổ hạnh dạy cho học sinh họ môn này, đương nhiên họ cũng phải giám sát học trò họ thật cẩn thận trong suốt quá trình này. Tuy bản thân tôi chưa biết ai như vậy, nhưng tôi cũng không thể tin tưởng được họ trừ phi họ được đặc biệt giới thiệu bởi một người nào đó mà tôi biết là thật sự có kiến thức.

Mọi người thường hỏi tôi có lời khuyên gì cho họ về việc khơi dậy mãnh lực này. Tôi khuyên họ hãy làm đúng theo như những gì bản thân tôi đã từng làm. Tôi đề nghị họ hãy lao mình vào công việc của Thông Thiên Học và chờ đợi cho đến khi nào nhận được một chỉ thị rõ ràng từ một vị Chân Sư nào đó, Ngài sẽ đảm

nhận việc giám sát quá trình phát triển quyền năng tâm linh của họ. Trong thời gian chờ đợi, họ hãy tiếp tục tập các môn thiền thông thường mà họ đã biết và ít nhất không nên quan tâm về việc khai triển này sẽ đến trong kiếp này hay kiếp sau. Hãy xem vấn đề này từ quan niệm của chân ngã chứ không phải phàm ngã, phải tin chắc chắn rằng các vị Chân Sư lúc nào cũng luôn theo dõi những người mà các Ngài có thể giúp đỡ và không một ai có thể bị bỏ rơi, rằng các Ngài chắc chắn sẽ đưa ra lời chỉ thị khi nghĩ rằng thời điểm chín mùi đã đến.

Tôi chưa từng nghe qua có bất cứ giới hạn gì về tuổi tác đối với sự phát triển này, và tôi không thấy tuổi tác có thể tạo ra sự khác biệt gì nếu người đó có sức khỏe tốt; nhưng sức khỏe là một điều cần thiết, vì chỉ có một cơ thể cường tráng mới có thể chịu đựng nổi sự căng thẳng mà ai chưa từng thử qua không có thể tưởng tượng được tầm quan trọng của nó.

Mãnh lực này khi được khơi dậy phải được kiểm soát rất chặt chẽ và nó phải được di chuyển qua các luân xa theo một thứ tự khác nhau tùy theo các mẫu người khác nhau. Để có hiệu quả, sự di chuyển này phải được thực hiện theo một đường lối nhất định mà Chân Sư sẽ giải thích khi thời điểm đã đến.

Như tôi đã nói, có một sự tương ứng rất chặt chẽ giữa các luân xa của thể vía và thể phách, nhưng giữa chúng và thâm nhập qua chúng, theo một cách khó diễn tả, là một cái vỏ làm bằng một lớp nguyên tử

hồng trần bị ép sát và thấm nhuần bởi một dạng đặc biệt của sinh lực. Sự sống thiêng liêng đi xuống từ thể vía đến thể xác được điều chỉnh để có thể đi xuyên qua lớp vỏ này một cách rất dễ dàng, nhưng nó lại là một rào cản tuyệt đối với các lực lượng khác - những lực mà không thể dùng chất liệu nguyên tử của cả hai cõi. Mạng lưới này là sự bảo vệ tự nhiên của thiên nhiên để ngăn chặn sự thông thương quá sớm giữa hai cõi, một sự phát triển chỉ có thể mang đến sự tổn thương.

Trong tình huống bình thường, chính mạng lưới này ngăn cản sự ký ức rõ ràng về những gì đã xảy ra trong lúc ngủ và nó cũng là nguyên nhân gây ra khoảng thời gian vô thức luôn xảy ra sau khi chết. Nếu không có sự sắp xếp nhân từ này, một người bình thường không biết gì về tất cả những thứ này và hoàn toàn chưa chuẩn bị để đối diện với chúng có thể trong bất cứ lúc nào cũng bị những thực thể ở cõi trung giới gây ra những áp lực vượt khỏi sức chịu đựng của y. Y sẽ luôn bị ám ảnh bởi bất cứ thực thể nào trên cõi trung giới muốn chiếm lấy các dẫn thể của y.

Do đó, thật dễ hiểu rằng bất kỳ một tai nạn nào xảy ra đối với mạng lưới này là một thảm họa nghiêm trọng. Có vài cách mà tai nạn này có thể xảy ra và chúng ta phải cố gắng hết sức ngăn ngừa nó. Nó có thể đến một cách tình cờ hoặc do các hành vi sai trái liên tục. Bất kỳ cú sốc lớn nào đối với thể vía, chẳng hạn như một sự sợ hãi khủng khiếp đột ngột, có thể

xé rách mạng lưới mỏng manh này và như người ta hay nói, khiến một người phát điên. (Dĩ nhiên cũng có những cách khác mà nỗi sợ hãi có thể dẫn đến sự điên loạn, nhưng đây là một trong những cách đó). Một cơn giận bùng phát dữ dội cũng có thể tạo ra một kết quả như vậy. Quả thật, bất kỳ một cảm xúc mãnh liệt nào thuộc về cá tánh xấu xa đều có thể tạo ra một sự bùng nổ trong thể vía.

Những hành vi sai trái có thể dần dần phá hỏng được mạng lưới bảo vệ này gồm hai hạng: (1) hạng sử dụng rượu hoặc ma túy và (2) hạng cố tình gắng sức mở tung cánh cửa mà tạo hoá đã giữ nó đóng kín bằng phương pháp được mô tả theo ngôn ngữ tâm linh học là “ngồi để phát triển.” Có những loại thuốc và thức uống, nhất là rượu và tất cả các thuốc nghiện bao gồm cả thuốc lá, có chứa những chất mà khi tan biến thành hơi, một số trong chất đó đi xuyên qua từ cõi trần đến cõi trung giới. (Ngay cả trà và cà phê cũng chứa chất này nhưng với số lượng rất nhỏ, chỉ khi sau một thời gian dài liên tục lạm dụng chúng mới gây ra hậu quả rõ ràng.)

Khi điều này xảy ra trong cơ thể con người thì những chất này lao qua các luân xa theo ngược hướng dự định của chúng, và khi việc này liên tục xảy ra, chúng sẽ làm tổn thương trầm trọng và cuối cùng phá huỷ mạng lưới tinh vi. Sự hư hỏng hoặc phá huỷ có thể xảy ra theo hai hình thức khác nhau, tùy theo loại người và tỷ lệ của các chất này trong thể phách và thể

vía của họ. Đầu tiên, sự tuôn tràn của những chất hơi bay ra thực sự đốt cháy mạng lưới và do đó mở cửa ra cho tất cả những các lực bất hảo và ảnh hưởng xấu đi qua.

Hậu quả thứ nhì là khi các chất dễ bay hơi này tràn qua làm cứng hạt nguyên tử theo một cách nào đó, sự rung động của nó phần lớn bị kìm hãm và tê liệt làm cho nó không còn có khả năng được làm linh động bởi loại lực đặc biệt hàn gắn nó vào mạng lưới. Hậu quả của điều này là mạng lưới bị hóa cốt (ossification), để thay vì có quá nhiều thứ có thể đi xuyên qua nó từ cõi này đến cõi kia, chúng ta lại có rất ít thứ có thể đi qua được nó.

Chúng ta có thể thấy được cả hai hậu quả của sự sa đọa này trong trường hợp của những con sâu nghiện rượu. Một số bị ảnh hưởng theo hậu quả thứ nhất sẽ bị rơi vào trạng thái mê sảng, ám ảnh và mất trí, nhưng đây là loại tương đối hiếm. Hậu quả thứ hai của sự sa đọa là thông thường hơn; trong trường hợp này, chúng ta có một kiểu chết dần mòn của các phẩm chất tốt đẹp trong con người dẫn đến một đời sống chủ nghĩa vật chất ghê tởm, tàn bạo và thú tính, mất đi mọi thứ tình cảm cao thượng và khả năng tự chủ. Con người đó không còn cảm thấy có trách nhiệm gì nữa; họ có thể yêu vợ con khi tỉnh táo, nhưng khi con say ập đến thì họ sẽ dùng số tiền lẽ ra phải mua bánh mì cho vợ con để thỏa mãn cơn thèm

khát thú tính của bản thân, còn tình thương và trách nhiệm thì dường như đã hoàn toàn biến mất.

Hậu quả thứ hai thường được thấy ở những người trở thành nô lệ của thói quen hút thuốc lá; cứ lần này qua lần khác, chúng ta thấy họ tiếp tục giữ thói quen buông thả bản thân, ngay cả khi họ biết rõ nó sẽ làm cho người chung quanh bị buồn nôn và khó chịu. Chúng ta sẽ nhận ra ngay sự sa sút khi chúng ta cho rằng đây là hành vi duy nhất mà một người đàn ông lịch sự vẫn cố chấp thi hành khi y biết rõ nó làm cho người khác rất khó chịu. Rõ ràng trong trường hợp này, những tình cảm tốt đẹp hơn đã trở nên chai cứng một cách nghiêm trọng.

Như tôi đã nói, tất cả những ấn tượng từ cõi này qua cõi khác đã được sắp xếp để chúng chỉ có thể đi qua được cảnh nguyên tử, nhưng khi quá trình chai cứng này xảy ra, nó không chỉ lây nhiễm các hạt nguyên tử mà luôn cả chất liệu của cảnh thứ nhì và cảnh thứ ba, nên sự liên lạc duy nhất giữa thể vía và thể phách là khi có một lực thật mạnh bạo nào đó tác động lên các cõi phụ thấp hơn (nơi mà chúng ta chỉ tìm thấy những ảnh hưởng khó chịu và xấu xa) để gây ra một sự hồi đáp.

Tuy nhiên, dù cho thiên nhiên có nhiều biện pháp phòng ngừa để bảo vệ các trung tâm này, nhưng nó không có nghĩa là lúc nào chúng cũng phải bị đóng kín. Có một phương pháp đúng đắn để mở được chúng. Có lẽ nên nói đúng hơn là ý định của tạo hoá

không phải là để cho các cánh cửa này được mở rộng hơn trong tình huống hiện tại, nhưng con người nên hoàn thiện bản thân để có thể đưa được nhiều thứ hơn qua con kênh đã được công nhận.

Tâm thức của một người bình thường chưa có thể sử dụng được chất liệu nguyên tử thuần túy trong thể xác hoặc thể vía, do đó bình thường y sẽ không có khả năng liên lạc một cách có ý thức giữa hai cõi. Phương pháp đúng đắn để đạt được điều này là phải thanh lọc cả hai dẫn thể cho đến khi chất liệu nguyên tử trong cả hai được hoàn toàn sống động, để mọi thông tin giữa hai bên có thể được truyền qua con đường đó. Trong trường hợp này, mạng lưới vẫn được giữ nguyên vẹn vị trí và hoạt động của nó ở mức tối đa, nhưng nó sẽ không còn là một rào cản của sự thông thương hoàn hảo; nó vẫn tiếp tục làm tròn nhiệm vụ ngăn ngừa sự tiếp xúc gần gũi giữa các cõi phụ thấp hơn, do đó ngăn cản tất cả những ảnh hưởng không ưa thích được truyền qua.

Đó là lý do tại sao chúng ta được khuyên nhủ phải nên chờ việc khai mở các quyền năng tâm linh cho đến khi chúng đến tự nhiên trong quá trình tiến hoá như là kết quả của việc đào tạo nhân cách, việc mà chúng ta thấy chắc chắn sẽ xảy ra trong khi nghiên cứu về các luân xa. Đó là sự tiến hoá tự nhiên, là cách thực sự an toàn duy nhất, vì như thế người học trò sẽ có được tất cả những lợi ích và tránh được mọi hiểm nguy. Đó là Con đường mà các Chân Sư của chúng

ta đã từng đi qua trong quá khứ, nên đó là Con đường cho chúng ta ngày nay.

ÂM ẢNH VÀ ĐIÊN LOẠN

Chúng ta phải phân biệt cẩn thận giữa sự ám ảnh (bị nhập) và điên loạn. Loại thứ hai là sự gián đoạn mối liên lạc giữa linh hồn và các dẫn thể của y, trong khi loại thứ nhất là sự trục xuất của linh hồn bởi một thực thể khác. Chỉ có một linh hồn yếu ớt mới cho phép bị ám ảnh - ý của tôi là, một linh hồn không biết nắm chắc các dẫn thể của y. Theo quy luật, các đứa trẻ không phải dễ bị nhập hơn người lớn, vì mặc dù việc nắm giữ các dẫn thể bởi linh hồn ít chặt chẽ hơn trong thời thơ ấu, nhưng cũng đúng là người lớn có nhiều khả năng sở hữu những phẩm tính dễ thu hút các thực thể khó ưa hơn và dễ bị ám ảnh hơn. Trong trường hợp của một đứa bé, bất kỳ thực thể nào cố gắng nhập vào cơ thể trước tiên phải đối diện với tinh linh phụ trách việc tạo ra nó, và y chắc chắn khó thành công xua đuổi nó. Sau bảy tuổi, khi tinh linh đã rút lui, việc ám ảnh có thể xảy ra nếu linh hồn còn quá yếu đuối; may mắn thay, điều này rất hiếm.

Sự ám ảnh có thể là vĩnh viễn hoặc tạm thời và nó được thực hiện bởi nhiều lý do khác nhau. Thông thường, khi một người chết nào đó vẫn còn đầy ắp

nổi lo âu nóng nảy muốn tiếp xúc lại với cõi trần, thường là để thoả mãn các dục vọng thấp hèn và thô thiển nhất, và trong sự khao khát tuyệt vọng đó, y sẽ chiếm lấy bất cứ dẫn thể nào mà y có thể trộm được. Mặt khác, đôi khi sự ám ảnh là một hành động trả thù rõ ràng và có tính toán, không phải lúc nào cũng đối với người bị ám ảnh. Tôi biết một trường hợp mà một người đàn ông vì thù hận người khác nên cố tình tìm cách điều khiển và ám ảnh con gái cưng của kẻ thù. Tôi còn biết một trường hợp khác tồi tệ hơn thế nữa. Đôi khi, thực thể ám ảnh không phải là con người mà chỉ là một tinh linh thiên nhiên ham muốn trải nghiệm đời sống thế nhân. Trong bất cứ và tất cả mọi trường hợp, nạn nhân cần phải kiên quyết chống lại sự ám ảnh.

Điên loạn là một vấn đề hoàn toàn khác biệt. Chúng ta hãy thử nhìn nó từ quan điểm huyền bí học. Mỗi một tế bào trong bộ não thể xác và mỗi phân tử của nó đều có chất liệu tương xứng của cõi trung giới thâm nhập vào nó, và phía sau (hay đúng hơn là bên trong) còn có chất liệu tinh vi hơn của cõi trí. Dĩ nhiên bộ não là một khối lập phương, nhưng đối với mục đích khảo cứu của chúng ta, hãy giả sử rằng nếu nó có thể được trải ra trên bề mặt, nó chỉ dày bằng một phân tử. Sau đó, chúng ta hãy giả dụ thêm rằng chất liệu thể vĩa và thể trí thuộc về nó cũng có thể được trải ra thành từng lớp tương tự như vậy, lớp của thể

vía nằm trên thể xác một chút và thể trí nằm ở trên thể vía.

Do đó, chúng ta sẽ có ba lớp chất liệu khác nhau về mật độ và tất cả đều tương ứng với nhau. Hiện tại, hãy giả sử rằng mỗi một phân tử của chất liệu cõi trần được kết nối với phân tử tương ứng với nó ở cõi trung giới bằng một cái ống nhỏ, và mỗi một phân tử trung giới được kết nối với phân tử tương ứng ở cõi trí cũng theo cách tương tự như vậy, và thậm chí ngay cả (cao hơn nữa) mỗi phân tử cõi trí cũng có một phần gì đó trong nhân thể tương ứng với nó. Miễn sao các ống nhỏ này nằm thẳng hàng với nhau một cách hoàn chỉnh thì sẽ có sự liên lạc rõ ràng giữa linh hồn và bộ não thể xác của y, nhưng nếu bất kỳ một ống nhỏ nào trong bộ ống này bị bẻ cong, đóng lại, hay bị hắt qua một bên, đương nhiên sự liên lạc có thể sẽ bị gián đoạn toàn phần hoặc một phần.

Do đó, từ quan điểm huyền bí học, chúng ta có thể chia sự điên loạn thành bốn loại chính (mỗi loại dĩ nhiên có nhiều loại phụ) như dưới đây:

(1) Những người bị điên loạn chỉ vì do một khuyết điểm trong bộ não đậm đặc thể xác: chẳng hạn, do từ kích thước không đầy đủ của nó, hoặc do một tai nạn như một cú đánh nặng, hoặc một khối u gây ra áp lực lên nó, hoặc từ việc mô não bị mềm dần.

(2) Những người mà khuyết điểm nằm ở trong phần dĩ thái của bộ não, cho nên những phân tử của nó không còn tương ứng hoàn hảo với các phân tử

đậm đặc hơn của bộ não thể xác và vì thế không thể mang xuống các rung động từ các dẫn thể cao hơn một cách hoàn chỉnh.

(3) Những người bị khuyết điểm trong thể vía thay vì thể phách; trong trường hợp này, các ống dẫn bị uốn cong nên cần có sự điều chỉnh thẳng lại các hạt phân tử của nó với các hạt phân tử của các dẫn thể trên hoặc dưới nó.

(4) Những người bị hư hỏng thể trí một cách nào đó, và do đó không thể mang xuống những chỉ thị hoặc ước muốn của linh hồn.

Người điên loạn thuộc về loại nào thật là rất quan trọng. Những người thuộc về loại thứ nhất và loại thứ nhì hoàn toàn có ý thức khi họ xuất hồn khỏi thể xác lúc đi ngủ, và dĩ nhiên cũng như vậy sau khi chết, cho nên linh hồn chỉ mất đi sự biểu hiện của y lúc tỉnh thức tại cõi trần. Những người thuộc hạng thứ ba không thể phục hồi được cho đến khi họ đến thể giới thiên đàng, và hạng thứ tư không phục hồi được cho đến khi họ trở về lại trong nhân thể; cho nên đối với hạng cuối cùng, kiếp đầu thai này là một thất bại. Nhưng may mắn thay, hơn chín mươi phần trăm của kẻ điên loạn thuộc về hạng đầu tiên và hạng thứ nhì.

Có ba câu hỏi được đặt ra cho chủ đề đáng ghê sợ của sự ám ảnh và tôi sẽ lần lượt trả lời chúng. Câu hỏi đầu tiên là: “Cách nào là cách tốt nhất để xua đuổi một vong linh ngoan cố muốn chiếm giữ cơ thể của một người khác?”

Đơn giản là tôi sẽ kiên quyết không cho phép bị ám ảnh (bị nhập). Giải pháp tốt nhất và nhân từ nhất chính là giải thích với vong linh, tìm hiểu xem y muốn gì và tại sao y lại ngoan cố kiên trì như vậy. Rất có thể, y là một linh hồn ngu dại nào đó, hoàn toàn không hiểu gì về môi trường mới lạ chung quanh nên y cố gắng điên rồ tiếp xúc lại với kiểu sống duy nhất mà y quen thuộc. Trong trường hợp đó, nếu các vấn đề này được giải thích thỏa đáng, tâm trí y có thể được an vui hơn và khiến y ngừng lại các nỗ lực làm đường của mình. Hoặc có thể kẻ tội nghiệp đó có một chuyện gì đó trong tâm trí của y - một trách nhiệm nào đó chưa được hoàn thành hoặc một oan ức cần được giải quyết; nếu là như thế và vấn đề đó có thể được thu xếp ổn thỏa theo ý muốn, y có thể tìm thấy được sự bình an của tâm hồn.

Tuy nhiên, nếu y là người ngoan cố không chịu nghe theo lẽ phải, nếu y vẫn không chịu từ bỏ hành động đáng trách của mình bất chấp mọi lý lẽ và giải thích, bạn phải nhẹ nhàng nhưng cương quyết chống lại y. Mỗi một người đều có quyền bất khả xâm phạm được sử dụng dẫn thể của mình, và những sự vi phạm như vậy không nên được cho phép. Nếu người chủ hợp pháp của cơ thể đó có lòng tự tin quả quyết và biết dùng sức mạnh của ý chí, không cứ thực thể nào có thể ám ảnh được y.

Khi các sự kiện như vậy xảy ra, hầu hết là do nạn nhân đã tự nhượng bộ ngay từ đầu trước hành động

xâm lược và do đó, bước đầu tiên của nạn nhân là phải đảo ngược lại hành động phục tùng đó, quyết tâm mạnh mẽ lấy lại quyền kiểm soát trong tay và làm chủ lại tài sản của mình. Chính sự xác định lại bản thân là điều kiện cơ bản, và mặc dù các người bạn thông minh của y có thể giúp đỡ cho y rất nhiều, nhưng họ không thể làm điều gì để có thể thay thế cho việc phát triển sức mạnh của ý chí từ phía nạn nhân hoặc loại bỏ được sự cần thiết đó. Chính xác phương pháp nào có thể được áp dụng sẽ khác nhau tùy theo chi tiết của từng trường hợp.

Câu hỏi thứ hai được đặt ra như sau: “ Tôi thường hay bị quấy rầy bởi các thực thể luôn luôn gợi ý xấu và dùng những ngôn ngữ thô lỗ và hung bạo. Họ lúc nào cũng thúc dục tôi uống rượu mạnh và ăn thật nhiều thịt. Tôi đã từng cầu nguyện tha thiết nhưng vẫn không có hiệu quả gì, và tôi đã bị dồn đến đường cùng. Tôi có thể làm gì?”

Quả thật bạn đã đau khổ rất nhiều, nhưng bây giờ bạn phải đưa ra quyết tâm không chịu đau khổ nữa. Bạn phải có can đảm đứng lên giữ vững lập trường của mình. Sức mạnh của vong linh chỉ dựa vào sự sợ hãi của bạn đối với họ. Bạn chỉ cần biết rằng ý chí của chính bạn mạnh hơn tất cả ý chí của bọn họ cộng lại; nếu bạn chống lại họ với cả sức mạnh và quyết tâm, họ phải nhượng bộ cho bạn. Bạn có quyền bất khả xâm phạm trong việc sử dụng các dẫn thể của bạn một cách bình yên, và bạn phải cương quyết đòi được

yên ổn. Bạn phải nhất định không cho phép các sinh vật bản thú và ghê tởm vào căn nhà của bạn ở cõi Trần; tại sao bạn lại chịu khuất phục nó bởi vì thực thể này thuộc về cõi trung giới? Nếu một người biếng nhát đi lang thang tự xông vào nhà của một người khác, người chủ sẽ không quỳ xuống và cầu xin - ông ta sẽ đuổi người đó ra ngoài, và đó chính là điều mà bạn phải làm với những tên lang thang ở cõi trung giới.

Chắc chắn khi tôi nói với bạn những lời khuyên này, bạn sẽ tự nhủ tôi không biết gì về quyền lực khủng khiếp của các con quỷ đặc biệt đang làm khổ bạn. Đó chính là điều mà chúng muốn bạn tin, là việc mà chúng sẽ cố gắng làm cho bạn tin, nhưng đừng đại dốt nghe chúng. Tôi biết loại này rất rõ ràng, chúng là những tên thủ phạm xấu xa, đáng ghét, và hay bắt nạt; chúng sẽ giày vò một người đàn bà yếu ớt một vài tháng nhưng sẽ hèn nhát bay đi mất trong nỗi kinh hoàng sợ sệt khi bị bạn trở mặt với chúng trong cơn thịnh nộ bất bình! Tôi chỉ sẽ cười vào mặt chúng, nhưng tôi sẽ đuổi chúng đi và không thêm tổn thì giờ thương lượng với chúng. Dĩ nhiên chúng sẽ tức tối la ó và chống cự bởi vì bạn đã cho phép chúng được như ý quá lâu rồi, cho nên chúng không chịu bị trục xuất dễ dàng như vậy; nhưng hãy đối mặt với chúng với lòng quyết tâm sắt đá, hãy dùng ý chí của bạn như một tảng đá bất động chống lại chúng, và chúng sẽ chịu lép vế. Hãy nói với chúng rằng: “Ta là

một điểm linh quang của ngọn lửa thiêng, và với quyền lực của vị Thượng Đế trong ta, ta ra lệnh cho các người hãy đi ra!” Đừng bao giờ để cho bản thân bạn nghĩ rằng, dù trong một khắc, bạn có thể bị thất bại hoặc phải nhượng bộ: Thượng Đế ở trong bạn và Ngài không thể bị thất bại.

Việc chúng đòi ăn thịt chúng tỏ rằng chúng là những thực thể thấp kém và thô bỉ; bạn nên tránh các loại thịt sống và rượu bởi vì các thứ này phục vụ cho các thực thể xấu ác và làm cho bạn khó có thể phản kháng chúng hơn.

Câu hỏi thứ ba là: “Nếu một người đàn ông có thể bị ám ảnh khi tạm thời mất đi sự kiểm soát của cơ thể y trong một cơn nóng giận, vậy khi một người đi ngủ và xuất ra khỏi cơ thể, người ấy cũng có thể bị ám ảnh hay không?”

Tôi xin trả lời rằng hai tình huống này là hoàn toàn khác nhau. Ngủ là một sự kiện tự nhiên, và mặc dù linh hồn rời khỏi cơ thể, y luôn giữ một mối liên hệ chặt chẽ với nó nên trong hoàn cảnh bình thường, y sẽ nhanh chóng được gọi về bởi bất kỳ một nỗ lực nào định xâm chiếm nó. Có những trường hợp cá nhân mà linh hồn khó được gọi quay về, và một loại ám ảnh tạm thời có thể gây ra trạng thái mộng du, nhưng các trường hợp này là bất thường và tương đối hiếm. Mặt khác, cơn giận dữ là một điều bất bình thường, một sự vi phạm các quy luật tự nhiên cai quản sự sống của chúng ta. Trong trường hợp này,

thể vía đã thoát khỏi sự kiểm soát; tinh linh cảm dục đã nổi dậy chống lại chủ nhân của nó và thoát khỏi sự kiểm soát của linh hồn được thực hiện qua thể trí, cách duy nhất giữ cho y an toàn như là một thành phần của cơ chế thể vía. Khi người chủ hợp pháp bị lật đổ, thể vía bị rơi vào tình trạng của một chiếc thuyền mà tay lái bị bỏ trống; bất kỳ người nào ở gần đó có thể nắm lấy tay lái này, và để lấy lại thể vía là một việc rất khó khăn.

GIÁC NGỦ

Tôi được hỏi nguyên nhân thật sự của giấc ngủ là gì.

Tôi không có đủ kiến thức cần thiết về chi tiết sinh lý học để trả lời câu hỏi này một cách đầy đủ. Nhưng tôi biết rằng giấc ngủ lúc nào cũng là cần thiết vì các dẫn thể trở nên mệt mỏi với nhau. Như chúng ta biết, thực tế thể vía không biết mệt ở cõi của nó vì nó có thể làm việc không ngừng nghỉ trong hai mươi năm mà không có dấu hiệu này, nhưng nó lại nhanh chóng bị mệt mỏi bởi vì công việc nặng nề phải di chuyển các phân tử của bộ não thể xác và cần có một thời gian cách ly khá lâu để nó có thể hồi phục lại năng lực để tiếp tục làm nhiệm vụ khó khăn này.

Về phía thể xác, nó cũng trở nên mòn mỏi bởi vì khi nó ở trong tình trạng tỉnh thức thì nó luôn tiêu hao

năng lượng nhanh hơn một chút so với khả năng tiếp thu của nó. Với mỗi một tư tưởng hay một cảm giác, hay với mỗi nỗ lực của cơ bắp, có các thay đổi hoá học vi tế xảy ra. Trong lúc đó, bộ máy của một cơ thể khỏe mạnh thông thường lại luôn hoạt động để chống lại sự thay đổi này và phục hồi lại trạng thái trước đó, nhưng nó không bao giờ hoàn toàn thành công trong công việc này. Vì vậy, mỗi tư tưởng hay hành động đều tạo ra một tổn thất nhỏ gần như không thể được nhận ra, và kết quả cuối cùng của nó là một sự tích lũy về tổn thất của năng lượng khiến thể xác kiệt sức không thể suy nghĩ hay làm việc tiếp tục. Trong một vài trường hợp, ngay cả một giấc ngủ ngắn cũng đủ làm phục hồi lại các năng lượng, bù vào những chỗ bị thiếu sót, do đó hồi phục lại sự cân bằng đủ để bộ máy thể xác tiếp tục hoạt động.

Các học sinh thường hay hỏi giờ nào là tốt nhất để đi ngủ. Quy luật của tạo hoá đã xác định ban ngày là để làm việc và ban đêm là để nghỉ ngơi, và bất cứ sự vi phạm nào về quy luật tự nhiên này sẽ không tốt. Một trong những tệ nạn xấu xa nhất của đời sống văn minh phản tự nhiên là buổi trưa không còn là trung điểm của một ngày, như nó phải là. Nếu một người đàn ông sống một mình và có thể làm chủ được các công ăn, việc làm của y, chắc chắn y sẽ quay lại với cái mà một thời đã từng là trạng thái tự nhiên; tuy nhiên, chúng ta bị vây quanh bởi cái gọi là một nền văn minh hùng mạnh, với nhiều thứ bị bóp méo và

phản tự nhiên, nên chúng ta không thể tuân theo xu hướng cá nhân tự nhiên của chúng ta về mặt này, và ở một mức nào đó, phải tự thích nghi với phong tục chung cho dù nó là không tốt.

Chúng ta không thể nào đặt ra một quy luật về số giờ ngủ cần thiết cho loài người bởi vì họ có quá nhiều sự khác biệt với nhau về thể chất; tuy nhiên, nếu có thể được thì một người nên đi ngủ từ 8 PM đến 5 AM. Có vài người cần hết khoảng thời gian đó, trong khi những người khác có thể vẫn giữ được cơ thể cường tráng với số lượng nhỏ hơn. Mỗi người phải tự quyết định những chi tiết như vậy trong đời sống của mình tùy theo hoàn cảnh của họ.

Mọi người thường hỏi rằng liệu họ có cách nào để có thể kiểm soát được giấc chiêm bao của mình. Người nằm chiêm bao thường không thể thay đổi được chiều hướng của giấc mơ khi nó đang diễn ra, nhưng họ có thể gián tiếp kiểm soát được đời sống trong giấc mơ đến một mức đáng kể. Lúc thức, nếu tư tưởng của họ là hoàn toàn trong sáng và cao cả, giấc mơ của họ cũng sẽ trong sáng và tốt đẹp như vậy, và một điều đặc biệt quan trọng là tư tưởng cuối cùng của họ khi chìm vào giấc ngủ phải cao cả và thoát tục vì nó sẽ giống lên một chủ âm quyết định phần lớn bản chất của giấc chiêm bao đi sau. Một ý nghĩ xấu xa hoặc không trong sáng sẽ thu hút các ảnh hưởng xấu xa và không thuần khiết chung quanh người suy nghĩ, lôi kéo tất cả các sinh vật thô鄙 và ghê tởm đến

gần họ. Đến lượt chúng, những ý nghĩ này cũng sẽ tác động lên thể trí và thể vía của họ, làm xáo trộn sự nghỉ ngơi của họ bằng cách đánh thức các ham muốn thể tục thấp hơn. Mặt khác, nếu một người đi qua công giấc mơ với tâm trí tập trung vào những điều cao cả và thánh thiện, y sẽ thu hút quanh mình các loài tinh linh được tạo ra bởi các nỗ lực thánh thiện như vậy ở những người khác; y sẽ an nghỉ bình yên, tâm trí của y cởi mở đối với các ấn tượng từ bên cõi trên và khép kín lại với các ấn tượng từ bên dưới bởi vì y đã dẫn dắt nó hoạt động theo đúng phương hướng.

Giấc mơ về những việc bình thường không gây trở ngại cho công việc ở cõi trung giới bởi vì giấc chiêm bao đó chỉ diễn ra trong bộ não xác thịt, trong khi con người thật đang làm các công việc khác ở xa. Dĩ nhiên, nếu khi xuất thần để hoạt động trong thể vía, người đó dành hết tâm trí để nghiên ngẫm về các sự kiện trong đời sống phàm tục của mình, trong khoảng thời gian suy tư đó y sẽ không thể làm được bất kỳ công việc gì khác, nhưng đó là một điều hoàn toàn khác biệt với giấc chiêm bao bình thường của bộ não thể xác, mặc dù khi người đó thức dậy vào buổi sáng, y khó có thể phân biệt được giữa hai bộ hồi ức. Bộ não thể xác làm gì thật ra không quan trọng, miễn sao y giữ cho nó không có các ý nghĩ không trong sáng, nhưng thật đáng tiếc vì y đã lãng phí thời gian

cho tư duy về bản thân mình trong khi y có thể làm việc ở cõi trung giới.

MỘNG DU

Các bạn hỏi nguyên do gây ra mộng du. Tôi chưa bao giờ có cơ hội quan sát một trường hợp mộng du nên tôi không thể phát biểu về vấn đề này từ một kinh nghiệm trực tiếp; tuy nhiên, tôi đã đọc qua các bản tường thuật về các trường hợp như vậy và có thể mừng tượng được một số nguyên nhân khác nhau có thể gây ra hiện tượng này. Có những trường hợp mà dường như linh hồn có thể hoạt động hiệu quả hơn trên thể xác khi các dẫn thể trung gian (như thể vía và thể trí) bị vắng mặt, những lúc mà con người khi ngủ lại có khả năng làm thơ hoặc vẽ tranh vượt xa khả năng bình thường của họ khi tỉnh táo.

Có những trường hợp khác mà hiển nhiên đã có sẵn một ý thức lơ mơ hoạt động trong thể xác ngoài sự kiểm soát của chính người đó, nên nó có thể làm ra những hành vi khá vô nghĩa hay ở một mức nào đó, thực hiện các ý tưởng mạnh nhất trong đầu óc trước khi đi ngủ. Đây là các mẫu chuyện của những người hầu dậy vào nửa đêm để châm mỗi lửa, hoặc những mã phu đeo dây nịt cho ngựa trong khi ngủ, v.v....

Lại nữa, có những trường hợp một vài trí tuệ bên ngoài, còn sống hay đã chết, nắm bắt được cơ thể của một người đang ngủ và sử dụng nó cho mục đích riêng tư của họ. Việc này có khả năng xảy ra nhiều nhất với người được gọi là đồng bóng, hay nói cách khác, một người mà các nguyên tố (các thể) của họ dính kết với nhau lỏng lẻo hơn người bình thường và do đó dễ được tách ra hơn; tuy nhiên, kỳ lạ thay, dường như cũng có một loại mộng du do một điều kiện hoàn toàn ngược lại gây ra, khi các nguyên tố lại dính vào nhau chặt chẽ hơn bình thường để khi người đó tự nhiên đến thăm một điểm lân cận nào đó trong thể vía của mình, y sẽ mang luôn theo thể xác bởi vì y chưa hoàn toàn tách rời khỏi nó. Mộng du có lẽ cũng có liên quan đến toàn bộ vấn đề phức tạp của các lớp tâm thức khác nhau trong con người mà trong hoàn cảnh bình thường, chúng vốn không thể tự biểu lộ.

THỂ XÁC

Một thể xác trường tồn bất tử là một điều không thể xảy ra vì một cái gì bắt đầu phải có một sự kết thúc, và sanh, lão, bệnh, tử là quy luật của cõi trần. Không một thực thể hợp lý nào lại muốn giữ mãi một cơ thể duy nhất, giống như một đứa bé chỉ muốn mặc một bộ quần áo suốt đời. Khi con người tiến hoá, các

dẫn thể tiếp theo sẽ trở nên trong sáng và tốt đẹp hơn, và nó sẽ thích hợp hơn với yêu cầu ngày càng gia tăng về khả năng của y, nên dù một người có thể giữ được một hình thể y như cũ thì y cũng phải kiềm chế sự phát triển của mình, giống như sự phát triển của một đứa trẻ sẽ bị cản trở nếu nó phải luôn mặc một bộ đồ cứng như sắt, quá chật đối với nó.

Đồng thời, chúng ta có trách nhiệm phải chăm sóc cơ thể của chúng ta và giúp nó phát triển cho thật tốt. Đừng bao giờ ngược đãi nó. Hãy chăm sóc nó như bạn chăm lo cho một con ngựa quý, cho nó nghỉ ngơi và ăn uống đầy đủ và giữ cho nó thật sạch sẽ. Nó chỉ có thể làm một số công việc nhất định; thí dụ, một cơ thể cường tráng có thể đi bộ một trăm cây số không ngừng nghỉ, nhưng nó không thể đi bộ một ngàn cây số. Khi ngồi thiền, hãy cho nó ngồi trong một tư thế thật thoải mái và rồi quên nó đi. Bạn không thể bỏ quên nó nếu nó bị khó chịu, vì nó sẽ luôn nhắc nhở bạn.

Bạn nên ăn gì? Thật ra, miễn là bạn tránh rượu và thịt thì vấn đề này không quan trọng lắm. Một số loại rau có thô hơn các loại khác và vì vậy khi có thể, tốt nhất nên kiêng cử chúng. Những loại này gồm có hành, nấm và rau bắp cải. Gạo là một thứ đồ ăn thuần khiết nhất, nhưng lúa mì, lúa mạch, và yến mạch lại cung cấp nhiều chất bổ hơn trong cùng một số lượng. Tôi cho rằng trứng là không tốt, mặc dù tôi sẽ không

ngăn ngại dùng nó nếu không còn một thực phẩm nào khác.

Không ai có thắc mắc gì về việc ăn chay tốt hơn ăn thịt về mọi mặt. Nó cung cấp nhiều dinh dưỡng hơn, giảm thiểu khả năng bệnh tật, tăng cường sức mạnh, và không khơi dậy những bản chất thấp hèn. Chế độ ăn chay giúp cho con người dễ phát triển các phẩm chất cao quý hơn. Ta biết rằng các Chân Sư của chúng ta giữ được thể xác sống lâu hơn người bình thường bởi vì các Ngài lúc nào cũng sống thuận theo các quy luật vệ sinh và không hề có lo âu. Về mặt đó, chúng ta nên cố gắng bắt chước họ càng nhiều càng tốt, nhưng để cố gắng giữ một cơ thể trường sinh bất tử lúc nào là một dấu ấn của những người theo con đường ích kỷ.

Có rất nhiều phương pháp ghê tởm khác nhau mà con người có thể kéo dài mạng sống, đôi khi bằng cách ma-cà-rông (rút sinh lực của người khác) và đôi khi bằng cách tự liên tục chuyển cho mình mạng sống của nhiều người khác nhau. Tuy nhiên, các nhà Thông Thiên Học hầu như không cần phải được nhắc nhở đề phòng các phương pháp thuộc bản chất này. Rõ ràng một người áp dụng đường lối này sẽ là một người không có tiến bộ; ngay cả y có thành công đi nữa, nó chỉ giống như là y vá lại và nói to ra một chiếc áo đã cũ, nhưng bất kể mọi nỗ lực của y, nó vẫn chỉ là một chiếc áo cũ mềm.

THUỐC LÁ VÀ RƯỢU

Hậu quả xấu xa của thói nghiện thuốc lá rất rõ ràng trong thể xác, thể vía, và thể trí. Nó thẩm vào cơ thể con người với các phân tử cực kỳ dơ bẩn, gây ra những xuất tiết nặng trịch đến nỗi chúng thường có thể được cảm nhận bằng khứu giác. Về mặt thể vía, nó không chỉ làm cho thể vía ô uế mà còn có khuynh hướng làm giảm đi rất nhiều rung động, và vì nguyên nhân này, nó thường được khám phá là nó “làm bớt căng thẳng,” như người ta hay nói. Nhưng đương nhiên, để phát triển các khả năng huyền bí, chúng ta không muốn các rung động bị giảm đi hoặc thể vía bị nặng trịch bởi các phân tử hôi hám và độc hại. Chúng ta cần phải có khả năng đáp ứng tức thời với mọi rung động có thể xảy ra và đồng thời phải có được khả năng tự chủ hoàn toàn, để các ham muốn này sẽ như các con ngựa được điều khiển bởi một trí tuệ thông thái, đưa chúng ta đến những nơi mà chúng ta muốn, chứ không phải để chúng chạy hoang và đưa chúng ta vào những tình huống mà chân ngã của chúng ta biết rằng nó không bao giờ nên rơi vào. Vì vậy, đối với những ai rất tha thiết muốn phát triển các dẫn thể của mình, thuốc lá chắc chắn là một điều tồi tệ.

Ngoài ra, nó cũng có một ảnh hưởng đặc biệt xấu xa trên con người ở cõi trần. Cho đến nay, tôi biết nó

là thứ duy nhất mà một người tử tế cố tình vi phạm mặc dù y biết rõ nó gây khó chịu cho người khác. Tuy nhiên, vì thói quen độc hại này kìm kẹp nô lệ của nó chặt đến nỗi họ không thể nào cưỡng lại được, tất cả những bản năng lịch sự của họ đều bị lãng quên trong sự ích kỷ điên cuồng và ghê tởm này. Tác động của nó trên thể vía sau khi chết cũng rất tệ; con người như bị biệt giam trong một thời gian rất lâu như ở trong tù, và các rung động thanh nhẹ hơn không thể nào đến được với y.

Phản đối chính về các nhận xét trên thường được nêu ra bởi nhà Thông Thiên Học còn thích lạm dụng là chính Bà Blavatsky, người sáng lập vĩ đại của chúng tôi, đã hút thuốc lá. Tôi biết điều này là đúng, nhưng ít nhất nó không làm thay đổi được các sự kiện mà tôi đã nêu ra ở trên, điều mà tôi biết một cách chắc chắn từ sự quan sát trực tiếp liên tục trong một thời gian dài. Về mọi mặt, Bà Blavatsky đều là độc nhất vô nhị, rõ ràng là một trường hợp đặc biệt, nên tôi không nghĩ rằng nó hợp lý để cho rằng chúng ta có thể làm những gì bà ấy đã làm một cách an toàn. Tôi thường nghe Bà ấy nói: “Không ai ngoài Sư phụ của tôi có thể hiểu được trường hợp của tôi; hãy làm những gì mà tôi nói với bạn, không phải những gì tôi đang làm.” Ngoài ra, có lần Bà ấy nói với tôi rằng Bà không ngừng hút thuốc lá "để làm dịu lại các rung động của cơ thể già nua này và để ngăn cho nó đừng tự rụng vỡ ra thành từng mảnh." Các ảnh hưởng của

thuốc lá ở cõi trần khi còn sống và trên thể vía sau khi chết là chính xác như tôi đã mô tả, và dường như chúng không đáng cho chúng ta phải đau đớn chỉ vì một sự ham mê nhỏ nhặt.

Tôi nghĩ rằng các nhận xét của Bà Besant về rượu trong quyển *Con Người và các Dẫn Thể* là hoàn toàn chính xác. Từ quan điểm của thể vía và thể trí, việc uống rượu chắc chắn lúc nào là một điều xấu và tất cả các thực thể đáng ghê tởm cũng chắc chắn bị thu hút bởi nó. Dĩ nhiên, nhiều người đáng kính về các phương diện khác có một số thói quen thật sự khó chịu như uống rượu, ăn, hoặc hút thuốc lá, nhưng trên thực tế, dù họ là những người tốt đi nữa, nó cũng không làm cho các điều này trở nên tốt và hợp lý. Đương nhiên, bất cứ thứ gì trong số các thứ này đều không phải là nhu cầu cần thiết cho cơ thể, nhưng một người có thể tập cho cơ thể mình quen dần với bất cứ loại thuốc gì được dùng cho đến khi cơ thể sẽ nhớ và đòi hỏi nó khi không có được nó. Chúng ta biết rất rõ một thói quen như vậy có thể được thiết lập với thuốc phiện và thạch tín, nhưng nó không làm cho thuốc phiện và thạch tín trở thành những thứ tốt để dùng. Dù sao đi nữa, để cố gắng tranh luận với bất cứ người nào về thói quen cá nhân của họ nói chung thường là vô ích; y đã quen cương quyết dính vào các thói quen như vậy bởi vì y thích chúng, và ít khi y quan tâm đến việc chúng có tốt hay không, hoặc thậm chí chúng có tốt cho y hay không.

Bạn hỏi ý kiến của tôi về quy định bán rượu. Ở tất cả các nước văn minh, một số quy luật về việc bán thuốc độc được thực hiện và chúng chỉ được cung cấp khi có toa bác sĩ. Chất độc của rượu gây hại gấp ngàn lần hơn mọi chất độc khác hợp lại, vì vậy, chắc chắn các quy định bán rượu cũng phải nên nghiêm ngặt không kém.

Đúng là mỗi người sẽ phải phát triển khả năng tự chủ, nhưng tôi thật sự không thấy điều này có ảnh hưởng gì đến thái độ của chúng ta đối với việc lập pháp. Chắc chắn bạn sẽ không đề nghị rằng để dạy cho mọi người không trộm cắp, chúng ta nên đặt ở mọi góc phố những cám dỗ đặc biệt trên đường để khiến họ ăn cắp, rồi sau đó chỉ đứng yên bên cạnh không can thiệp để xem liệu họ có phát huy đủ sức mạnh để chống lại các cám dỗ đó hay không.

Tuy nhiên, đây chính là điều đang được thực hiện với việc tiêu thụ rượu. Chúng ta cho phép, khuyến khích, và đặc biệt cấp giấy phép cho một số người trưng bày rượu thật hấp dẫn trên đường phố với mục tiêu dụ dỗ càng nhiều người càng tốt để họ tự sa đọa trong việc chuyên dùng thứ độc tố này. Nếu nhân loại cuối cùng phát triển xa đến mức tự có một lương tâm nào đó đối với các huynh đệ yếu hơn, dường như khuyến khích sự tiến bộ của họ tốt hơn là theo về phe chống lại. Nếu chúng ta cảm thấy việc chăm sóc và giúp đỡ người mất trí là đúng, thậm chí đến mức phải giam họ lại để tốt cho họ và cho công

chúng, chắc chắn nó cũng tốt nếu chúng ta điều trị nạn nhân của loại bệnh điên rồ khủng khiếp được gọi là say rượu theo cách y như vậy. Nhưng đừng quên rằng Hội Thông Thiên Học không tham dự vào bất kỳ phong trào chính trị nào, mặc dù dĩ nhiên là các thành viên, với tư cách cá nhân, có quyền tự do lựa chọn theo bất cứ phe đảng nào họ thích về các vấn đề chính trị.

*

Xin xem tiếp
“ĐỜI SỐNG NỘI TÂM”
Quyển II